

Tác Giả và Tác Phẩm

K.Đ. (tập II)

Tiểu sử

Hiện sống tại Việt Nam.

Tác phẩm

Những tháng năm cuồng nộ.



Mục Lục

Tôi đọc Những Tháng Năm Cuồng Nộ của K.Đ - Đỗ Xuân Tê - 2

Tiếng cười đoàn viên – 4

Trong suốt như khí trời – 10 (Hay)

Điên như Kiệt Tấn – 14

Phụ đính :

Những tháng năm cuồng nộ

NEW

Đề tang cho sách - 82

Về nhà văn Khuất Đầu - 86

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Tôi đọc Những Tháng Năm Cuồng Nộ của K.Đ * Đỗ Xuân Tê

Đọc một tác phẩm chưa in thành sách của một tác giả có bút hiệu nhưng không viết cho đầy chữ mà lại viết tắt, vô hình chung người viết muốn dấu tên, dấu xuất xứ của mình. Cũng may là không gian của cốt truyện có nơi chốn, thời gian của tác phẩm có tháng năm, tuy khó đoán tên nhưng dễ dàng đoán tuổi vì gần như tác giả sống đồng thời với khung thời gian dành cho nhân vật chính trong truyện.

Những Tháng Năm Cuồng Nộ được viết bởi K.Đ Có thể vì tính chất nhạy cảm tác phẩm chưa được in trong nước nên tác giả “tung lên mạng” cho dễ tới tay người đọc. Qua sự giới thiệu của một bạn văn, anh T. Vấn, tôi được đọc toàn bộ tác phẩm trên diễn đàn talawas. Tuy chỉ khoảng 200 trang, được đăng làm nhiều kỳ, có lời bình của các độc giả đọc trước, nhưng tôi lướt bỏ phần này mà đọc thẳng từ đầu đến cuối (qua bản tự in ra) để thưởng thức trọn vẹn và có dịp ghi lại những cảm nhận cá nhân.

Mấy năm về sau này, tôi ưa đọc những tác phẩm của nhà văn trong nước, trong số họ nhiều người có tài, dám đi vào những mảng đề tài giàu chất nhân văn, đầy tình nhân bản, bỏ lại đằng sau lối viết minh họa trong những thập niên của nền văn nghệ chỉ huy. *Những Tháng Năm Cuồng Nộ* hình như cũng muốn soi rọi một điều gì, và qua nhân vật “thằng chó đẻ” tác giả muốn dùng nó như một nhân chứng hé lộ nhiều cảnh đời gian nan oan trái của hơn nửa thế kỷ giông bão khởi đi từ nạn đói Ất Dậu 45 cho đến những năm đầu của thiên niên mới. Càng đọc tôi càng tâm đắc với thằng chó đẻ, tôi cùng tuổi với nó, tuy tôi ngoài bắc, nó ở trong nam, thực sự là mảnh đất khu 5 cũ, nhưng những gì thằng chó đẻ biết tôi cũng biết một phần, những gì thằng chó đẻ can dự và trải nghiệm, thì tôi hoặc thành viên trong họ hàng tôi tùy nơi chốn và thời điểm cũng không thoát khỏi cơn xoáy của những tháng năm cuồng nộ. Nhìn chung thằng chó đẻ nói hộ tôi và thể hệ tôi nhiều điều, gọi lại trong chúng tôi những ký ức đau thương với niềm phẫn nộ tưởng chừng đã tắt.

Trong truyện thằng chó đẻ là nạn nhân của một xã hội bị kềm kẹp giữa hai lần đạn, thân phận chó đẻ của nó không còn là của riêng nó mà nằm trong mẫu số chung của nhiều số phận do hệ quả đấu tranh giai cấp của một xã hội hậu thuộc địa, để khi nhìn lại có lúc người ta muốn gọi những tháng năm cuồng nộ là những...tháng ngày chó đẻ. Hai từ chó đẻ không cần viết trong dấu ngoặc, chẳng cần che đậy hay cảm nhận theo nghĩa bóng nghĩa đen, mà cứ lần về những dấu tích của một làng quê miền trung có tên An Định, nơi sinh ra và lớn lên của thằng chó đẻ người đọc mới thấy hết nỗi lòng của tác giả mà tôi cứ đoán già đoán non quê quán ở Phú Yên.

Dù K.Đ không nhận mình là nhà văn mà chỉ là ‘một công dân hạng hai biết cầm bút’, nhưng trong cách viết và phương pháp thể hiện, người đọc vẫn đánh giá ông là cây bút thuộc hàng cao thủ. Tác phẩm này tôi nghi không phải là tác phẩm đầu tay, hay nếu nó là đứa con đầu lòng thì chính nó đã được thai nghén qua nhiều thập niên, âm ỷ chứa chất trong đầu để rồi không còn kềm nổi đã bật ra bằng những trang viết tràn đầy phẫn nộ pha máu và nước mắt. Ông có cái tài biết chuyển tải sự việc hầu như ai cũng biết ai cũng nghe, nhiều bị kịch thời đại dù cho chứng nhân đã mất dạng, thủ phạm đã phủ tay, niềm đau đã thành sẹo, oan trái phôi phai, oan sai lấp liếm, nhưng bằng nhân vật thằng chó đẻ, K.Đ đã truyền sức cho nó để tự nó thuật lại không bằng ngôn ngữ chó nhưng bằng tiếng người khơi gợi sinh động những điều mắt thấy tai nghe về những mảnh đời đen trắng của một thời chỉ nhớ mà khó quên, cố quên nhưng lại nhớ, lúc nhớ lúc quên...

Trong văn học hiếm thấy nhà văn dùng hình tượng chó đẻ thể hiện nhân vật chính của mình, trường hợp mới đây là cá biệt khi nhà văn người Nam Mỹ, Mario Vargas Llosa, đoạt giải Nobel văn chương 2010, trong một tác phẩm mang tính chiến đấu chống lại những bất công của xã hội Peru hồi thập niên '30, ông đã dùng những con chó làm hình tượng nhân vật thay cho giới thanh niên đương thời và tác phẩm đã tô đậm cho tên tuổi của ông. Trong chừng mực nào đó, K.Đ cũng tiếp cận theo lối thể hiện này, ông đã thành công trong cách lôi cuốn người đọc qua nhân vật khi chào đời đã bị thả trôi sông, được một người đàn bà lam lũ không chồng không

con nhưng có lòng nhân hậu nhất về, nuôi dưỡng bằng sữa của con chó mới đẻ, từ đó xóm làng gán cho cái tên 'thằng chó đẻ', rồi cũng từ đây thân phận nó gắn liền với vận nước nổi trôi đồng hành với những số phận lúc nào cũng chỉ biết bám lấy ruộng đồng, với khát vọng cả đời chỉ mong được sống thanh bình trong tình yêu quê hương chòm xóm.

Cốt truyện trải dài trên 60 năm của một thời quê hương giông bão, trong bối cảnh của một làng quê miền nam Trung bộ, một địa bàn mà phong trào Việt Minh làm mưa làm gió khởi đi bằng thời kỳ chín năm chống Pháp, tiếp tục cho đến khi hòa bình lập lại, mào đầu cho các đối kháng về ý thức hệ của chín năm thời ông Diệm, theo sau là cuộc chiến tương tàn nam-bắc có sự can dự của người Mỹ, cứ thế dai dẳng cho đến ngày tàn cuộc. Phần cuối của cuốn sách đã động nhiều đến những năm tháng của chính quyền mới, câu chuyện khép lại khoảng đầu năm 2000. Khung thời gian được tác giả sử dụng những dấu mốc lịch sử có thật, nhưng sự việc được khái quát trong bối cảnh của không gian thực tế không tỷ lệ thuận với chiều dài năm tháng của cốt truyện.

Tất nhiên trong những cái chung cũng có cái riêng, quả là thiếu sót nếu không điem qua sơ yếu lý lịch thằng chó đẻ. Thật sự khi được nhật về, cô Sáu bà mẹ nuôi suốt đời bảo vệ cưu mang nó cũng có đặt cho nó một cái tên cứng cộm. Tuổi thơ khó khăn của nó đồng hành với chín năm đầu, số phận mạt rệp của nó trưởng thành với chín năm sau, nhờ có dây mơ rễ má với loài chó, nó đi quân dịch phục vụ trong một đơn vị thám sát lo nuôi chó cho lính Mỹ, hết chiến tranh về làng bị đi cải tạo một thời gian, về quê sống lây lất như những công dân hạng hai dưới chế độ mới, lúc này mẹ nuôi đã chết vì trúng đạn trong một trận càn của trực thăng Mỹ, nó không lấy vợ mà muốn lấy cũng chẳng ai lấy. Câu chuyện kết thúc khi tác giả tự nhiên cho nó có một thằng con, kết quả giây phút mây mưa tình cờ nơi Phố Núi giữa nó và chị Thảo, một thiếu nữ nó thâm yêu trộm nhớ khi cô này đi tìm em đang đi lính trên Pleiku cũng là nơi đóng quân của thằng chó đẻ. Gần hai mươi năm sau nó mới được giáp mặt đứa con rơi, do sự tiết lộ của mẹ thằng bé. Một thanh niên thuộc thế hệ "hậu chó đẻ" mang hai dòng máu không can dự gì với những nhớ nhớt của thời kỳ chó đẻ đã làm cho nhân vật chính của cốt truyện đầy tự hào và biết đâu cũng là kỳ vọng của K.Đ khi ông muốn làm vơi đi nỗi cuồng nộ của một thời quê hương giông bão.

Người đọc dễ thấy dụng ý của tác giả khi ông tập trung công sức cho việc khắc họa sâu sắc các nhân vật vừa bằng tính cách vừa qua lời thoại, trong những biến động của khung cảnh làng quê dưới thời chống Pháp chín năm. Đây là phần nổi bật nhất và thành công nhất của cuốn sách khi tác giả không hề khoan nhượng trong việc lột tả phơi bày tính chất dã man của phong trào cải cách ruộng đất với những thủ thuật tố giác, dàn dựng chụp mũ, đấu tố, thủ tiêu... Chẳng phải là lần đầu các độc giả, trong đó có tôi, được đọc những câu chuyện loại này, mà thực tế nhiều nhà văn miền Bắc có lương tri đã lợi dụng thời điểm mở cửa của những năm cuối thập niên '80, đã trung thực lật lại mảng đề tài từng gây biết bao đau thương oan trái trải dài từ nam ra bắc.

Điều đáng nói là dòng thời gian đã bước sang thế kỷ 21, dù khơi lại câu chuyện đã cũ nhưng với bút pháp siêu thực kết hợp với văn phong đời thường pha niêm phần nộ, tác giả đã mượn tay thằng chó đẻ lôi cuốn người đọc giai đoạn đầu của *Những Tháng Năm Cuồng Nộ* phải suy nghĩ, ray rứt. Người ta sẽ nhớ mãi những cô Sáu, những chị Thảo, điển hình cho những tấm lòng nhân hậu đại diện cho cái thiện vốn dĩ ăn sâu trong tâm trí người Việt và người ta cũng không thể quên những loại như ông Khứ, cô Thành, đại diện cho lớp người mù quáng đi theo phong trào, lúc nào cũng lấy cái nhân dân làm rào chắn cho hành động của mình khi cái ác lên ngôi. Tôi nhớ có một cán bộ xã khi không được tập kết ra Bắc, lại được cấp trên an ủi cứ ở lại dựa vào nhân dân mà sống chờ ngày thống nhất, tay này đã văng tục, "Đ.M., tao đá vào cái nhân dân". Có lúc văn phong của K.Đ đã minh họa huych toẹt như thế đấy.

Nói vậy không hẳn chỉ có trấn áp đấu tố về phía Việt Minh, mà khi có chiến dịch tố Cộng ở miền nam để vạch mặt, thanh toán các cán bộ nằm vùng sau 54, nhiều chuyện tố oan, bắt làm giết tội cũng bị ta thán ở cấp hạ tầng cơ sở xã ấp. Người đọc cũng ghi nhận trong cuộc đấu tranh ý thức hệ quyết liệt của hai phe, thủ đoạn 'chụp mũ' được cả hai phía sử dụng như thủ

thuật thời thượng. Thậm chí khi đất nước hết chiến tranh, thói chụp mũ được cả Cộng sản trong nước và người Việt hải ngoại nâng nó lên tầm ‘nghệ thuật’ làm điều đúng biết bao thân phận không có cơ hội lên tiếng phân bua bào chữa, cụ thể không ưa ai cứ chụp cho kẻ đó cái nón cối, không về phe mình, gán ngay là phản động, là nguy, là tay sai cho Mỹ. Những cái mũ Việt gian, bán nước, nằm vùng, ăng ten, chỉ điểm tùy vụ việc được chụp mũ không thương tiếc cho các đối tượng chỉ vì phe nọ không cùng cánh với phe kia, cá nhân này thù vật cá nhân khác, cứ thế như vòng kim cô áp đặt lên nhau triền miên không dứt.

Điểm lại câu chuyện *Những Tháng Năm Cuồng Nộ* tất nhiên cũng có những mặt yếu của nó. Tác giả phần nào ôm đồm khi dồn bao sự kiện bề bộn của lịch sử trải dài cả 60 năm chỉ gói gọn trong 200 trang giấy. Cách nhìn và lối thể hiện có độc đáo, khách quan, cụ thể 12 chương đầu của thời kỳ trước và sau 54, nhưng phần còn lại của tác phẩm, K.Đ hơi ‘đuối sức’ khi không thể lột tả tính cách phức tạp của con người và cơn xoáy khốc liệt của thời cuộc trong giai đoạn trước và sau 75. Độc giả có thể thông cảm điều này khi tác giả cố kéo dài mãi đến năm 2000, một phần cũng là để ‘coi mặt’ giọt máu rơi của thằng chó đẻ, làm nút thắt có hậu cho một cốt truyện vốn dĩ đã quá đầy tang thương và nước mắt.

Để khép lại cảm nhận sau khi đọc, tôi hiểu nỗi băn khoăn của tác giả khi ông thả tác phẩm của mình trên mạng, không biết ‘sống chết thế nào là số phận của nó’, nhưng cũng như thân phận thằng chó đẻ mới sinh đã bị thả trôi sông đã sống sót và được người đời cứu mang, thì *Những Tháng Năm Cuồng Nộ* cũng được độc giả bốn phương trên mạng đón nhận và đánh giá cha đẻ tinh thần của nó như một cây viết tuy ẩn danh nhưng tỏa sáng, đã sản sinh một tác phẩm văn học sinh động tuy vốn vẹn vài trăm trang nhưng có bề dày và sức thuyết phục như một “cáo trạng về chiến tranh” đáng đọc và nên đọc.

Cali, tháng 8 –2011

**Diễn đàn điện tử Talawas, sau khi giới thiệu truyện vừa dài 9 kỳ “ Những tháng năm cuồng nộ “ của K.Đ được sự đón nhận nồng nhiệt của độc giả và một loạt những truyện ngắn khác của K.Đ, đã dùng bút danh “ không viết tắt “ của K.Đ là Khuất Đầu trong phần danh mục các tác giả cộng tác.*

Bản thảo “ Những tháng năm cuồng nộ “ của K.Đ do tạp chí Thư quán Bản thảo (Hoa Kỳ) sưu tập.

Liên lạc:

Thư Quán

P.O Box 58

South Bound Brook, NJ 08880 USA

Tiếng cười đoàn viên*

Khi tôi vừa ăn xong mấy củ khoai thay cho bữa cơm chiều, thì một người cán bộ đi vào. Như những người miền bắc tôi thường gặp, sau chiến tranh tràn ngập cả miền nam, dù không là bộ đội vẫn thường mặc một bộ đồ màu cứt ngựa bạc phếch, nhàu nhò và đội một cái nón cối do Trung Quốc viện trợ. Bộ đồ ông mặc hầy còn mới nhưng vẫn không che dấu được vẻ buồn bã nhàm chán của một thứ quân phục được sản xuất hàng loạt. Ông cũng có một chiếc bị lủng những những túi những dây gọi là ba lô con cóc (vì đeo lên nó giống như một con cóc khổng lồ từ trong hang bỗng nhảy ra ngồi xồm trên lưng?). Ông mang một đôi sandal bằng nhựa màu nâu nhạt, loại dép mới cũng do “ông” Trung Quốc chi viện thay cho dép cao su.

Ông bước vào sân giữa lúc trời đang còn chút nắng nên mặt ông sáng lên với những giọt mồ hôi lấp lánh, nhưng hai nếp nhăn từ cánh mũi vòng qua cái miệng không râu lại sẫm đen giống

như hai đường cày. Một cái bót trên má trái giống như một giọt mực xạ bị bôi lem. Mái tóc cắt sát hai bên thái dương chỉ chừa một mảng trước trán như một cái lược rìu. Cái mái tóc sắc nhọn giống nhau cả triệu người như một ấy, đã từng xuất hiện trong tết Mậu Thân trên các xác VC được kéo bỏ ngoài công viên thành phố. Tôi đã nhiều lần hoang mang tự hỏi không biết có ai trong số họ là cha tôi.

Ông đi qua sân không một chút ngập ngừng, rồi ông bước lên thềm quay mặt nhìn ra ngõ, hơi bất ngờ khi thấy mấy con “trâu máy” của hợp tác xã trên đường trở về đang kêu phành phạch thay cho tiếng nghe ngọ. Ông đặt ba lô xuống thềm, lọ mọ lấy điều cày, xe thuốc nhét vào nỏ rồi rít một hơi dài kêu roọc roọc. Ông tựa lưng vào cột, lim dim mắt, thở ra một hơi khói đậm và gắt. Cái vẻ tự tin yên bình, cái vẻ không xa lạ với cửa nhà vườn ruộng, cái vẻ của một người đi xa về lại nhà mình khiến cho tôi trả lời đúng chóc khi nghe ông hỏi:

Có biết ta là ai không?

Là cha, tôi nói.

Giỏi đó, con còn nhìn ra cha là nhà có phước.

Đó, cái buổi trùng phùng của hai khúc ruột lia xa nhau hơn hai mươi năm chỉ có vậy. Không có chuyện mừng mừng tủi tủi. Không có một giọt nước mắt nào run rẩy nhỏ xuống. Cũng không oái ăm như tôi đã từng tưởng tượng mỗi khi nghĩ đến người cha chưa từng thấy mặt. Có phải vì chúng tôi là hai người đàn ông hay vì chúng tôi đã từng ở hai bờ chiến tuyến?

Tôi đã từng vẽ ra những cảnh cha con gặp nhau rất éo le, oan trái. Như lúc ông bị thương sắp chết sau khi nhận loạt đạn của chính tôi, hay lóp ngóp chui lên từ căn hầm bí mật dưới những họng súng sẵn sàng nhả đạn, trong đó có họng súng của tôi.

Hồi đó, tôi thường tự hỏi, trên cái giải đất mỏng manh hình chữ S này có bao nhiêu người cha và người con, người anh và người em, những người ruột rà máu mủ lại phải bắn giết nhau. Cả trăm, cả ngàn hay đến cả chục ngàn? Và vì sao bọn họ phải trở thành kẻ thù của nhau? Có phải vì chiến tranh quá dài và những kẻ cầm đầu hai bên quá hèn nhát hay quá thủ đoạn, hích vào đầu chúng tôi như bọn trẻ chăn trâu thúc sau đít để trâu bò húc nhau.

Lô lô ằm

Lô lô ạt

Thịt nạc dao phay

Con nào hay để lại cày

Con nào dở dao phay nước mắt.

Bộ máy tuyên truyền của hai bên cũng y chang như vậy đó, chỉ khác là được khuếch đại to hơn và bền bỉ sâu hiểm hơn mà thôi.

Giờ đây, tôi lại tưởng tượng khác. Nhiều người cha xấu hổ đã không muốn nhìn mặt con khi biết chúng đã từng “theo giặc cầm súng bắn vào nhân dân”. Biết con đang “học tập” họ chẳng những đã không ái ngại xót xa, còn bảo không bị giết đã là nhân đạo lắm rồi, hãy để nó học càng lâu càng tốt. Vì vậy, tôi chẳng mong gì được gặp ông một cách đề huề cảm động. Tôi chờ đợi những câu мэng chửi y như bọn họ, những người chiến thắng rồi mà vẫn chưa hết căm thù những kẻ thua trận là chính con cái anh em mình. Nhiều lúc tôi vẽ ra cảnh ông rút súng chia vào ngực tôi gào lên, mày là thằng bán nước và tôi nhắm mắt để cho ông bóp cò.

Nhưng bây giờ, “con còn nhìn cha là nhà có phước”, ông nói vậy là sao? Phải chăng ông cũng đang vẽ ra những cảnh trái ngang: con không thèm nhìn cha, hay lớn tiếng kết tội bỏ cả vợ con để đi theo Liên xô và Tàu cộng? Và như thế cả hai cha con chúng tôi đều vừa mong mà cũng vừa sợ cái ngày sẽ gặp lại.

Tôi mở cửa mời ông vào nhà, nhưng ông bảo ta muốn đi dạo một chút. Rồi ông đi quanh vườn. Vườn rộng, trồng rất nhiều cây ăn trái, nhưng đã già cỗi. Những mít, những xoài ngày nào giờ đã thành cổ thụ. Dừng lại bên cạnh một cây xoài ngã rạp chắn lối trước mặt, ông nói đây là cây xoài quỳ và quay lại hỏi tôi:

Lúc nhỏ con cũng thường leo lên đây?

Dạ.

Con có bị bà bắt phạt quỳ không?

Dạ có.

Bà cấm leo trèo vì sợ té gãy chân.

Dạ.

Ta nhớ cái vườn này lắm. Ngoài đó làm gì có được cái vườn như nhà mình. À ra vậy, tôi nghĩ, lúc nhỏ ông vẫn thường nghịch ngợm leo trèo và ông vẫn nhớ đến khu vườn xưa, ngôi nhà cũ chứ không phải chỉ nghĩ đến đảng không thôi.

Ta cứ tưởng bị đốt phá hết rồi.

Thế nhà ngoài đó của cha cũng có vườn chứ?

Làm gì có nhà, chỉ có bốn thước vuông thôi. Chỉ rộng hơn cái áo quan một chút.

Cái giọng điệu chua chát từ miệng một người miền bắc lần đầu tiên tôi mới được nghe, thật khác xa với giọng điệu huênh hoang tự hào của những “ông”, những “bà” cán bộ trong trại cải tạo hay những người miền nam mới theo cách mạng.

Sau đó ông vòng ra giếng, cúi nhìn xuống sâu một lúc như tìm lại hình bóng mình rồi thả gàu múc nước. Ông xối nước rửa mặt, ngửa cổ uống một hơi, khà một tiếng: nước giếng nhà mình ngon thiệt! Cái cách ông uống và khen cứ như vừa làm một cốc bia mát lạnh, khiến tôi rất xúc động.

Vườn nhà mình! Nước giếng nhà mình! Những tiếng ấy dường như được ông nhốt kín trong lồng ngực suốt hơn hai mươi năm, giờ bỗng vọt ra như những cánh chim đang bay vút trên bầu trời quê hương. Tôi có cảm giác sẽ còn được nghe tiếng “mình” thêm nhiều lần nữa. Nhà của mình, ruộng của mình, vợ con của mình. Những thứ “của mình” đó làm nên một đời người, vì sao ông lại bỏ tất cả để đi tìm những thứ rất chi xa lạ không phải của mình?

Lúc vào nhà, tôi cẩn thận đi trước, dặn ông coi chừng vấp phải gạch cửa cao ngang đầu gối, nhưng ông bảo vấp làm sao được, ta thuộc cái nhà này như biết rõ trong lòng bàn tay.

Đèn được thắp lên, căn nhà đã một trăm tuổi hơn mở con mắt ngái ngủ của mình ra nhìn ông. Không biết nó nghĩ gì nhưng ông chủ của nó thì bồi hồi đứng nhìn trong yên lặng. Nào cột nào kèo, nào trính nào xiên, cái bàn thờ lạnh lẽo với những bức hình trùm khăn nhiều đồ, những tủ giường xưa cũ, tất cả đã bị mối mọt và nhất là bàn tay của con người làm cho xệch xạc méo mó. Ngôi nhà đã hai lần bị “mượn”. Lần thứ nhất, chính quyền cũ “mượn” làm nhà tạm giam những người tình nghi Việt cộng. Lần thứ hai, cách mạng “mượn” làm trụ sở ủy ban. Cứ sau mỗi lần bị “mượn” là tiêu tụy xơ xác. Giá như nó là một người vợ đẹp mà bị “mượn” đến những hai lần như thế thì không biết người chồng sẽ đau khổ đến mức nào.

Đến trước bàn thờ, ông có vẻ muốn lật những tấm khăn nhiều ra để nhìn lại hình những người đã khuất, nhưng tân ngần một lúc, ông lại thôi. Ông ngồi xuống cái tràng kỷ mà một chân sau được thay bằng bốn cục gạch. Tự nhiên ông trở nên bé nhỏ mặc dù ngọn đèn làm cái bóng của ông nở to ra, bôi đen cả chỗ ông ngồi. Ông có vẻ giống như một đứa con có tội đang ngồi lặng nghe những lời rầy la của mẹ cha. Phải chăng ngôi nhà đã một thời uy nghi lộng lẫy giờ suy sụp thảm hại là do ông đã bỏ nó mà đi? Bởi vì có ông thì ngôi nhà này ai dám mượn đến những hai lần. Và vợ có chồng thì ai dám thập thò tán tỉnh. Nói vậy thôi chứ trong những ngày

cách mạng mùa thu, cả kinh đô nhà Nguyễn nằm soi bóng bên bờ sông Hương còn bị Bảo Đại “bỏ của chạy lấy người” hướng hồ là ông.

Cha chắc chưa ăn gì, tôi nói, để con kiểm cái gì làm bữa tối cho cha.

Khỏi, ông nói, ta ăn quà rồi. Kiểm cái gì nhâm nhi thì được. Ta có hai chai bia đây.

Thật là bất ngờ, thay vì sẽ phải ngồi nghe ông tra hỏi, nguyên rủa, lại được cùng ông ngồi uống la de. Tôi quá vui nhưng cũng rất lúng túng, vì mới đi cải tạo về chưa được một tuần, biết lấy gì để làm mời nhậu đây. Tôi loay hoay mãi, sau cùng đành chạy ra quán nói thật với bà chủ cho mua chịu mấy cái trứng vịt. Tôi không đủ dầu để làm món trứng tráng chỉ còn mỗi cách là đem luộc.

Khi trứng chín đã được bóc vỏ trắng muốt, tôi lấy thêm một chút muối tiêu, trịnh trọng bày lên bàn để mời ông. Lúc đó đã thấy ông để sẵn hai chai bia La rue hiệu con cọp, giò là của hiếm. Hai chai bia được cột chặt vào nhau trông rất lạ, đem ngược từ miền bắc vào cứ như hai số phận đã được an bài.

Cái này, ông nói, ta được phân phối đã hai năm rồi, để giành mãi đến ngày hôm nay đây.

Quán hết đá, cha chờ chút để con lên chợ.

Khỏi, uống không cũng được.

Đó là đại yến mừng ngày đoàn tụ mà nếu cả tộc họ nhà tôi kể từ ngày lập làng còn sống, nước mắt tủi hờn chắc cũng đưng đầy hai chai la de. Cha tôi là người mà chính tôi có bổn phận phải lòng diệt. Còn tôi là đứa con đi theo giặc đáng nguyên rủa của cha. Số phận nào lại đưa chúng tôi đối mặt nhau một cách nghiệt ngã như thế. Ai cũng bảo là do lịch sử, nhưng cái con mãng xà dài cả ngàn thước ấy, ai đã nhảy lên lưng khiến nó lồng lên suốt mấy chục năm? Ai đã khiến nó nuốt một lúc hàng chục tiểu đoàn ở cổ thành Quảng Trị? Ai khiến nó đuổi theo cả vạn người di tản từ Pleiku? Nếu lúc này cha tôi cầm con dao đang thái trứng kia đâm thẳng vào ngực tôi cũng là do con mãng xà ấy sao?

Uống đi cha!

Uống đi con!

Uống để mừng cha con mình đã thoát khỏi cái tội ác lớn nhất trong đạo làm người vì chiến tranh quá dài đủ để cho cha con giết nhau!

Đêm hôm đó hai cha con tỉnh như sáo không phải vì bia ít quá không đủ say mà vì chúng tôi bàng hoàng nhận ra dưới đám lá mục của lịch sử, dẫu mặt bao nhiêu là sâu bọ rần rít, chúng tôi vẫn là cha và là con. Ông nói gần như suốt đêm về cái dòng họ Trần “rân rác” (ý nói danh giá), về lúa chín tràn bờ, về bắp trĩu đầy soi, về những ngày giỗ chạp heo gà ngã hết con này đến con khác, về những xe trâu chở lúa từ đồng lớn, đồng dài kéo kệt suốt cả tháng, về bằng thành chung của ông, (cả huyện chỉ có hai người đậu), về những ngày đầu cách mạng bà nội đã đem cả rổ vàng ra cúng vào quỹ cứu quốc. Nhưng tuyệt nhiên ông không nói gì về những ngày ông đi tập kết. Cũng không hỏi tôi đi lính gì, gây bao nhiêu nợ máu và phải học tập bao nhiêu năm mới “sáng mắt sáng lòng”. Và, im như băng giá ở nam cực, ông không hề mở miệng ra hỏi nói gì về mẹ tôi. Tàu Titanic có ngày còn được khai quật lên để cho mọi người thấy lại cái bi kịch hàng hải đau thương nhất thế kỷ, nhưng cái mối tình mà từ đó mới có tôi sinh ra, đưng phải tảng băng của lịch sử (lại lịch sử) bị gãy làm đôi thì ông nhất định chôn chặt dưới đáy đại dương của lòng mình.

Hai năm trước ngày ký kết hiệp định Giơ neo, tôi được sinh ra với một cái bớt đỏ trên môi. Bà nội nói, cha mà cũng có một cái bớt trên má, nhưng xấu hơn vì là bớt màu đen. Bà nói như thể biết trước cuộc chiến tranh sẽ còn kéo dài và cha con chúng tôi có thể phải đối mặt nhau ngoài mặt trận. Cha tôi phải nhớ là đừng bắn vào đứa có bớt đỏ trên môi, còn tôi thì đừng bắn

vào người có bớt đen trên má. Hai cái bớt ấy đã được tổ tiên nhà họ Trần làm dấu để cha con nhận ra nhau.

Mẹ tôi lấy chồng khác khi tôi lên mười. Tôi ở lại với bà nội. Điều ấy chắc làm mẹ tôi đau lòng lắm. Bà ôm tôi khóc như mưa. Tôi không biết gì nhiều về bố dượng, chỉ biết ông ở trong quân đội và cấp bậc sau cùng khi Sài Gòn thất thủ là trung tá.

Nếu trên đời này có những người đàn bà rất tàn bạo, rất giỏi dang, nhưng cũng rất đau khổ chắc phải kể đến mẹ tôi. Sau 75, chồng bị bắt đi cải tạo, nhà bị tịch thu, con cái bị đưa đi kinh tế mới. Bao nhiêu tiền của dành dụm bị mất sạch khi đổi tiền. Vậy mà vẫn phải mua đường sữa, mắm cá đi thăm nuôi, hết lặn lội ra tận bắc để thăm chồng sau, lại lộn vào nam thăm con chồng trước. Như lúc này đây, nghe đâu mẹ đang ở bắc.

Những điều ấy tôi muốn tâm sự với cha nhưng ông đã coi như không có người đàn bà ấy trên đời, thì tôi cũng đành biết vậy mà thôi. Ông ăn ít, ngủ ít, không ra ủy ban thôn, không lên huyện, lại càng không vào tỉnh và chưa hề hỏi han hay gặp gỡ những người bạn chiến đấu cũ nay đã là đồng chí bí thư này, chủ tịch nọ.

Có một lần, tôi rụt rè hỏi, cha cũng có gia đình ngoài đó chứ, thì ông bảo, hỏi làm chi chuyện đó. Hãy lo cho con đi. Con phải kiếm một người đàn bà mới giữ được cái nhà này. Ta có còn gì nữa đâu. Cuộc đời ta như một con cá, khúc ngon nhất là khúc giữa thì bị mèo tha chó đớp. Chỉ còn lại cái đầu và khúc đuôi, giữ lại mà làm gì.

Giọng ông u uẩn quá, nghe rất thương. Cái khúc giữa đời ông phải chăng là hơn hai mươi năm ông đi tập kết. Và trong hai mươi năm đó, với cái lý lịch con địa chủ chắc là ông đã run sợ xiết bao.

Đến ngày thứ năm, mẹ tôi từ vùng đất đỏ Long Khánh ra thăm. Bà được tin tôi ra khỏi trại cải tạo ngay lúc bà đến thăm nuôi. Khi nghe mấy tiếng đã được tha, không kịp quay về nhà, bà liền đón xe đi suốt đêm để ra gặp con. Lúc bà kêu cửa thì trời chưa kịp sáng.

Không như lúc gặp cha, tôi khóc nức nở khi gặp mẹ. Bà cũng khóc, nhưng tỉnh táo hơn, hỏi: khổ lắm phải không con? Tôi lắc đầu, chỉ tay vào trong nhà, nói nói thảm vào tai bà: cha con đang ngủ trong đó.

Tự nhiên tôi cảm thấy như đầu và ngực bà lạnh ngắt. Bà rời tôi, ngồi sụp xuống đất, cả người bà rung lên. Tôi hiểu bà đang cố kìm giữ tiếng khóc. Giá như có thể được, chắc bà đã kêu thét lên rồi.

Tôi dìu bà lên thềm, mẹ và con cùng lặng im ngồi chờ sáng.
Bên trong có tiếng ho nhỏ, rồi có ánh đèn lọt qua khe cửa.

Cha tôi bước ra sân, ngửa mặt lên trời, làm một vài động tác cho đỡ mỏi. Ông định đi ra giếng nhưng khi thấy mẹ con tôi, ông chớp mắt mấy cái, nói như thể hai người chưa từng xa nhau:

Kìa, sao hai mẹ con lại không vào trong nhà?

Mẹ tôi đứng lên, một tay nắm tay tôi, một tay quệt nước mắt nói:

Ông mới về?

Phải, mới về được mấy bữa.

Ông vẫn khỏe?

Ờ, vẫn khỏe. Bà thế nào? Đường xa chắc là mệt lắm. Nay Tân, con đưa mẹ vào nhà nghỉ, ta ra vườn một lát.

Tôi chưa bao giờ nghĩ tới lúc cha và mẹ gặp nhau. Mọi sự đã trôi qua rất xa. Phải nói là thật xa, tận trong mịt mờ của quá khứ. Liệu cuộc trùng phùng không được báo trước này có làm cho họ vì thế mà bớt xa nhau chăng.

Mẹ chỉ mang theo đồ khô, chẳng có gì mời cha con ăn sáng. Hay là để mẹ lên chợ kiếm thứ gì. Thôi mẹ, chắc cha không thích bày vẽ. Mẹ có mì gói không? Có đấy, để mẹ đi đun nước. Việc đó để con, có cái chõng của con, mẹ nằm tạm mà nghĩ.

Một lúc sau, cha tôi vào. Ba bát mì bốc khói được tôi mang lên. Mời cha, mời mẹ, tôi nói. Mời bà, cha tôi nói. Mời ông, mẹ tôi nói.

Những sợi mì ngập ngừng trôi qua miệng cha.
Tiếng húp nước rụt rè chảy qua miệng mẹ.
Tiếng nhót nhép trong miệng tôi.

Bỗng mẹ tôi đặt bát xuống mâm, nhìn thẳng vào mặt cha hỏi:
Ông thù tôi lắm phải không?
Không.
Ông nói dối.
Để làm gì?
Tôi biết, ông hận tôi. Nhưng nếu như tôi đợi ông đến hơn hai mươi năm thì tôi được gì?
Tôi có muốn bà đợi tôi đâu. Chẳng ai đợi ai. Thành thực mà nói, tôi rất có lỗi với con và bà.
Đột nhiên tôi vọt ra câu hỏi suốt bao nhiêu lâu cứ đè nặng trong lòng:
Cha có biết là mình lầm đường không?
Cha tôi hơi bối rối nhưng cũng nói:
Vấn đề là đừng hỏi biết hay không biết. Một người đã rơi xuống đáy vực thì có gào lên cũng chẳng ai nghe.

Tôi nói lớn:
Vậy thì rõ rồi. Xin cha và mẹ hãy cùng con ăn hết bát mì. Dẫu sao cũng là một ngày vui.

Chiều hôm đó mẹ tôi xuôi nam.
Sáng hôm sau cha tôi ra bắc.
Tôi còn lại một mình.
Thôi hãy lấy vợ, sinh con.

16/9/2010

*Tựa bài mượn trong lời nhạc của Phạm Đình Chương
Ngày nao tan đao binh
Mẹ bỗng con sơ sinh
Chiều đầu xóm thôn xao đón người trường chinh
Ngậm ngùi hân hoan tiếng cười đoàn viên

Trong suốt như khí trời

Lúc ấy là buổi chiều. Những cột khói quần quai tuôn ra từ các ngôi nhà bị pháo kích khiến cho một phần bầu trời của bờ nam tối ám như có cả triệu con mực đang xả nước đen để trốn chạy. Ánh nắng thảng tư trong vắt là thể bỗng trở nên đục ngầu, sủi bọt..

Chiếc T54 làm lì qua cầu, nòng pháo của nó chia thẳng vào những công sự vừa mới xây vội bằng bao cát. Những thân người suốt mấy ngày qua thiếu ngủ thiếu ăn và hiện đang thiếu đạn bị hất tung lên. Trung đội trưởng cố hết sức gào to trong tiếng đạn nổ: thôi anh em tan hàng, cố mà về với vợ con. Người binh nhì chưa kịp hiểu ra cái lệnh lạ lùng ấy thì một tiếng nổ nhỏ vang lên và vị chỉ huy đã ngã gục xuống bên cạnh. Khẩu súng colt vẫn chưa rời khỏi tay. Anh cúi xuống định nâng ông ta dậy, nhưng một ngọn lựu lê cắm phập vào lưng, tiếp theo là một báng súng nện vào đầu. Anh chỉ kịp kêu lên hai tiếng Mẹ ơi! trước khi thấy mình mỏng manh bay lên như khói thuốc!

Con bà sao chưa về? Người cán bộ thôn hỏi với giọng hạch hỏi chứ không phải thăm hỏi. Người đàn bà vội dấu tấm hình ra sau lưng nói, tôi làm sao biết được. Tiếng nói nhỏ nhưng vẫn đủ sức làm cho không khí rung động như những gợn sóng trên mặt ao. Vậy là chạy theo thằng Mỹ rồi. Đã ba năm mà chưa về chắc là nhập bọn với tụi Fulro. Liệu hồn đấy. Cái cách hăm dọa của ông ta làm cho mặt đất bỗng nhiên nghiêng hẳn khiến người thì cao tít trên mái nhà, người thì thấp tận đáy giếng. Ông ta đi rồi mà bà vẫn còn hụt hơi như ngộp thở. Bà áp tấm hình lên ngực và sau làn áo đầm mồ hôi, hai cái vú khô chột thức dậy sau hai mươi năm, như có đôi môi bé bỏng chạm vào.

Ợi cho tắt cả lạng yên, bà lại lật ngửa tấm hình ra xem. Trong buổi sáng hôm nay bà đã xem đến mười chín lần nhưng vẫn không biết chán. Bởi vì, bà nhớ rất rõ, đây là buổi sáng sinh nhật của đứa con trai bà. Bức hình chụp một anh lính mặt non choẹt cố làm ra vẻ bụi bặm để cho xứng với bộ đồ lính rộng thùng thình và khẩu súng đang cầm trên tay. Đằng sau anh ta là cái cổng quân trường Dục Mỹ. Chỉ có vậy thôi nhưng bà thấy anh ta như đang cười với mình và bà nghe được sau đôi môi khô đang bặm lại như có tiếng gọi mẹ. Có người bảo anh ta đã chết mất xác nhưng bà vẫn không tin. Chết thế nào được! Nó chưa cưới vợ. Với lại nó hứa khi về phép sẽ lại lợp cho tôi mái nhà. Nó đã hứa thì như đinh đóng cột ấy mà.

Anh ta đã chết trước một ngày khi tổng thống Dương Văn Minh cùng toàn bộ nội các đầu hàng không điều kiện trong dinh Độc Lập. Xác anh ta vì thế trở thành xác vô thừa nhận. Bộ Tư lệnh quân đoàn không còn nên chẳng thể gửi tới cho mẹ anh một giấy báo tử. Xác anh ta được lạng lẽ thu gom cùng với xác chuột chết mèo chết. và cùng với hàng ngàn tấn rác để thành phố sạch đẹp đón mừng chiến thắng. Năm xương vô định của anh vùi lấp đâu đó ở ngoại ô nhưng hồn mộng của anh vẫn lang thang khắp nơi trong thành phố.

Đây là lần đầu tiên anh được biết Sài Gòn. Thành phố với những con đường dài ngút mắt, những ngôi nhà cao trật ốt, những dòng xe ngược xuôi vô tận và những cô gái tỏa mùi hương thơm kín dưới những tấm áo mỏng. Gió từ bến Bạch Đằng lồng lộng thổi vào nâng anh lên như một quả bóng. Từ trên cao nhìn xuống, anh trông thấy những mái nhà cao thấp bập bênh trong những cơn sóng màu đỏ của cờ và khẩu hiệu. Anh biết là mình đã thua trận. Không buồn, không vui. Anh chỉ lo là mùa mưa tới mà chưa lợp được mái nhà cho mẹ.

Hôm nay là một ngày đặc biệt nên cô gái bên cạnh nhà đem đến cho bà một xâu bánh tro. Những chiếc bánh bé xíu gói bằng nếp và đậu trong một chiếc lá tre. Mùi nước tro hăng hăng nhưng trong thư anh viết về cho mẹ đã được cô gái đọc giúp, anh nói anh mê cái mùi hăng hăng ấy. Anh còn bảo mùi mồ hôi trên áo mẹ cũng có mùi y như vậy và anh nhớ mẹ xiết bao. Người mẹ kẹp chiếc bánh vừa mới bóc giữa hai ngón tay, định đưa lên miệng nhưng vội bỏ xuống đĩa để lật ống quần ra lau nước mắt. Bà nói, thôi cháu ăn giùm bác. Nó chưa về, bác nuốt sao trôi. Cô gái ngồi nhìn bà khóc cũng muốn khóc theo. Tần ngần một lúc rồi cô lí nhí xin về.

Ngoài ngõ có tiếng lao xao. Hai người đàn ông và một người đàn bà đi vào sân. Một chiếc nón cối, một chiếc nón lá và một mũ tai bèo. Chào bà Hai, một người trong bọn họ lên tiếng. Không dám, bà loay hoay tìm ghế mời họ ngồi. Đúng cũng được, người đội nón cối nói, chúng tôi làm việc nhanh thôi, bà có bốn công ruộng, hai công đất thổ cư mà chỉ có một nhân khẩu nên thừa nhiều lắm. Có hai chữ sao lại một, bà nói. Con trai bà đi lính ngay đến nay chưa về trình diện là coi như không có hộ khẩu ở đây. Cho dù sau này có về cũng không được nhập. Nhà bà là nông hộ độc lập, hai công đất vườn là đủ, chúng tôi phải lấy ruộng để chia cho người khác. Nhưng đó là ruộng của ông bà để lại chứ đâu phải của tôi. Ruộng đất nào giờ cũng là của nhân dân, bà không biết sao. Xin bà ký vào đây. Tôi không biết ký. Thôi được, để chúng tôi giúp bà. Một người kéo ống bơm xe đạp, một người nắm ngón tay trở của bà lăn trên trục bơm nhơn nhớt dầu, một người chìa cuốn sổ. Người đàn bà cầm ngón tay dính đầy chất dơ của bơm xe đạp lắc qua lắc lại trên nền giấy trắng đục. Những đường vân tay mờ mờ hiện ra, khuyết một chút vì hạt nếp của chiếc bánh còn dính lại. Vậy là xong rồi đó, bọn họ lên tiếng, từ nay bà cứ việc yên ổn mà làm ăn.

Bọn họ đi rồi mà bà vẫn chưa hết bàng hoàng. Mình bị ma ám hay sao không biết, bà nghĩ. Sao mình lại chịu lẫn, có cái dấu đó thì biết làm sao ăn nói với con. Thế nào nó cũng rầy rà cho mà xem. Nhưng họ chụp lấy tay mình chứ mình có muốn đâu. Phải như có con trai ở nhà thì bọn họ đâu có dám làm như vậy. Nhà không có đàn ông đúng là không có cây cột cái. Chẳng biết ngã sụm xuống lúc nào. Mà sao hòa bình lâu rồi mà nó chưa về. Chẳng lẽ nó bị bắt và đi tù. Nó mới đi có mấy tháng thôi mà. Nó đã làm gì nên tội đâu mà phải trả nợ máu cho nhân dân. Còn đi theo Fulro là theo tội nào. Tổng thống mà còn bỏ chạy hướng hồ là thằng Fulro. Hay là nó có vợ và con vợ giữ rịt không cho về. Con nhỏ chắc đẹp dữ, có thể nó mới chưa chịu về. Cái thằng giống cha bắt ghét. Cũng có thể nó chết rồi. Bà rùng mình ôm mặt khóc. Con chết trước mẹ là mang tội bất hiếu đó con. Mẹ sống làm sao được!

Ngay buổi chiều hôm đó, linh hồn anh đã bỏ lại cái xác nặng nề của mình như con bướm bay ra khỏi cái kén. Còn hơn con bướm vì anh trong suốt như khí trời, ánh sáng và bóng tối đều xuyên suốt qua anh. Xuyên qua hết nên cái nhìn của ba người cán bộ và của mẹ anh cứ thông thốc như gió thổi qua ống bi. Chẳng có vật gì cản dù nhỏ nhất như một sợi lông mày nên chẳng ai biết được là đang có anh. Anh nghe hết, trông thấy hết, nhất là lúc người nữ cán bộ cầm lấy ngón tay mẹ anh lăn qua lăn lại trên giấy. Anh tưởng mình là trang giấy đó và ngón tay mẹ anh như bánh xe hủ lô chà xát trên đường.

Phải đến ba năm sau ngày mất, linh hồn anh mới biết là mình đã về tới nhà. Ba năm ấy anh bị gió, có lúc đưa anh lên tận núi rừng Trường sơn, có lúc quăng anh vãi trên những ngọn sóng mặn chát ở biển Đông. Linh hồn không mất nhưng cũng không thể tự chủ được. Không phải linh hồn nào cũng tìm được đường về. Có hàng triệu linh hồn bị thổi dạt vào các lũng sâu, các hốc núi, nằm chồng chất lên nhau như lá rụng mùa thu. Tất cả bọn họ mỏng quá, nhẹ quá. Nhẹ và mỏng bằng không nên đã quên mất đường về. Với anh, dường như nỗi ân hận không lợp được mái nhà cho mẹ sắp đến mùa mưa đã làm cho linh hồn

anh mỗi lúc một nặng thêm. Anh đã biết nương theo gió, chui vào các toa xe lửa Bắc Nam vừa mới thông suốt để về với mẹ

Dù người thân duy nhất còn lại trên đời không biết có anh nhưng hồn anh vẫn cảm thấy rất xúc động. Anh ôm choàng lấy mẹ, nhưng không như lúc còn sống chỉ ôm đôi vai, mà giờ đây anh bao bọc từ đầu đến chân, áp sát vào đôi má đôi môi của mẹ, ngay cả đôi mắt anh cũng ôm sát đến nỗi anh cảm được vị mặn của nước mắt. Giờ đây trước mặt sau lưng, bên phải bên trái mẹ đều có anh. Anh thức ngủ, đi đứng nằm ngồi cùng một lúc với mẹ. Chết mà được như thế này, anh không mong gì hơn. Chỉ có điều hồn anh được an ủi nhưng mẹ anh thì héo hắt buồn.

A, chào cháu, mẹ anh nói. Dạ chào bác, cô gái nói, nhà có bát canh ngon, mẹ cháu sai cháu đem mời bác. Vậy à, canh thơm quá, cho bác gửi lời cảm ơn mẹ cháu. Bác buồn quá không sang bên ấy chơi được, thật là tệ! Mẹ cháu nói có ông thầy ở thôn đông hay lắm, không biết bác có muốn xem bói không, mẹ cháu sẽ mời giúp bác. Mẹ anh lắc đầu làm cái khăn len rơi xuống để lộ một cái sọ nhỏ, như một quả dưa xiêm nham nhám những sợi tóc vừa mới mọc. Vậy là mẹ anh đã cạo đầu, không biết có quy y hay là để cho mát. Dù sao thì anh vẫn thấy nhớ cái mùi bồ kết còn ủ trong tóc mẹ mỗi khi anh sà vào lòng bà. Bói toán mà chi, bác chẳng tin đâu, con trai mà, hết chiến tranh thì đi giang hồ một bận chứ về sớm làm gì. Nói là vậy nhưng bà vẫn rơm rớm nước mắt.

Cô gái kín đáo thờ dài nhìn ra ngõ. Ba năm trước cô mười lăm và đã có lần anh nắm lấy tay cô nhưng cô run quá rút tay lại. Chỉ có vậy thôi mà sao mỗi lần nhớ tới cô cảm thấy như nghẹn ở ngực. Gần như ngày nào cô cũng rẽ hàng rào qua nhà anh và cô tưởng chừng lần thứ một trăm lẻ mấy này thế nào cũng gặp anh. Cô không biết sẽ phản ứng như thế nào? Bỏ chạy về nhà hay đứng như trời trồng rồi ngã xuống trong tay anh? Có lẽ nào anh đi giang hồ vật mà lâu đến như vậy. Hay là anh đã xuống tàu di tản. Dù gì thì cũng cho mẹ anh ở nhà biết chứ. Người gì đâu mà lạ, đã đi là đi biệt để người ta trông chờ muốn chết.

Rõ ràng là anh đang rời mẹ ôm lấy cô. Anh ôm sát đến nỗi anh cảm thấy làn da mỏng và ấm của bầu ngực non tơ làm cho không khí như nóng lên. Mười bảy tuổi cảm sùng và bị ném ra chiến trường, anh chưa kịp theo bạn bè để biết được giữa hai chân và trên đầu gối của người nữ là bí mật gì mà đêm đêm vẫn không thôi tơ tưởng. Giờ đây anh có thể vòng qua sau ốt để hôn trộm cái gáy trắng của cô, có thể luồn xuống áp môi áp má lên ngực cô và ai cấm cản được anh lần mò tìm ra cung cấm. Nhưng để mà chi khi anh gần như bằng không, khi anh đã tan ra tưởng như hòa cùng hơi thở thịt da của cô nhưng chưa một lần khiến cô nhận biết là có anh đang ở bên cô. Lúc này, anh còn tệ hơn một cái cây!

Xin phép bác, cháu về. Cô gái vừa nói vừa đứng dậy. Ừ, cảm ơn cháu, mẹ anh nói. Những câu nói của người sống giờ lao xao như tiếng của lá rụng. Những âm thanh mỏng, khô rất gần với sự mục rã. Mẹ anh cố ăn hết bát canh thay cơm. Bà ăn vì không thể từ chối lòng tốt của người hàng xóm. Và ăn cũng là để cho con bé vui chứ bà chẳng thiết gì đến ăn uống. Con bé chóng lớn quá, mới ngày nào bà còn bồng giúp cho mẹ cô đi cấy, giờ đã cao hơn cả bà. Nó càng lớn càng xinh và bà biết rõ vì sao nó cứ chạy sang nhà bà. Biết nhưng bà coi như không, sợ hé ra con bé mắc cỡ. Trời ơi, thằng nhỏ nhà mình mà về, nhất định là chạy qua nhà con nhỏ đến cả chục bận cho mà xem. Trai đó, gái đó chỉ cách nhau một hàng dâm bụt, ai mà cấm cản được. Mà việc gì phải cấm cản, chỉ việc đem trầu rượu sang là xong ngay.

Ăn xong bà tự đi rửa bát, phơi trên thềm giếng để trả cho cô bé. Lưng bà chưa còng nhưng đôi tay đã hơi run khi cổ kéo gàu nước lên khỏi giếng. Trời nắng gắt. Ánh nắng giữa ngõ

chiếu qua người bà để lại trên thềm giếng một cái bóng đen như hắc ín. Mặt trời cũng chiếu qua anh nhưng chẳng để lại một chút gì. Mẹ anh khoác nước xoa đầu, rửa mặt rồi chậm rãi đi vào nhà. Bà nằm lên võng, khẽ đưa. Nắng rải lên người bà những đốm sáng đến nhưc mắt. Bà thiu thiu muốn ngủ.

Chưa bao giờ trong giấc mơ bà gặp được anh trở về mặc dù hễ chớp mắt là bà nằm mơ. Bà mơ thấy những hạt lúa to như những con heo con ùn ùn chạy vào nhà, mơ thấy những trái mướp dài như một con trăn, mơ thấy đi ra đi vào trong nhà lợp ngói. Nhưng ác mộng thì lúc nào bà cũng thấy anh. Có một lần bà thấy mình đang gánh con tất tả theo đoàn người chạy giặc. Anh hãy còn là đứa bé lên ba, được bà đặt ngồi trong một cái thúng, lúc đầu thích chí cười nắc nẻ nhưng sau đó thì khóc ngằn ngặt. Đoàn người chạy mãi suốt cả tháng không dừng lại. Nhiều người chết bốc mùi hôi mà vẫn cứ chạy. Những đứa bé khát sữa cắn nát cả vú mẹ rồi bú luôn cả máu. Con bà không đủ hơi sức gào khóc chỉ kêu ri ri như dế gáy: con đói mẹ ơi! Tiếng kêu mỏng và bén hơn dao cứa đứt bà từng khúc ruột khiến nó lòng thòng trên đường. Bà thấy người ta giẫm lên ruột mình, rồi ngay cả chính bà cũng đạp nát ruột mình. Đó là giấc mơ hãi hùng nhất, không phải vì ruột bị xéo giày mà vì tiếng kêu đói đứt ruột của con bà. Tiếng kêu kinh hoàng còn hơn cả tiếng bom rơi đạn nổ. Vì vậy lúc nào ăn cơm với con bà cũng ép anh ăn thật nhiều. Bà lại để sẵn khi củ khoai khi trái chuối bên bàn học. Trong chạn bao giờ cũng hãy còn một chén cơm, khi đói anh cứ việc ăn mà không cần phải gọi mẹ. Ngày anh đi lính bà lo nhất là anh ăn không đủ no. Giờ đây, tuy anh chưa về nhưng bữa cơm nào bà cũng nấu thêm phần cơm cho anh. Bà lại bày thêm chén bát và đôi lúc nói ăn đi con, ăn thử món này coi, mẹ mới làm ngon lắm. Cô gái bên kia lại ngóng tai nghe tưởng là anh đã về.

Bên ngoài trời đang chuyển mưa. Những tầng mây thấp ở lưng chừng núi vụt căng phồng lên ôm kín cả bầu trời. Gió đẩy những đám mây sũng nước đen kịt sà xuống mái nhà. Có tiếng sấm rền. Bà vội dậy đóng cửa và tìm thau chậu để hứng nước mưa. Anh bị gió ép sát vào trong góc nhà, đu đưa giống như mạng nhện. Rồi sét đánh ầm ầm tường chừng xé mặt đất ra làm hai. Mưa bắt đầu nặng hạt và một lúc sau chìm ngập cả đất trời. Thau chậu tràn đầy nước. Mái nhà mục nát không còn đủ sức chống đỡ những giọt mưa có sức tàn phá như đạn. Mẹ anh lạnh run ngồi thu lu trên một chiếc ghế gỗ mà nước mưa cứ nhảy chồm chồm muốn lòi bà ngã xuống. Từ đôi môi run rẩy của bà bật ra tiếng kêu: con ơi, con ở đâu sao không về giúp mẹ!

Làm sao anh cất tiếng dạ được, làm sao anh chờ che được mẹ. Phải chi anh có thể trải hồn mình ra che chắn những chỗ dột cho mẹ. Anh ân hận là lúc sống đã không ngó ngang gì đến nhà cửa. Một đôi lần anh còn khó chịu với căn nhà của mẹ. Anh nói, xô quách xuống cho rồi, cất cái khác. Nhưng mẹ anh bảo tiền đâu, lo ăn còn chưa nổi huống hồ là cất nhà. Anh lại bảo, nghèo, nghèo mãi, sao không làm giàu như người ta. Được rồi mai mốt con sẽ cất cho mẹ một cái nhà ngói, chừng đó trời mưa thì mẹ cứ nằm mà ca vọng cổ. Mẹ anh hơi mỉa mai, tao cũng mong được như vậy. Nhìn mẹ ngồi co ro anh thấy thương quá nhưng chẳng biết làm sao. Anh cảm thấy một linh hồn chưa chết thật vô vị. Thà hòa tan trong nước mưa, thấm vào lòng đất rồi theo ngọn rau, hạt lúa mà nuôi mẹ trong lúc tuổi già, còn hơn là lơ lửng giữa đất trời.

Một luồng gió mạnh bỗng xô bật cửa. Một ánh chớp lóe lên sáng rực cả nhà. Người mẹ bắt ngờ trông rõ hình dáng đứa con trai: nó vẫn mặc áo lính, khuôn mặt đầm đìa cả nước mưa và nước mắt.

Lại một tiếng sét, ngôi nhà đổ sụm và linh hồn bé nhỏ của anh bị nước cuốn đi. Lần này là mãi mãi./.

Điên như Kiệt Tấn

Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi!

Thuở còn bé, St Exupéry vẽ một con trăn nuốt con voi mà bao nhiêu người lớn nọ cứ tưởng là vẽ một cái mũ. Cái hồn mộng mị mà người lớn không sao hiểu được ấy, mãi sau này, giữa sa mạc mông mênh, giữa chết và sống, chú mới tìm được người đồng cảm. Đó là một cậu bé mong manh như ánh trăng từ một tinh cầu bé xíu đi lạc xuống trần gian, nhờ vẽ cho một cái rọ bịt mõm. Phải mất một lúc lâu, từ người lớn trở lại làm đứa bé, anh mới vẽ được một cái thùng hình hộp đủ cho trí tưởng tượng của chú bé tin là mình đang nhốt một con cừu.

Hoàng tử bé của tôi ơi! Biết bao người ở khắp nơi trên thế giới đã từng kêu lên như thế. Nhờ cậu mà tâm hồn khô cằn của họ bỗng dựng xanh mướt như cỏ tháng giêng, để cho đứa bé của năm xưa bước đi núng nính. Nhưng họ là những cư dân của phố thị giàu có rộn ràng. Họ reo vui khi tìm lại được thiên đường tuổi nhỏ nhưng với một anh nông dân cho dù là ở xứ Bạc Liêu giàu có nếu một hôm bất ngờ gặp hoàng tử bé thì cũng chỉ biết giương mắt ếch mà nhìn. Vì sao? Vì chú mong manh quá, cao sang quá, con của vua mà lại!

Cho dù Kiệt Tấn đã có bằng đại học ở Canada và đang sống ba mươi năm hơn ở Pháp, tôi vẫn tin ông là một nông dân. Mà lại là nông dân thứ thiệt, chẳng tin, thử đọc *Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi* thì hết cãi. Kiệt Tấn không kêu Hoàng tử bé của tôi ơi mà lại kêu em vịt vàng nhỏ của tôi ơi!, kêu lên giữa Paris hoa lệ, giữa xứ sở của St Exupéry, kêu lên giữa lúc khôn nguôi nhớ về cái tuổi nhỏ quê mùa ở tận Hậu Giang, chỉ mong đến Tết để được ăn thèo lèo cứt chuột!

Mà lại kêu bằng *em* mới dễ thương và dễ ghét làm sao! Dễ thương vì một cậu bé sáu tuổi từng tiu con vịt bé xíu như em út của mình là thương đứt đuôi con nòng nọc rồi, không trệt một ly ông cụ nào. Còn dễ ghét là vì anh dám gọi con vịt bằng em trong khi tôi là vợ anh cho dù đã già nhưng rất hiền lại cứ bị gọi mụ nọ mụ kia! Hay là tại ông điên như Bùi trung niên thi sĩ đã từng kêu các nàng dê bằng em! Kêu sượng miệng quá, ước gì tôi cũng điên được như ông.

Nói vậy mà chơi chữ ông không điên đâu, ông khôn bỏ mẹ. Ông mượn cái chết của con vịt vàng để chửi Pháp, chửi chiến tranh, chửi thằng con bà chủ, chửi luôn cả bà, lại nói kháy cả ông cụ sinh ra mình. (Cái chi tiết bà chủ đi ra bờ ao xả nước thải bị con vịt xiêm cồ cuồng dầm rĩa cái bàn tọa la chỏi chói đã lạ rồi mà ông bố bảo gặp tao, tao cũng rĩa hướng hồ là con vịt, quả thật là có một không hai trong văn chương Việt).

Xin được trở lại với em vịt vàng. Câu chuyện bắt đầu bằng một cái trứng vịt (trứng sinh ra vịt đấy nhé, đừng có cãi cù nhày nữa). Cậu bé Kiệt sáu tuổi một hôm nhặt được một cái trứng giữa đám ruộng trước nhà. Cậu lấy mực đánh dấu rồi nhờ con vịt xiêm mẫu hậu ấp nở giùm. Con vịt xiêm là mẹ nuôi còn cậu tự xưng là anh ruột. Nhưng vịt vàng xinh xinh lại tưởng mẫu hậu là mẹ ruột nên suốt ngày cứ lẻo đẻo chạy theo. Và rồi một hôm trước tết, bị một đoàn xe nhà binh và xe thiết giáp của Pháp cán chết.

Chỉ có vậy thôi, nhưng tôi nghĩ Trường hặn ca của Bạch Cư Dị khóc Dương Quý Phi, hay Tự Đức khóc Trịnh Bằng Phi cũng không làm ly não nuốt bằng chú bé Kiệt Tấn khóc em vịt vàng của mình. Không bằng, bởi vì cái chết của con vịt vàng tội nghiệp quá. Mười mấy chiếc xe mười bánh và xe tăng xích sắt kêu loảng xoảng cán qua thì còn gì là xương thịt. Không bằng, cũng bởi ông quan tư mã áo xanh và ông vua ốm yếu mặc hoàng bào ấy dẫu sao cũng đã là người lớn. Mà người lớn thì đã chắc gì khóc thiệt nhất là khóc bằng cách “*đập cổ kính ra tìm lấy bóng/ xếp tàn y lại để dành hơi*”

Có một thời tôi cũng đã khóc con chó mực của mình, nhưng khi cột ba đồng tiền vào cổ liệng xuống sông là hết khóc ngay. Có đâu như Kiệt Tấn, qua Canada rồi qua Paris mà vẫn còn khóc đến tận bây giờ. Xem cái đoạn cậu bé sáu tuổi phải mất một buổi ngồi nhặt từng sợi lông, cạy từng chút đất sỏi dính máu dính thịt bỏ vào tờ báo gói đem đi chôn, tôi không khỏi liên tưởng đến người mẹ Gio Linh *ngheyn ngào không nói một câu mang khăn gói đi lấy đầu*. Có biết bao người mẹ đi nhặt xác con, người chị đi nhặt xác em, người vợ đi nhặt xác chồng trong cuộc chiến dài lê thê vừa qua! Bây giờ ông hãy còn khóc là khóc cho bọn họ, những nạn nhân không tên không tuổi ở quê hương mình.

Cái tuổi thơ của những người Việt nay sáu bảy chục tuổi là vậy. Mất mát nhiều quá. Chỉ một con vịt vàng bé xíu kêu lép lép đã đau như thế huống hồ mất mẹ, mất cha, mất cả quê hương. *Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi! Từ ngày em bị chiếc xe nhà binh mười bánh và chiếc xe tăng nghiền nát, cuộc chiến tranh không ngừng tiếp diễn khốc liệt ở quê hương hai anh em mình* Tôi tô đậm sáu chữ này để khắc sâu một lần nữa cái quê hương đang đặng ba mươi năm chiến tranh khiến một người giàu xúc cảm như ông xót xa khi nhớ tới. Con vịt vàng bé xíu bị hàng chục chiếc xe mười bánh và những chiếc xe tăng nghiền nát sao giống với thân phận của nước Việt mình quá.

Năm nay đào lại nở, năm nào đào chẳng nở, nhưng ông chẳng nhớ tới ông đồ già, cũng chẳng nhớ tới một nhân diện đào hoa tương ánh hồng nào, lại càng không nhớ tới một tà áo tiểu thư hay tóc vàng sợi nhỏ mà nhớ tới em vịt vàng nhỏ của mình. Nhớ tiếng kêu lép lép, nhớ màu lông vàng tức là nhớ tới cái xóm Mới tuy nghèo vẫn rộn ràng đón xuân. Nhớ tài kho thịt của cha, quần áo mới do má xỏ kim may có hai túi thằng hai bên coi cũng le lói lắm. Trên tầng thứ mười lăm của một cao ốc lạnh lẽo ở ngoại ô Paris, ông nhớ thương quê cha đất tổ còn hơn bà huyện Thanh Quan *nhớ nước đau lòng con quốc quốc / thương nhà mới miệng cái gia gia* khi đi qua đèo Ngang.

Ông Kiệt(không có chữ Trụ) ơi, bắt chước một câu thơ nổi tiếng, tôi cũng kêu lên rằng, ông ơi, ông ở rất xa/ mà sao tôi thấy rất là ViệtNam. Ông đã là dân Paris rồi nhưng không mất gốc, những người đã gần bảy chục tuổi đầu mà còn biết nhớ tới con vịt vàng bé xíu là không bao giờ mất gốc. Nhớ như rết được cắm sâu ở rừng Cà Mau thì sóng gió nào nhỏ bật lên được.

Cũng đừng bảo rằng chuyện một con vịt be bé bị xe cán có chi đâu mà phải ảm ỉ. Hãy nhớ rằng đối với một đứa bé sáu tuổi, con vịt xấu xí đó đã được cậu yêu thương hơn cả cha, yêu như yêu mẹ đó, thì trên đời này không có gì to tát bằng. *Yêu nước, yêu dân*, cậu không biết yêu ra làm sao, nhưng bảo yêu con vịt từ lúc xí được cái trứng cho đến khi biết kêu lép lép là cậu hiểu được và yêu được. Yêu mãi cho đến già, đến chết.

Trở lại câu chuyện Hoảng tử bé. Tác giả bảo cảnh đẹp nhất là cảnh vẽ một ngôi sao cô độc trên nền trời sa mạc. Còn đây là cảnh đẹp và buồn nhất mà ông Kiệt vẽ ra cho tôi, một người đồng niên ở tận quê nhà: *trên cụm mây xa thiệt xa, tôi hình dung một đứa nhỏ sún răng đang ôm con vịt vàng nhỏ của mình trong lòng và hai anh em đang bồi hồi ngó xuống trần gian ngắm thiên hạ nở pháo rộn ràng đón Xuân...*

Cảm ơn ông đã cho tôi sống lại thuở lên năm lên sáu bằng một truyện nhỏ đầy chất dân dã mộc mạc như những câu hát buồn muốn chết mà thương cũng muốn chết trên Cửu Long giang.

Ờ, đào lại nở trên đất Paris! Lại một mùa xuân rung rúc hoa đào làm lạnh thêm một người xa xứ. Để ấm lòng, ông Kiệt Tấn hết nhớ em vịt vàng bé xíu lại nhớ đến những người đàn bà mà có lẽ chỉ có ông trên đời này mới nhớ tới họ mà thôi.

Những người đàn bà ấy, một bà lượm lon, một bà bán càrem, một bà bán đậu phộng. Ba người ấy là những “mối tình đầu” theo như cách nói của ông. Mối tình đầu của tuổi học trò! Ông có đùa dai không đấy. Sao không là Diễm để những chiều mưa sao em không lại? Sao không là Ngọc để theo Ngọc về? Sao không là người em xóm học để em ơi “khoóc” đi em? Mà lại là những bà cụ hom hem chít khăn mỏ quạ đi dép Nhựt cũ đến nổi cao su bè ra, hoặc đội một chiếc nón rách tơi tả, hoặc để đầu trần đi cẳng không, áo trắng rách lưng đã ngã màu vàng xỉn! Yêu lần đầu mà yêu như thế, bảo sao người ta không bảo ông điên!

Người tình đầu thứ nhất ông gặp ở xóm Hàng Xanh. Mới Tết xong ba bữa đã lại hỏi: *thưa ông cho nhà cháu hỏi thăm, còn mấy hôm nữa thì là tết ạ? Còn lâu lắm cụ ạ! Thế hở ông? Thế mà cháu quên mất, làm phiền ông quá. Ông cho nhà cháu xin lỗi.*

Những câu nói làm tôi bồng giật mình. Cụ bà đồng bằng bắc bộ di cư ấy những năm mươi năm trước đây sao ăn nói lễ phép và lịch sự đến như vậy. Chả bù với bây giờ, nào nỡm, nào cút xéo ngay không bà đánh cho nát mặt!

Và cụ lại hỏi: *Phiền ông cho nhà cháu hỏi thêm. Ông có biết nhà ông Đa ở lối nào, xin ông chỉ hộ cho nhà cháu!* Lịch sự hơn cả Tây, hơn cả Mỹ!

Ông Đa là ông nào, có trời mà biết, nhưng bà cụ lượm lon cứ quanh quẩn ở xóm Hàng Xanh hỏi mãi. Ông Kiệt đoán chừng có thể là người tình cũ lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm, cũng có thể là người chồng đi lạc lúc trốn lên tàu di cư vào Nam. Một cụ bà còm cõi lần thần đi tìm người xưa cứ tới lui hỏi mãi khiến ông Kiệt đa đoan của chúng ta “yêu” lúc nào không hay. Vì yêu nên thương. Vì thương nên lo. Vì lo nên sợ. Và ông sợ rằng, *xe tăng thiết giáp rần rần rộ rộ kéo lê những khẩu đại bác dài ngoằng băng qua xóm Hàng Xanh một ngày nào đó sẽ làm cho cái khăn mỏ quạ, đôi dép Nhựt bồng, mấy cái lon vừa lượm được văng tung toé và trái tim vẫn còn ấp ủ hình bóng người xưa còn đập, nháy trên mặt đường!*

Người tình đầu thứ hai là một bà già bán cà rem lúc tác giả còn học tiểu học. (Yêu sớm quá ông Kiệt nhỉ?). Không như bây giờ, kem đông cứng thơm ngon đựng trong thùng xốp, kem của sáu mươi năm trước xanh đỏ toàn nước đá đựng một tí là vỡ tan, lại giữ trong tẹt mốt làm bằng thủy tinh, nên người bán phải nâng niu ôm giữ trong lòng.

Bà không thể chạy theo khách hàng là đám học trò nghịch phá như quý, không thể cạnh tranh với bọn con trai ma mãnh bày trò đồ xingầu để vét sạch túi bọn nhỏ. Bà chỉ ngồi một chỗ vầy vầy cái chuông bằng đồng bóng loáng, leng keng, leng keng mòi mọc *như con chó hiền lành chỉ chò có người ngó là vầy đuôi ngoắc!* Bà già nghèo xấu xí đó không ngờ hiện ra dưới mắt cậu bé Kiệt thân thương đến nỗi cậu thấy đó là *má tôi đang ngồi chồm hổm. Gọi má ngon lành, má tôi tay xách bình cà rem, đứng ngó thẳng con trai của bà đang xếp hàng đi vào lớp.*

Yêu như ông đúng là điên thật, một người điên vô lượng thanh khiết, dẫu tôi có muốn điên cũng đâu có dễ.

Người tình đầu thứ ba là một bà già bán đậu phộng ở bến xe Mỹ Tho. Bà cũng rách rưới, xập xệ nhưng lúc nào cũng sẵn sàng tặng không một nụ cười móm mém cho khách. Cũng như bà bán cà rem, bà không thể nào tranh khách được với các cô gái nhanh nhẹn trẻ trung. Vì vậy bà bán ế. Mà càng ngày càng ế ảm hơn nữa vì bà buộc phải bán đậu lép. *Trời hỡi! Sao khốn cùng*

tới mức phải đi bán đậu lép! Tác giả kêu lên nghe đứt ruột. Đứt ruột vì một người biết việc bán đậu lép là không lương thiện mà vẫn cứ phải bán. Dù có lí nhí cảm ơn, dù có tặng không bao nhiêu nụ cười thì trong lòng bà vẫn nặng trĩu xấu hổ xót xa. Con trai đi lính chết, con dâu phải tần tảo nuôi con. Hạt chắc cô dâu luộc bán ban ngày, hạt lép để bà lập lòe đánh lận con đen lừa bán trong đêm. Có vậy mới kiếm được chút tiền lời nuôi mình và nuôi cháu! Thế là những người nghèo muốn sống lương thiện cũng khó mà sống được. Cứ phải dối gạt một chút. Một chút nhưng mà cả một đời dài thì dối gạt bao nhiêu?! Cho nên những hạt đậu ấy tan vào miệng ông đắng chát.

Ngồi ở tầng cao Paris bên ly rượu vàng sóng sánh mà ông không nhắm nháp được hương vị nồng nàn của mùa xuân vì ông nhớ ra không chỉ ở Hàng Xanh, ở sân trường tiểu học Bạc Liêu, ở bến xe Mỹ Tho mà còn ở bến phà Rạch Miểu, Cần Thơ, Vàm Cống...nhiều không đếm hết những *bà già quê hương, những bà có làn da nhăn thom tho mùi đất, có nụ cười rì rào tre trúc, có bàn chân nứt nẻ phủ sa, có trái tim từ bi vô lượng đã bơm máu vào rún tôi từ thuở còn trong bụng mẹ.* Những bà mẹ Việt Nam không một chút anh hùng, những bà mẹ bình thường của bao nhiêu năm chinh chiến. Vẫn còn đó những mối tình đầu của ông. Vẫn còn đó cho dù thời gian qua mau và cuộc sống quay cuồng khiến chúng ta vô tình hay ơ hờ không thấy.

Ông Kiệt (không có Trụ) ơi, đọc xong truyện này tôi thấy mắc cỡ quá. Mắc cỡ vì tôi đã từng gặp bao nhiêu người lượm lon, bán cà rem, bán đậu phộng, bán chuối chiên, cóc ổi xoài như ông mà sao lòng tôi lúc ấy và cả đến bao năm sau vẫn cứ dửng dưng. Tôi không khinh họ nghèo vì tôi có giàu có gì hơn đâu, nhưng tôi lại chỉ động lòng trắc ẩn với những người ăn mặc lành lặn và nói ra ông chớ cười, xinh đẹp một chút, trẻ trung một chút, sẵn sàng lao vào dòng xe cộ như mắc cửi để nhặt cho nàng một chiếc khăn rơi, hay gồng mình làm Lục Vân Tiên trước bọn lục lâm thảo khấu cho dù sau đó ôm đầu máu vì dở hơi trói gà không chặt. Tôi nào dám gọi một bà bán cà rem, bà lượm lon hay bà bán đậu phộng bằng *má* một cách thực lòng như ông.

Nhiều người khen ông là bỏ tất nhưng tôi không nghĩ vậy. Ông yêu họ một cách thực lòng vì cuống rún của ông chưa lìa, vì mùi bùn đất phủ sa vẫn chưa rửa sạch ở tim ông dù ông đang sống ở Paris. Sống ở Paris mà lòng ông thì ở Bạc Liêu, ở Việt Nam, còn tôi và chắc cũng có nhiều người khác sống ở Việt Nam mà hồn mộng ở tận Paris hay Nữ Ớc! Sống xa quê hương mà ông lại nhớ, lại yêu. Còn tôi sống giữa quê hương mà lại quên lại ghét. Đôi khi ghét quá vì nghèo đói, vì tụt hậu, vì ...hàng trăm thứ...!

Có ngứa ngáy cầm bút một đôi khi, tôi mới thấy viết được một truyện như ông viết, nếu có phải lăn ra chết thì cũng thực là sướng. Sướng vì ít ra cũng làm được một việc nhỏ có ích cho mình và cho đời. Mà đọc lại cho kỹ thì thấy ông đâu có viết, ông chỉ trải lòng mình ra, không như trải thảm đỏ ở nhà hàng khách sạn hay các cuộc đón rước phương diện quốc gia quan trên ngó xuống người xa trông vào, mà là trải như lúa rạp mình trên đồng ruộng, như nước phù sa đọng đưa vào tận thềm nhà, trải như ghé con gọi mẹ như cháu sà vào lòng bà. Tự nhiên phơi hết gan ruột chứ không kỳ khu gọt dũa, không làm văn theo kiểu cách tân.

Ông Kiệt ơi, cảm ơn ông đã cho tôi tìm gặp lại quê hương ngay chính giữa quê hương mình.

Tôi cũng như ông, chỉ mỗi một quê hương chiến tranh nghèo đói, nhưng đó là một quê hương thật với những *bà mẹ quê hương*, mà dù có đi khắp năm châu bốn bể cũng không dễ gì tìm ra được. Ở, cũng như ông, tôi yêu họ, dù đây là tình cuối chứ không phải tình đầu....

Phụ đính:



Những tháng năm cuồng nộ

Một nơi không ngày tháng

Tôi chỉ là một công dân hạng hai cầm bút chứ không phải là nhà văn. Lại càng không phải là nhà văn có thương hiệu cho dù là cấp xã hay cấp nhà nước. Tôi viết trước hết cho các con tôi vì chúng rất mù mờ không hiểu cha ông chúng đã sống và đã chết như thế nào trong suốt hơn nửa thế kỷ giông bão vừa qua.

Tôi có người bạn bảo bây giờ viết như Kinh Kha buồn. Nghĩa là biết chẳng tới đâu mà vẫn phải cầm lấy bút như cây chủy thủ. Tôi nghĩ còn hơn Kinh Kha buồn vì sông Dịch bây giờ chẳng những lạnh mà hoang vắng đến rợn người. Chẳng có một tân khách nào dám tiến đưa. Cái đất Tần ấy lúc này đang ngút trời gươm đao bất trắc.

Từ lúc nạn đói năm Ất Dậu đến nay có bao nhiêu triệu công dân hạng hai Việt Nam đã chết? Hai triệu? Năm triệu? Hay mười triệu? Chết vì đói, vì thủ tiêu, vì đấu tố, vì tố cộng, vì Mậu thân, vì cải tạo, vì vượt biên... Cho dù ở bên nào họ cũng chỉ là những nông dân nghèo, cả đời khát khao mảnh vườn thửa ruộng. Chính vì vậy mà họ bị lừa phỉnh, bị lợi dụng, bị sai khiến. Cho đến bây giờ những kẻ sống sót cũng không còn là những nông dân thuần Việt như xưa.

Cái làng An Định không có trên bản đồ Việt Nam nhưng nhất định là có trong tâm tưởng của nhiều người. Và số phận của họ cũng trôi nổi như nhân vật bị thả trôi sông. Con sông ấy là con sông lịch sử.

Tôi không đủ sức viết dài, chỉ tóm gọn non 200 trang. Những tháng năm ấy với bao nhiêu khổ đau, bao nhiêu uất hận tôi định sống thì giữ chặt trong lòng, chết thì mang theo. Nhưng giữ không được nên phải bật lên hai tiếng kêu cuồng nộ.

Cũng như nhân vật chính trong truyện vừa mới sinh đã bị đem thả trôi sông, tôi thả tác phẩm của mình lên mạng. Sống chết thế nào là số phận của nó. Dù sao tôi cũng xin được cảm ơn.

Trân trọng,

K. Đ

Dâng tặng Quê hương tôi và dâng tặng Bà tôi

** Tất cả tên người, tên làng, chức danh đều được hư cấu. Mọi sự trùng hợp là ngoài ý muốn của tác giả.*

1.

Người đã sinh ra tôi nhưng không dám nhận tôi là con chắc vẫn muốn cho tôi được sống. Bởi vì, mặc dù thả tôi xuống sông, nhưng bà vẫn cẩn thận đặt tôi vào lòng một chiếc nắp bầu có trét dầu rái và đắp lên ngực tôi một chiếc yếm mà mãi sau này tôi vẫn còn nghe phảng phất mùi mồ hôi.

Dòng sông đưa tôi đi vô tình như bao lần đưa những xác súc vật mà người ta vẫn thường ném xuống. Nếu hôm đó không có một người đang đãi cát tìm hến và không có một cơn gió nhẹ bất chợt thổi qua đưa cái nắp bầu tấp vào chân bà thì không biết số phận của tôi trôi nổi đến bờ bãi nào và liệu tôi còn có đủ cơ may để mà sống sót ở đời hay không!

Cô Sáu nói, lúc đầu tao hoảng hồn tưởng là ma da định bỏ chạy lên bờ, nhưng nhìn kỹ thấy cái mặt mày tím ngắt, tao vội vàng mang cái nắp bầu chạy thẳng vào lều. Tao giặt đại một tấm tranh đốt lửa để sưởi ấm cho mày. May quá, nhà có con chó mới đẻ, tao nhét thử cái vú nó vào miệng mày, trời ơi, mày bú ngon lành!

Như vậy, cô Sáu nói tiếp, con chó đó cũng như mẹ của mày. Ừ thì là mẹ của tôi, hay đúng hơn nó coi tôi như một trong bầy con của nó. Ngoài việc phải nằm phơi bụng ra cho tôi bú, nó còn dọn sạch cả cứt đái do tôi thải ra. Nó thường đưa cái lưỡi dài liếm láp khắp mặt mũi mình mẩy tôi. Nhờ vậy tôi trui trụi lớn lên, không bị ghê chốc đầy mình như những đứa con nhà nghèo khác.

Cái ngã ba sông vắng lặng và buồn hiu bỗng trở nên ồn ào khi tôi được đồn thổi là chó đẻ ra người hay tệ hơn là người lấy chó đẻ ra tôi! Không ngày nào là không có người đến xem và mặc dù chẳng ai dám tới gần vì con chó cái canh giữ tôi quá cẩn thận, nhưng khi ra về ai cũng bảo đích thị chính con chó ấy đã đẻ ra tôi.

Khi cô Sáu đem tôi xuống chùa Thiên An xin “bán” cho Phật để lữ ma da ở ngã ba sông không chìm chết tôi, người khắp nơi kéo đến xem còn đông hơn cả đi lễ rằm tháng bảy. Mặc cho con chó nhe hàm răng trắng nhọn ra gầm gừ hăm dọa, người ta vẫn cứ vạch đất tôi ra xem có cái đuôi như đuôi chó hay không. Người ta còn kéo cả chim vừa cười vừa bảo là giống hết c... chó!

Cho dù tôi có do người hay chó đẻ ra, ngài hoà thượng vẫn xem tôi là một sinh linh bé bỏng cần được Đức Phật chở che, nên ngài đã nhẹ nhàng bọc quanh tôi một tấm vải màu vàng, vừa niệm Phật vừa luồn tôi vào giữa bụng một cái đại hồng chung, bảo đệ tử nện đúng mười hai chày đến nỗi lúc nào tôi cũng nghe như có tiếng chuông ngân nga ở trong đầu!

Vì đã vắt hết sữa cho tôi bú nên con chó teo tóp không còn đủ sức để đái gì nữa. Nó thành bạn suốt ngày chơi đùa với tôi. Nó thường rít lên những tiếng ư ừ, sủa hắc hắc rồi vụt chạy cho tôi đuổi theo. Khi đuổi kịp, nó liền nằm lăn ra đất để cho tôi nằm đè lên. Nó rới rít đưa cái lưỡi liếm khắp mặt tôi như thể tôi vừa đi đâu xa mới về. Chơi chán, tôi và nó cùng nằm lăn ra ngủ. Khi cô Sáu đem tôi xuống sông tắm rửa, nó vẫn chưa thôi cái cơn đùa giỡn. Nó bơi tít sang bờ bên kia đứng chốc mỏ lên mà sủa. Rồi nó lại lộn qua đuổi theo cô Sáu, chạy quẩn quít khắp nhà. Cô Sáu phải nện một cán chổi vào lưng, nó mới chịu nằm yên.

Một hôm, tôi và nó cùng chơi và cùng ngủ cạnh nhau như thế, thằng thủ ngữ Đực chuyên ăn trộm chó, đã lén quăng dây thòng lọng vào cổ nó, lôi đi. Khi cô Sáu tìm được thằng khốn nạn thì “người mẹ” tội nghiệp của tôi chỉ còn lại cái đầu đang bị nó gặm nham nhở!

Cô Sáu, người đã cứu vớt tôi khỏi cái chết của một đứa bé vừa mới sinh đã bị đem thả trôi sông, người đã nuôi nấng dạy bảo nhiều khi đánh mắng tôi, người mà tôi thiết tha muốn gọi mẹ nhưng cô vẫn không cho. Cô nói, tao chưa có chồng sao lại có con được. Mày cứ gọi tao bằng cô, khi nào tìm được người đã đẻ ra mày thì hãy gọi mẹ. Đâu phải bạ ai cũng gọi là mẹ được.

Nhưng biết đến bao giờ! Cứ như lời cô phỏng đoán thì mẹ tôi phải là người ở thôn An Đông chứ không ở đâu xa lạ. Nếu ở xa thì khi vớt được cái nắp bầu lên, là tôi đã chết cứng từ lâu rồi. Và cũng bởi vì chỉ có ở An Đông chuyên nghề làm cốm mới có những chiếc nắp bầu trét

dầu rái để tránh nước mưa và giữ cốm cho dòn. Tôi đã đi khắp An Đông, chui vào các lò cốm, để mặc cho người ta đùa cợt sờ nắn, nhưng vẫn không biết ai là người đã để ra mình. Mà dầu cho có ai đó thì cũng không chắc đã đủ can đảm để nói với tôi rằng, ta chính là mẹ của con để cho tôi được sung sướng gục đầu vào lòng mà khóc gọi Mẹ !

Tuy cô Sáu không cho tôi gọi mẹ, nhưng lòng tôi lúc nào cũng thầm gọi cô là Mẹ. Mẹ Sáu, Mẹ Sáu ơi ! Tôi gọi thế khi tôi ốm đau, khi tôi tuyệt vọng. Người cô thấp nhỏ, đen, một con mắt gần như bị chột vì một cành tre đâm phải. Tôi không biết cô bao nhiêu tuổi, nhưng trông cái dáng người khô đét như trái mướp khô, miệng lúc nào cũng nhai trầu bồm bồm, cô đúng là bà ngoại và tôi là đứa cháu nhỏ.

Nhà cô, thực ra là cái chòi rách của cô, nằm ở địa đầu thôn Trung Lương. Đó là một doi đất mà những cơn lụt mỗi năm tràn qua đã cuốn hết đất màu, chỉ còn trơ lại cát gọi là đồng cây Sanh. Gọi là đồng nhưng chẳng có một cọng lúa hay cây bắp nào, chỉ lơ thơ một vài cây sậy lúc nào cũng nghiêng ngã trong gió như những người say rượu. Vào mùa nắng, những cơn gió nam thổi bắt nhau trên bãi, tung cát lên cao, uốn lượn một hồi rồi trút cả xuống thôn Trung Lương. Cát trên mái nhà, trong buồng ngủ, trong mâm cơm, cát nhiều đến nỗi cả một xóm đầu thôn phải bỏ đi nơi khác, chỉ còn lại mỗi một chùa Thiên An phơi mình ra chịu trận.

Đồng cây Sanh mỗi năm một phình to ra và cái ngã ba sông càng ngày càng hoang vắng hơn. Khi mùa mưa tới, chỉ trong một vài ngày là cả cánh đồng mênh mông như biển. Cô cháu tôi phải đem nhau vào trú trong mả Thập Miên. Đây là những ngôi mộ cổ nằm san sát bên nhau như những con trâu được ai đó lừa lên gò để tránh lụt. Cô cháu tôi mỗi người chui vào một nhà mồ thấp lè tè, che gió bằng một tấm tranh rồi nằm cuộn tròn trong đó suốt đêm như một con cuốn chiếu. Bên ngoài, gió rít lên the thé, sục sạo từng ngôi mộ như đang lùng kiếm lũ quỷ không đầu cũng đang lẫn trốn đâu đó.

Cô Sáu nói, mấy mươi năm trước dân các làng nổi lên làm giặc. Họ là những người đàn ông trong tay chỉ có mỗi một cây rựa nên gọi là giặc Rựa. Họ cắt phẳng bụi tó, rùng rùng kéo nhau lên phủ xin giảm xâu giảm thuế. Quan phủ hoảng sợ phải đóng cửa thành. Họ liền tràn vào các vùng phụ cận, gặp ai để búi tó là đè ra cắt phạp. Họ tung hoành đến cả tháng. Mãi đến khi quan công sứ cho lính Pháp hợp cùng với lính tập vây bắt suốt mấy ngày mới dẹp được yên. Bọn họ bị triều đình khép tội làm giặc và những ai ở ba làng An Định, An Đông và Trung Lương đều bị đem chém ở đồng cây Sanh. Đầu của họ bị đem bêu trên những cái cọc cắm ven đường, còn xác thì đem chôn ở bãi cát. Chỉ một mùa lụt là bao nhiêu cái xác không đầu đều bị nước cuốn trôi, xương trắng lã lóc khắp cả cánh đồng, vung vãi tận các khu vườn ở thôn Trung Lương. Hoà thượng chùa Thiên An cho các sư sai đi thu nhặt, gom thành một đống lớn hoả thiêu rồi lập đàn giải oan.

Mặc dù nhà chùa đã tụng kinh siêu độ đến bây giờ, nhưng nỗi oan to lớn quá nên những con ma không đầu không thể nào siêu thoát được. Chúng biến thành quỷ cứ rên rĩ khóc than mãi. Trời nắng chúng quay cuồng thành cơn gió trốt, trời mưa chúng biến thành những đám ma trời lập loè. Một đôi khi chúng biến thành người cùng đi với khách bộ hành, cũng hỏi han chuyện trò, đến khi nhìn mặt mới biết là không có đầu!

Nhưng, vẫn theo lời cô Sáu, những con ma đã biến thành quỷ ấy tuy đáng sợ thật, nhưng những con quỷ sống mới đáng sợ hơn. Đó là những bọn ăn mày chúa. Chúng tụ tập thành bầy đến vài mươi đứa tôn một thằng lên làm chúa. Ngoài việc ăn mặc lôi thôi rách rưới đã đành, chúng còn bó vào chân nào đầu tằm ruột cá để ruồi nhặng bám theo vo ve như đàn sáo. Thằng chúa nằm ngheu ngệnh trên một cái võng rách để cho hai thằng mù khiêng đi xiên xẹo, hai bên lại có hai cái lọng bằng nón cời do hai thằng thợ cầm. Việc đầu tiên khi vào được nhà ai là chúng tìm cách chọc cho chó cắn. Chỉ cần một con chó hung hăng ngu dại nào đó dớp một phát vào một đứa trong bọn là y như rằng bọn chúng trúng lớn. Cả lũ tức thì nằm lăn ra đất, vật vã kêu gào như đang bị ai thiến. Chúng nằm đó suốt ngày, hết khạc nhổ đến ỉa đái cho đến khi chủ nhà chịu hết xiết, phải đem gạo thịt tiền bạc ra van xin hết lời chúng mới chịu đi cho!

Vì vậy, khi nghe tụi ăn mày chúa kéo tới đầu làng, nhà nào cũng vội vàng nhốt chó, đóng chặt cửa như trốn giặc. Những nhà giàu phải đem gạo tiền ra tống tiễn để chúng đi qua

làng khác. Cả đám hương lý cũng phải xén bớt quỹ làng, ngọt ngào năn nỉ nếu không chúng tôi nằm vạ trước đình làm ô uế đến cả thánh thần. Ngã ba sông là nơi chúng ưa thích dừng chân. Từ đây, chúng tôi đi tới các làng ven sông mà không bỏ sót một làng nào. Chiều tối chúng kéo nhau về bãi cát thào bỏ những thứ dơ dáy hôi hám, tắm tấp kỳ cọ rồi tươi tỉnh ăn uống no say. Chẳng đứa nào cảm. Cũng chẳng thằng nào chốt, con nào què. Đứa nào cũng mạnh khỏe béo tốt. Thằng ăn mày chúa lại có cả vợ hầu, cơm rượu xong lại rùng mỡ rúc rích suốt đêm. Có lần chúng đem gạo thịt tới cho cô Sáu nhưng cô không thèm nhận. Cô bảo thà chết đói chứ không bao giờ đụng vào cửa bất nhân.

Cô Sáu kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện như thế, nhưng không hề nói cho tôi biết một chút gì về gốc gác của cô. Cô bảo, tao cũng là đồ trôi sông lạc chợ như mày, có hơn gì đâu mà nói. Ngay cả tên cô nghe cũng rất lạ đời, đàn bà ai lại đặt tên Chơi. Nhưng cô cười bảo tao ham chơi quá, người ta chửi mãi lâu ngày thành tên.

Nói vậy chứ cô là người rất chăm làm. Sống bằng nghề đi mót, đánh tranh giũ rạ thì chơi thế nào được. Có điều cô làm những việc tẩn mẩn buồn bã ấy một cách rất nhẹ nhàng vui vẻ, làm mà cứ như chơi vậy.

Thường thì bọn đi mót vừa đồng vừa gian không thua gì bọn ăn mày chúa. Họ lấy có đi mót để rút trộm lúa, bẻ trộm bắp, nên chủ ruộng nào cũng đem theo một cây roi dài để thả sức mà quát lên lừng lên nống. Cô Sáu tôi không muốn bị đánh như đánh chó. Đợi cho lúa được bó xong gánh hết về nhà và cả bọn cướp cạn kia bỏ đi, cô cháu tôi mới xuống ruộng gom hết những hạt thóc rơi trước khi lũ vịt chạy đồng kéo tới. Chúng tôi cũng quét cả lúa rụng trên đường đi mặc dù có lẫn cả đất và phân trâu bò. Nhưng có hề gì, sau đó cô tôi đem hết ra sông đãi, chỉ trong chốc lát là có cả một mớ lúa vàng. Mót như thế thì chẳng ai thèm tranh với cô cháu tôi ngoài một vài con chim sẻ chim cu thỉnh thoảng sà xuống đớp vài hạt. Mùa mưa nước ngập đồng thì chúng tôi lại kiếm khá hơn vì bọn đi mót giả bộ kia không chịu được ướt át lạnh lẽo. Chúng tôi nhiều khi được thợ gặt chừa lại cho cả một vạt lúa ngập trong bùn.

Những lúc không có gì để mót, cô tôi đi giữ rạ đánh tranh để người ta lợp nhà. Cô tỉ mỉ dùng liềm gạt những hạt thóc còn sót lại trong rạ trước khi giữ cho rơm bung ra, chỉ để lại những cọng rạ thẳng và cứng. Sau đó cô dùng những chiếc hom tre và với cách thức trong nghề, cô đan thành những tấm tranh rất đẹp. Tiền công cho mỗi một tấm tranh chẳng được bao nhiêu nhưng cô được rất nhiều lúa, tuy gạo có mùi dầu hơi nhưng vẫn đủ ăn quanh năm.

Sau mỗi mùa lụt, cái bãi cát ở ngã ba sông rất nhiều hén. Cô đem một cái rổ thưa cứ việc xúc đầy cát rồi để nước cuốn đi chỉ chừa lại những con hén vừa ngọt vừa béo mà ai cũng thích. Chính trong một lần như thế cô đã cứu sống tôi.

Cô Sáu tôi như thế đó, rất nghèo hèn cơ cực, nhưng ngoài con chó cái một thời vừa là mẹ vừa là bạn của tôi, thì chính cô là người đàn bà tử tâm mà phước đức lắm tôi mới gặp được trong đời.

2.

Chúng tôi sống nghèo khó nhưng yên lành như thế cho đến một hôm chết khiếp vì sợ.

Hôm ấy là một buổi xế trưa, trời không có gió nên rất nóng. Cô tôi vừa tắm từ dưới sông lên đang phơi áo trên mấy cây sậy. Bỗng nghe đất cát kêu rào rào, chỉ trong chớp mắt đã thấy hai sĩ quan Nhật, kiếm dài sát đất đang đứng lù lù trước mặt. Một người nữa mặc áo Tàu, hai tay bị trói quặt ra sau lưng. Cô tôi vội núp sau mấy cây sậy, còn tôi thì túm lấy ống quần của cô che mặt.

Một sĩ quan liền rút kiếm nghe đánh soạt chỉ thẳng vào cô tôi, ậm oẹ một tràng tiếng gì đó như quát tháo. Cô tôi chấp hai tay sụp xuống đất: “Lạy các quan tha cho chúng con!”. Tôi cũng bị cô kéo ngã chưa kịp khóc theo, đã nghe lơ lớ: “nó piều nị lòi thỉ cho nó coi ló!”. Cô tôi liền giật phăng tôi ra khỏi quần, lội ào xuống sông mặc cho tôi khóc thét lên vì sợ. Hai sĩ quan Nhật liền đẩy người Tàu ngã chúi về phía trước. Qua tới bờ bên kia họ tra gươm vào vỏ, nghe

cũng ớn lạnh như lúc họ rút ra. Ớn trời, cô tôi không bị chém lại còn được cho một đồng bạc. Đó là lần duy nhất chúng tôi thấy quân Nhật và cũng là lần đầu chúng tôi có một đồng bạc gánh dưa.

Sau khi hoàn hồn, cô tôi lấy chiếc yếm của người mẹ đã từng đắp lên ngực tôi, cẩn thận gói đồng bạc rồi đem lót dưới cái gối rơm của tôi. Cô dứ dứ ngón tay vào trán để đe tôi không được lấy cắp. Cô cười bảo, để mai một cưới vợ cho mày!

Liên sau đó cái tin ông Bang Tềng bị Nhật bắt được bàn tán ồn ào ở cái xóm Miếu bên kia sông. Người ta bảo Nhật nó sẽ tắm dầu lên người ông ta rồi đốt để ông ta chạy coi chơi vì cái tội quyền tiền giúp Tàu đánh Nhật. Nó đã từng mổ bụng con ngựa bị chết ra, nhét người đàn bà dám lấy mật cưa trộn cám bán cho ngựa nó ăn. Thì bây giờ cái chuyện thiêu sống hay mổ bụng đầu có khó khăn gì. Người ta nói tới Nhật như nói tới một hung thần dữ dội chưa hề tha chết cho ai bao giờ. Vậy mà cô tôi đã khỏi chết lại còn được cho tiền. Quả thật là may! Cô tôi đâu biết được rằng chỉ ít năm sau, cái việc “lợi thí cho nó coi” lại là một cái tội đáng bị đem ra xử bắn. Đó là tội làm tay sai cho Nhật!

Ít lâu sau cái ngày ông Bang Tềng bị bắt thì nghe tin Nhật đầu hàng Đồng Minh. Mà nghe đâu mình cũng là Đồng Minh nên coi như mình cũng thắng. Có điều thắng nhưng chẳng vui chút nào vì có cả triệu người chết đói!

Cậu Khánh, con trai ông tổng Bá đang học Tú tài ở Hà Nội phải bỏ học mà về. Cậu nói, không có chỗ nào chịu nấu cơm cho học trò. Ngay cả chủ nhà cậu trọ học cũng chỉ ăn mỗi ngày một bữa, mà phải đợi đêm khuya mới dám ăn. Mỗi người chỉ có mỗi chén cơm ăn với muối. Ăn thảm trong bóng tối kín kẽ đến nỗi không dám nhai, chỉ trợn trạo rồi nuốt. Phở xá đóng chặt cửa cả ngày lẫn đêm. Người chết vì đói và lạnh nằm chất đống dưới mái hiên, chân tay co quắp bấu vào nhau gỡ không ra. Phải đến trưa xe chở xác mới đem đi hết. Rồi hôm sau lại có cả hàng chục bộ xương nằm ôm nhau chặt cứng. Càng lúc càng nhiều hơn, những người không ra người...sau khi đã ăn hết cả cóc nhái, chuột bọ lếch thếch kéo lên thành phố để chực chờ chút cháo lá đa. Có lần cậu vô ý ném một cái vỏ chuối xuống đường, lập tức có hàng chục người tranh nhau, kẻ được liền trợn mắt nuốt chửng! Người ta đói đến nỗi ăn cả lá cây, ăn cỏ như trâu bò. Nghe nói có chỗ ăn cả thịt người, cha ăn luôn cả thịt con vì không ăn nó cũng chết!

Nghe những chuyện như thế cô Sáu tôi thở dài. Cô nói, tao có chết thì cũng được đi, chỉ tội cho mày đã bị thả trôi sông giờ lại còn phải chết đói nữa. Làm ma đói khổ lắm, lúc nào cũng vất vưởng trên bờ cây ngọn cỏ, đói khát thì làm sao đầu thai cho được! Nhưng ông phó Ba lại nói, ở xứ mình chẳng ai chết đói đâu mà lo. Nhật nó đâu có bắt cắt lúa để trồng đay cho nó. Lúa trong Nam nhiều như cát, Tây nó phải đốt bớt để chạy xe lửa kia.

Từ khi thấy hàng ngàn người chết vì đói, cậu Khánh cho rằng sự giàu có no đủ của mình là một cái tội. Cậu đòi đem phần ruộng của mình cho hết những người nghèo. Cả nhà ông tổng Bá đều cho rằng cậu học quá hoá điên. Lúc này, hai tiếng cọng sản được người ta nói tới mà không cần phải ngó trước nhìn sau. Có người hỏi cọng sản là cọng làm sao? Ông phó Ba liền nói là cọng các bà vợ lại. Đàn ông cười khoái trá còn đàn bà thì nguyệt háy. Ông Khứ bảo đồ phù thủy biết gì mà nói, coi chừng bị cắt mất lưỡi bây giờ. Ông Khứ một thời mơ làm kép hát nên đã đi theo gánh bài chòi của ông bầu Kiên. Nhưng ông phó Ba nói, chỉ có tiếng “dạ” là nghe được nên chỉ có mỗi một việc nai lưng ra gánh đồ và làm quân sĩ chạy hiệu mà thôi.

Cô cháu tôi là hai kẻ cùng đinh, như người ta thường nói là không có nổi một cục đất ném chó ỉa. Cái chòi của chúng tôi chỉ che tạm trên đất Trung Lương chứ chẳng phải dân làng ấy. Mà cả hai làng An Định, An Đông cũng chẳng làng nào chịu nhận chúng tôi làm dân. Nếu chỉ một thân một mình, cô Sáu chẳng cần gì phải làm dân làng nào cả. Cô cứ việc đi mót, đánh tranh giữ rạ và đi đãi hén cho đến già. Chẳng ai bắt cô phải đóng một đồng thuế đinh nào. Nhưng từ khi có tôi, cô không muốn tôi lang thang trôi dạt như bọn ăn mày. Cô nói, mày phải có sổ đinh thôi, nếu không lớn lên quan sẽ bắt tội đi đày. Rồi cô lật cái gối của tôi ra lấy đồng bạc gánh dưa, đặt lên cái đĩa xin ông lý trưởng cho tôi được làm dân làng An Định. Thấy đồng bạc,

ông lý trưởng cười bảo của thằng Nhựt cho phải không? Cô tôi dạ. Ông lý trưởng lại hỏi nó tên gì? Cô nói, ai cũng biết là tôi lượm được nó trên sông nên đặt tên là Xí Được. Ông lý trưởng lại cười, nói: Được thì nghe được rồi, thêm xí làm gì cho nó xấu. Họ Lê hả? vậy thì để trong sổ nó là Lê Văn Được. Cô tôi mừng quá rồi rít dạ dạ.

Vậy là tôi có tên tuổi làng hoàng và một trong ba cái làng ở ngã ba sông là làng An Định đã thành quê quán của tôi.

Đó là một làng nhỏ như bao nhiêu làng khác nằm ven sông với một hương lộ chạy qua những vạt đất thổ, vừa là con đường nối các làng, vừa là con đê ngăn nước trong mùa lụt. Làng có ba xóm: thượng trung hạ, ngăn cách bởi các gò đầy mỡ mả và những đường luồng quanh năm nồng nặc mùi phân trâu bò. Mọi nhà trong làng đều lợp tranh chỉ mỗi nhà ông chánh nhạc lợp ngói mới đỏ tươi. Vì làng quay mặt về hướng nam nên lúc nào cũng thấy tháp Bánh Ít nổi bật lên nền trời như hai búp măng khổng lồ nhô lên khỏi mặt đất.

Ông phó Ba nói, đây là đất của Hời, tháp của nó còn nhiều hơn chùa của mình. Ai cũng tưởng nó dấu vàng trong đó nên đục đẽo đập phá gần hết. Đâu biết rằng vàng của nó là vàng sống, hễ thấy người mình là trốn biệt. Trong vườn nhà bà phó Lý đêm nào vàng chẳng đi ăn sáng rục cả vườn nhưng để gì mà tìm được. Ông phó Lý lấy có trồng chuối đào nát cả vườn, đào tới đào lui cả năm cũng chỉ được có mấy trái cau, nhưng khi đem vào nhà coi lại chỉ là đất nung đen cháy như sành. Đó là chưa kể ông ta bị ma Hời làm cho cái bụng chương lên như trống cái thiếu chút nữa là toi mạng.

Thầy giáo Hiên thì nói đây là đất anh hùng. Anh em nhà Tây Sơn tuy phát tích ở An Khê nhưng lập nên nghiệp đế ở Qui Nhơn tức là thành Đồ Bàn. Quân của anh em Nguyễn Nhạc đóng ở phía bên kia sông ngày nào chẳng lội sang làng mình. Cái gò Na trên kia là nơi ngày đêm họ diễn tập, voi ngựa của họ đứng chặn cả đường.

Ông đồ Ngân lai bảo đây là đất học. Làng nào chẳng có Tú tài Cử nhân. Làng mình có ông cử Vân, làng Yên Thới có ông nghề Nhã. Không phải đất học như An Đông thì dù có đi thi hàng chục lần cũng chẳng có ai đậu nổi cái Tú tài.

Như thế số phận đã đưa đẩy tôi được làm dân của một làng cũng khá tiếng tăm nhưng nghèo. Dân làng quanh năm chỉ sống với hai mùa lúa nên cất được một cái nhà là phải hết cả một đời người. Chỉ có ông Chánh nhạc chưa đến một năm đã xây được nhà ngói, nào cửa kiếng nào gạch bông cứ như nhà Tây. Trước kia ông nhàng nhàng, không nghèo mà cũng chẳng giàu. Nghe đâu một lần đi xe lửa ngồi cạnh một thằng Tây đi phát lương, không hiểu sao nó lấy nhầm cặp của ông để lại một cái cặp đầy tiền. Ông vội vàng xuống một ga nào đó đi ngược vào tận Nha Trang, Sài Gòn. Đợi mãi cả năm không thấy đồng tính gì mới dám về làng. Rồi cũng đợi tới lúc Nhật đảo chánh mới dám tậu ruộng xây nhà. Vì đã từng giữ chức trông coi lễ nhạc của làng, nên ông bỏ tiền ra mua đào kép lập nên gánh hát bài chòi Thanh Bình Ban. Ông là bầu Kiên nhưng người làng vẫn quen gọi ông là Chánh Nhạc.

Nhờ cái vận may đó ông trở thành nhà giàu, nhưng cũng chỉ là giàu mới nổi. Nhà ông tổng Bá mới thực là giàu từ trong bụng mẹ giàu ra. Nhà tuy lợp tranh nhưng là nhà lá mái to rộng và kiên cố hơn cả đình làng. Những hàng cột gỗ lim bóng lộn, những vĩ kèo chạm trổ công phu, phải cả vạn tấm tranh mới lợp đủ. Người ta nói vào trong nhà ấy mùa hè thì mát lịm, mùa đông ấm cứ như nằm trong chăn. Kể về vai vế chức tước thì ông tổng Bá ăn đứt. Một đảng thì dưới tay có đến cả chục lý trưởng, một đảng thì chỉ có mấy cái cò nhị ỉ eo. Nhưng nhờ có cái nhà ngói sang như Tây, có gánh hát bài chòi bẻ thế nên ông bầu Kiên được mọi người nể trọng và ưa thích hơn.

Cô Sáu tôi một đôi lần gặp họ đều lễ phép thưa thầy Chánh, thầy Tổng nhưng vẫn coi khinh là trọc phú. Chỉ có ông cử Vân dù chưa được gặp lần nào vẫn được cô nói tới với tất cả ngưỡng mộ và lòng kính trọng.

Ông cử Vân trước đây nhà rất nghèo. Mấy lần vào trường thi Bình Định chỉ lo làm bài thuê. Nhiều tay thơ phú chẳng ra gì nhưng nhờ ông mà thi đậu ra làm quan. Còn ông thì cứ rớt

mãi. Sau ông cụ biết được đòi chết ông mới chịu làm bài cho mình và đậu thứ mười hai là thứ áp chót. Và cũng vì nghèo, trầy trệch mãi ông mới được một chức quan nhỏ ở một huyện nghèo nhất của tỉnh Quảng Ngãi. Nhiều người vừa cười vừa kể lại rằng, dân ở đó mỗi người đi tết cho ông đến cả một cặp gà hay cặp vịt. Ông bảo nhiều quá không nhận. Nhưng khi mở ra xem thấy đó chỉ là hai cái trứng vịt hay trứng gà lộn, ông cũng đành phải cười mà nhận. Ông làm quan được vài năm, bổng lộc chẳng được bao nhiêu, lại phải ra vào luồn cúi nên ông từ quan về nhà. Nghèo vẫn hoàn nghèo. May mà phía vợ nhà ông vì mê cái chữ của ông nên chia cho vài mẫu ruộng. Từ đó mọi việc trong nhà đều do một tay bà vợ đảm đang quán xuyến. Ông chỉ có mỗi một việc đọc sách, ngâm thơ.

Có lẽ câu chuyện một thằng bé bị thả trôi sông nhờ sữa chó lớn lên đã đến tai ông. Một hôm ông bước vào căn lều của cô tôi, kêu tôi lại sắm soi mặt mũi rồi bảo cô ráng cho tôi đi học sau khi đã cho tôi một đồng bạc. Tôi vẫn còn nhớ mãi cái hình dáng mỏng manh của ông bước đi liu xiú với chòm râu dài tới ngực. Nhờ có ông, nên mấy ngày sau tôi cũng được đi học như những đứa con nhà khá giả.

Ngày đầu tiên, cô Sáu xin bà phó Lý mấy tàu lá chuối hơi lửa rọc thành xấp như giấy, lại cắt một nửa cây đũa mun vót nhọn để làm bút. Cô cống tôi qua sông mặc dù nước cạn tôi có thể lội qua được. Cả lớp nhao nhao đón tôi bằng tiếng gọi mà thường ngày chúng vẫn réo khi gặp tôi: A, thằng *Chó Đẻ* ! Thầy giáo phải gõ thước lên bàn bộp bộp như giày đinh của Nhật tụi nó mới chịu im cho. Thầy kêu anh trưởng tràng đưa tôi vào lớp cho ngồi bên cạnh. Cô tôi đứng ngoài cửa chấp tay vái thầy mấy lần để cảm ơn.

Thầy là con trai một của ông đồ Ngâm dạy một lúc đến những ba lớp. Lớp Tư, lớp Năm và nhỏ nhất là lớp Đồng Ấu. Lớp học là nhà đông của đình làng An Định. Học trò có đứa phải cống đến trường như tôi, có đứa lớn sỏ mặt đầy mụn và lang beng. Thực ra thầy chỉ phải dạy những anh lớp Tư, các anh lại dạy lớp Năm và lớp Năm thì dạy bọn Đồng Ấu mới vào.

Anh Cọng được lệnh thầy kẻ hàng rào trên lá chuối cho tôi kẻ theo. Chỉ một việc đơn giản như thế nhưng hôm ấy tôi run đến nổi làm rách đến mấy miếng lá. Mồ hôi túa ra trên tay tôi trơn như thoa mỡ, ngực tôi đánh trống liên hồi tưởng chừng anh Cọng cũng có thể nghe được. Vất vả một lúc tôi cũng kẻ được nhưng xiên xẹo chẳng ra làm sao. Khi tiếng trống tan trường vừa dứt, cả lớp đã vây lấy tôi. Có đứa giật phăng cuốn lá trên tay, có đứa kéo tuột quần tôi xuống, chúng làm đủ mọi trò như thể tôi là một con vật lạ hay là một món đồ chơi ngộ nghĩnh.

Mặc dù vậy, tôi vẫn thích được đi học. Chỉ vài ba hôm là tôi đã kẻ được ngay ngắn, nhưng tập đọc là cả một cực hình. Dường như có một cục đá cứ chẹn lấy cổ họng tôi không cho giọng đọc thoát ra. Gay go nhất là đọc chữ U. Mỗi miếng tôi cứ chum cả lại. Đỏ cả mặt, chảy cả nước mũi, khó khăn lắm tôi mới khạc ra được một tiếng như tiếng ho. Cả lớp lăn ra cười. Thầy bảo về nhà phải tập ngâm sạn mà hét cho cái lưỡi nó mềm ra mới hết được cái tật cà lăm ngọng nghịu.

Nhiều đứa khác học hành dễ dàng hơn nhưng lại thích ở nhà đi bắt ốc mò cua, thích đi chăn trâu chăn bò, thích lang thang bờ kia bụi nọ chứ không chịu ngồi tù túng chỉ để kẻ những cái hàng rào chẳng biết để làm gì. Cha mẹ cố sức cho đi học nhưng chúng vẫn cứ trốn. Cứ cách một vài hôm lại có đứa không chịu tới trường, thầy phải cho cả lớp đi bắt về.

Vui nhộn và hăng hái như đi bắt cá hay săn chồn. Các anh lớn vênh váo đi trước với cái bội đựng mạ và đòn gánh thật dài. Lũ bé con chúng tôi hò reo chạy theo. Chó trong làng được dịp thi nhau sủa. Những đứa trốn học thường là lớn tuổi không đời nào chịu để cho bị bắt. Chỉ nghe chó sủa là đã nhảy xuống sông hay leo tuốt lên cây cau. Cả bọn đứng dưới gốc chửi noi nhói như chó sủa mèo. Chửi chán thì mang giỏ về.

Nhưng cũng có lần bắt được. Hôm đó có cha thằng Phùng giúp sức. Bảo mãi không chịu xuống, ông liền vào nhà lấy rựa dọa chặt cây cau. Thế là hấn ta rồi rít dạ dạ, tuột xuống. Hấn bị nhốt vào giỏ khiêng về trường. Bọn trẻ chúng tôi được một bữa hò hét đến khản cả giọng, vừa đi vừa đành trống miệng thùng thùng làm như quân cờ lau của Đình Bộ Lĩnh thắng

trận trở về. Thầy bắt kẻ trốn học nằm lên bàn, thẳng cánh đét vào mông năm roi, nhưng cũng chỉ được ít hôm rồi lại trốn!

Dạy và học như thế, nhưng chẳng hiểu tự bao giờ, đứa nào dù lười hay dốt đến mấy cũng viết được chữ, đọc được sách. Cứ y như ngày hai buổi đến ngồi đầu mặt vào nhau trên hai cái bàn chạy dài từ đầu lớp đến cuối lớp là tự nhiên chữ nghĩa nó chạy vào đầu. Tôi dù ngậm sạn hết mãi mỗi khi xuống sông tắm mà đọc vẫn cứ như nhai chữ. Nhưng thầy bảo chữ viết khá đẹp và chưa trốn học lần nào nên vẫn thường đem tôi ra làm gương cho cả lớp.

Chưa đến hết năm học, anh Cọng trưởng tràng ở nhà cưới vợ. Hôm đám cưới thầy Hiền được mời ngồi trang trọng ở phần giữa cùng với ông lý trưởng. Anh mặc áo the đen, quần dài trắng, đội một chiếc khăn đóng, lúng túng trên đôi guốc gỗ, vái chào thầy. Khi thấy chúng tôi lấp ló thè lưỡi nheo mắt sau hàng rào, anh mắc cỡ đỏ mặt nhưng vẫn không quên đưa nắm tay lên dọa dù biết rằng chẳng còn đứa nào sợ anh nữa. Cô dâu thập thò sau màn cửa chẳng biết đẹp hay xấu.

Cuối năm ấy, gần như các anh lớp Tư đều đi cưới vợ. Lớp học nhỏ tuổi dần và cái cảnh kéo nhau đi bắt những đứa trốn học cũng không còn nữa. Đến khi tôi lên lớp Tư, tức là đã làm thầy được những đứa lớp Năm thì Việt Minh cướp chính quyền.

3.

Đó là một buổi sáng mùa thu. Cái trống làng không phải vang lên một cách rộn rã để báo tin ngày khai trường mà thùng thùng từng hồi giục giã như đê vỡ. Mọi người ngơ ngác kéo nhau ra đình.

Một tấm vải màu đỏ ở giữa có ngôi sao vàng được treo trước chánh điện. Không phải ông tổng Bá hay ông lý trưởng khăn áo trịnh trọng như trong các lễ sắc thần mà là ông bầu Kiên mặc đồ tây đứng trước điện đồng dục tuyên bố: Chính quyền đã về tay Cách mạng! Mọi người lại ngơ ngác không hiểu chính quyền nó là cái ra làm sao thì ông bầu Kiên, ngoắc ông lý trưởng đang đứng sợ hãi dưới thềm bảo phải đem nộp gấp con dấu cùng sổ đình và sổ điền. Khi ông lý vội vàng về nhà thì ông kêu lại dặn thêm phải nộp hết số tiền quỹ.

Vậy là xong! Cái chính quyền vừa bị cướp chỉ là con dấu và mấy cuốn sổ. Không hào hiệp như chú Lía lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo. Cũng không tàn bạo như thằng Năm Quàng nung chì đốt vào miệng lão Phàm thợ bạc để khảo vàng. Nhiều người bảo cướp chính quyền sao mà dễ như trên tuồng hát. Nhưng ông phó Ba ra về bí mật bảo không dễ đâu! Ông nói, cái lão Chánh nhạc được một cái cặp tiền nhiều thế kia sao không mua cái chức lý trưởng hay cái tước cửu phẩm mà cứ giữ mãi cái chức chánh nhạc với đám cò nhị ỉ eo, rồi thuê đào mua kép lập gánh hát? Còn thằng Khứ hò hát nghe như cóc ngiên răng mà cũng bày đặt đi theo gánh hát là tại làm sao? Là hoạt động ngầm cho Cách mạng đó! Gánh hát đi tới đâu là cò xí truyền đơn đi tới đó. Thứ gì mà vận chuyển không được kể cả súng đạn!

Mọi người bấy giờ mới ngó ra. Ai cũng khen ông bầu Kiên là mưu trí dám cả gan qua mặt cả tụi Pháp lẫn tụi Nhật!

Tuy ông bầu Kiên không ra lệnh, nhưng để mừng Tổ quốc được độc lập, nhà nào cũng có may cho bằng được một lá cờ. Vải vàng thì xin ở chùa, nhưng kiếm cho ra vải đỏ thực không dễ. Nhiều nhà đành lấy cái khậu đỏ che trước bàn thờ chia nhau mà may. Cả làng chỉ có mỗi một cái máy may cộc cạch nên phải chạy gần như suốt cả đêm. Khó nhất là cắt ngôi sao! Cánh dài, cánh cụt, cánh mập, cánh ốm! Rồi tung cả lên, nhưng cũng phải có mà treo ở bàn thờ Tổ quốc, lúc này còn thiêng hơn cả bàn thờ ông bà ông vải. Đến ảnh cụ Hồ thì đành chịu. Cả làng chỉ có mỗi ông bầu Kiên là có một ảnh khắc gỗ như trong kinh Phật, nên chẳng biết có giống cụ hay không!

Xong việc may cờ, cả làng sôi lên vì những cuộc biểu tình. Đàn ông thì mang theo cuốc rựa, đàn bà thì cầm dao phay, trẻ con thì mỡ tre. Mỗi khi hoan hô hay đã đảo đều vung lên loạn xạ như sắp bằm vằm ai đó. Bọn trẻ con hùa theo đánh nhịp lóc cóc, lóc cóc. Đoàn người đi diễu quanh làng, chân dẫm lạch bịch tung bụi lên mù mịt. Ông Khứ lúc này không còn là một tên lính

chạy hiệu mà oai phong lẫm liệt như một vị tướng. Lúc đi đầu, lúc đoạn hậu, ông khoa chân múa tay như nhà võ mà mắt trộm. Khi đi ngang qua nhà ông bầu Kiên, ông lại thúc đoàn người gầm to hơn, mõ đánh nhiều hơn, chân giẫm mạnh hơn trong khi ông chỉ huy Cách mạng đứng trên thềm nhìn ra vừa vẫy tay vừa mỉm cười.

Ông tổng Bá thì ngược lại. Mỗi khi đoàn biểu tình đi ngang qua nhà, ông đều lẩn ra sau. Ông sợ cái đám biểu tình do ông Khứ dẫn đầu còn hơn sợ cái đám ăn mày chúa. Với lũ ăn mày, chỉ cần đem một ít gạo tiền là chúng đi qua làng khác, còn cái đám biểu tình này thì biết tổng tiến bằng cách gì? Ông lo lắng nhất là nghe hô “đả đảo”, cứ nghe như chửi thẳng vào mặt ông!

Vì vậy, khi nghe phát động *Tuần Lễ Vàng*, ông liền lột sạch đồ trang sức của vợ con, sung sướng được đem hiến cho Cách mạng. Ông bầu Kiên khi nhận 12 chiếc kiềng, 15 chiếc cong và 20 chiếc nhẫn trước mặt dân làng, đã tung hô ông tổng Bá là nhà *Đại Yêu Nước*. Để chứng tỏ rằng mình xứng đáng với cái tước hiệu mới mẻ đó, ông tổng Bá liền hiến thêm mấy sào đất để xây trụ sở Ủy Ban. Như vẫn chưa vừa, ông liền kêu thợ tới bắc cầu nối An Định với Trung Lương. Cây cầu gỗ đâm thẳng vào căn lều của cô cháu tôi. Nhờ vậy mùa lụt tôi đi học mà không phải qua đò. Khi khánh thành ông hào phóng cho ngã một con bò, hai con heo để khao đãi các bác thợ và cả làng. Ông lại được ông bầu Kiên và ông Khứ phong cho chức Trưởng ban Vệ sinh kiêm Trưởng ban Đòi Sống Mới.

Liên một lúc được đến mấy chức, ông lại càng háng hái hơn nữa, yêu nước hơn nữa! Các cụ già như ông cử Vân, ông đồ Ngân không còn ngồi trầm ngâm bên tách trà bàn sẩm Trạng Trình, các bà lão không còn thông dong dắt cháu đi lễ chùa, những đứa bé không còn lêu lổng lang thang. Tất cả được ông huy động vào việc phát quang bờ tre, dọn sạch phân trâu bò, quét khắp đường làng ngõ xóm, sạch đến nỗi không còn tìm thấy một chiếc lá tre nào vương vãi. Chẳng mấy chốc làng An Định được khen là làng kiểu mẫu. Ông lại được hoan hô và bây giờ ông rất thích được đoàn biểu tình đi ngang qua nhà hô khẩu hiệu.

Mặc dù Bảo Đại đã không còn ngồi trên ngai vàng và kinh thành Huế đã không còn ai hướng về bái vọng nữa, nhưng người ta cho rằng cái gốc rễ của phong kiến đã ăn sâu vào tận các đình làng. Cho nên muốn tận diệt phong kiến là phải phá đình. Và người nện cái nhát búa dũng mãnh đầu tiên vào đình làng An Định chẳng ai khác ngoài ông Khứ. Trong khi nhiều người sợ thánh thần vật chết thì ông bảo, thần thánh mẹ gì, chỉ mấy miếng gỗ và mây cục đất sét, vậy mà hết đời này đến đời khác cứ sì sụp cúng bái. Coi này, ông thét lên. Ai chết cho biết! Mấy cái bài vị nẩy tung lên, ba vị thần chẳng biết thần gì rơi xuống đất vỡ toang. Ông hô, tiến lên anh em! Thế là búa và xà beng của đám dân quân thi nhau nện ầm ầm. Gạch vỡ, ngói rơi và cái đình tổn bao công của trong suốt mười năm mới xây xong, chỉ có mấy ngày là đã thành một đống cây gỗ gạch đá ngổn ngang. Hai cái trụ biểu vì quá cao to nên để lại, nhưng hai con sư tử trước đây oai linh là thế, giờ chỉ như hai con chó đứng nhìn nhau mà không tiếng sủa nên chẳng còn làm cho đứa bé nào sợ nữa.

Nhìn các bài vị và sắc thần đang cháy, những câu hoành câu đối vứt bừa bãi ngổn ngang, ông đồ Ngân ứa nước mắt than: Đình là nơi thờ cúng các vị tiên hiền mấy trăm năm trước có công lập làng được vua phong tặng chức có phải thờ con vua cháu chúa gì đâu mà bảo là phong kiến! Còn chữ của ông cử Vân cho đẹp thế kia có tội tình gì mà vứt bỏ đi, thế này là mặt vận rồi!

Ông Khứ liền quát: Phong kiến chẳng mặt. Cho chừa cái thói ỷ có năm ba chữ, bắt dân khúm núm hầu hạ, lúc nào cũng gãi đầu gãi tai như khỉ! Ông đồ Ngân lắc đầu chấp hai tay vái, không rõ là vái ông Khứ đang thét ra lửa hay vái cái oan hồn tội nghiệp của ngôi đình!

Sau cái trận phá đình, các chức dịch cũ trong làng nào chánh tổng, lý trưởng, hương bộ, hương kiểm... cảm thấy rét run trước sức mạnh ghê gớm của Cách Mạng. Ai cũng dấy nẩy từ chối cái tiếng thầy tổng, thầy lý, thầy hương... mà trước kia họ sẵn sàng bán cả ruộng vườn, bợ đỡ xun xoe để mua cho bằng được.

Ông tổng Bá mặc dù đã được phong đến mấy chức mới rất hợp thời, nhưng xem ra cái

chức chánh tổng cũ hãy còn là một cái gốc phong kiến quá to, chẳng biết sẽ bị ông Khứ đốn ngã lúc nào. Để tỏ ra tiến bộ và một lòng đi theo Cách mạng, ông cố sức tận tụy hơn với hai cái chức Trưởng ban nhỏ bé của mình. Ông liền đi từng nhà, xem xét từng chỗ ăn chỗ ngủ, chuồng heo chuồng bò và rồi để đi tới chỗ tuyệt đối, không thể nào vệ sinh hơn được nữa, không nơi nào đời sống mới hơn được nữa, ông đã đưa ra một sáng kiến mà ông Khứ dù đã bắt đầu hạnh học cũng phải nhảy cẫng lên vì khoái chí.

Đó là, từ nay mọi người phải ăn cơm trong mùng và chính ông sẽ mua mùng trắng phát không cho mọi nhà! Đúng là thôn kiêu mẫu nên mới có một người kiêu mẫu như thế. Cái ngày chẳng mùng để ăn cơm là một ngày đáng nhớ của thôn An Định. Mọi người được lệnh phải tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc tươm tất để cho cán bộ các làng kéo tới học tập. Khi mâm cơm dọn ra, già trẻ lớn bé đều ngồi xếp bằng một cách trịnh trọng, người ông hay người cha lấy quạt mo xua lũ ruồi đi xa rồi mới thả mùng. Bữa cơm bắt đầu. Tất cả ngồi ăn chậm rãi, nhỏ nhẹ đến nỗi không dám nhai, ngay cả nuốt cũng phải từ từ. Trẻ con dĩ nhiên là không được khóc. Các cán bộ đứng ở bên ngoài liên tục ghi ghi chép chép. Có người hỏi : ăn có ngon không? Đáp: có. Lại hỏi: Thích không? Đáp: thích. Trong khi đó lũ ruồi nhặng nổi tiếng lì lợm vẫn cứ bay quanh, chúng kêu to hơn, kéo đến nhiều hơn nhưng đành hậm hực chịu thua cái sáng kiến của ông Trưởng ban vệ sinh kiêm Trưởng ban Đời Sống Mới.

Chẳng biết các nơi khác có chịu học tập hay không, chứ dân làng An Định oán ông tổng Bá không để đâu cho hết. Cái tuồng mới ấy ai cũng tưởng chỉ diễn vài hôm để cán bộ trong làng coi chơi, không ngờ hết đoàn này đến đoàn khác kéo tới và mọi người cứ phải bỏ cả công việc để chui vào mùng ăn biểu diễn. Ông phó Ba là kẻ đầu tiên lên tiếng mỉa mai. Ông nói, ăn cơm trong mùng giống như thỏ ăn cỏ trong chuồng. Tiếp đó bà phó lý cũng nói, ngủ mùng thì được chứ ăn cơm trong mùng mà lại để cho người khác đứng coi thì nuốt làm sao trôi! Thì mặc kệ bà, ông Khứ nói, được khen là hợp vệ sinh thì thích hay không thích cũng phải chui vào mùng mà ăn. Mùng phát không mà còn kêu ca nỗi gì. Các nơi khác phải tự mua mùng chứ đâu có quá sướng như cái làng này.

Ông Khứ và ông tổng Bá trong những ngày đầu đi kiểm tra rất gắt. Nhà nào không chui vào mùng ăn cơm là tối đó bị đem ra phê bình kiểm điểm. Nhưng khi các đoàn cán bộ đã nhàm chán và mỗi một thì dân làng lại thoải mái ăn cơm trong bếp để cho lũ ruồi nhặng cũng được vui vẻ dự phần. Dù vậy, dân An Định vẫn được tiếng là đã thực hiện đời sống mới. Một cái công mới LÀNG KIÊU MẪU AN ĐỊNH được dựng lên đầy kiêu hãnh và thách thức

4.

Cái công cuộc phá đình và ăn ở theo nếp sống mới, cho dù đã thành công nhưng cũng chỉ là việc nhỏ. Cái lo lớn nhất là thằng Pháp kia. Nó đã chiếm Hà Nội khiến cụ Hồ phải chạy lên núi. Nó cũng đã chiếm lại kinh thành Huế để đưa Bảo Đại về. Rồi nó sẽ chiếm Qui Nhơn tất nhiên là chiếm luôn thành Bình Định. Chừng đó nó ở trong bắn ra, tàu bay trên trời bắn xuống thì làm sao mà đánh. Vậy là phải phá thành. Cả tỉnh cùng phá chứ không riêng gì làng An Định. Cái việc đại sự này thì đổ ai mà dám ca cẩm.

Mặc dù trước đây khi đi theo đoàn hát, ông Khứ bị kếp chính Tư Kính cười nhạo hát như bò rống, sai bảo như đũa ở, nhưng nay với chức chủ tịch Ủy ban, kếp Tư Kính đành phải nghe lời ông một phép. Kể ra còn có chút tình nghĩa nên ông đã phong cho Tư Kính cái chức Đại đội trưởng dân quân to kèn. Với một cái xanh tuya rộng bằng da bò và một cái bao súng lục nhưng chưa có súng, kếp Tư Kính còn có vẻ oách hơn cả Lã Bố hí Điều Thuyền.

Nhận được lệnh hoả tốc đưa dân quân đi phá thành, ông Khứ lệnh lại cho Tư Kính lập tức động binh. Thế là tất cả trai tráng trong làng, trong đó có các anh bạn tôi vừa nghỉ học cưới vợ và các chị chưa chồng được lệnh tập trung trước sân đình. Chế độ phong kiến không còn nên trai gái được dịp gần nhau nói cười ầm ĩ. Ông Khứ chia làm hai, một nửa theo Tư Kính đi phá thành, một nửa cùng ông ở lại giữ làng. Đoàn người lên đường trong tiếng hô ả đảo thực dân Pháp và trong nỗi lo mất chồng của các bà vợ trẻ.

Nửa quân số còn lại với dây dừa, gậy tre và dao găm, ông Khứ liền bắt tay vào việc tuần hành làm như thế quân Pháp đang chực sẵn bên kia sông. Cả bọn vác gậy lên vai, chân dẫm lạch bạch miệng hô *một hai, một hai* hùng dũng đi khắp làng, làm cho lũ chó khiếp sợ cúp đuôi trốn biệt.

Đoàn người phá thành lên đường chưa được năm hôm đã nghe có người bị thành sập đè chết. Đó là cậu Phú, con trai của ông bà phó lý chưa kịp đi hỏi vợ đã bị đập nát như một con thằn lằn bị ép vào kẹt cửa. Khi thấy xác con, bà đã ngã ra bất tỉnh.

Đám tang thời Cách mạng nên không có cờ đuôi nheo, không trống kèn, chỉ có đám dân quân cầm gậy đi theo sau như lính lệ ngày xưa áp tải những hòm đựng tiền. Bà phó lý không khóc nhưng giữa đêm khuya bà gào lên ai oán khiến cả làng đau xé ruột.

Những ngày sau nhiều người bỏ về. Cả làng chìm trong hoang mang lo sợ. Người ta xì xào với nhau rằng vì cái tội phá đình nên các thần sẽ vật chết hết người này đến người khác. Ai cũng sợ sắp đến lượt mình. Để giữ vững tinh thần ông Khứ quyết định tổ chức một buổi lễ truy điệu. Bốn tám phen bằng tre quét vôi trắng được dựng lên ở gò đình. Mặt trước vẽ ngôi sao và bốn chữ *Tổ Quốc Ghi Công* bằng gạch nghiền nát trộn với hồ. Một vòng hoa kết bằng lá dừa, bông trang đỏ và bông điệp vàng tượng trưng màu cờ tổ quốc được hai nữ dân quân danh dự khiêng đặt dưới chân tháp.

Khi tất cả đều im lặng một cách thành kính, kếp Tư Kính đồng đạc hô: Phút mặc niệm bắt đầu! Ai cũng cúi đầu xuống nhưng vẫn lên dòm xem trong cái tháp bằng tre kia có con đom đóm nào bay tới không. Nếu có tức là hồn của cậu Phú từ dưới chân thành Bình Định đã theo về. Nhưng chỉ có gió hun hút thổi làm cho mấy cây đuốc cháy bùng lên như reo mừng rồi tắt ngúm. Trong không khí mơ hồ nửa ma nửa quỷ ấy, ông Khứ thét lên như có ai thọc dao vào họng.

- Đả đảo thực dân Pháp !

Lập tức bao nhiêu người cùng nhảy dựng lên: Đả đảo! Đả đảo!

Tiếp theo, vẫn tiếng của ông nhưng nhẹ nhàng hơn.

- Noi gương anh Trần văn Phú !

Nhưng vì không tập trước nên có người hô "noi gương" có người lúng túng hô "văn Phú" và lũ trẻ con tưởng như đùa cùng hòa theo *hú hú ...*

Thế là buổi lễ chấm dứt trong tiếng cười ồn ào và cái chết thâm của con trai bà phó lý chỉ còn có mỗi mình bà là đau buồn cho đến suốt đời.

Từ đó ai có chết thì cũng mặc. Hơi đâu mà làm lễ cho cả trăm cả ngàn. Và lại, phải là người như thế nào mới được truy điệu chứ. Con trai bà phó lý tức là con của đám chức dịch địa chủ phong kiến sao lại đem ra cho cả làng noi gương? Để bắt chước cái thói bóc lột của nó à? Ông Khứ sau đó bị đem lột da phê bình, bị phê phán là thiếu quan điểm lập trường, chưa phân biệt đâu là bạn đâu là thù, chưa biết mình đứng ở chỗ nào của nhân dân...Lẽ ra ông đã bị đá văng ra khỏi Ủy ban, nhưng ông đã từng có công treo cờ và vận chuyển truyền đơn, từng đi theo ông Chánh nhạc tức đi theo Cách mạng nên ông vẫn được tiếp tục công việc. Và lại trong làng chẳng có ai hăng say với Cách mạng như ông, chẳng ai dám phá đình, phá thành và còn biết bao nhiêu việc khác nữa phải cần đến ông.

Nhưng đó là, như ông phó Ba nói, cái tội ấy chỉ xì ra sau này chứ lúc đó bất cứ việc gì ông Khứ làm cũng đều được khen là tốt là đúng, là người có nhiều sáng kiến...như cái việc dùng cọc tre thọc đất Pháp thì đến đời con đời cháu cũng không thể nào quên. Ông nói, thằng Pháp từ trên cao nhảy dù xuống, mình ở dưới đất dùng cây nhọn thọc lên, không thùng bụng cũng lủng đất. Mà nếu có tránh được thì với cái dù to như cái nhà dầy nhợ lòng thông, mình tới bắt thì chạy đâu cho thoát.

Vậy là trong làng có bao nhiêu bụi tre cứ việc chặt sát gốc. Mỗi cây chỉ làm tư vót nhọn, cứ cách vài mét lại cắm một cọc. Thế là chỉ trong một vài hôm, suốt cả ruộng đồng bờ bãi, hàng vạn cái cọc tre trắng muốt chìa thẳng lên trời, như có cả ngàn con nhím đang xù lông chờ giặc. Cọc cắm cả trên mỏm, trong sân nhà, trên đường làng. Đi đâu cũng đụng phải cọc!

Lần này thì dường như cả tình kéo tới học tập. Và để chứng tỏ sự hiệu nghiệm của những cây cọc, ông Khứ liền tổ chức biểu diễn cảnh bắt giặc. Trước đó ông bảo Tư Kính sai dân quân cột cả chục dây dừa trên cây xoài, lấy những chiếc mũ của ông tổng Bá làm dù, cho người đeo râu bắp giả làm Tây. Khi cảnh nhảy dù diễn ra, cả bọn liền đeo dây nhảy xuống. Đại đội trưởng Kính hô xung phong, đám dân làng gồm ông già bà lão cả trẻ con, cùng nhào tới trối nghiến trong tiếng trống thúc và tiếng reo hò!

Cái sáng kiến của ông vì vậy được nhiều làng xã bắt chước. Cả một cánh đồng An Định, Kim Lăng, Kim Ngãi chạy thẳng đến tháp Bánh Ít, không chỗ nào là không có cọc. Đi giữa đồng như lạc vào một khu rừng lau đang trở bông. Ông Khứ nhìn cánh đồng cọc thích chí cười lớn: Có giỏi thì nhảy xuống đi! Có mà lũng đít! Chưa bao giờ ông thấy thắng lợi như lúc này. Ông dường như mê cuồng những cây cọc. Suốt ngày ông đi tới đi lui, dựng dậy những cây xiên xẹo, vuốt ve nựng nịu còn hơn cả vợ con. Và ông thực sự phẫn nộ đau xót khi thấy có cây bị nhổ trộm. Ông tưởng chừng kẻ địch đang nắm tóc trên đầu ông mà nhổ. Nhưng tóc ông đâu có nhổ sạch cũng chẳng chết nào, chỉ lo là cái cánh đồng cọc kia không còn nữa thì thử hỏi ông còn gì!

Tin chắc là có kẻ địch đang âm thầm phá hoại, ông lẩn lút suốt đêm đi rình. Ông thề sẽ bắt cho bằng được cái quân phản động, cái bọn Việt gian như rắn rít đang luồn lách trong làng. Nhưng rất tiếc lời thề ấy không trọn vì một con rắn gian ác tiếp tay cho giặc đã cắn vào chân ông. Trong khi nọc độc làm cho cái chân sưng phù lên đau nhức không chịu nổi, ông vẫn không quên ra lệnh cho Tư Kính bảo dân phải nhốt trâu bò và ra sức canh phòng cẩn mật. Nhưng các anh chị dân quân đâu có nghĩ xa như ông. Tối đến bọn họ đi một vòng cho có lệ rồi kéo nhau ra ngồi trên cầu hát hò tán tỉnh, mặc cho ai muốn lấy trộm cứ lấy. Ở cái xứ toàn là ruộng đồng, củi còn quý hơn cả cơm ăn nước uống nên chẳng đại gì mà người ta không lấy để đun. Bọn trẻ con lại lấy cắp làm kiếm đánh nhau, trâu bò cạ lưng cho đã ngứa... Đến khi ông đi lại được thì cả cánh đồng cọc bị lấy cắp gần hết. Xui hơn nữa, mùa lụt lại đến sớm hơn mọi năm, mà lụt rất to vì từ hạ lưu đến thượng nguồn, bao nhiêu tre ven sông đều bị đốn ngã nên mênh mông nước lũ cứ tràn về. Cây sống mà chưa đứng nổi hướng hồ là cây chết! Sau trận lụt ông chẳng còn lòng dạ nào mà nghĩ tới chuyện thọc đít thẳng Pháp nữa. Các làng xã khác cũng vậy. Cũng may là thẳng Pháp nó không nhảy dù.

Bọn phản động lại được dịp mỉa mai chế nhạo. Chúng nó bảo cả cái làng An Định rộng mênh mông chứ đâu phải cái giuờng của vợ mà dễ dàng thọc đít đũa nào dám mò vào. Ông khó chịu xấu hổ như một con gà cồ đã bị vật trụi lông, có muốn cất tiếng gáy cũng không gáy nổi.

Đang lúc mất dần uy quyền thì cái lệnh hoả tốc từ trên đưa xuống làm cho ông trở nên mạnh mẽ khác thường. *Giết chó! Giết chó!* Quả là cái lệnh nghe mới sướng tai làm sao! Bởi vì thẳng Pháp nó đánh ta đủ vánh đủ kiêu. Ta chặn ngõ này nó vào ngõ khác. Không thể đan lưới mà che cả bầu trời, không thể dùng cọc mà cắm hết cả núi rừng. Lại càng không thể dùng gậy mà đập nát xe tăng, không thể dùng dây dừa mà trối trong khi chúng có súng ngắn súng dài. Trên bảo phải lui về phòng ngự, lấy ít đánh nhiều lấy yếu đánh mạnh. Phải đánh du kích, phải núp trong hầm, phải trốn trong bụi, phải rình rập từng ngày từng đêm chờ nó sơ hở đánh úp. Vậy mà có đũa cứ nghếch mũi đi tìm, đông một tí là sửa um lên. Đó là lũ chó không khác gì bọn Việt gian phản động. Phải giết sạch chúng đi mới mong thắng được giặc.

Ông Khứ lại hăm hở và yêu Cách mạng hơn, nhưng lần này ông cố nén không để cho cái sự hăng say trào ra miệng thành tiếng hét gào như trước nữa. Sau khi nhận lệnh ông chỉ bàn với Tư Kính và một số dân quân tin cẩn. Đây là một chiến dịch lớn nên cần phải tuyệt đối giữ bí mật.

Từ mờ sáng hôm sau, cả bọn trang bị gậy tre và thòng lọng lặng lẽ tiến vào những nhà nuôi chó. Lũ chó tuy bất ngờ nhưng vẫn biết đón chào bọn họ theo cách chó tức là cùng héch mỏ lên mà sửa. Chỉ cần một con lên tiếng là cả lũ hùa theo. Vì vậy không cần điếm danh cũng thấy đủ mặt cả vàng, vện, mực, đốm, non già, đực cái, tất cả cùng gâu gâu nặng cả lên. Bọn

chó ngu dại cứ tưởng là đạo tặc, không ngờ trước mặt chúng là những kẻ không biết sợ bất cứ kẻ thù nào huống hồ là chó.

Có lẽ linh cảm được cái chết sắp ụp xuống, lũ chó rít lên những tiếng hoảng hốt rồi vùng chạy tán loạn khi nghe một tiếng “ăng” của con chó đực bị thòng lọng siết cổ. Rồi tiếp theo là những tiếng tru thảm thiết, tiếng ư ử cầu cứu chủ, tiếng ăng ặc khi bị trấn nước, tiếng trẻ con khóc vì bị mất chó, tiếng đàn bà chửi, cả tiếng van xin năn nỉ gần như lạy lục.

Nhà ông Hương mục có một con chó mẹ với bốn con chó con. Bà hương lấy vải bọc bốn con chó nhỏ mới sinh chưa mở mắt ôm ghì trước ngực. Con chó cái ngày thường nổi tiếng rất dữ, nhưng lúc này chỉ biết quấn dưới chân bà, mắt không rời cái bọc đang ngoạ. Nhưng chỉ loáng một cái là thòng lọng đã vòng qua cổ nó. Ông Khứ liền giật mạnh lôi đi làm cho mấy cái vú tia sữa lên nền nhà. Bà hương nói như khóc: thôi tha cho mấy con chó con, nó còn nhỏ quá mà! Một gã nhanh như cắt đưa tay tóm cái bọc miệng cười nham nhở: Sao lại tha? Của đại bổ đó bà ơi! Rồi gã vác lên vai bước đi nghe nghẹn.

Con chó cái nhà ông Hương bộ thì rất ư là dũng cảm. Nó không cần chui vào gầm giường mà cứ đứng nghênh mở mồm rống ra chờ đợi. Chiếc thòng lọng chưa kịp quăng ra nó đã lao tới đớp một phát vào đuôi thẳng thủ ngữ Đực. Mặc cho hàng chục cây gậy đập vào đầu vào lưng, nó vẫn ngoạm chặt chịu đánh cho đến chết chứ không nhả ra. Phải cắt đầu nó đưa thẳng trộm chó tới nhà thương mới lấy ra được cả hàm răng cắm sâu vào đuôi. Cũng may là nó không bị dại, nếu không thì thẳng khốn đó cũng tru lên rồi chết như chó chết.

Ông Hương kiểm thì cầm sẵn cây rựa bén ngót trên tay, đòi chém tuốt những ai dám động đến chó nhà ông. Ngày thường ông lặng lẽ ít nói nhưng lúc này ông gào lên: Ai cho phép giết chó? Ai? Thử đụng vào đây coi nào! Ông vung cái rựa múa một đường như Trương Phi diệp võ giương oai với hai con mắt trợn ngược như muốn lòi ra. Rồi ông ngồi xuống ôm lấy con chó yêu có bộ lông óng mượt, bốn chân cao, bụng thon và cái ngực nở. Đúng là một con chó nòi rất quý, nó thường theo ông đi săn chồn và lần nào cũng mang về ít ra là một con chồn đên. Ông cứ ôm mãi con chó như thế như cha ôm con, không một anh dân quân nào dám đến gần kể cả ông Khứ. Mãi cho đến tối, may có ông Chánh nhạc từ Bồng Sơn vừa về năn nỉ dỗ dành, ông mới chịu để cho đem đi. Nhưng ông nói, đem đâu xa chứ đừng có giết nó trước mặt tôi! Rồi ông vào nhà nằm vật lên giường mà khóc.

Chưa bao giờ cả làng no say đến thế. Những con chó dù còi cọc ghẻ lở lông rụng từng mảng trông gờm ghiếc nhưng khi đem thui vẫn căng phồng tươm mỡ vàng hực. Thôi thì người ta bày ra đủ món! Nào nướng, nào dòi, nào rựa mặn... nhanh nhất là luộc xắt phay, chấm nước mắm. Nhiều anh chơi nguyên một cái đầu ngồi gặm thoải thích, răng chó và răng anh ta va vào nhau kêu lộp cộp.

Chiến dịch đại sát cầu ấy thành công hơn cả việc chui vào mùng ăn cơm hay lấy cọc đâm thủng đít thẳng Pháp. Không chỉ riêng làng An Định mà diễn ra khắp nơi. An Đông, Yên Thới, Châu Liêm cũng ra quân cùng một ngày. Bao nhiêu con chó đều kéo ra sông trấn nước, rồi cạo lông mổ ruột, nên suốt cả tháng mặt sông vắng mỡ nổi lều bều tanh đến lợm giọng. Cô Sáu tôi phải vào tận đình để lấy nước ăn uống và tắm giặt.

Thế là xong đời lũ chó. Ông Khứ mặc sức đi ngang về tắt. Cái thói ư rình mò của ông không còn bị lũ chó phá bình nữa. Nhưng hãy còn một con, ông Khứ ạ!

Đó là con Mục của cậu Phú, một con chó ít ra cũng làm về vang cho nòi giống chó vì lòng trung thành. Gần như không lúc nào nó chịu rời xa cậu chủ. Ngay khi cậu theo đoàn quân đi phá thành nó cũng bỏ nhà chạy theo. Suốt ngày nó lẩn quẩn bên cậu. Khi thấy một tảng đá lớn lao xuống, nó liền phóng mình tới cứu cậu nhưng không kịp. Nó cuống quít cào đất kéo cậu ra, rồi chính nó chạy về nhà tru lên như khóc báo cho bà phó lý biết con bà đã chết. Khi cậu nằm yên trong lòng đất nó ở luôn bên mộ, bà phó lý phải đem cơm lên cho nó ăn.

Khi lũ chó ở xóm Miếu bị giết bà Phó lý đến nhờ cô Sáu tôi tìm cách đưa nó về. Cô tôi chất rơm vào thúng giả cách như đi mót, dù mãi nó mới chịu nằm trong thúng. Cô tôi phủ rơm lên mình nó đợi đến tối mới dám đưa về. Bà Phó lý dấu nó trong buồng riêng, âm thầm nuôi nó

như trước đây người ta nuôi những người trong hội kín. Con Mực tinh khôn như hiểu được cái vận hạn đen tối của giống nòi nên ngoan ngoãn nằm im. Chỉ đến khuya nó mới theo bà phó ra sau vườn làm cái việc đái ỉa.

Nhưng một đêm, nó bỗng chạy thẳng lên mộ chủ tru lên từng hồi ai oán. Nghe tiếng tru, thẳng thủ ngữ Đực biết ngay là con chó của bà Phó lý. Mặc dù hãy còn đi cà nhắc nhưng nó vẫn tìm ông Khử. Hai thầy trò xách cuốc lên ngay mộ. Chỉ một đai cuốc là con chó cuối cùng của làng An Định gục xuống. Bà Phó lý đau xót như vừa mất thêm một đứa con. Bà phải đổi một cây cau đẹp nhất trong vườn cho ông Khử làm trụ cờ ở uỷ ban, mới xin lại được cái đầu của nó để đem chôn cạnh mộ con trai.

Giờ thì ai cũng phải tin là tuyệt hẳn nòi giống chó. Cô Sáu tôi bảo, may mà mày không phải sinh ra vào lúc này, chó đâu còn nữa mà cho mày bú. Xóm làng từ nay không còn tiếng chó sủa trở nên lạnh lẽo. Chỉ còn lũ mèo, một đôi lúc gào lên náo nùng, càng làm cho đêm tối trở nên ma quái rờn rợn như thể là làng đang có dịch.

5.

Sau những bữa thịt chó no say đám dân quân bước vào những ngày học quân sự mới lạ. Họ tập chạy, tập nhảy, tập bò rấn mối, tập ném lựu đạn và đánh xáp lá cà.

Một ông từng đi lính Tây được mời ra chỉ dạy những bài tập cơ bản. Ông tên Hồng, run bắn lên khi ông Khử cho người gọi lên Uỷ ban. Vợ con ông đều khóc tưởng ông sắp phải đi tù vì đã từng đi lính cho Pháp. Nhưng ông Khử cười bảo chẳng tù tội gì đâu, Cách mạng chỉ nhờ ông giúp cho một tay. Cả đám dân quân nào đã ai biết tập tành là gì. Chỉ có mỗi một việc đứng nghiêm mà cũng không biết đứng ra làm sao. Không khéo Tây nó cười cho! Ông Hồng mừng như được sống lại. Không ngại nắng mưa, ông dạy cho đám dân quân biết sắp hàng, biết nghiêm nghị, biết đằng trước bước đằng sau quay. Cực nhất là tập bò rấn mối. Nhiều anh cứ ngóc đầu hoặc chống hông lên. Ông cầm một cái roi quất nhẹ lên hông bảo với họ là đạn nó không nường nhẹ như thế này đâu.

Ít lâu sau huyện đội cử xuống hai người. Họ bảo mỗi anh phải đéo một cây súng gỗ và lấy đất sét nắn thành lựu đạn. Họ chỉ cách cầm súng, cách ngắm đầu ruồi. Khi trúng đích họ hô bắn thì cứ việc kêu một tiếng *đoàng*. Ném lựu đạn thì khó hơn vì phải dùng răng cắn chốt, phải giữ kíp cho thật chặt và khi ném xong phải nhớ nằm xuống sát đất và cũng kêu một tiếng *đùng*.

Bắn mả bằng mồm cũng chán nên ai cũng mong đợi cái ngày tập đánh xáp lá cà. Nhưng đâu phải đánh lung tung như đánh lợn hay đánh ghen. Phải tập tành bài bản. Và người đứng ra tập các thế võ tự vệ lại là một người đàn bà. Có chuyện lạ như thế vì bà ta có võ con nhà nòi.

Bà là vợ ông biện Ngũ, không đẹp cũng không xấu, một người đàn bà lam lũ như bao nhiêu người đàn bà khác trong làng. Nếu cái buổi chiều hôm ấy ông biện Ngũ không ý mình là chồng, không hạnh hợ chuyện cơm nước, không lên giọng mắng chửi và nhất là không bưng cả cái mâm cơm đập lên đầu bà thì đổ ai biết được bà giỏi võ. Lúc thấy người chồng hùng hổ bưng cái mâm lên, bà chỉ nghiêng người một chút là tránh được. Một tay bà đỡ cái mâm, một tay nắm áo xách anh chồng lên như xách tai một con mèo và không một chút thương tiếc, bà ném ông ta đang trợn mắt vì kinh ngạc rơi tòm xuống cái giếng gần đó. Bà mẹ chồng một mặt réo ba hồn chín vía anh con trai, một mặt kêu trời để làng nước tới cứu. Từ đó chẳng còn ai nghe tiếng quát tháo ở nhà ông biện Ngũ nữa.

Ông phó Ba đã diễn đi diễn lại cái trò ấy đến cả chục lần bằng cách méo miệng trợn mắt, bằng tiếng kêu eo éo như nhái trong miệng rấn và lần nào cũng làm cho mọi người cười đến nỗi không sao đứng lên được.

Bấy giờ người ta mới biết được bà là dân An Vinh, đúng như câu *Trai An Thái, gái An Vinh* cực kỳ giỏi võ. Người ta bảo ở làng ấy, những người con gái trước khi đi lấy chồng đều được cha hay anh bí mật dạy cho những ngón gia truyền. Chỉ một vài chiêu đơn giản thôi nhưng có thể tránh được cơn hung bạo của chồng, có khi là mẹ chồng và cả đám em chồng

nữa

Lúc đầu bà nhất định không chịu. Bà bảo một vài miếng để phòng thân là bí mật của dòng họ không được phép dạy cho ai kể cả chồng con. Nhưng ông Khử bảo dạy cho Cách mạng mà, dạy họ đánh Pháp giành độc lập chứ có đánh giết ai đâu. Rồi cô Thành thay mặt Hội Phụ Nữ đứng ra mời, chồng con hãnh diện nói vào, sau cùng bà bằng lòng nhưng nói trước: Học võ là phải nghiêm, ai đùa giỡn là bị phạt đó. Cả đám dân quân vui vẻ hồ"nghiêm"và bà bắt đầu dạy họ cách đứng tấn, cách né đòn và phản đòn. Bà dạy họ đến cả tháng. Có lẽ không ở đâu dân quân được học võ một cách bài bản và nghiêm túc như ở làng An Định.

Đến lúc khoá huấn luyện bế mạc, ông Khử và đại đội trưởng Kinh tổ chức một buổi diễn tập. Lại có những anh to lớn giả làm Tây đen mình bôi đầy lọ nghe, những anh du kích mặt trét bùn, mình cắm đầy lá nguy trang. Lại có cả nữ cứu thương và ngộ nhất là có hai con trâu đực thật to giả làm xe tăng, trên lưng có hai đứa đứng cầm ống tre giả làm đại bác.

Đám giặc từ ngã ba Trung Lương vượt sông tiến vào làng An Định (coi như từ biển đổ bộ lên). Lũ Tây đen xí xồ xí xà, chúng nó lia súng máy tạch tạch bằng cách gõ mõ tre. Hai cái xe tăng đứng đĩnh đĩnh mồm không ngớt nhai rơm phèo bọt trắng. Đám du kích vượt qua làn đạn bằng cách bò rần mối. Có tiếng ông Khử quát: Hạ thấp xuống đi, đạn nó bắn lủng đít bây giờ! Nhiều tiếng cười nổi lên. Ông Khử lại bảo: Sao không xung phong? còn chờ gì nữa!

Thế là hàng trăm tiếng hô xung phong! Xung phong! Du kích lao lên với súng gỗ miệng hét ùng ùng. Lựu đạn bằng đất ném tới tấp. Lũ Tây đen cũng không vừa, chúng lao tới và hai bên liền thực tập bài đánh xáp lá cà. Bao nhiêu miếng võ gia truyền của bà biện Ngũ đều được đem ra sử dụng. Họ đánh nhau cứ như thật, hăng máu đến nỗi ông Khử mấy lần phát cờ bảo thôi nhưng chẳng bên nào chịu dừng. Cả hai con trâu giả làm xe tăng cũng bất ngờ quay ra húc nhau, hất văng hai đứa cầm ống tre xuống đất, thiếu chút nữa là bị nó đạp cho lòi ruột. Đến lúc này mọi người bỏ chạy tán loạn. Hai con trâu mất đồ ngẫu, miệng sùi bọt cứ đứng ghim sừng vào nhau. Chủ trâu là phó tuần Nghinh đến trước mặt ông Khử gào lên: Đánh giặc kiểu gì mà ngu dốt vậy? nó mà chết là tui bắt đền. Ông Khử ê mặt chẳng biết nói sao. Bỗng dưng một con chịu thua bỏ chạy. Con kia nghênh cổ lên đắc thắng. Buổi diễn tập chấm dứt bằng cách cả ta và địch cùng chạy ủa xuống sông tắm.

Buổi chiều hôm ấy trên cái tháp thông tin dựng bằng bốn cây cau, ông Tư Alô lại chõ miệng vào cái loa thiếc gào lên cho cả làng cùng biết: buổi diễn tập thành công! Hoan hô các chiến sĩ dân quân anh dũng làng An Định !

Như thế đấy, công cuộc chuẩn bị kháng chiến chống Pháp đã sẵn sàng, nhưng thắng Pháp vẫn chưa tới hay nói một cách tự hào là nó không dám tới. Nó chỉ thập thò ở đèo Eo Gió hay biển Đê Gi mà ở đó bộ đội ta với đúng thật và đạn thật đang chờ sẵn.

Nói tới bộ đội là ai cũng nghĩ họ dũng cảm mưu trí. Các cô gái thì tin chắc họ đẹp trai học giỏi, vì nghe đâu lúc toàn quốc kháng chiến nổ ra họ liền bỏ học kéo nhau đi cả lớp. Chắc chắn là họ dễ thương hơn các anh dân quân vừa học xong lớp bình dân học vụ chỉ được cái tài trét bùn lên nón trắng hay vạch tóc ra để xem cái kẹp có bọc chỉ hay không (để tránh máy bay). Vì vậy khi phát động phong trào *hũ gạo nuôi quân* là ai cũng rộn ràng hăng hái. Cô Thành nói, nào có khó khăn gì đâu mà cũng chẳng tốn kém gì mấy! Mỗi bữa chỉ bớt đi một nắm gạo cho vào hũ, tức là ăn đói một chút để bộ đội được no hơn. Có ăn no mới đánh được giặc chứ! Nghe xót xa dễ thương quá! Cứ như mẹ nhường cơm cho con, chị nhường cơm cho em.

Những ngày đầu nhà nào cũng đều góp đầy góp đủ. Các bà trong hội Phụ nữ trong đó có cô Sáu tôi, lần nào đi thu gạo chỉ mới bước chân vào ngõ đã thấy cả nhà rối rít đem hũ gạo ra khoe. Ai cũng muốn gửi một chút tình cho bộ đội. Nhưng lâu ngày người ta cảm thấy phiền phức nhàm chán. Có người bỏ đại vài nắm vào hũ cho lấy có. Có người thả gạo vào thúng như bố thí cho ăn xin ăn mày. Có người rĩa rói: thu gì mà thu lắm thế? Có thấy bộ đội nào ăn đâu, các người ăn thì có! Có người than: nhà tui ăn toàn rau, có hột gạo nào đâu mà nộp! Cái gánh gạo nuôi quân mọi hôm oằn cả vai cô Sáu tôi, giờ nhẹ tênh như giấy.

Cứ tình hình này thì mất điểm thi đua nên người ta qui định mỗi tuần vào chiều thứ năm

phải ăn cháo thay cơm. Số gạo thừa dùng để nuôi quân. Dĩ nhiên những ngày đầu mọi người thấy rất hay, cái sáng kiến này tiện lợi vô cùng. Thay một bữa cơm bằng một bữa cháo được quá đi chứ, vừa nhẹ bụng vừa đỡ phải lắc nhấc hôm nào cũng phải nhớ mà bỏ. Nhưng những ngày sau đó thì thực vô cùng khó chịu, lúc nào cũng nghe cồn cào trong bụng như có kiến bò. Nhất là những khi làm việc nặng. Đi cấy đi cày mà không có hột cơm trong bụng thì không cách gì cày cấy được. Thế là cháo nấu thì cứ nấu, cơm ăn vẫn cứ ăn, gạo nộp vẫn cứ nộp. Hoá ra chẳng tiết kiệm được tí nào. Chiều thứ năm nhà nào cũng bày ra mâm bát với một nồi cháo loãng, chờ đội kiểm tra đi khỏi là cơm canh như thường lệ. Cô Thành cay lắm, nhất định phải bắt cho được một người để trị tội làm gương.

Nhờ lũ chó bị giết sạch nên cô có thể sộc vào bất cứ nhà ai. Nhưng không còn chó thì người ta thay bằng một đứa bé ngồi canh cửa. Khi thấy ông Khử hay cô Thành là chúng nó kêu lên: bà ơi! mẹ ơi! thế là nồi cơm lập tức được đem đi nấu. Chỉ tội cho bà hương bộ, nhà không có cháu nhỏ mất lại kém, nên khi cô Thành vào tận nhà bà mới hay. Lúc ấy nồi cơm chưa kịp chín, bà vội ôm vào lòng dù bỏng rát. Bà giật đại một cái mền trùm lên. Khi cô Thành hỏi làm sao mà trùm mền, bà giả bộ rét run nói: tôi bị sốt rét cô à! Cô Thành ngồi xuống bên cạnh cũng giả bộ tử tế dịu dàng nói: tôi đưa bà đi nằm nghe. Sốt rét mà ngồi gần lửa thì đau đầu lắm đấy! Được thôi mà, bà hương bộ nói như khóc. Bỗng cô Thành cười nhẹ rồi giật tung cái mền lên.

- À, sốt rét của bà đây hả ? Thôi mời bà đi theo tôi.

Bà hương bộ phải bưng cái nồi cơm chưa chín khốn khổ trước ngực đi khắp làng để mọi người đổ ra xem. Cô còn xúi tui trẻ con chạy theo lêu lêu, có đứa còn hô ả đảo! Sau này, trước khi chết bà trần trối với con cháu, đó là cái nhục lớn nhất trong đời!

Từ đó mọi người đều rằm rắp ăn cháo chiều thứ năm. Rồi sau đó, ăn cháo luôn cả tuần, chẳng phải để góp nhiều gạo mà vì không đủ gạo để nấu cơm. Năm đó không biết lũ chuột từ đâu kéo tới cắn nát cả cánh đồng rồi tràn vào mọi nhà. Chuột nhiều đến nỗi chúng cắn đuôi nhau leo tận lên ngọn cau, làm tổ trong từng bụi chuối. Dĩ nhiên đội kiểm tra không còn việc gì để làm và những hũ gạo nuôi quân bị bỏ nằm chỏng chơ trong góc nhà.

Đói gần như cả làng!

Hồi đó, nhờ làm cấp dưỡng, cô tôi có nuôi một con heo nhỏ như con chuột. Ít lâu sau đội dân quân nghỉ ăn tập, cô tôi xin nước cơm trộn tí cám cho nó ăn. Sau không ai cho nữa vì chẳng ai còn gạo để vo, cô tôi phải cho nó ăn lá cây. Hết lá tảo hơn đến lá dâm bụt, lá mì lá khoai. Sau cùng không kiếm đủ lá đành làm thịt. Cả xương lẫn da không được năm ký. Ông phó Ba cười, ai đời thịt heo mà phải mua mỡ về xào! Đó là con heo duy nhất mà cô cháu tôi ăn hết trong đời vì không dám cho ai. Thịt của nó nghe toàn mùi lá. Thịt của chúng tôi chắc cũng chẳng hơn gì!

Khổ nhất là những lúc bụng đói mà phải nghe mùi thịt dê nướng của nhà ông Chánh nhạc. Mỗi khi ông từ tỉnh về thế nào cũng có một con dê bị giết thịt để đãi bạn bè. Nó được hai anh trai cày lên núi bắt về. Suốt đêm nó kêu be be thê thiết như mẹ gọi con, con gọi mẹ. Sáng ra hai anh dùng roi mây mà quất cho đến khi mồ hôi nó tuôn ra như tắm. Lúc ấy các anh mới đem cỗ thọc dao vào họng lấy tiết để pha rượu. Nhiều người cho là ác nhưng hai anh bảo không đánh cho ra hết mùi hôi thì ăn sao được !

Chẳng ai hiểu tại sao mới đó mà có người chỉ mong được chút gì bỏ vào miệng, có người phải đứng mùi vị mới ăn!

Nhà cô Thành lâu nay vẫn được tiếng ăn sang như Tây. Không phải như những nhà khác chui rúc trong bếp đầy lọ nghe và bồ hóng hay ngồi chờ hỏ quanh một cái nong mà mỗi người mỗi ghé quanh một cái bàn có trải khăn và cắm hoa. Một đôi khi, những người bạn của anh cả Định từ Qui Nhơn lên chơi, cả nhà lại bày ra ăn cơm Tây với dao muỗng lách cách. Cô Thành lại bận đồ đầm, ngồi lên ghế phờ hai chân bắc chéo lên nhau trò chuyện với các chàng cũng ăn mặc y như Tây, lúc nào cũng đeo cà ra oách và kè kè một cây ba toong chẳng biết để làm gì!

Nhà cô lại có cả buồng tắm và cũng chính từ cái buồng tắm ấy mà ông phó Ba có cả một câu chuyện động trời để chọc cười thiên hạ. Vẫn con mắt có thể giả bộ lé, giả bộ mù, vẫn cái miệng muốn méo kiêu gì cũng được, vẫn cái mũi chun chun và hai bàn tay vụn vụn, ông diễn tả cái cảnh cô Thành sợ đến lé mắt, hai tay vừa che trên vừa bùm dưới chạy ra khỏi cái buồng tắm vì có một thằng phải gió đang nằm trên mái nhìn trộm. Trong khi mọi người lăn ra cười bò thì ông tỉnh như sáo phán: thằng phải gió đó là thằng thủ ngữ Đức. Nhưng bà vợ ông thì đay nghiến: thằng đó chính là ông chứ ai! Mọi người lại được dịp bò ra mà cười một lần nữa.

Tuy có một đạo nhà cô ăn ở như Tây, nhưng không một ai dám nghi ngờ nhà cô theo Tây. Ngược lại, cả nhà cô đều theo Cách mạng. Ông Chánh nhạc và anh cả Định làm ở tỉnh, bà chánh nhạc làm hội trưởng hội phụ lão, cô Thành làm hội trưởng hội phụ nữ. Quả thực không có nhà ai danh giá về vang bằng. Vì theo Cách mạng nên cuộc sống cũng phải đơn giản, dao muổng cốc tách đều đem cất kỹ trong tủ. Mặc dù có nhiều lời ra tiếng vào, nhưng cô bảo dê là của nhà cô nuôi, nếp lúa là của nhà cô trồng, đánh Pháp là đánh cái thực dân của nó chứ đâu đánh cái văn minh.

Sau khi bà hương bộ bị cô bắt mang nồi cơm đi khắp làng, mọi người đâm ra sợ cô hơn cả ông Khứ. Mặc dù cô không quát nạt, không dọa dũa đi cái tạo, nhưng ở cô vẫn toát ra cái quyền uy lạng lẽ ngay cả lúc cô ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng. Trong những buổi mitting cô thường lên kể tội thực dân Pháp. Những cảnh đốt nhà hãm hiếp giết người, dĩ nhiên là cô chưa hề thấy, nhưng cái cách cô kể nó sôi nổi tàn bạo làm sao! Cứ như cô vừa chạy thoát một trận càn của địch và đang hỗn hển kể cho mọi người nghe.

Có một lần, cô kéo một người đang bụng mang dạ chửa bước lên bục. Trong khi mọi người đang ngẩn ngơ và người đàn bà chửa đang đỏ mặt máck cỡ vì cái bụng to kình của mình thì cô nghiêng bàn tay như một cái dao kéo từ ngực kéo xuống. Cô nói, nó mổ bụng lôi đũa nhỏ trong này ra! Tức thì có nhiều tiếng rú thất thanh, nhiều người đưa tay ôm mặt không dám nhìn. Người đàn bà chửa thì ngất xỉu tự bao giờ, chân tay lạnh ngắt. Một giọng ai đó hét lên: Đủ rồi! Đừng nói nữa, sợ quá!

Đợi cho người đàn bà chửa tỉnh lại, cô bắt đầu cao giọng: Giặc Pháp tàn ác dã man như thế đó. Phải đánh đuổi nó đi, phải biến cãm thù thành hành động, tức là phải góp gạo nuôi quân, phải đóng thuế nông nghiệp, phải đi dân công, phải...Đêm càng khuya cô nói càng nhiều và cái đám đông đói khát sau một ngày mệt mỏi đang vật vờ ngủ gục thỉnh thoảng lại được dựng dậy vì những tiếng hô đả đảo. Trên đường về các bà nói thắm với nhau: ai mà dám lấy cô ta làm vợ!

Đúng là mọi người đều sợ cô. Cô Sáu tôi chẳng những sợ mà còn hận cô nữa. Chuyện đó như thế này. Cái đạo cô tôi làm cấp dưỡng, ông Tư Kính vẫn thường gặp cô ở bếp đình để bảo ban dặn dò, đưa tiền gạo cho cô nuôi ăn mấy chục người. Đôi lúc ông nán lại ngồi nói chuyện này chuyện nọ, có khi ông đùa không chừng thằng Đức chính là con cô. Cô tôi chỉ nhỏ nhẹ bảo ông hãy ăn nói cẩn thận. Nhiều người liền nhạo ông có vợ hai.. Thế là từ chỗ đùa chơi câu chuyện đến tai vợ ông.

Ngày trước bà là cô đào nhan sắc của Thanh Bình Ban, ông bầu Kiên phải mua đến cả trăm bạc. Cả làng ai chẳng rơi nước mắt khi cô vừa hát vừa cầm dao cắt thịt mình cho mẹ chồng ăn trong vai Xuân Nương. Nhưng thời gian đã tàn phá hết nhan sắc của cô. Giờ cô bạc phếch vì thiếu phấn son, trông trắng dã lạnh ngắt như vừa vớt từ dưới sông lên. Dĩ nhiên nghe đồn thổi như thế bà ghen lồng ghen lộn vì cô Sáu tôi tuy không đẹp nhưng trẻ hơn bà.

Một tối nọ chúng tôi đang chơi trò xử tử Việt gian bỗng nghe léo nhéo: Xử tử con mẹ này cho tao! Cả bọn ngừng chơi. Trước mặt chúng tôi là một người đàn bà hung dữ đang nắm tóc một người thấp nhỏ lôi từ trong bếp đình ra. Khi nghe tiếng: tôi làm gì mà bà đánh tôi! thì tôi hiểu người đàn bà đó chính là cô Sáu tôi. Tôi lao thẳng vào người bà ta cắn một miếng vào tay. Tôi cắn mạnh đến nỗi nghe như có mùi máu tanh và mận đang chảy trong miệng. Bà ta rú lên: Trời ơi, thằng chó đẻ mày dám cắn tao hả! Thế là cô tôi được cứu thoát. Nếu không, có lẽ bà ta đã lôi cô tôi đi khắp làng như bà hương bộ.

Chuyện đó, người thì bảo do lão Tư Kính, người thì bảo không có lửa sao có khói, cô Sáu tôi rất khổ nhục.

Ông Tư Kính tối hôm đó quả có tới cưỡi cọt gì đó với cô tôi. Khi bà vợ xông vào thì ông nhanh chân chạy thoát. Không bắt được chồng, bà Tư Kính liền chộp lấy cô tôi. Vậy mà trong buổi họp phụ nữ, cô Thành chẳng những đã không đả động gì đến vợ chồng lão Tư Kính, không bênh vực an ủi cô tôi lấy một lời, lại còn kết tội làm hại đến uy tín của cán bộ, xúc phạm đến danh dự của phụ nữ. Cô còn đem chuyện cô Sáu tôi lội qua sông để cho mấy thằng Nhật lội theo và được nó cho tiền ra xỉa xối rằng, như thế là làm tay sai cho giặc, đáng đem bắn bỏ như tụi Việt gian. Với những tội lỗi xấu xa ấy, cô tôi không còn xứng đáng đứng trong hàng ngũ phụ nữ yêu nước nữa. Cô Thành tuyên bố cô tôi như một con chien ghẻ cần phải khai trừ ra khỏi hội.

Vẫn biết như thế cô khỏi phải đóng hội phí, khỏi phải họp hành gì nhưng cô rất xấu hổ. Kể từ đó nói tới cô Thành là cô bịt tai lại chẳng muốn nghe. Cô tôi ghét cô Thành còn hơn ghét bà Tư Kính.

Mấy tháng sau cái ngày diễn tập thành công, bụng của cô Tâm nữ du kích cứu thương càng ngày càng phình to ra. Chả hiểu hội phụ nữ tra hỏi thế nào mà buổi sáng hôm sau người ta thấy cô treo cổ dưới cầu. Xác của mẹ con cô vẫn cứ phải treo tồn teng đến mấy ngày để đợi công an huyện xuống khám vì người ta nghi ngờ kẻ địch đã giết cô rồi đem xác treo lên. Nhưng cả làng An Định nhất là các bà phó lý, bà hương bộ đều nói như đinh đóng cột rằng chính cái miệng có gang có thép của bà Hội trưởng đã giết cô Tâm tội nghiệp chứ kẻ địch kẻ điếc nào đâu. Ngày chôn cất cô, các bà khóc than kể lể cứ như là con đẻ rút ruột của mình. Cô Thành cho rằng cô ta làm nhục hội Phụ nữ nên chẳng thèm đưa tang.

Cô Sáu nói, với bao nhiêu oan nghiệt như thế, oan hồn của hai mẹ con cô nhất định hãy còn lang vãng trên cầu. Tối nào cô cũng đem một vắt cơm, một cây nhang ra cầu và lần nào cô cũng ngồi khóc lạng lẽ

6.

Mặc dù thằng Pháp chưa đổ bộ hay nhảy dù xuống làng An Định, nhưng mỗi buổi sáng người ta thấy chúng quần đảo trên bầu trời Đập Đá. Chúng đi trên hai chiếc khu trục, không biết là từ biển vào hay từ Nha Trang ra. Hai chiếc máy bay như hai con đại bàng sắt khổng lồ, bay lượn, gầm thét rồi trút bom xuống cái đập mà ngày trước tụi Pháp phải tốn khá nhiều công của mới xây được.

Phải bảo vệ đập bằng mọi giá! Người ta bèn đem cả tấn dây dừa bện thành những tấm lưới rộng đến cả mẫu ruộng để che chắn cho đập. Người ta định hứng bom như hứng dừa rồi sẽ tháo ngòi nổ lấy thuốc làm lựu đạn. Người ta sẽ lấy của chúng đánh lại chúng như lấy gậy ông đập lưng ông. Nhưng cái tấm lưới ấy chỉ hứng được có mỗi một trái bom liền ngã sụp xuống sông. Không cây cọc nào chịu nổi sức nặng của nó. Người ta đành để mặc chúng muốn thả bao nhiêu thì cứ thả. Kháng chiến trường kỳ mà. Trong khi đó dường như thằng Pháp cũng trường kỳ tấn công, mỗi sáng chúng chỉ mang theo có hai trái bom, mỗi chiếc thả một trái, bắn *tạch tạch* một vài viên rồi lặn mất. Chúng cứ đều đặn như thế, nhõn nhợ như thế, thả thoải mái như thế nên cái đập như trên người cũng không thèm chịu vỡ!

Dần các làng chung quanh dường như cũng đoán được thói quen của chúng. Lúc đầu người ta kêu réo, gào khóc, chạy trốn như chuột. Hàm gia đình, hàm cá nhân, hàm cho học trò, hàm cho người đi đường... chỗ nào cũng hàm. Nhiều người chạy chưa kịp tới hàm đã lăn ra bất tỉnh. Cái tiếng thét gào của lũ máy bay sao mà kinh. Cứ như không cần tới đạn bom, chỉ cần nghe tiếng gầm rú của chúng cũng đã thấy đầu óc như sắp phọt ra ngoài. Nhưng lâu dần người ta không còn sợ cái tiếng quát nạt đó nữa, nhất là người ta biết chúng chỉ thả khơi khơi cho hết bom thì về. Mặc cho tiếng keng báo động người ta vẫn chống cuốc đứng xem. Một vài người còn khen nó bay lượn đẹp quá!

Một buổi sáng tháng chạp, người ta làm sạch đường để ăn Tết. Cả trăm người lố nhố

cào cuốc quét dọn, lại đốt rác cho khói um lên. Hai chiếc máy bay sau khi thả hai trái bom xuống sông như thường lệ, bất ngờ bay vút qua đầu, cứ tưởng là chúng doạ chơi vẫn ngược mặt lên mà cười. Không ngờ chúng quần lại hạ thấp hơn, rồi một tràng đạn nóng bỏng xé gió găm thẳng vào lưng vào đầu. Hơn năm người chết và cả chục người bị thương. Những chiếc võng dây dùa được những người dân khốn khổ khiêng chạy qua các làng để đến nhà thương. Những giọt máu thiếu ăn trộn với bụi đường thành những hạt bắp nâu khô cứng.

Gọi là nhà thương nhưng chỉ có vài gian nhà nhỏ nằm bên cạnh một cái miếu hoang nép dưới bóng một cây sung già ở thôn An Dân mà đêm đêm thường nghe tiếng cú rúc đến lạnh mình. Một vài chiếc giường tre nằm dọc theo hàng cây rù rì. Những người bệnh thường là những người sắp chết lúc nào cũng thấy những chiếc lá rơi xuống trên mình như những lá vàng mả. Ở đây chỉ có độc một thứ thuốc đỏ và băng vải cắt ra từ những tấm vải mùng.

Những người bị thương ở đầu ở ngực thường chết ngay trên đường đi tới nhà thương. Chỉ những ai bị thương ở chân ở tay mới thấy được cảnh cửa xương róc thịt. Ai đã từng trông thấy một lần trong đời khi nhớ lại đều cảm thấy rợn người. Dầu không muốn, người ta vẫn phải cột người bệnh vào gốc cây. Một miếng vải đen bịt ngang mắt. Một miếng giẻ nhét vào miệng. Trông cứ như tội nhân sắp bị tra khảo. Cưa và dao được nung trên lò than rồi nhúng vào nước kêu đánh xèo. Bác sĩ cầm dao uớ một ngón tay thử đã nguội chưa như một anh đồ tể thử xem dao có bén không. Thử rồi thịt ở bắp tay hay bắp chân được róc cho đến khi xương trắng lòi ra. Bệnh nhân kêu ú ớ qua nắm giẻ như bị mộc đè. Hai người y tá cầm cưa kéo qua kéo lại như cưa tre. Xương trắng thành bột rơi xuống đất. Khi cái phần thân thể bị dập nát và hôi thối được cắt rời thì bệnh nhân đã ngất xỉu rừ lâu rồi. Khúc xương vô dụng được ném cái *bịch* vào thùng mạt cưa. Một vài con dòi với hàng lông thưa và trắng từ trong ống xương lầy nhầy bò ra. Một nắm bông tẩm thuốc đỏ như máu ấn vào chỗ mới cắt. Những khoan vải mùng được đem ra quấn nhiều vòng. Thế là xong, bệnh nhân được đưa vào lán trại, vài hôm sau thì chết. Ai chưa chết thì lại phải chịu đựng một lần nữa cảnh cửa xẻ, rồi cũng chết vì đuối sức và bị nhiễm trùng.

Rất nhiều cái xác không thân nhân. Hoặc là dân tản cư, hoặc là do quá nghèo đành để mặc cho nhà thương lo liệu việc chôn cất. Mà nhà thương thì đâu giàu có gì. Chỉ có mỗi cái hòm gỗ sung xộc xệch cho hàng bao nhiêu xác. Vì vậy xác bị bỏ nằm sấp không cần đậy nắp được hai người khiêng đi lúc la lúc lác. Đến đồng cây Sanh hai người không cần đào huyệt cũng không nói gì với nhau, chỉ cùng *hự* lên một tiếng rồi lật úp cái hòm xuống cát. Thế là người chết được ngửa mặt lên nhìn trời một lần nữa nếu có thể nhìn được. Một chiếc chiếu rách hay một một vài quần áo cũ được phủ lên, cát vun thành mồ. Hai người lặng lẽ khiêng cái hòm không trở về để chiều hay mai lại khiêng cái xác khác.

Cả cánh đồng cây Sanh trở thành một cái nghĩa địa nhưng chỉ một mùa lụt là chẳng biết mồ mả đâu mà tìm. Xương trắng lại trôi tấp vào các khu vườn hoang và nhà chùa Thiên An cũng không còn đủ sự sôi để thu nhặt nữa. Bọn trẻ chăn bò buồn buồn lấy những ống xương làm kiếm đánh nhau. Mỗi khi nhặt được cái đầu lâu, chúng lại chuyền nhau như trái banh.

Trong số những người bị thương có một cô gái nghe đâu là người trong hoàng tộc, Công Tằng Tôn Nữ thị gì đó. Chắc là khi Bảo Đại tuyên bố thoái vị trao ấn kiếm cho Cách mạng, cả nhà cô sợ quá bỏ kinh thành mà đi, rồi xiêu tán thất lạc, chết vì đói vì bệnh tật, giờ chỉ còn mỗi mình cô. Cô đẹp lắm, đẹp đến nỗi khi thấy cô mọi người trong nhà thương đều đứng ngẩn ra mà nhìn. Tóc cô dài, da cô trắng muốt, hai con mắt sâu và đen như chất chứa bao nhiêu nỗi đau của kiếp người.

Cô bị thương cả hai chân và những con vi trùng tai quái không thềm nể nang gì đến người đẹp cứ việc đục khoét làm cho vết thương sưng phù lên. Đành phải cưa bỏ. Buổi chiều cưa chân cô người ta đứng chập vòng trong vòng ngoài. Cô được đặt trên một tấm ván. Khi người ta định lấy dây cột và nhét giẻ vào miệng, cô xua tay không chịu. Dù vậy bác sĩ vẫn cho người giữ chặt. Dao đã được đốt, cưa đã được nung. Bác sĩ dù đã hết sức cẩn thận vẫn có vẻ

không tin cái việc cưa xẻ có thể cứu được cô. Khi cái lưỡi dao rạch một đường trên làn da trắng, mọi người cảm thấy đau nhói tưởng như đang rạch vào chính thịt da của mình. Những miếng thịt được bóc dần để lộ ống xương thanh mảnh. Và sau cùng là cái giây phút đau buốt tận óc khi lưỡi cưa nghiêng rào rào qua xương. Lúc này nhiều người bưng mặt không dám nhìn, nhưng cô không kêu. Cô vẫn nằm yên, chỉ để nước mắt chảy tràn trên khuôn mặt đẹp như Phật bà Quan Âm. Hai cánh môi be bé của cô bật máu.

Cho dù có người hào hiệp tặng cô một lọ penixilin là thứ thuốc quý hơn vàng và các bác sĩ hết lòng chăm sóc, nhưng chỉ đến ngày thứ ba là cô qua đời. Nắm mồ của cô được vun to nhất, nhưng khi mùa lụt tới, xương thịt của cô chắc cũng phải trôi đến chùa Thiên An để nương nhờ cửa Phật.

Bây giờ người ta mới thấy thối tha chiến tranh là đồ nát chết chóc, là bệnh tật đói nghèo. Con chim bồ câu không thể bay mau hơn máy bay oanh tạc. Những câu khẩu hiệu dù cả vạn người hô cũng không át được tiếng bom. Mọi người vừa phải bơi chải kiếm ăn vừa tự cứu chữa bệnh tật để mà sống tiếp những ngày dài mệt mỏi với bao công việc đào hầm vót chông, những đêm dài chuyển lúa từ kho này đến kho khác, những tháng ngày lạc trong rừng sâu vì nghĩa vụ dân công...

Đã là nghĩa vụ thì không trốn tránh vào đâu được. Nếu không phải là bộ đội, không phải dân quân thì cứ đến mười tám tuổi là anh phải mất ba tháng trong một năm để đi tải đạn hay gánh gạo tiếp tế cho chiến trường. Đối với một người nông dân thì cái công việc ấy cũng không lấy gì làm nặng nhọc. Nhưng phải lườn lách trong rừng sâu, phải chạy bán sống bán chết vì địch truy đuổi, rồi lam sơn chướng khí, ăn uống kham khổ, hễ có được chút máu tươi nào thì muỗi mòng và vắt thi nhau hút mất... nên người nào cũng lo sợ khi đến lượt phải đi.

Cô Sáu tôi chưa đến năm mươi nên phải mất một tháng ròng đi gánh muối. Cô bảo chỉ có chục ký muối thôi, nhưng phải mang theo cả gạo, cọng với áo quần và phải mang cái gánh ấy trên vai suốt ngày trèo đèo lội suối, đâu có nhẹ nhàng gì. Đó là chưa kể tới cái khổ của đàn bà con gái. Đi qua những vùng toàn cỏ tranh, nước uống tìm không ra nói gì đến tắm giặt. Ngày trở về trông cô như một bà lão sáu mươi!

Người nào cũng mang một nỗi lo, nhưng không phải như ngày xưa, lo sao cho có lúa đầy bồ, có áo mới cho con ngày Tết, có tiền cúng giỗ ông bà. Giờ còn lo một cái gì to tát hơn, rất vĩ đại và cũng rất mơ hồ: Lo cho kháng chiến thành công! cô Sáu nói, cỡ trôi sông lạc chợ như tao với mày mà cũng phải lo những việc bằng trời thì lo sao cho nổi!

Dĩ nhiên, những việc bằng trời thì có những người có đầu óc cũng bằng trời lo. Không thể đem cả trăm cả vạn con người ra mà phơi dưới thanh thiên bạch nhật để bọn chúng muốn bắn giết thế nào thì cứ bắn giết. Chui vào đất không được thì chui vào đêm tối mệnh mông. Vì vậy chợ không họp ngày mà họp đêm. Trường học, học từ đầu hôm hay từ nửa đêm về sáng.

Cuộc sống thay đổi lẽ lối sinh hoạt thì lũ trẻ chúng tôi lại càng có nhiều trò vui. Những buổi học đêm đối với chúng tôi là những cuộc vui không bao giờ dứt. Không như các buổi mitting ngồi đập muỗi mỗi tay chỉ để nghe hết ông này bà nọ thét gào, không như các buổi biểu tình rầm rộ đi khắp làng trong bụi đường mù mịt. Đi học đêm là nghịch phá và đôi khi hái trộm trái cây. Có đến mười ông Khứ cũng không sao ngăn được.

Chúng tôi mỗi đứa mang theo một cái đèn thắp bằng dầu dứa như những Phật tử trong lễ hội phóng đăng. Trước bảng, một sợi dây dứa chằng ngang treo lủng lẳng cả chục chiếc đèn. Lớp học không có cánh cửa nên bốn bề lộng gió. Đèn nhảy múa, bóng thầy bóng trò cũng chập chờn múa theo. Từ xa trông vào cứ như một lũ âm binh.

Lớp học bắt đầu bằng một cái lệ kỳ dị. Thầy giáo bí ẩn như một đạo sĩ cất tiếng hỏi: Học để làm gì? cả lớp trả lời: Học để phục vụ nhân dân và kháng chiến. Rồi thầy bắt đầu giảng: nước đá cứng như đá nhưng tan ra dưới ánh mặt trời. Ammôniac có mùi hôi như nước đái bò! Chẳng đứa nào hiểu được tại sao cứng như đá lại có thể tan ra được, cũng như nước đái bò sao lại là chất hoá học và với những điều như thế thì làm sao phục vụ nhân dân và kháng

chiến? Nhưng cũng chẳng có đứa nào buồn đưa tay lên hỏi. Một nửa lớp thì buồn ngủ, một nửa lớp thì đói và đầu óc thì đang nghĩ tới những trái ôi, trái sabôchê ở chùa Thiên An.

Trong cảnh yên lặng buồn buồn ấy đột nhiên có tiếng keng báo động. Như thế là tàu bay đi săn đêm. Đèn phụt tắt. Thầy và trò lao ra các hầm đầy nước, đầy cóc nhái và rắn rít. Một lúc sau tiếng động cơ xa dần. Lớp học lại âm ỉ tiếng cười đùa. Khi đèn được thắp lên, thầy bảo: muốn học nữa hay về? Cả lớp nhao nhao: Về! Về!

Cả làng An Định chỉ có một người con gái đi học. Chị là con một ông thầy thuốc từ Quy Nhơn tản cư lên. Chị tên Thảo hơn tôi đến bốn tuổi nhưng lại học cùng lớp với tôi. Là gái, nên chị không dám đi đêm một mình. Tôi được cả nhà ông thầy thuốc tin cậy để cùng đi với chị. Ông thường cho tôi một vài cọng cam thảo tẩm mật ong và chị thường dúm vào tay tôi khi cái bánh in khi trái chuối.

Một đêm tháng mười, trời mưa và lạnh. Khi tôi chợt thức giấc cứ tưởng là quá muộn nên vội vàng đến rủ chị đi. Đường đất trơn trượt, mây lặn chị suýt ngã. Phải khó khăn lắm chúng tôi mới tới được trường. Giữa lùm cây tối đen chẳng thấy một ánh đèn nào. Hoá ra là còn rất sớm. Hai chị em kiếm giấy và rác đốt cho đỡ lạnh. Một lúc sau lửa tắt, hai chị em ngồi tựa lưng vào vách nói chuyện vu vơ. Gió lùa qua lớp đuổi nhau trong đêm tối sâu hun hút. Trong gió như có tiếng thét gào, rền rĩ, đôi lúc như có tiếng cười của những hồn ma ở đồng cây Sanh. Chị có vẻ sợ, mỗi lúc một nép sát vào tôi, sau cùng gần như chen hẳn vào giữa để cho tôi ôm vào lòng. Một cảm giác lạ nhưng hết sức êm ái diệu kỳ. Tôi ngồi yên nghe tiếng mưa rơi, tiếng giọt tranh tí tách, tiếng gió xào xạc trên hàng tre và tiếng đập nôn nao trong lồng ngực chị. Dường như chị đang thiếp ngủ vì tôi nghe tiếng thở sâu dài và đều đều của chị.

Có thể chị chẳng mơ thấy gì và sau này chị cũng chẳng nhớ gì đến cái đêm mưa hôm ấy, nhưng tôi không bao giờ quên được cái khoảng ngực tôi áp sát vào lưng chị, lần đầu tiên tôi cảm nhận được cái làn hơi ấm áp ngọt ngào trong thịt da của một người con gái.

Những buổi học đêm trong chiến tranh không ngờ đối với chúng tôi lại là những phút giờ bình yên tươi đẹp nhất. Có thể chúng tôi chẳng học được gì nhiều ở những người thầy, nhưng chúng tôi đã học lẫn nhau, đã nương tựa để mà lớn lên. Mặc dù sống thiếu thốn khổ cực chúng tôi vẫn thấy vui, vẫn không có những nỗi lo âu sợ hãi như người lớn. Như thể chúng tôi đang đứng bên lề của cuộc chiến tranh

7.

Nói là nói vậy chứ cái cuộc chiến này không cho phép một ai đứng bên lề. Bom đạn vẫn liên tục trút xuống cái mảnh đất nghèo khổ này. Mà mỗi ngày mỗi tàn nhẫn khủng khiếp hơn. Không chỉ có bom văng mảnh mà còn có cả bom napan thường gọi là bom xăng đặc. Cái quãng lửa nó bùng lên đẹp đẽ bao nhiêu thì cũng tàn hại bấy nhiêu. Nhà ông tổng Bá giống như một kho thóc nên đã nhận lãnh trái bom napan đầu tiên. Cả cơ ngơi mấy đời chỉ trong chớp mắt đã cháy vèo vèo thành tro. Sức nóng khủng khiếp của nó làm cho mấy cây dừa cao vút ở tận góc vườn khô quắt quéo. Hai cái cối đập bằng đá xanh trông hầy còn nguyên nhưng lấy tay bóp thử thì nát vụn như phấn.

Năm ngày sau đến lượt nhà ông Chánh nhạc. Ai cũng tưởng nhà ngói thì cháy sao nổi nhưng khi lửa tàn, những viên ngói được nung một lần nữa không cứng như sành mà vỡ ra thành những viên nhỏ như sỏi. Ngay cả cốc tách được đem chôn cũng chảy đóng cục. Đám dân quân, đám phụ nữ theo lệnh ông Khứ và cô Thánh thúc hối đem gàu mo chổi dụi chạy tới cũng chỉ đứng từ xa mà nhìn.

Từ đây lửa hoành hoành khắp nơi. Những nhà to ở các làng đều bị đốt. Tuy chưa có ai bị cháy thui nhưng những đám cháy phừng phừng vẫn làm cho người ta kinh hoàng. Các cụ đồ Ngân và cụ cử Vân nói với nhau, lửa trên sông Xích Bích cũng chỉ khủng khiếp đến thế này là cùng.

Nhưng đó là lúc các cụ chưa thấy cái biển lửa ở làng An Định khi Pháp rải xăng đốt cả đồng lúa đang chín! Lửa ngụt trời. Khói đen mù mịt. Cả làng cùng kêu thét như thấy con mình bị ai ném vào lửa. Rồi như điên như dại, tất cả cùng lao vào giành giựt nhau với lửa những bông

lúa tội nghiệp đang run lên vì quá nóng. Ai có liềm dùng liềm, ai có dao dùng dao, những ai không có gì thì dùng tay không. Nhưng lửa như những con rồng hung dữ chỉ trong chớp mắt đã nuốt trọn cả cánh đồng. Cả đồng lúa đang trĩu hạt giờ chỉ còn lại tro. Mùi lúa cháy không khét như mùi nhà cháy mà lại thơm đến nghẹn ngào! Mặt đầy bụi tro lem luốc, đầy mồ hôi và nước mắt, mỗi người nhìn lại trong tay mình chỉ có một vài bó lúa cỏn con, ngỡ ngàng tự hỏi không biết sống làm sao đây!

Lại đói!

Người ta kéo nhau đi mót mì mót khoai ở tận Phù Cát, Phù Mỹ. Những đoàn người lếch thếch hết như đám ăn mày chỉ khác là không bó chân những đồ dơ bẩn và không còn chớ để chọc cho cắn rồi nằm vạ. Nhưng chẳng còn thứ gì để mót. Cả vỏ mì vỏ khoai trước đây là cho không, giờ thì cũng phải mua. Khoai sùng khoai thối cũng bán. Những người nghèo lại đi thất thểu với cái bụng đói. Người ta cũng chẳng thèm sợ tàu bay và chúng cũng không thèm bắn vào họ nữa.

Chúng đi phá đập!

Nghe nói Mỹ viện trợ cho Pháp hàng ngàn quả bom có cánh. Khi rơi xuống sông chúng biết tìm đến cửa đập và đúng lúc đó chúng mới chịu nổ. Thế là cái đập lưng mai rùa làm đã từng làm trượt bao nhiêu bom nay ngờ nghếch hả hống ra để nuốt cái chết vào bụng

Đập Đá nổ tung !

Rồi đập Đồng Cam ở Phú Yên cũng không còn!

Giá lúa một ngày tăng đến năm lần. Một gánh lúa bằng cả một gánh tiền tín phiếu.

Đang giữa mùa hè. Gió nam thổi suốt ngày đêm như những bầy ngựa hoang cất tiếng hí đuổi nhau trên cánh đồng. Sông cạn khô như có cả trăm con rồng cùng kéo tới hút nước.

Ông Khứ lại hô hào chống hạn!

Hàng trăm cái giếng được đào giữa ruộng vừa mới cháy. Trước đây hàng ngàn cây cọc theo lệnh ông chia lên trời thì nay hàng trăm cây xà beng thọc sâu vào bụng đất. Những mạch nước hiểm hoi rỉ rả được những chiếc gàu mo cán dài múc lên vung vãi trên đồng. Đất bị nướng. Một vài gàu nước tạt lên chỉ nghe đánh xèo một tiếng, khói bốc lên khét lẹt. Đến cây xương rồng cũng không trồng được chứ nói gì đến lúa.

Đang lúc mọi người phải chiến đấu tuyệt vọng với đói khát, hạn hán thì đột nhiên có tin xử tử Việt gian ở Gò Na.

Cái tin mới lạ lùng làm sao! Hả hê làm sao! Thế là tất cả chết chóc, thương tật, ốm đau, nhà cháy, đập lở, ngay cả những con chó bị giết, những ngày đêm ngựa ngáy vì bị chí rận... người ta đều trút lên đầu Việt gian.

Mọi người quên đói, quên ốm đau, quên những ngày sắp tới không biết sống bằng gì... để náo nức đợi chờ. Ai cũng muốn biết mồm ngang mũi dọc của thằng Việt gian nó ra làm sao. Chắc nó mặt xanh nanh vàng, vừa hung ác như thằng Năm Quàng mà cũng vừa quỷ quyết như thằng Lý Thông. Người ta kháo nhau về những việc làm hèn hạ của nó. Nào là chỉ điểm kho lúa, trường học, nhà thương... chính nó đốt nhà ông tổng Bá, nhà ông Chánh nhạc, chính nó ác độc báo cho Pháp biết đồng lúa chín... chỉ cần một mảnh gương nhỏ dặt đâu đó để mặt trời nhấp nháy là máy bay biết chắc nơi nào cần trút bom xuống. Nó còn rải truyền đơn rầm rì tung tin xấu, dặt những câu thơ phản động như :

Chú phình tôi rồi chính phủ ôi!

Chú khiêng lên hết chiến khu rồi

Thi đua sao cứ thua đi mãi?

Kháng chiến lâu dài khiến chán thôi!

Nói thế mà nghe được à? Ông Khứ nghiêng răng trèo trẹo như thể sắp cắn vào cổ nó nếu nó dám nói trước mặt ông.

Gò Na, đó là một bãi tha ma lâu đời còn rộng hơn cả đồng cây Sanh nằm giữa hai thôn Yên Thới và Châu Liêm. Hãy còn sót lại những mảnh Hời đen lù lù bên cạnh những mồ mả của

người đời sau, nằm rải rác giữa các bụi xương rồng và gai bàn chải. Những bụi duối cao to như những đụn rơm là hang ổ một thời của bọn giang hồ cướp giết Năm Quảng, Sáu Quảng. Con sông Cái thỉnh thoảng lại nổi lên một cái xác chương phình mà dân làng này thường lén đẩy sang làng kia để khỏi lòi thối với phủ huyện. Một con đường nhỏ mỏng manh như sợi chỉ nối hai làng lại với nhau, hoạ hoàn mới có người đi, trông bé nhỏ như những con rận trên một chiếc áo cũ.

Thực ra, ngày trước nó cũng không đến nỗi hoang vắng và đáng sợ đến như vậy, nhưng kể từ khi triều đình đem chém ba người học trò ở Châu Liêm và Yên Thới vì tội phá trường thi Bình Định, thì gò Na chẳng còn ai dám qua lại nữa. Đó là một buổi chiều đẫm máu và nước mắt. Pháp trường là một bãi cỏ giữa gò. Một bụi tre hoang được chặt tận gốc chỉ chừa lại ba cây tre đực. Ngọn tre được kéo xuống sát đất giữ chặt bằng những cái chằng ba. Từ tội bị xô tót buột vào ngọn tre còn thân thì bị trói vào cột. Khi đao phủ vung cái lưỡi dao bén và lạnh vào mỗi người thì, dù đã rời khỏi cổ, nhưng đầu vẫn chưa rơi xuống đất. Lại lia thêm một nhát nữa vào sợi dây buột ở chằng ba. Thế là ba cái đầu với sáu con mắt còn mở trừng trừng vì chưa hết bàng hoàng theo ngọn tre bay vút lên trời cao, rồi cứ thế đong đưa như những cái tổ chim giồng giộc. Lũ điều hầu và quạt quang quác bay đến tranh nhau róc rĩa cho đến khi chỉ còn lại ba cái sọ trắng hếu, mỗi khi có gió thổi là khua lóc cóc.

Từ đó chẳng ai dám đi qua cái bụi tre oan nghiệt ấy. Chỉ có dân hai làng đến ngày giỗ thì tới sì sụp khóc than và rằm tháng bảy sự cụ bên kia sông dẫn đệ tử qua tụng cho một vài bài kinh siêu độ. Nhưng thỉnh thoảng, trong những đêm trăng mờ, người ta lại nghe có tiếng rì rầm bình thơ.

Đầu tiên dân làng ai cũng mong tới ngày xử bắn. Nhưng khi biết được trong số họ có Phùng văn Hiên con cụ đồ Ngân thì ai cũng ngơ ngác kinh hoàng. Không thể nào tin được một người tử tế như thầy Hiên lại đi làm cái việc hèn hạ là chỉ điểm cho giặc để chúng giết người đốt nhà. Cũng không thể tin được cụ đồ Ngân xúi con mình làm những việc phản động chỉ vì cái đình bị phá. Hay là chính thầy đã làm những câu thơ mỉa mai khiến ông Khứ tức ói máu?

Chẳng ai tin được những điều lạ lùng như thế. Bởi vì tuy thầy không còn dạy bọn trẻ con nữa nhưng đêm nào thầy chẳng khản tiếng rít họng đọc *l tờ, tờ / ti* ở các lớp bình dân. Chính thầy được bình bầu là chiến sĩ thi đua diệt giặc đốt mấy năm liền kia mà. Chỉ mới đây nghe nói thầy ho lao phải ra Hội An chữa trị. Không ngờ thầy đã tìm cách trốn qua vùng địch. Cái tội ấy bị bắn là phải rồi, chỉ buồn là từ đây thầy bị gọi bằng thằng, thằng Việt gian Phùng văn Hiên! Ông Khứ đã nói như thế trong buổi học tập kể tội thầy.

Ngày xử bắn, tuy chẳng còn ai nào nức dợi chờ nhưng cả làng cùng lặng lẽ kéo nhau lên gò Na, đứng sau lưng cụ đồ Ngân. Cụ chờ dợi cái phút giây cuối cùng của con trai mình với cái sĩ khí của một nhà nho. Cũng tại cái bụi tre oan nghiệt ấy, cũng một buổi chiều như buổi chiều năm ấy, chỉ khác là không có những cây tre đực bị kéo xuống sát đất, nhưng có bốn cái hòm trống hoác đang mở miệng chờ sẵn.

Thầy Hiên cùng với ba người nữa được một toán bộ đội đặc biệt đưa vào pháp trường. Bọn họ được hỏi ước nguyện cuối cùng. Có người xin điều thuốc, có người xin ly rượu để có thêm can đảm, có người dặn vợ lấy chồng khác (ai mà dám lấy vợ Việt gian!) Thầy Hiên không xin gì chỉ lặng lẽ nhìn về phía cụ đồ. Có lẽ thầy thầm xin cha mình tha cho tội bất hiếu.

Sau khi các ước nguyện cuối cùng nhanh chóng được giải quyết, bọn họ bị trói vào cọc và bị bịt mắt. Tiểu đội hành quyết tiến vào vị trí. Người chỉ huy hô: chuẩn bị! Súng được đưa lên vai, mũi súng hướng vào ngực tử tội. Rồi tiếp theo một tiếng đanh gọn như pháo lệnh: Bắn! Hàng chục tiếng *đoàng* vang lên. Cả bốn thân người rung lên dấy dựa. Người chỉ huy lạnh lùng đến kê súng lục vào đầu mỗi người bóp cò. Đó là những phát súng ân huệ!

Thôi thế là rồi đời thầy Hiên, người thầy giáo vỡ lòng của tôi và bao nhiêu học trò khác đang đi bộ đội hay làm dân quân du kích giữ làng. Cái chết của thầy mãi đến bây giờ vẫn còn là nột nghi án. Có thực thầy làm Việt gian hay thầy trả giá cho sự bội tình? Nghe nói thầy đã đi dạm hỏi cô Thành nhưng sau đó thầy nhất định không chịu cưới cô. Ở lại làng thì không thể

không cưới. Chỉ còn một lối thoát duy nhất là phải đi vào vùng địch dù biết rằng đến chín phần là đi tìm cái chết.

Cũng may là thầy không bị bêu đầu như những sĩ tử năm xưa. Cụ đồ Ngân được phép nhận xác con về chôn. Mộ thầy nằm tận chân núi Mò O. Cô sáu và tôi đã hơn một lần lên đến thấp hương cho thầy. Cô tôi khóc y như hồi cô khóc cô Tâm. Một tháng sau, cụ đồ Ngân không chịu ăn uống gì trong suốt năm ngày để được chết theo con.

8.

Những tên Việt gian dù đã bị bắn nhưng cái đói, cái khổ và cái chết vẫn không vì thế mà giảm bớt. Giặc Pháp chẳng những không suy yếu mà còn mạnh hơn. Chúng đã vượt qua đèo Eo Gió, đổ bộ lên Đê Gi và cả Qui Nhơn. Vì chúng có thêm nhiều đại bác, nhiều tàu bay. Và tất cả là do thằng Mỹ!

Thế là người ta tổ chức những buổi mitting vĩ đại liên xã, những cuộc biểu tình liên thôn. Cô Thành và nhiều cán bộ khác thay nhau lên kể tội thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Tiếng hô đã đảo chừng như vang dội đến tận sông Ngân. Trong những đêm hùng hục lòng căm thù ấy người ta quyết định phải làm một cái gì thật vĩ đại, thật kiêu hùng để chứng tỏ cho cả thế giới biết lòng căm thù của cả một dân tộc. Hai câu khẩu hiệu khổng lồ: **ĐÁ ĐẢO CAN THIỆP MỸ** và **TÍCH CỰC CHUẨN BỊ TỔNG PHẢN CÔNG!** được dựng lên, một ở gò Na, một ở đồng cây Sanh.

Bao nhiêu tre còn sót lại từ thời làm cọc phòng không đều được chặt sạch. Hàng trăm người cùng chẻ chẻ, vót vót, đào lỗ dựng trụ, lao động suốt ngày đêm. Chẳng bao lâu những con chữ to cao đến mấy thước ngạo nghễ đứng lên chạy dài đến cả cây số.

Từ khi bị đuổi khỏi hội Phụ nữ, cô Sáu thành người lêu bêu không đoàn thể. Nhưng như thế lại được tự do. Chẳng phải họp hành phê bình kiểm điểm, chẳng phải đi làm những chuyện không công để được tiếng thi đua. Cô không còn đi mót nữa vì chẳng ai bỏ sót một hạt lúa nào ở ruộng. Cũng không ai kêu cô đánh tranh giũ rạ. Người ta thà chịu đói còn hơn làm mồi cho lửa. Những nhà lá mái còn dỡ cả tranh cho bò ăn, chỉ để cái mái đất bên trong, trông xa cứ như những ụ gò mối.

Chẳng có việc gì làm, nhưng chẳng lẽ ngồi không chịu chết đói. Cô tôi gom chút ít tiền tín phiếu dành dụm mở một ngôi hàng nước ở đầu cầu. Nói là hàng quán cho oai chứ thực ra chỉ một om nước chè vối, vài ba tán đường, năm bảy cây mía. Một đôi khi có thêm trái mít. Khi bán hết cô lại gom những hạt mít luộc chín xỏ năm hạt vào một que. Lũ trẻ con rất khoái những que hạt mít ấy. Chúng đứng nhìn say sưa. Có đứa bạo dạn chụp vào một xâu chạy mất.

Nhưng cái quán lèo tèo ế ẩm quá. Mía để lâu khô xốp, đường chảy nước, mít bán xong thì hột đã mọc mầm!

Rất may là từ ngày dựng hai câu khẩu hiệu khổng lồ, cái ngã ba Trung Lương bỗng trở nên tấp nập. Xe bò chở tre cọc cạch, xe ngựa leng keng chở người, xe đạp của cán bộ tỉnh huyện qua cầu chuông reo kính coong. Người ta kéo đến trăm trở chỉ trở. Ai cũng thấy mình trở nên cao lớn như những con chữ vĩ đại đang ưỡn ngực trong gió. Người ta nói, mình vẫn hơn thằng Mỹ chớ bộ. Nó làm gì có cái câu khẩu hiệu to như mình! Nói đã, người ta lại uống, lại ăn. Mà mía rẽ nhất, một cây đến mấy người cùng ăn. Cô tôi có ngày bán đến cả chục bó. Thế là cô cháu bàn nhau phải đi mua tận gốc ở các vùng trồng mía.

Hai cô cháu thức dậy lúc sao Cày vừa mới mọc. Trời đêm mát lạnh. Khi đi ngang qua gò Na, tôi nắm chặt tay cô còn cô như cũng đang run. Tôi sợ ma, cô sợ cướp. Cái bụi tre nơi các sĩ tử năm xưa bị bêu đầu và thầy giáo Hiền bị bắn như đang lặng lẽ theo cô cháu tôi. Chúng tôi đi nhanh nó theo nhanh và khi chúng tôi nhắm mắt mà chạy, nó cũng chạy theo. Bên tai tôi không ngớt vang lên tiếng khua lốc cốc của những cái sọ người. Cô tôi, mặc dù đã cột chặt những cục bạc tín phiếu dẫu kín trong người, nhưng vẫn sợ không biết bè đảng của Năm Quàng Sáu Quàng trốn núp ở đâu! Nếu từ trong những bụi cây quỷ quái ấy nhảy ra, thì chắc là cô cháu tôi

phải giao hết cái cơ nghiệp bé nhỏ cho chúng.

Khi chúng tôi đến được chợ mía thì mặt trời đã lên khỏi ngọn tre. Chợ họp ngay trên bến sông, bán chỉ độc một mặt hàng là mía cây. Mía cột thành bó, mười hai cây là một chục. Cô Sáu tôi mua đến 50 bó, thuê một chiếc sồng theo sông Cái về nhà.

Về bằng đường sông rất thích. Nước sông mát, mặt sông êm, chiếc sồng nhẹ nhàng trôi. Người chủ chỉ thỉnh thoảng chống sào đẩy mạnh một cái là chiếc sồng lao tới như một chiếc tàu bay giấy. Gần trưa, cô tôi đem cơm vắt ra ăn. Lần này cơm không độn, xắt từng lát ăn với muối rang, nhai thật kỹ nghe giòn ngọt. Cơm xong, tôi nghiêng đầu xuống sông uống nước, rồi nằm trên những bó mía ngửa mặt lên trời ngắm những đám mây đủ hình thù đang thong thả bay đi.

Sông vẫn trôi êm. Cô tôi ngồi tựa lưng vào mía như đang ngủ. Tôi nhìn những xóm làng hai bên sông. Những mái nhà thấp nhỏ chưa bị đốt lẩn trong hàng cây, những đứa bé chạy chơi trần truồng, những người đàn bà đang giặt... Tôi bỗng thấy đời sống trở nên êm dịu quá. Tôi đang được dòng sông nâng niu. Dù sao tôi cũng biết ơn mẹ tôi đã không thả tôi trên một dòng sông lạnh lẽo đầy sóng gió.

Khi sồng về tới chân cầu, cô tôi và người chủ sồng vác mía đem lên bờ. Tôi đứng bên cầu coi mía. Ông Khử thấy cô tôi mua một sồng mía đầy nhứu mày hỏi: đầu cơ tích trữ hả? Cô tôi im lặng không trả lời.

Sau vài chuyến đầu, cô tôi gửi tiền cho bác chủ sồng đi mua giùm. Cô tôi trở thành một bà chủ quán tuy không giàu có gì nhưng cũng tạm đủ nuôi hai cô cháu. Tôi không còn bị đói đến mờ mắt nữa.

Nhờ có đồng ra đồng vào, cô may cho tôi một chiếc áo cổ vuông là kiểu áo mới nhất lúc bấy giờ. Khi thấy tôi xúng xính trong chiếc áo còn cứng vì hồ, cô nói: mẹ mày chắc đẹp, mày lớn lên trông cũng lịch sự trai đấy! Tôi chẳng hiểu lịch sự trai là gì, nhưng tôi thấy mặt mình đã trở lang beng và có mấy cái mụn để ghét. Mẹ tôi đẹp, tôi nghĩ thầm, sao cha tôi lại bỏ mẹ tôi để bà phải đem tôi thả xuống sông? Cha tôi là người như thế nào? Chẳng lẽ như ông Khử? Trời ơi! Tôi không muốn nghĩ tới nữa!

Lúc này, dân tản cư ở Tuy Phước đến che lều ở đồng cây Sanh ngày càng đông. Công cuộc bán buôn của cô tôi nhờ thế càng trở nên phát đạt. Cô tôi bán thêm kim chỉ mắm muối, lại có cả rượu lậu nữa. Cứ tưởng cuộc đời của cô cháu tôi khá lên, không ngờ một hôm ông Khử cho dân quân đến tịch thu hết cả mía đem về trụ sở Ủy ban vì tội đầu cơ! Mấy lít rượu bị đem đổ xuống sông cho cá uống! Cô tôi gằn như trắng tay.

Mặc dù Pháp đổ bộ lên Qui Nhơn, nhưng người ta vẫn bảo là mình đang chiến thắng. Cả chục nghìn quân Pháp bị vây ở Diên Biên Phủ chỉ chờ ngày đầu hàng. Sắp tổng phản công rồi. Giờ chuyển sang cuộc chiến đấu mới. Đây là cuộc chiến mà ông Khử và cô Thành bảo là gay go và khốc liệt hơn, cuộc chiến một mất một còn giữa giai cấp vô sản và giai cấp bóc lột.

Người ta chỉnh đốn lại hàng ngũ, rà soát lý lịch từng người một trong các đoàn thể ngay cả trong trường học. Người ta truy tận gốc từ đời ông đời cha, từ bên nội đến bên ngoại. Vì vậy trong lớp học xảy ra những cảnh tố lẫn nhau. Không còn chơi đùa phá phách như trước nữa mà bắt đầu xoi mói, bươi móc như những mục hàng xóm nhỏ nhen. Những đứa con nhà phú nông địa chủ không dám đi học nữa. Chị Thảo cũng phải ở nhà vì cha chị là người Qui Nhơn lại làm nghề bán thuốc Bắc tức là thuộc thành phần tiểu tư sản. Mà tiểu tư sản và địa chủ là con đẻ của thực dân phong kiến. Tôi thì nghèo kiệt các nhưng không phải vô sản vì nào ai biết gốc gác của cha mẹ tôi là người thế nào. Tôi vẫn còn đi học vật vờ vì nếu cho rằng nguồn gốc của tôi là do chó đẻ ra như người ta vẫn thường gọi thì quả thật cũng chẳng biết xếp chó vào loại giai cấp nào!

Ở trong làng, ngày trước mặc dù có chiếu trên chiếu dưới, có kẻ địa chủ phú hào, có người cùng đinh mặt hạng, nhưng nếu không tranh nhau một miếng thịt ở đình thì chẳng việc gì phải sợ ai cả. Bây giờ, cái cách xếp hạng mới này lại chia ra nhiều tầng nấc một cách hết sức

chi li.

Không có lấy một cục đất ném chó ỉa như thằng thủ ngữ Đực là cố nông. Có một rẻo vườn và một cái nhà nát là bần nông. Có thêm năm ba sào ruộng là trung nông. Mà trung nông lại chia ra bậc trên và bậc dưới, tức là cái anh tạm đủ ăn và cái anh chưa đủ ăn. Có chừng vài mẫu ruộng và đôi trâu là phú nông. Có ruộng mà phát canh thu tô tức là không làm mà vẫn dư ăn dư để là địa chủ. Nếu đã từng giữ một chức dịch nào đó như chánh tổng, lý trưởng là địa chủ ác ôn. Nhưng có công với cách mạng như ông Chánh nhạc là địa chủ tiến bộ. Tuy không niêm yết danh sách từng người một nhưng cứ theo cái khung ấy mà tự xếp mình vào. Nếu anh muốn hạ thành phần xuống một bậc thì lập tức người ta cũng lôi anh lên như một con vật đã bị đóng dấu.

Những đêm học tập mãi tận sáng, cán bộ ra sức mỗ xẻ nhồi nhét chỉ để cho cả làng dòm ngó lẫn nhau cái thành phần. Ngày trước người ta tranh nhau từng chức nhỏ như *câu*, *biện* để khỏi bị gọi bằng thằng. Bây giờ người ta cố lột bỏ những gì mà xã hội cũ vì tiền hay vì nịnh nọt đã được ban cho. Nếu ai trợ khát như thằng thủ ngữ Đực thì được trịnh trọng gọi là đồng chí bần cố nông. Ngược lại ruộng sâu trâu nái chức tước một thời như cụ cử Vân, ông tổng Bá thì bị gọi là thằng quan, thằng địa chủ. Ngoài hai cái thành phần cực cao và cực thấp không để ai muốn chui vào hay thoát ra, thì cái đám đông nhất, là trung nông lại kèn cựa không lúc nào yên như một đàn dê quá đông trong một cái chuồng quá hẹp.

Người ta xĩa xối, nhà đó mà trung nông thôi à? Có ruộng có bò mà không dư ăn à? Phải đưa lên bậc trên chứ. Chỉ cần cái đàn bò ấy để thêm vài lứa là có thua gì địa chủ. Các bà đi chợ thì dòm lom lom vào thúng rổ của nhau. Họ nói, cái con mẹ đó mà bần nông à? Chính mắt tôi trông thấy nó mua cả ký thịt. Ai cũng cố tìm cách hạ cái thành phần của mình xuống và đẩy thành phần của người khác lên. Tuy nhiên chẳng ai dám kinh cãi chửi bới, nhất là những người thành phần trên lúc nào cũng nhín nhịn những người thành phần dưới. Đám địa chủ phú nông thì ngồi im hơi lặng tiếng để mặc cho người ta mỗ xẻ cái thành phần của mình ra như bị cưa xương róc thịt ở nhà thương.

Nếu Cách mạng là thay cũ đổi mới thì cái việc xác định thành phần là một cuộc cách mạng thật sự. Nó lay chuyển tận gốc rễ cả nền móng xã hội. Lúc này không ai vênh vào sung sướng hơn thằng thủ ngữ Đực vì nó là cố nông đến mấy đời. Người ta nói nó đã trợ khát tận từ đời ông cố nội. Không ai nhớ lúc nào nó sinh ra, chỉ thấy nó lê lét từ nhà này sang nhà nọ, bạ cái gì cũng bỏ vào miệng nhai. Nó cứ tồng ngồng mà đi khắp nơi cho đến khi bà phó lý thấy mắc cỡ giùm. Bà thương tình ném cho nó một cái quần cũ của cậu Phú rồi bảo nó ra sông tắm rửa mà mặc vào. Nó được ông tổng Bá đem về chăn trâu nhưng chỉ được mấy hôm thì bị đuổi vì để trâu đi lạc mất. Từ đó nó chỉ còn một cách để sống là bẻ bí trộm gà. Cái việc ấy thì nó giỏi hơn chồn cáo. Ai mất của cũng nghi cho nó nhưng chưa ai bắt được nó bao giờ.

Những buổi học tập làm người ta sáng mắt ra. Rằng nó sống lâu bêu khổ cực cho dù có bẻ bí trộm gà cũng là do cái xã hội cũ đầy dẫy bọn tham quan ô lại cấu kết với địa chủ bóc lột tận xương tuỷ nó. Rằng cách mạng sẽ làm cho nó nên người bởi nó là thành phần cốt cán trong sạch nhất. Ngay cả ông Khứ cũng phải học tập nó vì cái cơ ngơi bệ thế của nhà ông trên ruộng dưới vườn, bò heo lúc nhúc đầy chuồng, dù có hạ cái thành phần xuống cho hợp với chức vụ của ông thì thấp nhất cũng là trung nông bậc trên. Còn cô Thành và cả nhà cô tuy được hai chữ tiến bộ nhưng lại đi kèm với cái tiếng địa chủ nên cũng không hơn được nó.

Giữa lúc cái thành phần ụp xuống xóm làng một cách nặng nề ngọt ngào thì cũng có kẻ luồn lách hết sức tài tình giúp cho ông phó Ba đọc diễn những màn kịch mà không sợ đụng đến chính sách. Một buổi sáng ông lại ồm ồm nói bằng giọng mũi và ông uốn éo thể nào không biết mà người ta tưởng như có một con rắn đang trườn ra khỏi ổ hòng. Ông để một ngón tay lên má, nháy con mắt bên phải mấy cái ra cái điều mắc cỡ then thùng. Rồi ông khuyu xuống một chân chống tay trên gối lê bước như một con vịt què là ai cũng biết ông đang đóng giả con Liễu đạo. Nó cũng như thằng thủ ngữ Đực, đúng là cố nông đến mấy đời. Nó sống lây lất với một cái mẹt đựng kim chỉ và những viên mực tím bán cho học trò. Vậy mà nó đã có chồng như một người danh giá được chính cô Thành hội trưởng hội Phụ nữ đứng ra chủ hôn. Chồng nó là con

traí ông phó tuần, người đã cho ông Tư Kinh mượn hai con trâu đực giả làm xe tăng. Chính vì có cả một bầy trâu và vì chịu khó đi cày thuê cho nhiều người nên ông tậu được ruộng. Giờ ông đang nơm nớp lo sợ bị đẩy lên bậc cao hơn tức là phú nông. Ông nói gần như lạy cho thẳng con ông chịu lấy con Liễu dọa để may ra được hạ xuống cái thành phần.

Nhưng bất ngờ đến nỗi khó tin là ngay cả ông hương kiểm nổi tiếng yêu chó hơn cả vợ con, cũng đã tiến bộ kịp thời khi gả con gái út cho thẳng thủ ngữ Đực. Thế là cái anh chàng trước đây ai cũng gọi bằng thẳng một cách khinh miệt, thì từ nay đàng hoàng bước vào một ngôi nhà lá mái hai chái ba gian, được cô vợ lặng lẽ kỳ cọ cho bao nhiêu là cái ghét, được mặc quần áo bằng đũi và ba ngày sau bữa tân hôn được ông Khử tươi cười đèn bắt tay chúc mừng.

Tuy nhiên, trước đó nó cũng phải một phen sợ thót tim vì bị cái đám dân quân ôn dịch phá đám. Số là để cho cuộc đời thực sự có ý nghĩa, ông Khử bảo bọn họ làm cho nó một cái nhà bên cạnh trụ sở. Nhà vách đất lợp tranh. Có lẽ vì làm nhanh cho kịp ngày cưới và vì làm ẩu nên trong đêm tân hôn, một tấm vách đã ngã nhào suýt đè chết cả vợ lẫn chồng.

Thực ra như ông phó Ba nói, cả chục đũa tranh nhau dòm qua cái cửa sổ không có màn che đã làm cho bức vách bằng đất trộn rơm còn nhão bầy không chịu nổi sức nặng của cả lũ. Một tiếng rầm giữa đêm khuya khiến hai vợ chồng tưởng như trời sập. Cô vợ, cũng may là hãy còn mặc đủ quần áo, đã chạy như ma đuổi về phía nhà ông hương kiểm, theo sau là thẳng thủ ngữ Đực vừa chạy vừa chửi lũ dân quân không tiếc lời. Ông phó Ba đã không quên diễn lại cái cảnh có một không hai ấy và dân xóm Miếu lại được một trận cười no bụng để quên đói.

Trong những buổi học tập chuẩn bị phóng tay phát động quần chúng, cô Thành là người thể hiện mới cảm thù giai cấp mãnh liệt và sâu sắc nhất. Cô nói tới cảnh lần bờ lần ruộng của địa chủ, cảnh tá điền bị bóc lột phải bán vợ đợ con, cảnh cho vay nặng lãi cắt cổ, cảnh mừng một Tết có người tới dọn bàn thờ ông bà ông vải... Cô nói suốt từ đêm này qua đêm khác, từ chuyện của làng An Định, An Đông đến chuyện các làng trong huyện trong tỉnh, từ chuyện nước ta đến chuyện nước bạn Trung Hoa. Cô kể lại câu chuyện của Bạch Mao Nữ mà nước mắt lúc nào cũng ràn rụa. Đó là một cô gái bị chủ bóc lột hành hạ thậm tệ phải trốn vào trong hang. Lâu ngày không có ánh mặt trời nên lông tóc đều trắng. Những người đi săn đã tưởng cô là vượn bạch...suýt bắn chết đem về nấu cao!

Có người nhẹ nhàng vặn lại, nhà cô cũng là địa chủ, trong nhà chưa ai đụng tới cái cày cây cuốc mà vẫn ăn sung mặc sướng no đủ quanh năm, thì cô lòng lộn chống chế rằng, khi đi theo Cách mạng là gia đình cô đã từ bỏ giai cấp phản động rồi, đã đứng hẳn về phía nhân dân tiến bộ. Nếu bảo vẫn còn phát canh thu tô, vẫn còn nuôi trai bạn trong nhà (người làm công) thì đó không phải là bóc lột mà tự nguyện. Tuy họ làm giúp việc cho nhà cô nhưng chính họ là những người làm chủ. Không bị ai la mắng đánh đập, ruộng lúa làm ra họ được lấy trước phần mình rồi mới đến phần nhà cô. Vả lại nhà cô ai cũng làm Cách mạng nên phải có người giúp đỡ Cách mạng chứ.

Đúng là không ai cãi được và cũng không ai dám cãi. Cái mũ Việt gian phản động sẵn sàng chụp lên đầu bất cứ ai dám chống lại. Đó là chưa nói tới cái thòng lọng “khả năng” ném vào cổ anh không biết lúc nào. Trong các vụ bình bầu về thuế nông nghiệp, nếu anh ở các thành phần bậc trên thì dù có bay lên trời hay chui xuống đất, cũng không cách gì thoát khỏi cái dây thòng lọng ấy. Như nhà ông hương kiểm, thuế được tính theo ruộng và theo khẩu là 500 ký, nhưng khả năng tức là cái nguồn lương thực tiền bạc có thể đóng là 5 tấn. Ông tổng Bá thì khả năng gần như vô tận. Khi ông Khử hỏi: 5 tấn được chưa? Không ai trả lời thì ông nói: chưa hả? Vậy thì 10? Cũng chưa hả? 15? cũng chưa à? Thôi thì 20 cho chắc! Có đồng ý không? Nhiều tiếng rời rạc. Ông bảo: to lên để ghi vào biên bản chứ! Thế là người ta cùng gào: Đồng ý! Có mắt mắt gì của mình đâu mà lo!

Cứ tung dây thòng lọng ra như thế, rất cuộc địa chủ phú nông phải nộp thuế cả trăm tấn trong khi cả làng thu hoạch chưa được vài chục. Từ đấy, một đội thiếu niên với thùng thiết mố tre và phèng la kéo tới các nhà phú nông địa chủ hò hét vang trời, kêu cả tên họ ra mà chửi là *ù li, ngoan cố!* Chỉ với một trò ấy thôi cũng đủ làm cho hương kiểm hương bộ, chánh tổng, lý

trường phải chạy đôn chạy đáo từ họ hàng bên nội bên ngoại, từ bên nhà vợ nhà chồng cho đến người quen bất kể thân sơ, sống chết gì cũng phải đóng cho đủ. Thiếu 1 ký cũng không xong. Mà đóng đủ rồi vẫn còn sợ tái bình bầu, tức là nâng khả năng lên thêm nữa. Nói tới “khả năng” nhiều người đến tận bây giờ vẫn còn sợ run.

Dĩ nhiên những ai là bản cố nông chẳng những đã khỏi đóng thuế mà còn góp phần đẩy khả năng của địa chủ lên tận trời. Họ chính là quyền uy của Cách mạng. Khi nói tới hai tiếng nhân dân tức là nói tới họ. Nhân dân căm thù tức là họ căm thù. Nhân dân hành động tức là họ hành động. Tùy theo từng chiến dịch phong trào mà người ta cho phép các thành phần trung nông được dự phần. Còn địa chủ và phú nông thì không.

Phóng tay phát động quần chúng tức là liên kết các thành phần nhân dân lại để cô lập, bao vây và tiêu diệt giai cấp bóc lột. Nhà ông tổng Bá đương nhiên là cái đích ngắm đầu tiên. Chẳng những đưa ông lên ngồi trên cái mức thuế cao chót vót mà còn tung ra tấm lưới *liên quan* để không một ai dám giao tiếp. Ai giúp nhà ông cày bừa, gặt hái, mua bán đồ đạc, ngay cả chào hỏi cũng bị kết tội là liên quan với địa chủ. Vì vậy chẳng ai dám tới gần đến nỗi cũng không dám đi ngang trước ngõ nhà ông.

Suốt nhiều đời ky cốp được hai mươi mẫu ruộng, ông cho những người làm rẽ ăn chia gọi là tá điền. Ngày trước bọn họ mang ơn ông. Còn bây giờ ông là kẻ thù, chẳng ai dám làm tay sai nô lệ cho ông nữa. Ông xin hiến tất cả, nhưng ông Khứ bảo của nhân dân chứ của gì ông mà hiến. Ông xin được tịch thu thì ông Khứ lại bảo chưa có lệnh, khi nào cải cách ruộng đất không cần đợi xin cũng cứ tịch! Hai mươi mẫu ruộng mà không được thuê mướn thì biết đến bao giờ mới làm xong! Mà làm không xong thì lại mang tội bỏ ruộng hoang, tức là phá hoại kinh tế, không thua gì tội Việt gian phản động. Ông như ngồi trên lửa. Chưa bao giờ ông thấy sợ ruộng đất như lúc này. Thế là ông treo cổ lên xà nhà. Nhưng cái xà như cũng sợ “liên quan” nên gãy làm đôi, ném ông rớt xuống đất. Vợ con ông chỉ sụp xuống lạy xin ông ráng sống chứ không dám khóc.

Cũng may bà vợ ông là một người vừa gan dạ vừa mưu trí. Bà kéo cả dòng họ và cả thuê mướn những người ở Phú Phong xuống cày cấy giúp. Lúc đầu họ làm ban đêm trốn núp thật thò vì ông Khứ cho dân quân đuổi bắt. Nhưng sau bà nhờ những người An Vinh, An Thái võ nghệ đầy mình thì ông Khứ và đám dân quân lặn mất. Nhờ vậy, hai mươi mẫu ruộng cũng đã được cày cấy xong. Nhưng cũng chỉ cứu được cái tội bỏ ruộng hoang chứ không cứu được cái tội thiếu thuế!

Một buổi chiều, trước sân trường bình dân, nhiều anh chị dân quân ngồi đập mảnh chai trộn với đá ong, rải đầy trên hai cái vòng tròn to hơn mặt thúng. Một cái chạc tre đỡ một cái nắp vung để ngửa đựng đầy dầu với những cái tiêm bông chờ sẵn. Phía sau là cái bục cao cho chủ tịch đoàn.

Đêm nay là đêm đầu tiên *phóng tay phát động quần chúng* để hỏi tội thiếu thuế của vợ chồng ông tổng Bá. Không cần ông Tư Alô chõ miệng vào cái loa thiết mà gào, cũng không cần đánh kiếng. Ngay khi mặt trời vừa lặn là cả làng đã kéo tới đông đủ. Chỉ có trẻ con chạy giỡn lảng quăng còn người lớn thì ngồi yên lặng. Mùi thuốc lá nồng nặc. Những đóm lửa sáng lên liên tục.

Một lúc sau vợ chồng ông tổng Bá bị đưa tới quỳ trên hai cái tấm thảm mền chai đã được các anh dân quân làm sẵn. Lập tức tiếng rào rào nổi lên như sóng. Người ta tưởng đêm nay hai vợ chồng ông sẽ bị giết

Chủ tịch đoàn gồm một anh trai cày một bà bếp và một anh thợ rèn đại diện cho giai cấp công nhân. Mọi người ồ lên chưa hết ngạc nhiên thì ông Khứ đã trịnh trọng giới thiệu:

- Kính mời đồng chí chủ tịch của chủ tịch đoàn lên chủ tọa!

Đầu tóc được húi ngắn gọn như cạo trọc, áo bốn túi như các đồng chí Trung Quốc, thủ ngữ Đục xuất hiện trước dân làng như từ trên trời rơi xuống. Cả làng đang ngẩn ngơ thì ông Khứ hô to: Hoan hô chủ tịch đoàn và mọi người cùng hét lên *hoan hô* như một bầy ngựa đã

được kéo dây cương. Đợi cho tiếng hoan hô lắng xuống, ông Khứ tuyên bố Toà án nhân dân được lập ra để xử tội những kẻ chống lại nhân dân. “Thưa chủ tịch của chủ tịch đoàn, ông Khứ nói, đây là hai kẻ ù lì ngoan cố. Còn những 15 tấn lúa chưa chịu đóng. Xin Toà hãy ra một bản án nghiêm khắc để chứng tỏ sức mạnh của nhân dân.”

Đồng chí thủ ngữ Đực liền hấn giọng nói như quát:

- Thằng tổng Bá kia, sao mày chưa chịu đóng thuế ?

- Dạ thưa thuế cao quá đóng không nổi!

- Hai mươi tấn mà cao à ? của cái nhà mày có cả trăm tấn. Không lúa thì vàng. Số vàng bòn rút của nhân dân từ đời ông đời cha giờ mày chôn dấu ở đâu ?

- Dạ thưa cúng hết trong Tuần lễ vàng rồi!

- Máy chiếc kiềng, mấy chiếc cong mà hết à?

- Dạ thưa hết thiệt rồi!

Đột nhiên có tiếng hô: Đả đảo địa chủ ù lì ngoan cố! Cả làng đáp lại: Đả đảo! Tiếng hô mạnh như tiếng gầm của hàng trăm con sư tử. Dường như ai cũng cố gào thật to, nhất là những người mà số phận của mình có thể sẽ bị quỳ trên đồng mề chai như thế.

Đồng chí thủ ngữ Đực liền ra lệnh :

- Về nhà nó tìm vàng!

Thế là cả làng rùng rùng kéo nhau đi.

Nhà ông tổng Bá trước kia to như cái đình sau khi bị Pháp đốt chỉ còn trơ lại cái mái đất. Ông lại dùng đất đắp thêm bên ngoài, chỉ chừa một cái lỗ chun ra chun vào như cái hang. Ông Khứ liền hô: *Tiến lên anh em* như hồi phá đình. Chính ông đập vỡ cái lỗ cho rộng ra rồi cầm đuốc chui vào trước. Ông nghi ngờ trong các bức vách bằng đất có dấu vàng và mọi người không một chút ngại ngùng liền đập ra nát vụn. Rồi họ phá cả cái chõng tre vì nghi ngờ dấu vàng trong ruột. Tìm mãi không có gì người ta bèn cạy nhũ vàng trên các bức hoành phi! Nhưng cũng chẳng phải là vàng thật. Đồng chí thủ ngữ Đực liền tuyên án:

- Không có vàng, vậy là tẩu tán hết rồi. Chính cái bọn xuống làm ruộng ở Phú Phong đã đem đi. Cái tội này là do con vợ của thằng tổng Bá. Toà quyết định, vợ chồng nó phải nộp gấp đôi tức là 40 tấn! Được chưa? Lại một tiếng gầm: Được rồi!

Đoàn người kéo đi bỏ lại bà tổng Bá gào lên trong nước mắt và máu chảy ra từ hai cái đầu gối bị quỳ :

- Trời ơi! Sao mà oan nghiệt như thế này!

9.

Cuộc chiến chống giai cấp bóc lột được tiến hành theo hai bước. Bước thứ nhất là đấu lý tức là hỏi tội địa chủ. Bước thứ hai là đấu lực tức là bắt chúng đền tội.

Năm ngày sau cái đêm tìm vàng không có, người ta đem hai cái giỏ bội mạ xung quanh lót đầy gai bàn chải đến xúc hai vợ chồng ông tổng Bá khiêng đi như khiêng heo. Vẫn hai tấm thảm mề chai hãy còn những giọt máu khô đang chờ đợi họ. Lại thêm có hai cái hố tròn và trên cây xoài có hai cái thòng lọng.

Mấy cán bộ chẳng biết ở cấp nào đều mặc áo đại cán bốn túi. Hoá ra họ là những người đã giác ngộ đồng chí thủ ngữ Đực. Họ chỉ thiếu cái mũ cát kết là giống hệt các đồng chí Trung Quốc anh em. Thủ ngữ Đực vẫn được ngồi bành chọe trên ghế chủ tịch đoàn. Cả chục cây đuốc được các anh dân quân đứng cầm oai vệ. Lửa cháy phập phù. Vợ chồng ông tổng Bá như hai tội nhân ở cửa thứ mười của thập điện Diêm vương. Trong không khí nghiêm trang sắc mùi chết chóc ấy, bỗng dưng tên tôi được kêu lên:

- Lê văn Đực , Lê văn Đực đâu lên sân khấu có việc cần!

Lần đầu tiên tôi được gọi đích danh chứ không phải thằng Chó Đẻ như mọi khi. Tôi run bắn người, chẳng hiểu mình có tội gì. Tôi định chạy trốn thì có người nắm áo lôi lên. Tôi được đưa tới ngồi bên cạnh cô Thanh và mấy cán bộ mặc áo đại cán. Mọi người há hốc miệng ra nhìn tôi, nhất là lũ trẻ con chẳng hiểu nổi vì sao một thằng phải bú sữa chó như tôi lại được ngồi

bên cạnh những người mà mỗi lời nói của họ là một mệnh lệnh. Cả tôi cũng vậy, suýt đá ra quần vì sợ và kinh ngạc.

Đêm đầu lý bất đầu.

Sau khi ông Khứ khúm núm xin ý kiến và được các cán bộ gật đầu, ông liền đồng dạc nói:

- Rõ ràng là vợ chồng thằng tổng Bá này quá ù lý ngoan cố. Năm ngày qua không nộp được một cân lúa. Tội của chúng mày là phải chết

Ông ngược nhìn cái thòng lọng, mọi người hồi hộp nhìn theo tưởng chừng như có hai cái xác đang treo lủng lẳng trên đó. Đợi cho nỗi khiếp sợ ngấm sâu vào mọi người, ông Khứ lại nói tiếp:

- Tội chết đã rõ rồi phải không, thưa nhân dân ?

- R....õ...

Một tiếng gầm đáp lại. Ông Khứ hả hê nói tiếp :

- Nhưng chúng mày chưa được phép chết. Chúng mày phải trả lời những tội ác của chúng mày trước nhân dân. Xin Toà hãy cho phép những ai đã từng bị nó hành hạ, áp bức bóc lột lên hỏi tội và được quyền trả thù.

Đồng chí thủ ngữ Đực nói như học thuộc lòng :

- Tòa đồng ý !

Lập tức có người bước tới trước mặt vợ chồng tổng Bá đang gục đầu chờ đợi. Đó là bà Năm hàng xáo (buôn gạo). Bà nói:

- Nó ác lắm. Khi bán lúa nó biểu tôi leo lên lẫm xúc lúa. Lẫm cao quá phải leo thang. Khi tôi leo lên được thì ở dưới nó cắt thang. Nó ép tôi phải mua với giá thật cao, nếu không nó kêu chánh tuần tới bắt vì cái tội ăn trộm lúa.

Nói xong bà phun một bãi nước trầu vào giữa mặt. Nước trầu đỏ như máu chảy ngoằn ngoèo.

Người thứ hai là bà Dĩa. Từ trên ghế chủ tịch đoàn bước xuống. Bà vừa nghiêng răng vừa dí tay vào trán bà tổng Bá :

- Con mẹ này ghen đáo đẽ. Nó nghi chồng nó lấy tui. Lúc tui đang nấu cơm, nó lấy dĩa bếp nóng dí vào háng.

- Thì bây giờ dẽ nó ra mà dí lại đi! Một kẻ nào đó nói xỏ xiên làm cho mọi người cùng cười ồ. Không khí bớt căng thẳng. Có tiếng của đồng chí thủ ngữ Đực :

- Tội của vợ chồng nó nhiều lắm. Chỉ có mấy chuyện vặt vãnh này thôi sao?

Trong khi mọi người nhìn nhau chẳng biết phải kể tội lão tổng Bá như thế nào để chứng tỏ là đã thấm nhuần chính sách, thì cô Thành đứng lên. Miệng cô nói: còn chớ, tay cô bắt ngờ nắm lấy tay tôi dặt tới trước mặt ông tổng Bá. Cô nói:

- Hãy mở mắt to ra mà nhìn cho kỹ. Mày có biết thằng này là thằng nào không?

- Chó đẽ ! Chó đẽ !

Lũ trẻ con được dịp hò reo thích thú. Nhưng cô quát:

- Nó là con của mày. Tội ác của mày sờ sờ ra đấy. Mày chối tội à? Chị Chén đâu, mời chị ra đây.

Từ trong đám đông một người được đẩy ra. Đó là một người đàn bà chừng 40 tuổi. Bà ta thấp nhỏ và dường như nỗi sợ hãi trước đám đông làm cho bà ta loắt choắt như một đứa bé.

- Chị biết Lê văn Đực chớ?

- Dạ biết.

- Chính chị dẽ nó ra?

- Dạ!

- Tại sao chị thả nó xuống sông?

- Dạ sợ làng bắt tội!

- Ai là cha nó?

- Dạ...

- Trước nhân dân chị cứ nói đi, chẳng việc gì phải sợ

- Dạ thưa ông tổng Bá!
- Sao chị lại có con với nó?
- Dạ ...
- Sao?
- Dạ bị hiếp!

Vậy đó! Ai mà ngờ được ông tổng Bá là cha tôi và cái bà Chén em bà Dĩa kia lại là mẹ tôi! Cả làng như hoá câm trước cái sự thực quá bất ngờ. Người ta hết nhìn tôi đến nhìn ông tổng Bá rồi nhìn bà Chén. Nhiều người lắc đầu nghiêng tai nói thầm với nhau. Trước sự im lặng đầy ngờ vực ông Khử lại gào lên :

- Đả đảo địa chủ! Và cả làng như nhảy dựng lên cùng hô: Đả đảo! Đả đảo!

Như thế ngoài cái tội trốn thuế, ông tổng Bá còn thêm cái tội hãm hiếp. Ông tổng Bá thề có trời đất chứng giám, ông không làm cái chuyện bậy bạ ấy. Nhưng cũng như cái khả năng về thuế nông nghiệp, người ta bảo ông có tội là phải có tội. Có điều cái tội của ông không phải là tội dâm ô ác đức như người ta thường nói mà là xúc phạm đến giai cấp đáng kính của bàn cố nông. Bởi vì hai chị em bà Dĩa chỉ có một cái nhà nhỏ như lỗ mũi và cả đời chỉ thay nhau làm bếp cho nhà ông.

Ngay khi biết được cái mầm sống của giai cấp bị bóc lột suýt bị chết đói nếu không có một con chó cái hy sinh lũ con để cứu sống, các vị cán bộ mặc áo đại cán đang ngồi lơ mơ vật lông mũi bỗng vẩy lấy tôi rồi nâng lên khỏi đầu, hét lên như bắt được vàng:

- Hoan hô giai cấp vô sản!
- Hoan hô em bé dũng cảm!
- Đả đảo địa chủ gian ác!

Nhưng cô Sáu tôi bất ngờ từ trong đám đông lao ra như con chó cái của nhà ông hương bộ. Cô nói như ra lệnh:

- Thả nó ra! Chính nó là con tôi!

Cùng lúc cô tát như té nước vào mặt bà Chén. Cô gào lên:

- Mày là đồ rắn rít! Đồ cứt đá!

Chưa bao giờ tôi thấy cô hung dữ như lúc ấy. Ngay cả khi ông Khử cho dân quân đến tịch thu mía, cô cũng không quyết liệt đến như vậy.

Cái màn đấu tố ông tổng Bá coi như bị bể đĩa. Cái mũ “hiếp dâm” mà người ta định chụp lên đầu ông đã bị cô Sáu tôi lật ra ném xuống đất. Người ta liền dựng lên một màn khác. Lần này là cụ cử Vân. Cụ là người thực sự danh giá vì cụ đã đậu cử nhân, đã từng làm quan. Nhưng người ta bảo cái danh giá đó chính là tội ác. Tội của cụ là làm tay sai cho giặc và cho cả phong kiến.

Lần này là đấu lực. Đó là một đêm tháng mười một. Trời lạnh như cắt. Mưa lay bay nên càng lạnh thêm. Người ta không bỏ cụ vào bội mạ nhét đầy gai như vợ chồng ông tổng Bá mà để một người nắm chòm râu bạc dài tới ngực của cụ lôi đi như lôi một con trâu đã xổ mũi. Đường đất trơn trượt, mấy lần cụ té ngã, nhưng không ai dám nâng dậy. Chẳng những thế ông Khử còn kéo ngược cụ lên như nhổ một bụi mì.

Ra tới sông, người ta nhét cụ vào giỏ, từ trên cầu thả xuống nước. Đợi nước ngập tới cổ người ta kéo lên. Rồi lại thả xuống. Lại kéo lên. Cứ thế có đến chục lần. Trong ánh đuốc lập loè và trong gió bắc hun hút, cụ run lên bần bật giống như mấy con chó trong trận đại sát cầu.

Rồi người ta lôi cụ ra khỏi giỏ. Cái quần sưng nước đứt dây tuột xuống. Cụ xấu hổ đưa tay định kéo lên nhưng một gã dân quân liền xô cây gậy vào giữa, nên cụ đành gục đầu mà đứng trần truồng trong tiếng cười ầm ĩ của bọn trẻ con. Thực khác xa với cảnh đấng khoa ngày nào. Sau khi nhận áo mũ của vua ban, cụ được hai hàng cờ lọng rước về làng trong tiếng trống nhạc tưng bừng. Giờ cụ bị điệu về không có lấy một miếng vải để che những chỗ đáng che, run rẩy bước đi giữa hai hàng gậy gộc của đám dân quân và giữa tiếng thét gào đả đảo.

Về đến nhà, cụ bị bắt quỳ giữa sân. Người ta hỏi trong bao nhiêu năm làm quan vợ vét của cải để ở đâu. Cụ không nói được và người ta cũng chẳng thèm nghe cụ nói, liền xông vào

nhà. Người ta lục tung gối mền, đập vỡ các chậu cây cảnh, xé nát những cuốn sách mà cụ quý còn hơn vàng. Người ta lục lọi gần như suốt đêm thỉnh thoảng lại đến nắm chòm râu của cụ giựt ngược lên hỏi để đâu? Khi đã chán chê định bỏ về, thấy cụ nằm còng queo trên đất, ông Khử liền đá một cái vào cái mông teo tóp, cụ vẫn nằm im. Ông ta lại nắm râu lôi dậy nhưng cụ vẫn quặt quẹo như bún. Lúc ấy người ta mới biết là cụ đã chết tự bao giờ!

Thế đấy, hết những đêm đấu lý là những đêm đấu lực. Sẽ không còn chửi rửa hỏi tới hỏi lui mà là đấm, là đá, là thoi, là đập, là nện vào lưng vào đầu những gốc tre chẻ làm tư như cọc phòng không. Mỗi làng không chỉ một đũa mà hết đũa này đến đũa khác. Hết địa chủ thì đôn phú nông lên. Hết phú nông thì đôn trung nông bạc trên. Triệt hạ tất như xén hàng rào. Khi đó xã hội sẽ công bằng vì chỉ còn một giai cấp duy nhất là quần chúng lao động. Y như một sân đá bóng, chỉ trồng một thứ cỏ duy nhất và luôn luôn được cắt xén cẩn thận. Người ta tính ra trong làng có đến vài chục người. Thế là đạt và vượt chỉ tiêu!

Nhưng bỗng có lệnh: Dừng!

Chẳng phải vì thương địa chủ mà vì tập kết.

Đúng như ông Khử và cô Thành nói, ta đã hoàn toàn chiến thắng. Cái chiến dịch Biên Phủ xa xôi ở tận miền Bắc đã kết thúc trong thắng lợi. Thắng Pháp và Mỹ đã phải ngồi vào bàn hội nghị Giơneo và đã phải chia cho ta một nửa nước. Có điều cái phần được chia nằm ở phía bên kia sông Bến Hải nên bộ đội và cán bộ phải tập kết ra Bắc. Dĩ nhiên là tạm thời thôi vì hai năm sau có bầu cử và ta nhất định sẽ bầu cho cụ Hồ, tức là nhất định thắng!

Thế là người ta xoay ra dỗ dành. Nào là tuy hai năm nhưng chỉ có 14 tháng. Cán bộ đi rồi cán bộ sẽ về. Vì vậy phải kiên định lập trường. Không được mềm yếu ngã theo giặc. Không nộp thuế. Không đi lính. Không hợp chợ. Không đi học. Khác hẳn với những đêm học tập phóng tay phát động quần chúng để đấu tố, cả ông Khử và cô Thành đều ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng. Các vị lại ân cần trả lời những câu hỏi xóc hòng mà trước đây dẫu có cho vàng cũng không dám. Chẳng hạn: Ai được đi? Ai phải ở lại? Tại sao được đi và tại sao phải ở lại? Hoặc là: thằng Tây có súng ngắn súng dài, có xe tăng đại bác còn nhân dân chỉ trơ khấc có mỗi hàm răng... thì làm sao đấu tranh? Đấu tranh như thế thì biết tránh đâu!

Cả làng ai cũng cười vì ông phó Ba chêm vào một tiếng nói lái. Nhưng sau đó ai cũng hoang mang lo sợ. Suốt chín năm đả đảo, đánh trộm đánh lén. Giờ phải chường mặt ra với thằng Pháp thì biết sống làm sao đây? ai cũng mệt mỏi bơ phờ. Các anh dân quân ném gậy vào bếp làm củi đun. Cái loa thiết ông Tư Alô chẳng hơi sức đâu mà chỏ miệng vào. Ông phó Ba nói, tình trạng này giống như một đứa con gái lỡ đại, bụng đã phình ra rồi mà cái thằng xỏ lá quất ngựa chạy mất.

Nhà ông chánh nhạc tức cụ bầu Kiên là một nhà Cách mạng nên được đi cả nhà ngay cả thằng cu Thắng mới sinh. Mấy con dê không thể đem theo được thì giết thịt cho cả xóm coi như đãi một bữa cuối cùng. Ông Khử được đem theo đứa con 10 tuổi, nhưng bà vợ phải ở lại vì cái bụng mang thai lạc lè. Bà vợ ông sợ xanh mặt mỗi khi nghĩ tới cái cảnh Tây nó thọc dao vào bụng lôi đứa nhỏ ra ngoài.

Nhưng tội nghiệp và buồn cười nhất là các vị đã được mời lên ngồi trên ghế chủ tịch đoàn. Ông phó Ba nói rõ ràng là ngồi chưa nóng cái đít chớ có lâu la gì mà giờ đây cũng phải sồn đái trong quần. Đồng chí thủ ngữ Đực dớn dác chạy đôn chạy đáo, quần quít như chó lạc mất chủ. Gặp ông Khử hỏi :

- Sao tôi không được đi?
- Trên bảo ở lại
- Trên là ai?
- Là cấp trên chứ là ai
- Đ ... mẹ mấy thằng cấp trên!

Gặp cô Thành cũng hỏi :

- Sao đồng chí được đi mà tôi không được đi?

- Đồng chí phải ở lại.
- Đề Tây nó cắt cổ à!
- Có nhân dân sợ gì!
- Đ ... mẹ, tao đá vào cái nhân dân đó!

Còn hai chị em bà Dĩa thì thẫn thờ ngồi ôm nhau mà khóc. Hai bà không sợ thằng Pháp mà sợ vợ chồng ông tổng Bá. Ước gì chui được xuống đất!

Không còn ông Khứ. Không còn cô Thành. Không học tập. Không biểu tình. Không hoan hô đả đảo... quang cảnh trong làng buồn như cái bến sông lúc cô tôi sống một mình.

Sau những năm tháng làm quần quật, nào đào hầm vót chông, nào bắt sâu diệt chuột, nào dân công tải đạn, nào chống cái này diệt cái kia... Giờ người ta lại không biết việc gì làm cho hết ngày. Đàn ông sáng ra đồng rảo một vòng rồi xách cuốc về nhà vun mấy cái gốc mì sau đó lên vống nằm thờ ra. Đàn bà sau bữa cơm khoai nhiều hơn gạo lại ngồi bắt chí cho nhau. Thỉnh thoảng đưa con chí đực lên miệng cắn nghe cái cốc. Đứa nhỏ lê la sau lưng kéo cái vú teo nhách dài thòng của mẹ ra, cố kiếm vài giọt sữa.

Ai cũng lóng ngóng lơ khờ, tóc xơ xơ, mặt tai tái, mắt vàng vàng. Cả làng như một đàn bò ngẩn ấy nằm bị đét vào đất, chạy và chạy mịt mù nhưng vẫn không tìm ta đồng cỏ. Tối đến không nhà nào đổ đèn ngay cả những nhà tạm gọi là giàu. Người ta thu mình trong bóng tối như những con vật bé nhỏ thu mình trong hang. Giặc Pháp chưa tới nhưng cái bóng hung ác của nó được ông Khứ và cô Thành tô đậm suốt chín năm làm cho mọi người ai cũng khiếp sợ. Giống như những đứa trẻ bị dụ vào rừng rồi bỏ mặc, một tiếng động nhỏ trong đêm tối cũng làm cho chúng khóc thét lên.

Những cành tre kéo kẹt cọ vào nhau nghe như tiếng xích sắt của xe tăng. Gió hát cái vạt áo trên bụng, ai đó trong đêm giật mình rú lên, cứ tưởng là bàn tay lông lá của giặc chạm vào. Không biết khi một tử tội chìa cái cổ ra chờ cái lưỡi dao có giống như những đêm ở làng lúc này không?

Đợi chờ! Đợi chờ! Đâu có phải chỉ mấy trăm dân ở An Định mà còn cả triệu người của bốn tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú đều sống trong thấp thỏm hãi hùng. Trong khi đó, ông Khứ và cô Thành cùng những đứa con ưu tú của Cách mạng đang đứng trên boong tàu Ba Lan thờ phào nhẹ nhõm.

10.

Dù có hồi hộp lo sợ đến mấy thì cái ngày tiếp thu không mong đợi ấy cũng tới. Nhưng chẳng có Tây trắng Tây đen, chẳng có súng ngắn súng dài. Cũng không có đốt nhà hãm hiếp như ông Khứ và cô Thành nói. Chỉ có độc một cây cờ màu vàng ba sọc đỏ ai đó lặng lẽ đem cắm trước Ủy ban. Mấy ngày sau cũng chính ông Tư Alô chõ miệng vào loa mời đồng bào đi dự mitting mừng Ngô thủ tướng.

Lại thấy những chiếc áo dài đen lâu nay cất kỹ được các ông hương bộ, hương kiểm, chánh phó lý rút rề đem ra mặc. Ông phó Ba không còn hài hước chọc cười thiên hạ nữa mà cố tình làm mặt nghiêm tuyên bố: Bảo Đại vẫn còn làm vua và Ngô chí sĩ sẽ thay ngài lo việc nước. Còn ông, cái nhiệm vụ đầu tiên là cầu đảo cho cả làng được bình yên sau cái vụ cướp chính quyền của Việt Minh Cộng Sản.

Ông bèn cho những người mới hôm nào là dân quân du kích dọn dẹp sân đình và đến nhà ông Khứ đòi lại cái án thờ. Đây là cái án được các thợ Bắc chạm trổ rất tinh xảo mà trước đây làng đã phải mua đến mấy trăm bạc. Ông Khứ, hồi đó, sau khi đã hát các bài vị xuống đất, liền âm thầm đem về nhà mình để các vị thần bá láp kia không còn chỗ mà về nữa. Bây giờ người ta mới biết rằng ông tuy không tin có thần thánh gì nhưng vẫn tin có ông bà tổ tiên và cái việc mời các cụ về ngồi lên cái chỗ sang trọng như thế là một việc làm chính đáng.

Đã mấy đời làm nghề phù thủy, cho nên việc cúng tế tẩy trừ đối với ông phó dù bị ngăn cấm trong suốt chín năm vẫn rất quen thuộc. Không biết tự bao giờ và đặt ai làm, người ta thấy

hai hình nhân, một nam và một nữ được ông đem đặt bên cạnh cái án thờ. Hình nhân nam mặt mày bậm trợn, mồm lún phún râu, còn hình nhân nữ thì má phấn môi son nhưng hai hàng chân mày xéch ngược, mắt trắng dã trông rất dễ sợ.

Ông tổng Bá mặc áo thụng xanh đứng ra làm chủ tế. Sau khi khấn một tràng dài, ông lạy ba lạy rồi nhường quyền trừ ma trừ quỷ cho ông phó Ba, nay được gọi là trưởng thôn. Ông phó Ba liền vung tay bắt quyết, miệng đọc thần chú, rồi lấy roi dậu đánh lên mình mỗi hình nhân mười roi. Lần đầu tiên tôi được nghe những tiếng lạ lùng: *An mani á dur hồng! An mani á dur hồng!* được lập đi lập lại mãi. Sau đó người ta đem hai hình nhân bỏ vào bè chuối thả xuống sông, coi như đã xua đuổi hết tà ma ra khỏi làng! Cô Sáu bảo hai cái hình nhân đó là ông Khứ và cô Thành.

Như vậy *thằng* địa chủ Bá lại được thừa gửi bằng ông, *đồng chí* thủ ngữ Đực lại bị gọi bằng *thằng*. Mọi sự lại như cũ!

Lúc này những ai có thân nhân ở Nha Trang hay Sài Gòn lại khá lên như một con bệnh vừa được cứu sống và cho uống thuốc bổ. Chỉ cần đi vào đó một bận là khi trở về có cả đồng hồ, xe đạp. *Thằng* Khánh được bịt cả răng vàng, lúc nào cười cũng sáng lên như có chớp.

Vì được miễn thuế, nên những nhà ruộng chỉ trong một vụ mùa là lúa đã đầy nhà. Hai mươi mẫu ruộng đã từng làm cho ông tổng Bá chết dở sống dở, giờ lại mạnh mẽ nâng ông dậy. Những kẻ trước đây không thèm làm nô lệ cho ông giờ rón ra rón rén đến xin được làm rế. Người ta bảo thà làm *nô lệ* mà có hột cơm ăn, còn hơn *làm chủ* mà bữa nào cũng phải húp bột mì vừa chua vừa loãng như nước mũi! Cũng có người lo sợ rằng hai cái hình nhân mà ông phủ thủy Ba làm phép đẩy ra biển kia biết có linh nghiệm hay không. Chỉ mười mấy tháng nữa thôi hai cái hình nhân ấy mà sống lại thì ông tổng Bá sẽ bị đập chết và những người có liên quan thì biết sống ở đâu !

Nhưng mà thôi, sống được ngày nào thì cứ sống. Trước đây phải dẫu dứt ăn trộm ăn lén, giờ đây muốn ăn gì cứ ăn, muốn mặc gì cứ mặc, muốn mua gì cứ mua! Và thực là lạ lùng, cái thứ mà mọi người rất muốn mua lại là chó! Những con mực, những con vàng, những con vện, những con đốm... chúng mày ở đâu? Cái cơn nhớ ấy bùng lên dữ dội khi *thằng* Hậu con ông hương mục (coi việc chăn nuôi trâu bò trong làng) đem về từ Sài Gòn hai con chó Nhựt một đực một cái. Người ta kéo đến xem vòng trong vòng ngoài còn hơn cả xem Sơn Đông mãi võ. Nhiều người tranh nhau mua. Ông hương kiểm đã phải mất một cặp gà và 300 ký lúa mới đổi được. Thấy quá hời, *thằng* Hậu lại đi vào Sài Gòn và trở thành một anh buôn chó có tiếng. Một năm sau nó sắm được xe, cất được nhà, cưới được vợ mặc dù mang cái tên khó nghe là Hậu chó.

Như thế trong làng có hai đứa nhờ chó mà sống được và ăn nên làm ra. Nó là chủ trại nuôi, bán chó còn tôi thì làm công. Những con chó nó đem về từ miền nam không phải xinh xẻo như hai con chó Nhựt, mà là những con ốm đói, ghẻ lở, lể ra phải chui vào nồi rựa mặn. Con nào cũng nằm buồn rầu ủ ê không buồn sửa lấy một tiếng. Công việc của tôi là đem ra sông tắm rửa từng con một, rồi ve uốt dể dành để nó chịu ăn. Đối với ai khác thì đó là một công việc hết sức dơ bẩn và cực nhọc. Nhưng với tôi lại là một niềm vui. Dường như cái dòng sữa chó trong tôi đang thức dậy và lũ chó cũng nhận ra rằng, tôi với chúng cũng là đồng loại chỉ khác là biết nói tiếng người.

Lũ chó được tôi chăm sóc chẳng mấy chốc đã trở nên phổng phao xinh đẹp. Chúng lại còn biết làm vài trò đơn giản như đứng hai chân sau, co hai chân trước như một đứa trẻ biết vòng tay để chào mừng. Cái việc đưa một chân ra để bông dưa thì dễ quá, chỉ một vài miếng thịt mỡ là tập được ngay. Nhìn lũ chó sồn sớ béo tốt, *thằng* Hậu đã phải khen: Mày đúng là *thằng* chó đẽ, giỏi thiệt!

Tuy nhiên cái công việc bán chó ấy cũng không phát được lâu. Chỉ một năm sau là nhà nào cũng có chó. Những con chó cái đã đẻ ra hàng loạt con chó con. Người ta không mua nữa mà là xin, cùng lắm thì đổi một con gà. Đó là chưa kể cái nguồn chó trong nam đã bị những người Bắc di cư tóm vào các quán thịt cày mọc lên nhan nhản. *Thằng* Hậu dẹp trại nuôi chó

xoay ra nuôi gà đá. Cái món này thì nó không cho tôi đụng vào. Nó bảo, cái máu chó của mày làm cho lũ gà chạy biến. Vào độ mà chạy là có nước bán nhà!

Lúc này tôi mười bảy tuổi. Đêm nằm trở giấc đã muốn ôm một ai đó vào lòng. Những khi ngồi trước gương cho thợ cắt tóc, tôi lại nhớ tới lời cô Sáu “trông mày cũng lịch sự trai”. Tôi chỉ mỉm cười một mình vì ngoài chị Thảo chưa có ai thêm nắm lấy tay tôi. Nhớ lại hồi cả làng đêm nào cũng kéo nhau ra sân đình tập nhảy *Xôn-đố-mi*, một điệu nhảy của Trung Quốc anh em. Cứ một trai một gái đầu mặt vào nhau, hết đá chân phải lại đá chân trái, điệu nhảy mà ông phó Ba gọi là *Tao-đá-mày*. Đưa nào cũng bắt được cặp chỉ có tôi là không. Tụi con gái chẳng đưa nào chịu. Chúng nó bảo tôi hôi mùi chó! Bây giờ làm cái nghề nuôi dạy chó, chắc không khi nào tôi lấy được vợ!

Cái ông vua Bảo Đại có lẽ là ông vua bấp bênh nhất trong lịch sử. Năm bốn lăm, khi trao ấn kiếm cho Cách mạng, ông nói cứng “*thà làm dân của một nước độc lập, còn hơn làm vua của một nước nô lệ*”. Thế rồi nghe đâu công dân Vĩnh Thụy trốn qua Pháp và lại làm vua nước Nam tại Pháp. Những năm ấy nghe nói ông chỉ đi săn và đi nhảy đầm. Mọi việc trong nước đã có Thủ tướng lo. Chẳng biết ông Ngô Đình Diệm làm thế nào mà bỗng dưng được suy tôn lên làm Tổng thống, còn ông bị truất phế rơi xuống làm dân. Cuộc đời như thế người ta gọi là lên voi xuống chó.

Để mừng quốc khánh và suy tôn Tổng thống, người ta bày ra cái cảnh lần đầu tiên thi xe hoa. Mỗi thôn một xe cùng thi tài ở sân vận động của xã. Các vị chức sắc ở thôn An Định vô đầu bức tóc nghĩ mãi mới ra được cái xe hoa như thế này. Hai cái xe đạp tháo ghiđông để có bốn bánh xe. Một cái khung hình chữ nhật bọc vải trắng vẽ những cảnh sơn thủy và mai lan cúc trúc. Trên cao là cái tháp nhỏ có hình Ngô tổng thống mặc quốc phục khăn đóng áo dài. Chung quanh kết cờ ba sọc, tối đến có đèn chớp nháy. Vậy là đẹp, là có ý nghĩa. Nhưng xe đạp đâu có chạy được nếu không có người đạp. Chẳng lẽ cho thanh niên chạy trước kéo hay đi sau đẩy? Luộm thuộm quá coi không được. Các vị cãi nhau suốt.

Đang lúc lúc lúng túng không biết cho xe chạy bằng cách nào thì ông hương kiểm bỗng nói: sao không cho chó kéo? Mọi người ngó ra một lúc rồi cùng ò lên: Phải! Phải! Để chó kéo coi ngộ à! nhưng một con kéo sao nổi mà nhiều con chạy loạn xạ thì ngã mẹ nó chiếc xe còn gì!

Rốt cuộc, người ta lại nhớ đến tôi, rằng chỉ có tôi với cái miệng từng ngậm vú chó mới có thể dạy được chúng kéo cái xe để giật giải. Dĩ nhiên là tôi không chối từ cái vinh dự có một không hai ấy. Tám con chó đực béo tốt nhất làng đã được chọn. Chúng là những con chó đã được tôi chăm sóc ở trại thàng Hậu ngày nào, nên khi gặp lại tôi chúng rít lên ư ừ, ngoáy tít đuôi mừng rỡ. Cứ tưởng cái việc tập chạy thành hàng chỉ một buổi là xong. Không ngờ, người và chó cùng mệt phờ ra mà chẳng tập được gì. Chẳng con nào chịu con nào. Chúng cứ gặm gừ suốt, sên ra là chúng cắn nhau!

Đã ba ngày rồi mà chúng vẫn cứ ăng ăng sửa nhặng cả lên. Cho mấy đứa nhỏ cầm gậy lùa vào hàng, chúng lại càng lộn xộn. Cứ cái nước này thì đành phải cho bò mà kéo như bên Trung Lương. Nhưng rất may, có thàng Hậu đến xem và mách nước. Nó nói: Bây giờ tao thấy mày cũng ngu như chó! Có đến Tết mày cũng chẳng dạy được nó chạy thành hàng. Lũ chó đực với nhau mà mày không biết à? Chúng cắn nhau miết. Hãy kiếm bốn con chó cái tới đây. Cứ một đực một cái cặp với nhau, tao bảo đảm với mày là chạy tới chỗ nào cũng được.

Thàng Hậu đúng là Hậu chó. Bốn con chó cái đến là bốn con chó đực trở nên ngoan hiền dễ bảo. Chỉ nội trong ngày hôm sau là đã có thể kéo chiếc xe không chạy khắp làng.

Ngày Quốc khánh đến. Bảy chiếc xe hoa đủ kiểu và đủ màu sắc của bảy thôn làm cho buổi lễ đông vui hơn bao giờ hết. Thôn Trung Lương, ý chừng lấy câu “*dĩ nông vi bản*” nên đem cả một cỗ xe bò với mấy chàng nông dân mặc quần áo bà ba đen vác cuốc và mấy cô thôn nữ đánh má hồng tô môi đỏ tay cầm liềm. Các cô nàng mặc cỡ thẹn đỏ mặt, nhưng mắt vẫn long lanh vì biết rằng có nhiều người đang nhìn mình. Thế nào sau cái lễ này cũng được nhiều người đi hỏi làm vợ. Thôn An Dân, một chiếc ghe với những tay chèo đang hò bá trạo. Thôn

Kim Bình với hai con rồng châu cái mặt nguyệt ở giữa có ảnh Tổng thống. Thôn Kim Đức là một chiếc máy bay có hai phi công đi chân đất. Bọn trẻ con tinh quái núp dưới hai cánh lầy roi quất vào hai chân khiến máy bay nghiêng ngửa như sắp thả bom. Nhưng lạ nhất, vui nhất là thôn An Định với tám con chó vừa đực vừa cái đeo lục lạc kêu ròn rền. Đi đầu là tôi được ông Hồng lính Tây cho đội mũ kêpi mặc áo đeo ngù vàng, hông đeo kiếm giả cứ như sĩ quan của trường võ bị nào đó bên Pháp. Làng An định được hoan hô nhiệt liệt. Người ta suýt giẫm đạp lên nhau vì chen lấn để xem cho rõ. Khi giải nhất được trao cho làng thì tôi một lần nữa lại được các vị chức sắc công kênh như các vị cán bộ ngày nào.

Nhưng có lẽ vì ganh ghét, một ai đó đã mách lẻo với ngài quận trưởng rằng, để chó kéo xe có hình Tổng thống là phạm thượng! Các vị chức sắc chưa kịp uống rượu mừng đã phải hót hơ hót hải kéo nhau lên quận để giải bày với ngài cái lòng trung thành khuyến mã của họ đối với Tổng thống. Ông phó Ba cho dù có tài trừ ma bắt quỷ cũng đành phải uốn lười đến bảy lần và đi bằng hai đầu gối mới gỡ được cái tội đáng chém. Quận trưởng là một người Huế. Ngài nói: *rằng* mà dõn mặt *rựa*? Thôi tha cho, cậu Cẩn mà biết được thì chẳng còn chỗ mà đội mũ *mô*! Sau này người ta nói, ngài quận trưởng sợ chính cái đầu của ngài chứ không phải đầu của ông thôn trưởng.

Sau cái lần chết hụt ấy, ông phó Ba giờ là thôn trưởng thề rằng chẳng đại gì bày ra cái trò ngu ngốc như vừa rồi. Ông thì sợ cụp râu, nhưng tôi có lẽ mặt đang vênh lên vì trong bộ đồ sĩ quan giả ấy, tôi được mọi người xuýt xoa khen đẹp. Cô Sáu tôi rất hạnh diện. Trong cái tết năm ấy, bên cạnh những luống cải đầy hoa, bà vừa nói vừa cười: sắp đi hỏi vợ được rồi đấy, con à!

Nhưng, Khi Ngô Đình Diệm đã chắc ngôi Tổng thống thì cũng là lúc chiến dịch “TỔ CỘNG” bắt đầu. Trước tiên, ngài nhỏ toẹt vào cái hiệp định Giơneo. Ngài bảo ngài không ký nên chẳng việc gì phải thi hành. Ngoài kia Cộng sản muốn làm gì thì mặc Cộng sản. Miền Nam là của ngài, gốc rễ của nó còn là ngài nhỏ sạch.

Lại rầm rập những cuộc biểu tình hoan hô Ngô Tổng thống và đả đảo Cộng sản. Lại những đêm học tập mà ông Khứ và cô Thanh được nhắc tới như những tên Việt gian ôm chân Tàu cộng. Thằng thủ ngữ Đức và hai chị em bà Dĩa bị điệu ra trước đình y như vợ chồng ông tổng Bá và cụ cử Vân. Tôi cũng bị lôi ra như là tông phạm. Bọn tôi bị trói giật cánh khủy, đem lên quận.

Chúng tôi bị quẳng vào nhà giam đã chật cứng người. Chưa bao giờ tôi phải chịu cái cảnh hôi thối ngột ngạt như lúc này. Mùi cứt đái, mùi đờm đãi, mùi hơi người dai dẳng và đặc quánh. Chỉ vài phút sau là tôi nghe da thịt mình cũng hôi hám y như họ. Cả bọn hết như những con chó mà thằng Hậu đã mua về. Chúng tôi nằm vật lên nhau, chẳng một ai lên tiếng thở than. Nỗi sợ hãi to lớn đã bóp nghẹt cổ họng mọi người.

Sáng hôm sau người ta lừa chúng tôi ra sân để hỏi tên tuổi quê quán. Tuy ngồi trong nắng, nhưng được hít thở khí trời, nên dù sợ xanh mặt nhưng xem ra cũng còn có chút tươi tỉnh để mà thưa gửi, chứ không đến nỗi phải đái trong quần. Người ta lừa đàn ông một bên, đàn bà một bên. Giữa, lúc nào cũng có người cầm súng sẵn sàng nhả đạn. Bốn góc là bốn cây tiểu liên và tám con mắt đăm đăm. Một buổi sáng dài lê thê với những tiếng quát nạt, tiếng chửi thề xen lẫn tiếng dạ run rẩy. Nắng lên cao, nhiều người vừa đói vừa sợ gục xuống. “Đù mẹ, giả chết hả? Con kia tên gì? Thằng kia tên gì? Xong rồi! Qua bên kia. Đù mẹ, Cộng sản gì nhiều quá! “

Đến lượt tôi người ta hỏi

- Tên gì?
- Dạ Lê Văn Đức
- Cha?
- Dạ không biết.
- Mẹ?
- Dạ cũng không !
- Thằng này ngộ, ở dưới đất chui lên à?

- Dạ ở dưới sông!
 - Bộ muốn giỡn mặt tao hả?
 - Dạ bị thả trôi sông!
 - Ai thả?
 - Dạ không biết!
- Đến lúc này người ta đá tôi một cái.
- Đù mẹ, cái gì cũng không biết mà biết theo Cọng sản!

Đến lượt bà Dĩa.

- À, con mụ này, có phải mẹ thằng nhỏ kia không?
 - Dạ không
 - Tên gì ?
 - Dạ Lê thị Dĩa.
 - Em là Chén hả ?
 - Dạ
 - A, chén dĩa mà cũng biết làm Cọng sản, ngộ quá hén.
- Đến lượt thủ ngữ Đực.
- Thằng này coi bộ giống Cọng sản quá. Đù mẹ, tên gì ?
 - Đực.
 - Cái gì Đực?
 - Thủ ngữ.
 - Thủ ngữ là cái quái gì?
 - Không biết
 - Thế ai đặt tên cho mày?
 - Không biết
 - Con hoang hả?
 - Ừ !
 - Mày không biết nói dạ à?
 - Ừ !
 - Mày theo Cọng sản từ bao giờ?
 - Không theo Cọng sản. Chỉ theo lão Khứ và con mụ Thành.
 - Thằng đó con đó ở đâu?
 - Ở ngoài Bắc
 - Đi tập kết rồi hả?
 - Ừ!
 - Sao mày không đi?
 - Tụi nó không cho đi
 - Vậy theo tụi nó làm gì?
 - Để được chia nhà chia ruộng
 - Ngon hả, được mấy cái?
 - Không có cái nào
 - Vậy còn theo nữa không?
 - Chửi cha nó chớ theo.
 - Ừ, thằng này nói nghe được đó. Cho mày điếu thuốc đây.

Nó cầm lấy điếu thuốc ngửa mặt lên trời hít lấy hít để. Thế là nó tưởng sắp được tha, mặt đã bắt đầu vênh lên. Nhưng nhiều ngày sau, nó vẫn bị giam, ăn ngủ lẫn lộn cùng với cứt đá. Lại thêm nỗi nhớ vợ khiến nó nổi điên la hét suốt đêm. Người ta lôi cổ nó ra đánh cho mấy bạt tai. Nó liền đánh lại. Người ta tọng nó vào thùng tôn đem phơi nắng. Nó ú ớ ít lâu rồi im bật. Ai cũng tưởng nó chết khô trong đó. Nhưng tối đến, cái thùng sắt lạnh làm cho nó tỉnh lại. Nghe nó thều thào xin nước, một người lính đùa dai bảo không có nước chỉ có rượu thối uống không? Nó nói, thiệt hả? Đúng là Quốc gia chơi ngon hơn Cọng sản. Câu chuyện của nó cứ như chuyện tiểu lâm, ở cái nhà tù này ai cũng biết.

Tiếp theo là những ngày dài toi tả, những đêm dài bần dập vì bị tra khảo. Những đá, những đập, những thụi, những bịch, những tiếng thét chói tai, những tiếng kêu ằng ặc không lúc nào ngớt ở phòng bên cạnh. Người nào bị gọi cũng cúi rúm co ro. Không một ai ưỡn ngực hiên ngang trước quân thù như cô Thanh và ông Khứ thường bảo. Đến khi thả về người nào cũng máu me xệch xác. Những ai chưa bị gọi, tuy thể xác còn lành lặn, nhưng tinh thần đã bị tra khảo tàn tạ. Mỗi cú đá cú đập ở sát vách bên kia cứ dội thẳng vào đầu, vào ngực của những người đang chờ đợi trong tuyệt vọng ở phía bên này. Thà bị đánh chết giấc mê man không biết gì, chứ ngồi mà chờ đến lượt mình thì cứ như bị tra khảo gấp đôi, gấp ba lần. Nhiều người chưa bị gọi mà mắt đã trợn ngược như bị trúng gió. Nhiều người không ngớt rì rầm *Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ tát*. Tôi thì rất lạ. Nỗi sợ hãi làm cho tôi xuất ra một thứ nước nhầy nhầy. Chao ôi! Lúc đó chúng tôi chẳng phải là người, mà khổ thay cũng chẳng phải là con vật. Chúng tôi là những thứ rác rưởi mà người ta muốn dọn sạch mà chưa có cách gì dọn được!

Trong khi đó ở bên ngoài, cái chiến dịch Tố Cộng càng dữ dội ác liệt hơn khi người ta tìm thấy trong các ngôi mộ liệt sĩ ở Qui Nhơn không phải là những hài cốt quy tập từ các chiến trường mà là những hòm đầy lựu đạn, những khẩu súng tháo rời. Rồi những kho muối, kho gạo cất giấu trong núi rừng.

Lại bầm dập! Lại tả toại!

Bây giờ, không đấm đá thụi bịch, mà là nước xà phòng đổ vào miệng, điện dí vào chỗ kín để truy tước tận gốc rễ những bí thư, những huyện uỷ, tỉnh uỷ... Đau quá! Khiếp hãi quá! Đành phải khai! Nhưng cái đám đàn ông đàn bà lơ ngơ láo ngáo này, có ai biết gì đâu mà khai! Thì đành khai bậy! Đầu óc đảo điên, cứ nhớ được tên ai là khai tên đó. Khai bạn khai bè, khai anh khai em. Khai luôn cả cha mẹ! Cứ một người phải khai ít nhất hai ba tên. Số người bị bắt vì thế tăng lên gấp đôi, gấp ba. Rồi những người ấy bị đánh đau cũng phải khai ra những ai chọt nhớ. Thế là một trại không đủ. Hai trại rồi ba trại cũng không đủ. Người ta phải dùng dây thép gai quây ra ở bãi Trường thi lừa bọn họ vào như trâu bò. Đạo ấy có làng bị bắt đến một nửa, nhất là làng kiểu mẫu như làng An Định. Ngoài cái bè lũ bốn tên trong đó có tôi, còn có các bà vợ của bộ đội, vợ cán bộ không đủ tiêu chuẩn đi tập kết, những đại biểu nông dân, phụ nữ, những anh dân quân hung hăng...

Lệnh trên đưa xuống là phải tìm cho ra những tên Cộng sản gộc đang thay tên đổi họ còn ở lại để đòi Tổng tuyển cử. Nếu không bí thư thì cũng là chủ tịch, nên đồng chí thủ ngữ Đực dù chỉ làm chủ tịch có hai đêm cũng đúng phóc là gộc rồi! Mà gộc bự nữa vì là chủ tịch của Toà án nhân dân. Thế là gã lập tức được đưa ngay lên tỉnh, có xe chạy trước mở đường và xe chạy sau hộ tống. Gã không bị tống vào xà lim mà được cho ở vila, được hút thuốc thơm và được uống rượu Tây, cho xứng với chức danh của gã. Ngài tỉnh trưởng nghĩ rằng đây là một con cá lớn, biết đâu còn có cả một bầy, nên ngài đã ân cần dụ dỗ. Chính ngài đã đưa tay ra bắt và vỗ vai thân mật như bạn lâu ngày mới gặp nhau. Vì thế gã đã khai thêm chị em bà Dĩa và tôi cho đủ một bộ tứ.

Tin rằng sắp hốt trọn ổ cả một "Toà án nhân dân", ngài tỉnh trưởng vui còn hơn bắt được vàng. Nhưng khi nhìn thấy hai chị em bà Dĩa, chỉ là hai mụ nhà quê đang run rẩy nép vào nhau như hai con chó đói và tôi hỉ mũi chưa sạch, thì ngài lắc đầu bảo: Bỏ mẹ! Ngươi này mà gộc à? rồi ngài ra lệnh thả bọn tôi ra chỉ giữ lại đồng chí thủ ngữ Đực, chắc là để đùa chơi giải buồn.

Khi về đến làng nhiều người không dám nhìn chúng tôi. Chỉ có lũ nhỏ chạy theo hỏi "Mày bị thiếu rồi hả Chó Đẻ". Tôi làm lũi bước đi không buồn giận gì chúng. Được đi trên đường làng, được về với bên sông và sắp gặp lại cô Sáu, tôi thấy cuộc đời vẫn còn cho tôi quá nhiều ưu ái. Những ngày qua chắc là cô buồn lo rất nhiều. Hôm bị trói giật cánh khuỷu lòi đi, tôi nghe cô kêu tên tôi ai oán như bà phó lý kêu tên cậu Phú. Sắp gần đến chỗ rẽ qua cầu, hai chị em bà Dĩa nép vào một bụi cây bên đường. Hai bà không quên những cái tát của cô khi dám nhận là đã sinh tôi ra. Ở trong tù, tôi có hỏi hai bà sao dám vu oan giá họa cho người khác thì hai bà đều bảo là do ông Khứ và cô Thanh sắp đặt. Và cũng như thằng thủ ngữ Đực, được hứa sẽ cho thứ này thứ nọ, còn hứa đem ra Bắc để gặp cụ Hồ!

Từ ngày ông Khứ đi tập kết, cô tôi lại bán mía bên cầu. Dù lúc này có chất mía thành đồng cao như cái nhà cũng chẳng ai thèm hỏi tới. Lúc tôi về tới bên này cầu, nghe bọn trẻ con kêu *chó đẽ*, cô liền ném cây liềm xuống đất chạy qua. Tôi lao tới ôm lấy đôi vai gầy guộc của cô. Tôi khóc thành tiếng và cô cũng vừa khóc vừa hỏi tôi: con có bị đánh nhiều không? Tôi nói: chưa, con chưa bị đánh, nhưng con sợ lắm. Buổi tối hôm ấy bà phó lý tới thăm đem cho một bát cháo gà. Chưa bao giờ tôi được ăn một bát cháo ngon đến thế. Hai bà hỏi tôi đủ thứ chuyện trong tù. Tính ra tôi đã ở tù hai mươi bốn ngày và nếu nói như cụ đồ Ngân, *nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại*, thì tôi đã trải qua mấy chục cái thiên thu!

Nhớ lại những ngày trong tù, tôi thấy rùng mình. Nhưng tôi cũng nhận ra tôi đang trưởng thành. Những gì tôi đã thấy, đã nghe, đã chịu đựng chỉ là màn giáo đầu của vở tuồng dài lê thê mà số phận đã sắp đặt, không chỉ của riêng tôi mà của cả những người dân ở vùng Nam Ngãi Bình Phú.

11.

Chiến dịch Tố Cộng vẫn tiếp diễn. Đây là cơ hội cho những mối tư thù, những hơn thua ganh ghét ở xóm làng. Hồi *chín năm* ai cũng sợ cái mũ *phản động, liên quan*. Giờ đây người ta còn sợ hơn nếu phải đội cái mũ *thân Cộng*. Chỉ cần giành nhau một cái măng tre ở góc vườn, hay buồng chuối mà gốc ở bên này ngọn ở bên kia là hai bên đã có thể chụp cái mũ khôn nạn lên đầu của nhau. Nói chi đến chuyện được vợ hay mất vợ. Kẻ thua cuộc vì tình có đủ cách để tống kẻ thắng vào tù. Chỉ cần đem một miếng vải đỏ có gắn ngôi sao dất đầu đó đằng sau nhà, rồi đi tố cáo là coi như cái giường tân hôn sẽ đầm đìa nước mắt. Mặc dù tiếng chuông chùa Thiên An vẫn không ngừng ngân nga, nhưng cái không khí sân si thù hận vẫn không dịu đi một chút nào. Gần một nửa làng bị bắt thì nửa kia coi như kẻ thù.

Ông tổng Bá sau 14 tháng vẫn thấy cái đầu mình hãy còn nằm trên cổ, như cá mắc cạn bỗng gặp con nước về, cái chiến dịch Tố Cộng đã nâng ông lên cái chỗ còn cao hơn ngày trước. Bây giờ ông là thân hào nhân sĩ, tuy không nhận một chức gì, nhưng cái uy quyền vẫn bao trùm lên đám chức dịch. Đám con cháu nhà ông, trừ cậu Khánh đã bị diên thật, coi việc trả thù như một mệnh lệnh của lòng hiếu thảo. Bọn nhỏ thì hết lên mã nhà ông Chánh nhạc đại iả, lại đứng trước ngõ nhà ông Khứ chửi rủa tục tĩu. Bọn lớn hơn như thằng Mậu thằng Tài, thì lũng tim hai chị em bà Dĩa đến nỗi cả hai phải trốn lên An Khê làm rẫy cùng với Thượng. Bà năm hàng xáo, người đã lỡ phun một bãi nước trà vào mặt ông tổng Bá thì trốn biệt xuống cõi âm sau một cơn đau không lấy gì làm nặng lắm. Còn tôi, trong một đêm đi nghe máy hát đã bị chúng trùm mền đánh cho một trận thừa sống thiếu chết. Cô tôi phải nhờ bà biện Ngử sắc cho mấy ấm thuốc võ. Thuốc đáng đến tên người, trong uống ngoài thoa, phải mất cả tuần mới đi lại được.

Làng nào cũng có những cuộc trả thù như thế. Ngày trước ai đứng ra đấu tố địa chủ thì giờ này không nằm trong tù cũng nằm trong nhà thương. Có nơi nửa đêm người ta đốt nhà có người đi tập kết. Bà vợ ông Khứ sợ quá phải bỏ cả ruộng vườn bỗng con về tá túc với cha mẹ ở An Đông.

Tối đến, các chị vợ có chồng đi tập kết phải đến trụ sở thôn mà ngủ. Không chăn chiếu, không mùng màn, bọn trẻ con bị muỗi cắn suốt đêm khóc ngằn ngặt. Những gã dân quân tự vệ lấy cỡ canh chừng thỉnh thoảng lại quét đèn pin vào những chỗ hờ hênh. Giống như ngày trước bị gán vào ngực cái thành phần địa chủ, bây giờ bọn họ bị gán cái thành phần thân cộng, chẳng còn ai dám lui tới hỏi han. Họ sống âm thầm như cái bóng, trông họ xanh xao ốm yếu nhưng lòng họ lại mạnh mẽ hướng về phương Bắc. Có thể nói hồn của họ ở ngoài kia mà xác ở trong này.

Một hôm cả làng bỗng giựt mình khi nghe tin thằng thủ ngữ Đực sẽ bị đem bắn ở đồng cây Sanh. Khi ngài tỉnh trưởng giữ nó ở lại, ai cũng tưởng ngài đùa chơi rồi cũng sẽ thả nó ra. Chắc ngài cũng biết quá rõ cái ngữ như nó thì cộng sản gộc thế nào được. Nhưng thả nó ra thì

chiến dịch Tố Cộng coi như thất bại à? Phải có cái mà trình lên Tổng thống chứ! Thế là người ta đem rượu ra cho nó uống. Có rượu thì tội lệ gì nó cũng nhận tuốt. Còn đánh nó thì đừng hòng, chẳng những nó đánh lại mà còn dũng cảm chịu chết chứ không khai. Vì vậy nó bị đưa ra Tòa với đủ tội danh nào giết cụ cử Vân, nào chôn sống một tiến sĩ ở Chánh Danh, nào dân biểu quốc hội, nào chánh án Tòa án nhân dân... Phải mất một buổi sáng mới đọc hết bản cáo trạng của nó. Sau cùng người ta kết án tử hình, chỉ khác là đem về làng bắn chứ không đút đầu vào máy chém.

Hôm đưa nó về làng có cả một đoàn xe đi hộ tống. Người ta phải xóc nách nó lòi ra khỏi xe vì nỗi sợ chết đã làm hai chân nó sụm xuống. Một đàn ruồi nặng tranh nhau bám theo sau. Đáy quần của nó ướt sũng. Nó bị cột vào cọc, mà phải cột nhiều bận vì nó không tài nào đứng nổi. Người ta bịt mắt nó mặc dù đôi mắt đã sưng húp gần như không thấy gì.

Ngài quận trưởng đọc lệnh xử bắn, sau khi Tổng thống đã bác đơn ân xá. Ngài nói, nó phải chết để trả thù cho những người vô tội đã chết dưới bàn tay Cộng sản. Mười hai viên đạn để dành ghim hết vào người nó. Ngày mai các nhựt trình ở Sài Gòn sẽ loan tin cho cả nước biết một tên Cộng sản gộc nằm vùng đã bị bắt và đền tội. Nhưng ngoài dân làng An Định, nào ai biết đó là cái gã không cha không mẹ, sống bằng nghề đòi nợ thuê, bẻ bí trộm gà, đương nhiên là cả trộm chó nữa. Để có thành tích chống Cộng, người ta đã thổi phồng gã lên với đủ các chức vị oai phong, vô tình biến gã thành một anh hùng. Vì vậy, mười mấy năm sau, tên của gã được dùng để đặt tên cho cây cầu bê tông bắc qua Trung Lương. Có điều người ta đổi chữ Đục thành ra chữ Đức. Cầu anh Đức nghe cũng hay hay nhưng chẳng ai biết anh Đức là anh nào!

Cái chết của thủ ngữ Đục không ngờ đã làm dịu bớt những hận thù không đáng có. Người ta thấy rằng ai cũng có thể bị bắn. Ai cũng có thể bị gắn lên ngực cái chức bí thư tỉnh uỷ, huyện uỷ... và đoàng ! Người ta thôi bới móc chụp mũ lên nhau nữa. Ai lo phận nấy, gặm mặt xuống mà kiếm hạt lúa củ khoai. Dân đen tự bao đời chẳng là dân đen! Cô Sáu bỗng dung thờ dài nói ra một câu như vậy.

Có lẽ ở các nơi cũng có những thủ ngữ Đục bị chém hay bị bắn như thế. Người ta tin là đã giết hết những tên Cộng sản gộc rồi, nên thả bớt những người dân vô tội. Tổng thống là người có đạo, nên ngoài việc cai trị dân còn có bổn phận mở mang nước Chúa. Ngoài những người theo đạo vì yêu hàm râu của Chúa hơn hàm râu của Bác, còn có cả những người buộc lòng phải đặt cây thánh giá lên bàn thờ nhà mình để khỏi bị chụp cái mũ Cộng sản lên đầu. Hai chị em bà Dĩa nhờ theo đạo mà đã ung dung trở về làng.

Sau chín năm kháng chiến cơ cực và sau những năm tố cộng, cuộc sống đã có ít nhiều thay đổi. Những người có nhiều ruộng đã bắt đầu xây nhà. Các ông tổng Bá, phó Ba, hương kiểm, hương mục... cho người ra sông xúc cát đúc gạch táplô. Chỉ sau ít tháng đã thấy tường quét vôi vàng, mái lợp ngói đỏ. Một cái biển chữ số 1960 màu đỏ được gắn trịnh trọng trước nhà như một con triện xác định cái năm tháng đáng nhớ của cả một đời người. Những ai chưa xây được nhà thì cố sắm xe đạp. Và chuông xe đạp cùng với chuông càrem kêu leng keng khắp đường làng. Sau bao nhiêu năm nghe lời thầy giảng bài, giờ tôi mới chứng nghiệm được rằng, nước đá đúng là cứng như đá nhưng lại tan ra dưới ánh mặt trời. Bọn con trai cùng lứa tuổi tôi đã đi hỏi vợ. Những đám cưới đi qua cầu thường dừng lại khá lâu để thợ chụp hình làm kỷ niệm. Các sòng xóc đĩa, bầu cua chật cứng đàn bà trẻ con chen nhau chơi trò đỏ đen. Thịnh thoảng một chiếc ghe con, chẳng phải cầu đêm cũng chẳng phải thả lưới, lượn lờ dưới gập cầu. Khi thẳng Mậu, khi thẳng Tài, cũng có lúc ông phó Ba ngó trước trông sau bước xuống rồi mất tăm ở một khúc sông vắng nào đó. Cô Sáu bảo đó là ghe đồ tiêm la, còn bà vợ ông thì gào lên cho cả làng cùng biết là ông đi chơi đi!

Nhưng cái sắc màu thanh bình chỉ vừa mới phớt qua xóm làng đã bị cái bóng ma cộng sản làm cho u tối. Những chiếc xe đồ đã bị giật mìn, cò búa liềm đã được treo ở chỗ nọ chỗ kia và Tổng thống suýt bị bắn chết ở Banmethuot. Những đám mây đen của chiến tranh đã kéo tới và cái hơi lạnh chết chóc của nó đã thổi tới mọi nhà.

Lệnh tổng động viên được Tổng thống lập tức ban hành. Bọn con trai cả nước được các công quân trường mở rộng cửa đón chào. Bài hát *đi quân dịch là thương nòi giống* suốt ngày vang lên ra rả. Xe GMC đến tận đầu làng đón bọn chúng tôi lên quận khám tuyến

Trừ những đứa thiếu cân như tôi, bị què hay chột như thằng Thịnh, còn tất cả đều phải đi quân dịch. Những cặp vợ chồng mới cưới vừa bén hơi nhau đã sứt sùi nước mắt chia ly. Và chưa đầy mười hôm, hai con vợ thằng Hùng và thằng Vĩ đã phải khóc chồng. Hai đứa đó vừa mới tới Dục Mỹ chưa bắn viên đạn nào đã bị pháo kích toi mạng. Mười hôm nào, bọn chúng trong phòng khám còn nghịch đo cái ấy lẫn nhau, giờ đã không bao giờ trở về làng nữa!

Lại nghi ngờ! Lại bắt bớ! cọng sản đâu chỉ ở miền Bắc mà ở cả miền Trung và miền Nam. Không chỉ ở trên núi trên rừng mà ở ngay trong làng trong xóm. Phải tách chúng ra và phải phát súng cho dân đánh lại chúng. Thế là người ta biến mỗi làng thành một pháo đài.

Cũng như trước kia, mọi người phải đi phá thành đào đường để chống giặc Pháp, giờ phải lên núi chặt cây để rào làng chống Cộng. Nói thì dễ, nhưng đi cả ngày trời mới tới được núi, mà núi toàn là núi trọc, thì kiếm đâu ra cây bằng bắp chân dài ba thước! Mà cũng đâu chỉ một vài cây! Cứ tính theo nhân khẩu, nghĩa là mới khóc oe oe cũng phải kiếm cho ra cây để rào đủ mười thước! So ra cái khổ nộp cây còn hơn cả cái khổ nộp thuế nông nghiệp. Ngày trước, địa chủ phú nông lo sợ bao nhiêu thì giờ các anh bần cố nông lo sợ bấy nhiêu! Nghe nói Mỹ viện trợ cho mỗi nhà 70 ngàn nhưng tiền chưa thấy mà Cọng sản đã tới rồi nên phải cấp tốc rào làng. Phải vay, phải mượn, phải cầm cố hay bán cả ruộng vườn.

Lúc này mới thấy cái tài của thằng Hậu chớ. Nó dẹp ngay cái trại gà, đồng tuốt lên An Khê thuê Thượng chặt cây đóng bè thả về làng. Cái bến sông ở địa đầu thôn Trung Lương bỗng chốc trở thành một cái chợ cây, kẻ mua người bán còn tấp nập hơn cả những phiên chợ Tết. Không chỉ mỗi làng An Định cần cây mà cả xã, cả huyện. Cây về bao nhiêu là bán hết bấy nhiêu. Nó làm ăn phát đạt đến nỗi phải thuê cả chục người vác cây, trong đó có tôi. Khi áp chiến lược hoàn thành, không ai tính được là nó đã thu vào bao nhiêu tiền. Trừ nhà ông tổng Bá, còn nhà nào cũng phải nợ nó, nếu không nợ tiền thì cũng nợ lúa. Nó chỉ trong một vài tháng đã trở thành một đại địa chủ vì nhiều người phải cầm thế hay bán hẳn ruộng cho nó. Bây giờ tiếng nói của nó còn mạnh hơn cả tiếng nói của ông tổng Bá. Nó còn chơi ngon, ngã một lúc hai con bò và mấy con heo để khánh thành áp chiến lược. Ấp An Định là ấp duy nhất được ngài quận trưởng vinh dự tới cắt băng khánh thành. Trước các vị hào lý khăn đóng áo dài, trước đám dân quân tự vệ, trước hai hàng thanh niên nam nữ cọng hoà, ngài quận trưởng đã trao cho nó cái bằng khen có hai con rồng châu lá cờ ba sọc do chính tay ngài tỉnh trưởng ký tặng.

Rồi cũng giống như thời ông Khứ, người ta liền diễn tập cho ngài quận trưởng và các vị quan khách xem dân làng An Định chiến đấu chống Cọng sản. Đám dân quân và thanh niên nam nữ cọng hoà lập tức nép vào các hàng rào chiến lược. Những thân cây rừng vót nhọn chĩa ra hai bên như những cái lạng của con kỳ đà khổng lồ. Kẻ súng người dao lăm lăm trong tay. Tất cả sẵn sàng chờ cọng sản. Thế rồi một đứa bé từ dưới sông hót hải chạy lên miệng la to: Cọp về làng! Cọp về làng! Tiếp theo là một bọn cời trần mặt bôi đầy lọ nghe từ các soi bắp chui ra, bọn chúng chưa kịp leo qua rào đã bị đám dân quân và thanh niên thanh nữ cọng hoà trối chặt. Một hồi trống dài báo tin thắng trận và cũng là lúc buổi diễn tập kết thúc để mọi người vào tiệc. Trong rượu thịt mọi người chệnh choáng tâng bốc lẫn nhau. Ngài quận trưởng hết lời khen ngợi tài tổ chức của quân, dân, chính, làng An Định. Ông thôn trưởng Văn văn Ba hứa suốt đời tận tụy trung thành với Ngô Tổng thống và ngài quận trưởng.

Nhưng áp chiến lược thực ra giống như một cái một cái rỗng nhốt bò. Cái hàng rào như kỳ đà xù lưng trông có vẻ hung dữ là thế, nhưng đứa trẻ nào chẳng leo qua được huống hồ là cọng sản. Dân quân tự vệ, kẻ có súng, người thì không. Mà súng thì cũ rích từ đời nào đời nao, bắn được một phát lại phải dùng cây thông nòng. Tối đến, cả bọn đi rào một vòng rồi về uống rượu hay nói chuyện gái. Thế thì Việt cọng có muốn vào cứ việc ngang nhiên mà vào, việc gì phải leo trèo cho khổ thân!

Mặc dù vậy, tiếp theo An Định là các thôn các xã khác cùng hoàn thành. Rồi cả huyện

cả tỉnh và cả nước cùng hoàn thành. Cố vấn Mỹ đi đến ấp nào cũng đều đưa lên một ngón tay cái. Tổng thống vốn thấp, chân ngắn, cực chẳng đã ngài mới đi kinh lý cùng với quan cố vấn vì cái sải chân của nó dài gấp đôi, khiến ngài bước theo muốn hụt hơi. Đã có tướng ngũ đoản lại có thêm nốt ruồi son trên mặt, nên mọi người đều tin rằng ngài có tướng quý nhân và trường thọ. Nhờ Chúa mà ngài đã có thể bình định xong cái nạn Cọng sản. Dĩ nhiên chẳng ai dám nói cho ngài biết rằng, ấp chiến lược vừa khánh thành hôm trước thì hôm sau ở cái làng An Định xa xôi này, ông tổng Bá đã bị giết.

Đó là một buổi sáng. Như biết được cái thói quen dậy sớm tắm sông của ông, một người có lẽ cũng không xa lạ gì đứng trên bờ kêu tên cho ông ngẩng mặt lên. Ông có hơi bất ngờ vì nghe gọi và càng bất ngờ hơn khi thấy một họng súng đen ngòm chìa thẳng vào mặt. Ông chưa kịp la lên thì một tiếng nổ đã rền vang trên mặt sông. Ông ngã xuống trong nước và trôi vờ vờ cho đến khi một người đứng nhá (cắt vó) kinh hoàng khi thấy xác ông tấp vào.

Hai ngày sau, bà vợ ông thôn trưởng đã chết giấc khi thấy cái bản án tử hình Văn văn Ba gắn trước cửa.

Cái bóng ma vô hình đã thực sự lớn vồn khắp mọi nhà. Nó đến lúc nào không ai biết, nó đi lúc nào cũng chẳng ai hay. Nhưng trước mặt, sau lưng, bên phải, bên trái, trên trời dưới đất đâu đâu cũng có nó. Từ đây, mọi người lại co rúm như làng đang có dịch!

Trai tráng trong làng còn sót lại đứa nào cũng vội vàng đăng lính để nhận một ít tiền thưởng. Ra trận, sống chết chưa biết thế nào, nhưng còn hơn chui rúc trong ấp chiến lược cứ như trâu bò. Sáng nào cũng tập họp điểm danh vì sợ buổi tối cọng sản mò về bắt lên núi. Rồi suốt đêm đi canh đi tuần, lỡ vướng phải mìn, nhẹ thì mất một giò, nặng thì banh xác. Và lại dẫu có đi xa con vợ nhà quê, nhưng được đi đó đi đây, mỗi lần xuống phố thấy bao nhiêu là gái mắt đen da trắng quần áo lượt là cũng đã con mắt. Những đứa đi trước về phép kể cho nghe đủ thứ chuyện, mà chuyện nào cũng mê ly nghe thêm rõ dãi. Trong làng chỉ còn lại những đứa quặt quẹo, những nông dân vừa kéo cày vừa kéo cả gánh nặng gia đình, những người già hai mắt trũng sâu vì mất ngủ và các chị vợ lính. Các chị nhớ chồng thì ít mà nhớ măngđa thì nhiều. Đến nhờ tôi viết thư, chẳng còn ai chê tôi hôi mùi chó nữa. Có nàng lại còn bảo tôi dễ thương hơn cái anh chồng ư nạt nộ của mình.

Ông phó Ba tức ông thôn trưởng từ khi trông thấy cái bản án tử hình đã không còn thiết tha gì nữa đến cái chức trưởng thôn. Đã mấy lần ông xin từ chức, nhưng ngài quận trưởng bảo dẫu có từ chức thì cọng sản nó cũng không tha. Như ngài, đã lỡ cỡi lưng cọt thì đành chiến đấu tới cùng. Với lại ta có biết bao nhiêu súng đạn, làm thế nào mà thua cọng sản được. Nói rồi ngài cho ông một khẩu súng lục, bảo tối lên phố ngủ, lại có dịp xa con vợ già ...hơ hơ, đấy, sướng thế, việc quái gì mà sợ!

Chẳng riêng gì ông phó Ba mà những người có máu mặt trong làng, cứ trời chạng vạng là kéo nhau lên phố. Ấp chiến lược gần như trống không chẳng còn ai canh giữ. Thành thoảng cọng sản từ bên kia sông đánh trống khua mõ kêu tên Văn văn Ba ra chửi. Bà vợ ông phó Ba và những người có chồng đi phố ngủ giờ lại lo sợ khốn khổ y như các bà vợ cán bộ và bộ đội đi tập kết trước đây.

12.

Trên đời này, cái việc xem tướng là dễ nói cho người ta nghe nhất, mà cái sai cũng nhiều nhất. Ngài Tổng thống mới đó được khen là quý tướng đã bị quân đảo chánh bắn chết cùng với em trai trên một chiếc xe thiết giáp. Nền cọng hoà do ngài thiết lập coi như mất cái đầu. Những cuộc chỉnh lý vì thế diễn ra liên miên, hết Dương Văn Minh đến Nguyễn Khánh. Hết Nguyễn Khánh đến Nguyễn Cao Kỳ. Chẳng ai ngồi yên trên cái ghế tổng thống. Nhiều người bảo hai anh em ông Diệm chết oan mà lại chết nhằm ngày thiêng, nên hễ ai mon men leo lên, chưa kịp ngồi nóng đít đã bị lắc cho ngã nhào.

Nhưng đó là ở Sài Gòn, còn ở làng An Định thì chẳng ai thèm tranh cái ghế trưởng

thôn. Ông Văn văn Ba vẫn cứ nhấp nha nhấp nhồm, tối lên phổ ngủ và để cho bớt sợ đã chui vào mùng một bà hàng vải nào đó. Bà vợ mây lần định lên xé xác con quỷ cái đó ra. Nhưng ông phó Ba thề sống thề chết rằng chỉ chui vào đồn cảnh sát mà ngủ chứ chẳng chui vào nhà ai. Cái cục ghen của bà vì thế cứ to ra, ám ức mãi không tiêu được. Mấy tháng sau, trước khi mất bà bảo con kêu ba mày lại. Cứ tưởng bà trần trối điều gì, không ngờ bà đem hết sức tàn, tát cho ông mấy cái rồi mới chịu nhắm mắt.

Các vị tướng lãnh cứ mãi lo đảo chánh và chống đảo chánh, gần như chẳng còn ai ngó ngang gì đến những vùng nông thôn xa hút như làng An Định. Ngài quận trưởng tuy nói chiến đấu đến cùng nhưng cũng chỉ lẩn quẩn ở trên phố. Ông phó Ba thì chỉ giỏi trừ ma tróc quỷ. Nước lũ và roi dâu chỉ phù phép được mấy mục đàn bà mắc đàng dưới chứ làm sao đuổi được cọng sản. Vì thế họ không thèm co rút trong núi nữa. Một ngày nào đó họ làm *lễ ly sơn*, quyết rời bỏ núi rừng để lẩn chiếm đồng bằng.

Trước tiên họ cô lập những đồn bót lẻ tẻ, cắt đứt liên lạc rồi tiêu diệt. Sau đó họ gom dân lại, phá ấp chiến lược, đốt trụ sở. Họ khua mõ đánh trống suốt đêm làm cho dân ở những làng bên cạnh phải hốt hoảng gồng gánh đồ đoàn dắt díu nhau chạy đến những làng còn treo cờ ba sọc. Chẳng mấy chốc, con sông chảy qua làng đã trở thành ranh giới giữa cộng hòa và cộng sản.

Đến lúc này quận mới điều xuống một đại đội địa phương quân và tiểu khu yểm trợ cho một khẩu đội pháo đóng ở gò Na. Cô cháu tôi phải rời bỏ cái chòi tranh cũ nát qua bên này sông nếu không muốn đạn bắn cho tan xác.

Phía bên kia cộng sản cứ tối đến là đốt lửa đánh trống khua thùng thiết. Những ngọn đuốc lập loè trong đêm giống như ma trôi trong những tối trời mưa. Phía bên này thỉnh thoảng rót qua vài quả đại bác giữa đồng không mông quạnh. Cuộc chiến cứ nhì nhằng như thế, chẳng bên nào dám vượt qua sông.

Ngài thiếu tá quận trưởng vì thế phải đổi đi chỗ khác. Quận trưởng mới là một đại úy trẻ. Ngay ngày đầu nhậm chức ông đã một mình lái xe jeep xuống thẳng trận tuyến. Không cần cận vệ, chỉ mặc có mỗi áo giáp, ông cầm súng đi băng băng qua bên kia sông. Ông xem xét địa hình một hồi rồi quyết định kéo quân qua đóng giữa đồng. Ông cho đặt mìn cò laymo khắp nơi. Ông bảo giữa đồng cát trắng xoá này cộng sản có giỏi thì cứ mò vào. Chỉ cần bấm một phát là chết như rạ, chưa nói tới đại liên sẽ quét ngã như sung rụng.

Những ngày sau ông cho quân đi lùng sục các làng. Ông bảo cứ nằm yên thì trước sau gì cũng bị chúng làm thịt. Chi bằng ra tay trước. Nhưng suốt một ngày chỉ bắt được vài cụ già run rẩy mắt hấp hím gần như bị mù. Ông đành bảo lính cho ăn rồi thả họ ra. Hôm sau, lính bắt được hai tên CS mặt non choẹt. Vừa định đem về quận thì bị một đám đàn bà con nít vây chặt. Đàn bà thì cố giựt súng, con nít thì cắn vào tay. Những tên lính ngỡ ngác đành phải bắn chỉ thiên. Nghe súng nổ họ dạt ra một chút rồi lại sấn tới. Đang lùng nhùng như chơi trò giật cờ thì liên tiếp mấy quả đại bác rơi sau lưng họ. Cả bọn hoảng hốt xô nhau chạy.

Cái sự dũng cảm và cái máu ngang tàng của đại úy quận trưởng thế mà được việc. Cộng sản không còn dám rấn tới. Ranh giới giữa cộng sản và cộng hoà được đẩy dần xuống chân núi. Dân lại lũ lượt trở về. Những lá cờ ba sọc lại tung bay rục rịch. Chính đại tá tỉnh trưởng xuống tận đồng cây Sanh để trao mề đại và gắn lon thiếu tá.

Cuộc đời binh nghiệp của ông tướng đang lên như điều gặp gió, không ngờ lại đứt dây giữa chừng! Một hôm, trên đường về quận, vẫn một mình một xe với cây tiểu liên gác trong lòng, ông đã phải trả giá cho lòng dũng cảm thiếu cẩn thận của mình. Lúc xe qua gò Na, từ trong những bụi duối một thời là hang ổ của Năm Quảng, Sáu Quảng, một trái B.40 vọt ra làm nổ tung chiếc xe định mệnh. Ông chết đi, những thôn làng vừa được tái chiếm đã ngã rạp theo như lúa ngã ngoài đồng. Bao nhiêu ấp trưởng, ấp phó lần lượt bỏ trụ sở. Đêm đêm cộng sản lại nổi lửa đốt hết ấp chiến lược này đến ấp chiến lược khác. Dân chạy loạn tới đâu cộng sản tràn theo tới đó.

Một đêm tháng ba nhưng còn buồn hơn cả đêm tháng mười. Lính đã rút đi không còn ai lảng vảng bên những cô gái chưa chồng. Ấp trưởng ấp phó và một vài anh dân quân tự vệ cũng theo chân họ hoặc là lên phố hoặc đến ngủ ở các làng gần quốc lộ. Những đứa bé đã được bà nội hay bà ngoại kéo vô nhà bắt phải đi ngủ sớm. Chỉ còn những chị vợ bộ đội chờ chồng trong mỗi mồn. Chó không sủa, gà không gáy. Giống như những đêm mà cán bộ bỏ làng đi tập kết. Trong cái yên lặng đến ngուội lạnh ấy, ông Khứ và cô Thành đến thăm từng nhà. Họ chào hỏi ngọt ngào. Họ hỏi thăm trong bao nhiêu năm qua sống ra sao. Họ xin lỗi đã không giữ trọn lời hứa là trở về sau hai năm. Họ bảo vợ xa chồng, cha mẹ xa con, ông bà xa cháu là do đế quốc Mỹ. Nhiệm vụ của họ và của cả toàn dân lúc này rất nặng nề vì phải chiến đấu với kẻ thù hùng mạnh và nguy hiểm hơn. Nhưng họ bảo nhất định thắng. *Nhất định phải đánh cho Mỹ cút đánh cho nguy nhào!*

Sáng hôm sau cái tin ông Khứ về làng đã làm cho mọi người thấy như sắp sống lại cái thời *chín năm*. Lại đào hầm, lại vót chông, lại đi dân công tải đạn, lại biểu tình hoan hô đả đảo và nhất định là phải có *khả năng* ! Thế là cả nhà ông phó Ba thuê hẳn một chiếc xe chở tất cả đồ đạc lên phố. Bà hàng vải sau khi bà phó Ba mất đã có thể đường hoàng giúp đỡ con cháu ông một cách nhiệt tình. Bà cho hẳn một cái nhà kho để các cháu ăn ngủ được thoải mái. Còn ông thì bà rất muốn cái miệng tiếu lâm ở bên cạnh để giúp bà đỡ buồn. Các ông hương kiểm, hương mục, chánh tuần, phó tuần cũng dọn sạch đồ lên phố chỉ chừa lại cái nhà không. Các ông vẫn chưa đi hẳn vì hãy còn đồng ruộng trâu bò. Nhà ông tổng Bá thì chính ông đã phải trả nợ máu bằng chính máu của mình rồi. Bà tổng sau cái chết oan nghiệt của chồng, giờ già sạm lú lẩn. Thăng Mậu, thăng Tài đã đi lính biệt kích. Chỉ còn cậu Khánh dở điên dở khùng, lúc nào cũng mang trên lưng mấy cái xương đầu chó mà tụi dân quân gặm xong quẳng đi. Thịnh thoảng cậu lại bày ra giữa cầu, thấp nhang khấn vái rồi đọc văn tế do chính cậu làm.

Gần một nửa làng bỏ đi. Rất nhiều nhà bỏ không, ai muốn vào ở cũng được, nhưng cô Sáu vẫn cứ về lại cái chòi của mình. Cô bảo ở đó quen rồi, có sông nước bên cạnh làm việc gì cũng dễ. Bây giờ cô lại đi mót lúa, chẳng đâu cơ tích trữ thứ gì nên cũng chẳng phải lo ông Khứ tịch thu. Khi thăng thủ ngữ Đực chết thì chỉ còn mỗi một mình tôi là nghèo trợ khát và vẫn bị gọi bằng thăng. Cái tên thăng Chó Đẻ chắc vẫn còn theo tôi cho đến tận già.

Khi ông Khứ và cô Thành về thăm làng thì cũng có nghĩa là các làng khác cán bộ đi tập kết đã trở về. Lực lượng cộng sản mạnh lên trông thấy. Họ thành lập MTGPMN, cờ của họ bây giờ là nửa xanh nửa đỏ. Họ lại đánh trống, kua chiêng, gõ thùng thiết. Các ấp chiến lược liên tục bị đốt cháy. Dân chạy loạn kéo nhau đi kìn kìn. Họ dồn đuổi quân cộng hoà chỉ còn giữ được các thị trấn và tỉnh lỵ.

Một đêm sau khi ông Khứ và cô Thành về chừng mười ngày thì toàn bộ hàng rào chiến lược của làng An Định bị đốt cháy. Thực ra, cũng như các cây cọc phòng không, chỉ loè chơi trước các máy chụp hình và máy quay phim chứ giết được ai, giữ được cái gì. Đó là chưa kể sau khi ông Diệm bị giết, ấp chiến lược đổi thành ấp tân sinh thì cũng chẳng còn vị tướng nào thêm ngó đến nữa. Nắng mưa, cả trâu bò và con người làm cho nó xiêu vẹo nghiêng ngã, nhiều đoạn người ta lấy trộm gần hết. Nên cộng sản đốt là để biểu dương lực lượng chứ đâu phải đốt mới vào được. Chỉ tiếc bao nhiêu tiền của công sức mồ hôi chỉ để làm giàu cho thăng Hậu và cộng sản đốt coi chơi. Cây khô gặp lửa cháy còn nhanh hơn cả nhà ông tổng Bá bị Tây đốt. Lửa rùng rùng, hung dữ và tàn nhẫn như khi lửa tràn qua cánh đồng đang mùa lúa chín. Lửa khói trùm cả làng khiến nhiều người hốt hoảng chạy ra sông như những con chuột khi cháy nhà.

Đã đến lúc người ta đành bỏ rơi cái làng này. Từ trên cao máy bay phát lệnh di tản. Mọi người phải rời bỏ nhà cửa ruộng vườn trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Sau đó sẽ oanh kích tự do. Ai không đi coi như theo Việt cộng! Mọi người nhón nháo thu dọn đồ đạc. Tiếng heo gà kêu, tiếng trẻ con khóc. Tiếng gọi cha gọi mẹ xao xác. Không làm sao nói hết được cảnh hỗn loạn của dân làng. Mà tội nghiệp thay, những người còn lại đều là những người nghèo. Tài sản của họ chỉ có cái xoong méo và mấy cái quần áo rách. Họ buồn bã rời làng, léch thếch đi về phía

cái quầng sáng của ánh đèn phố quận.

Trong cảnh nhốn nháo ấy cô Sáu tôi vẫn ra sông đãi mớ lúa vừa mót được. Cô bảo, ai chạy đâu thì chạy, tao cứ ở đây. Cọng sản cũng là người chứ có phải ma quỷ gì đâu mà sợ. Khi thấy tôi có ý muốn đi, cô bảo, ừ mà y cũng nên chạy đi. Không chừng lên trên đó biết đâu mà lại tìm được mẹ. Nhưng tôi lòng dạ nào mà để cô ở lại một mình. Và lại lên đó biết lấy gì mà sống. Trong khi ở đây lúa chín tràn bờ chưa ai gặt, cá lội đầy sông, rau cỏ đầy vườn. Cứ nghĩ tới đó thì dù ngày mai hay ngày mốt có oanh kích tự do cũng đâu có gì đáng sợ. Con sông đó, đồng ruộng kia, chỗ nào trốn núp mà không được.

Thế là cả làng chỉ có cô cháu tôi và cậu Khánh điền là ở lại. Khi thấy tôi, cậu nói : Ta là *Tổng thống*, mi là *Thủ tướng*. Này nữ *công dân* kia nghe ta ra *lệnh*: Hãy nấu cơm cho ta ăn! Dù không có *lệnh*, cô Sáu tôi vẫn vui vẻ nhóm lửa nấu cơm. Tôi xuống sông bắt cá còn cậu thì ngồi trên cầu nói làm nhảm như đang đọc thơ. Một lúc sau, cơm vừa chín tới, cá rô nướng thơm lừng, cô Sáu bày mâm bát ra giữa cầu lúc này không còn ai qua lại cho *Tổng thống* và *Thủ tướng* cùng ăn. Cô tôi ngồi *hầu* bên cạnh. Không phải cô tôi đùa, cũng không phải nghĩ mình quá nghèo nên không dám ngồi cùng mâm với cậu là con nhà giàu. Cô tôi *hầu* thực sự vì đối với cô, cậu Khánh, thầy Hiền, cụ cử Vân là những người cô quý trọng dù điền hay tỉnh. Những người *có chữ* trước hết là những người đạo đức, những người được sinh ra để dạy điều hay lẽ phải cho người khác. Và chuyện đỡ bát xới cơm, rẽ cái xương con cá cho cậu ăn đâu phải lúc nào cũng làm được. Cô tôi sẽ rất vui nếu ngày nào cũng được nấu cơm cho cậu ăn.

Nhưng đó là bữa cơm duy nhất mà người khách kỳ lạ cùng ăn với tôi trong đời. Ăn xong, cậu lịch sự cảm ơn *nữ công dân*, dặn *thủ tướng* phải chăm sóc cho bà rồi vác mấy cái xương đầu chó đi về phía cuối làng. Cô Sáu nói, cậu ấy giả bộ điền đó. Người khôn như thế mà điền à? Ngẫm nghĩ một lúc cô lại nói, mà cũng mong cho cậu điền thật. Cha mẹ bị hành hạ như thế không điền sao được! Sau đó ít lâu nghe nói cậu chết trôi, đúng cái bến sông cha cậu bị bắn.

Đêm hôm đó là một đêm rất dài. Dù không nói ra nhưng tôi và cô Sáu đều hồi hộp. Không biết hết hai mươi bốn giờ thì cuộc sống sẽ ra sao. Cảnh vật yên lặng đến rợn người. Những con chó con gà bị bỏ sót lại cũng im thin thít. Ai cũng bảo năm 2000 là tận thế. Chẳng biết đêm ấy có giống như đêm nay? Tôi có cảm tưởng mọi người đều chết hết, cả quốc gia và cọng sản, chỉ còn lại hai cô cháu tôi sót lại ở cái bến sông này. Đáng lẽ phải mừng vì được sống sót, tôi lại thấy kinh hoàng vì được sống. Dường như khi còn lại một mình, tôi phải gánh chịu cả bao nhiêu khổ đau bất hạnh của những người đã chết.

Hôm sau đúng 12 giờ là đủ hai mươi bốn tiếng. Cô tôi chẳng buồn nấu cơm và tôi cũng không thấy đói. Trời trong xanh không một chiếc máy bay. Cũng không có tiếng đại bác xé gió mà đi nghe chiu chiu. Chẳng có vẻ gì là một cuộc oanh tạc hay pháo kích sắp xảy ra. Trọn cả một buổi chiều chúng tôi sống bình yên như những cây cau cây chuối, như đồng lúa chín đang gục đầu chờ người gặt. Bỗng dưng tất cả trở nên thanh bình êm ả. Không cọng sản, không quốc gia, chỉ có đất trời, cây cỏ, đồng lúa và những con người tầm thường như chúng tôi. Cuộc đời như thế dẫn dị quá, đáng sống quá!

Những ngày hôm sau vẫn bình yên. Chỉ có lúa mỗi mòn chờ người gặt. Cô tôi cứ đi mãi giữa ruộng đồng. Mùi thơm của lúa như rủ rê mời mọc cô. Những gié lúa níu lấy chân cô. Lúa đòi được đem về nhà. Nhưng một mình cô làm sao gặt hết bao nhiêu ruộng. Với một người cả đời đi nhặt từng hạt thóc như cô, thì cái cảnh cả một đồng lúa chín rục không người gặt làm cho cô hết sức đau lòng.

Một buổi sáng, sau khi tìm được một cây liềm tốt cô tôi liền đi gặt một mình. Cô bảo được bao nhiêu cũng được, chẳng lẽ bỏ cả cho lên mạ. Với lại cô cũng muốn kiếm rạ đánh một ít tranh để lợp lại cái chòi đã quá dột. Tôi lóng ngóng vì chưa được gặt bao giờ. Cô bảo đợi cô gặt xong sẽ vác giúp cô đem về chòi. Trong khi chờ đợi, tôi đi bắt cá ở một con mương cạnh nước gần đó. Cá không ai bắt nên rất nhiều. Tôi bắt mê mãi. Cô gặt cũng mê mãi. Có lẽ trong bao nhiêu năm chưa bao giờ chúng tôi thấy hạnh phúc như lúc này.

Đúng lúc ấy một chiếc máy bay trực thăng bay tới, cái cánh quạt to lớn của nó quay tít ở trên trời. Tiếng kêu to và chậm của nó chỉ làm cho người ta khó chịu chứ không làm người ta sợ. Tôi ngửa mặt lên nhìn định đưa tay ra vẫy, nhưng một đường sáng vừa đỏ như lửa mà cũng vừa trắng như bạc phóng thẳng xuống cánh đồng. Trong tiếng nổ phành phạch, tôi chỉ nghe một tiếng rẹt rẹt như muối nổ trong nồi rang. Không hiểu là cái gì nhưng tôi cũng vội vàng ngã nhào xuống bùn. Thế rồi nó bay đi, tiếng phành phạch nhỏ dần.

Tôi lên tiếng gọi cô để khoe mớ cá vừa bắt được. Nhưng tôi chẳng nghe tiếng cô ừ hử và cũng chẳng thấy bóng dáng cô đâu. Chẳng lẽ máy bay trực thăng như chim đại bàng đã tha cô đi mất. Tôi tìm đến chỗ cô gặt. Cô nằm co quắp trên ruộng lúa như đang ngủ. Tôi lay cô dậy. Một giòng máu ứa ra từ trên ngực. Thôi thế là hết rồi, cô tôi đã chết!

Tôi nhớ lúc đó tôi không khóc. Tôi chỉ ngồi ôm cô trong lòng. Tôi vuốt mái tóc đã chớm bạc của cô, vuốt đôi mắt mờ đục có một con mắt chột. Tôi cũng vuốt lại quần áo cô. Lúc này tôi mới thấy những miếng vá, những chỗ sấp bục ra. Dường như suốt bao nhiêu năm tôi chưa thấy cô mặc quần áo mới bao giờ. Một lúc sau nước mắt tôi mới lặng lẽ rơi trên áo cô. Tôi khóc không thành tiếng. Rồi khóc nức nở và sau cùng tôi gào lên giữa cánh đồng: Mẹ ơi !

Tôi gọi Mẹ ơi là phải thôi vì còn ai trên đời này thương tôi như cô. Tôi gọi Mẹ ơi vì đó là tiếng kêu đã nén trong lồng ngực tôi suốt bao nhiêu năm. Tôi cũng xác cô về lều. Suốt ngày và suốt đêm hôm đó tôi ngồi bên cạnh cô. Bất chước người trong xóm khi có người chết, tôi cũng nấu cơm, luộc trứng (may mà có một cái trứng) rồi vất để trên đầu cô.

Sáng hôm sau tôi chọn một mô đất cao ở bên cầu để đào huyệt. Tôi đào mãi đến chiều mới xong. Không có hòm, tôi phải dùng rơm và lá cây để lót cho cô nằm. Thật khổ tâm khi phải xúc đất đổ thẳng trên mình cô. Đất rơi lộp bộp làm cho tim tôi đau nhói. Trước đó, tôi đã muốn cạy đại một vài cánh cửa trong những căn nhà bỏ hoang, để che chắn cho cô. Nhưng nghĩ tới tính cô không tham của ai, tôi không dám. Không chừng cô đội mồ lên để mắng cho tôi một trận.

Tôi ở lại đốt lửa đủ ba hôm rồi lay cô ba lay rồi khỏi làng. Đến bây giờ tôi mới hiểu được thế nào là *vành đai trắng*. Dọc đường đi, các thôn làng nằm thiêm thiếp không một bóng người. Một vài con chó đói, vài con gà hốt hoảng chui vào bụi khi trông thấy tôi. Đây là nơi đất chết, muốn trút bao nhiêu bom bao nhiêu đạn cũng được. Cứ thấy có cái gì động đậy là bắn. Cô Sáu tôi đã là nạn nhân đầu tiên của vùng đất khốn khổ này!

Đến cái trạm gác đầu tiên ở gần đường quốc lộ, tôi nghe lính ra lệnh dừng lại, đưa tay lên. Tôi răm rắp làm theo. Bọn họ trói thúc tôi rồi giải lên quận. Nếu không có ông áp trưởng Ba lúc đó đang chờ nhận gạo phát cho dân đứng ra bảo lãnh thì tôi đã bị nhốt vào trại giam. Sản đó ông bảo tôi làm giùm sổ sách. Ít lâu sau ông muốn đưa tôi lên làm áp phó, nhưng tôi chẳng đại gì mà nhận cái bản án tử hình đang chờ sẵn.

Dân di tản của làng An Định và các làng khác tấp vào hai bên đường quốc lộ như rác rưởi dạt vào bờ trong mùa nước lụt. Họ xúm xít chen chúc nhau trong những mái lều làm bằng thùng đồ hộp, mỗi mật, lờ khờ như những con đê bị trẻ con ngắt mất râu. Các ông hương, ông lý, chánh phó tuần gặp nhau chỉ còn biết giương cặp mắt mắt ngủ ra mà nhìn. Chẳng ai buồn chào hỏi như những khi gặp nhau ở đình làng. Cái thời các ông khăn áo chỉnh tề ngồi vuốt râu ở chiếu trên đã xa hun hút. Trông cái cảnh các ông chia cái bị ra đựng gạo mới tội nghiệp làm sao. Cứ như những người ăn xin! Quận phát cho mỗi nhà mười tám tấn, nhưng cây gỗ không có nên cũng chẳng biết đến khi nào mới dựng nổi một cái nhà. Các chị vợ lính vì chưa có địa chỉ nên chẳng nhận được thư chồng. Với đũa con quặt quẹo trên tay, các chị đã chẳng làm được gì. Có bao nhiêu tiền đều đổ hết vào tiền thuốc.

Trong khi đó dân ở phố nhiều người giàu lên bất ngờ. Gạo mầm, chén bát, thau chậu, những vật dụng tối thiểu của cả ngàn người. Muốn bán giá nào chẳng được. Những đồng bạc hiếm hoi của dân di tản rơi dần vào túi họ. Biết kêu ai, trách ai!

Tôi không mẹ không cha, không vợ không con, lúc này lại đỡ khổ. Những đứa khác

nếu không công mẹ công cha đi nhà thương thì cũng nhếch nhác với vợ đau con ốm. Trông đứa nào cũng già khú, ốm tong ốm teo. Nhiều đứa trốn quanh trốn quất ở làng, giở dạt lên phố, chịu không nổi cái cảnh đêm đêm bị ruồng bắt cũng đành đi lính xây dựng nông thôn hay nghĩa quân. Chưa khi nào, từ lúc lập làng cho đến giờ, dân An Định lại phiêu dạt tứ tán như lúc này.

Hoà bình! Thống nhất! Ai chẳng muốn. Nhưng cái cuộc chiến dai nhách như kẹo cao su này thì biết đến bao giờ!

13.

Đâu phải chiến tranh chỉ đem đến đói nghèo chết chóc. Chiến tranh còn đem đến cơ hội làm giàu cho một số người. Cơ hội thì đầy ra đầy nhưng đã dễ mấy ai biết nắm lấy. Chỉ có một ít người mà ngay cả cha sinh mẹ đẻ cũng không ngờ. Thành Hậu chó, đúng là một thằng giỏi nắm bắt thời cơ như thế.

Ngay từ lúc mà mọi người chỉ mong được ăn cơm trắng không độn, được mặc một cái áo không hở trước hở sau là đã thấy sướng lắm rồi, thì nó đã biết phải làm gì để được ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn. Cái việc buôn chó của nó chắc gì những người học giỏi tài cao mà nằm nghĩ ra được. Chỉ cần thấy ông hương kiểm sẵn sàng bỏ ra 300 ký lúa và một cặp gà để đổi lấy hai con chó nhỏ là nó đã hiểu ra rằng, cái việc làm giàu đâu có khó. Ai cũng biết chỉ có đi buôn mới giàu nhưng buôn chó mà làm giàu thì chỉ có nó mới nghĩ ra. Rồi khi mọi người muốn phát điên lên vì phải kiếm cây rào áp chiến lược, thì nó đã chẳng ngại gì mà không đi phá rừng để đem cây về bán. Cái vố đó nó thu vào bằng mấy đò kị cốp của nhà ông tổng Bá. Thay vì tậu ruộng, xây nhà, vênh vang lên mặt với người trong làng bằng cách vung tiền ra mua chức nợ chức kia, nó lại đem tiền mua một lúc mấy căn phố ở Quy Nhơn. Thế rồi, trong khi ông tổng Bá bị bán, ông hương kiểm và nhiều người giàu có khác cơ nghiệp tan tành chỉ ngồi mà khóc than, thì nó sấm ô tô, học nói tiếng Anh bập bồm để đi thầu rác Mỹ. Gọi là rác nhưng trong đó bao nhiêu là cam táo, là sắt thép chì đồng. Khi Mỹ đổ bộ lên Quy Nhơn quá nhiều và mấy lần Việt cộng chặn xe bắt nộp tiền chuộc mạng thì nó đêch có đại gì chạy xe vào chỗ chết. Nó bắt nhân tình nhân gái với một con điếm già ở Sài Gòn đứng ra mở bar bán rượu cho lính Mỹ. Giờ nó chỉ có mỗi một việc là ngồi uống urytki pha coca thu tiền.

Làng An Định bị đốt, nó chỉ mất có mỗi cái nhà trước kia là trại nuôi chó. Chẳng việc gì nó phải tiếc thương như các ông già lắm cảm. Tuy vậy, nó cũng không phải là đứa quên gốc gác bản làng. Khi biết tin dân làng phải bỏ cả nhà cửa ruộng vườn trôi dạt lên phố quận, nó đã mua đến mấy xe gạo, cả chặn chiếu mùng màn lên phát cho dân. Nó chơi ngon còn hơn cả chính quyền. Gặp tôi nó rất mừng, tháo ngay chiếc đồng hồ đang đeo trên tay cho tôi. Nó bảo: được lắm, mày cứ tạm giúp việc cho bác trưởng ấp rồi tao sẽ có việc cho mày. Mà việc ngon ăn lắm nghe. Nó nháy mắt rồi đi không quên để lại bao thuốc Salem cho tôi.

Thế đấy, ai chữi Mỹ thì mặc ai, với nó có Mỹ là có tiền. Nó hơn tôi có vài tuổi nhưng lọc lõi khôn ngoan còn hơn cả bố tôi. Chẳng học hành gì nhiều mà sau mười năm, nó đã xa cách tôi một trời một vực. Nhiều người bảo nó gặp thời và chỉ giỏi bợ dít Mỹ. Nhưng một hôm chính nó đem lên một thằng bác sĩ Mỹ để khám bệnh cho cả làng. Nó còn bảo thằng Mỹ đưa các ông cụ đang khổ sở vì bệnh thấp khớp hay bệnh tim bệnh gan gì đó vào tận nhà thương Mỹ để điều trị. Một tuần sau nó đưa các ông cụ về. Cụ nào cũng đi đứng vững chãi cứ như chưa hề biết đến bệnh tật là gì.

Khi việc phát tòn gạo xong, nó nói với ông ấp trưởng đem tôi xuống Quy Nhơn. Nó cho ông ấy một cây thuốc, một chai urytki và không quên nói nhỏ vào tai ông khi nào khoẻ nó sẽ đưa ông xuống bar nó uống rượu. Lần đầu tiên được ngồi trên xe Huê kỳ chạy vù vù tôi thấy mình bỗng dưng khác lạ. Cứ như được thay hình đổi dạng trong chớp mắt. Những căn lều xập xệ của dân di tản cứ lùi xa rồi mất hút. Những tháng năm khổ cực của tôi cũng đang trôi theo. Tôi nhẹ người khi thoát khỏi cái cảnh ngày nào cũng thấy bao nhiêu người sống trong sợ hãi tuyệt vọng. Tôi hỏi nó: Mày đem tao xuống để làm việc gì? Nó cười: Còn làm việc gì nữa! Tao nói thật mày đừng giận nghe. Không biết có phải vì mày bú sữa chó hay sao mà tao thấy mày rất

thật thà. Phải nói là rất trung thành. Mày sẽ giúp tao giữ tiệm, chỉ có vậy thôi! Nghe nó nói tôi cảm thấy thật là buồn. Nhưng cái thân phận của tôi đã buộc chặt vào với loài chó thì còn biết nói gì hơn!

Cái bar của nó nằm giữa một con phố chính. Mặt trước trang trí như một cái cửa động. Nghĩa là không vuông vức mà nhiều góc cạnh lồi lõm. Bên trong, trần nhà biến thành vòm động với những miếng cạt tông làm cho méo mó đi để giả đá. Dấu kín trong các hốc là những ngọn đèn mờ xanh đỏ. Nó bảo tụi Mỹ thích cái vẻ âm u như vậy. Theo lời nó thì cái bar Lucky là đẹp nhất thành phố. Phải mời kỹ sư và họa sĩ ở tận Sài Gòn ra làm cả tháng mới xong.

Khi tôi bước vào thì bar chưa có khách. Một vài cô ả mắt xanh môi đỏ như các hình nhân của ông phó Ba đang ngồi dĩa móng chân. Mụ nhân ngãi của nó già đến nỗi tưởng chừng hai người là mẹ con. Sau này tôi biết được mụ đã từng là chủ chứa ở Bà Hom bà Quẹo gì đó. Mụ đã khoe với đàn em rằng, có lần thiếu gái, chính mụ đã tiếp cả một trung đội lính lê dương. Trước mặt mọi người mụ vẫn má má, con con với thằng Hậu, nhưng khi trong bar chỉ có hai người thì mụ vút cổ nó xuống hôn lấy hôn để. Thằng tình nhân bắt đất dĩ phải cố hết sức bình sinh mới thoát khỏi hai cánh tay núc ních của mụ. Khi tôi hỏi kiếm đâu ra con mụ quý quái như thế thì nó bảo, làm cái nghề này mà không có mấy con mụ đó thì mấy ả ranh kia ai trị cho nổi.

Lúc đầu mụ nhân ngãi và mấy ả cave chẳng ai thèm ngó ngang gì đến tôi. Khi thì thêm nước đá, khi thêm rượu, khi thêm một cái Sài Gòn tea, tôi lần quần trong bar như một anh bồi già. Chỉ đến khi thằng Hậu bảo tôi là em họ chưa vợ thì mụ điếm già kia mới chu miệng liếc xéo tôi và các ả thì kêu anh Ba, anh Ba để thương quá hén.

Suốt ngày mụ con con má má ngọt xót với mấy ả. Mụ khen ả này sửa cái mũi quá đẹp, ả kia bươm ngực coi đã con mắt quá. Mụ chê ả nọ quá kẹo không chịu mua váy mới. Mụ ôm hôn các ả bảo ráng đi con, bữa nay đầu tháng ráng moi cho được nhiều đồ. Nhưng các con chó dại đổi hết tiền của má. Má mà biết được thì các con sống không nổi với má đâu. Còn các ả thì bá vai choàng cổ rồi sà vào lòng mấy thằng Mỹ mặt non choẹt hay già khú kêu 'ai lấp diu'. Có đến hơn hai chục ả làm cái nghề chẳng tốn một giọt mồ hôi nào. ả nào cũng đẹp, cũng xéch xy. Tụi mỹ cao to ôm các ả vào lòng như ta ôm một con chó Nhựt hay một con mèo.

Tụi Mỹ, nếu dưới cái nhìn của các ông già ở làng An Định thì trên đời này không có ai ngu bằng. Ai đòi một ly trà nguội ngắt mà phải trả đến 70 đồng, tức là cả chục giá lúa. Mà đâu phải một hai ly gì cho cam. Những ngày đầu tháng có đưa trả đến mấy trăm ly. Thực ra ly trà vàng vàng giống màu rượu ứt ky pha coca, gọi là Sài Gòn tea, thằng Mỹ biết là láo quá đi chứ nhưng nó vẫn vui vẻ trả tiền vì nếu không thì chẳng có ả nào chịu ngồi với nó. Và muốn được ngồi lâu, được kẻ môi áp má thì phải chi từ vài chục đến cả trăm tích kê. Đôi khi gặp ả có bùa ngãi là có bao nhiêu đồ trong túi đều móc ra hết. Ly trà nhạt thêch lúc ấy lên đến cả ngàn đô. Bảo sao các ả không chịu làm nghề gì khác ngoài nghề bán bar và chủ ăn chia đến những bốn phần bảo sao thằng Hậu không giàu!

Nhưng bar không phải là nhà thổ và tụi Mỹ đến đây cũng không như đến nhà thổ. Chúng đến bar để được nói dù các ả không hiểu hay hiểu rất ít, để được khóc vì nhớ mẹ, nhớ cha, để được vuốt ve đôi chút vì nhớ vợ con hay nhớ người yêu. Mặc dù trong bar nhạc lúc nào cũng xập xình và ca sĩ thường kêu *dé dé* như bị ai bóp cổ, nhưng rất ít khi tụi Mỹ hò hét nhảy nhót. Nếu có đưa nào say sưa đập phá là tụi MP tóm về trại ngay. Bọn chúng sợ MP còn hơn dân mình sợ cảnh sát.

Sau những ngày lợi sinh, những cuộc hành quân, hay những trận càn bị phục kích đưa nào sống sót trở về mà không rúc vào bar. Những lúc ấy trông chúng thật tội nghiệp. Chúng để mặc cho các ả xoa đầu xoa cổ, bẹo tai bẹo mũi. Chúng gục đầu vào lòng các ả khóc rầm rứt như một đứa trẻ lên năm. Đối với chúng giờ đây, một nơi cách xa đến nửa vòng trái đất, các ả là quê nhà, là mẹ, là vợ, là người yêu! Và lúc đó mụ nhân ngãi già của thằng Hậu cũng bước ra khỏi quầy kẹp một gã sồn sồn nào đó mà dỗ dành. Cái tài nựng nịu của mụ thì khỏi phải chê. Mụ kéo cái đầu hói của gã áp sát vào hai cái bầu ngực khổng lồ của mụ, xòe hai cánh tay to bệu ra ôm gã như muốn nâng lên, rồi mụ đưa năm móng tay chuốt nhọn ra cào trên lưng trên

cổ, thỉnh thoảng ngửa mặt gã ra hun đánh *chyt* một cái. Như thế, thằng Mỹ to như con bò mộng làm gì mà chẳng mê toi. Nó cứ tưởng là đang ở trong vòng tay của vợ mình. Cũng không hẳn chỉ có những gã già nua cục mịch là mê mẩn mụ. Khi các ả đã có đủ cặp thì một thằng mặt búng ra sữa không tìm được ai cũng sẵn sàng để mụ ôm vào lòng và tưởng mụ là người tình bé bỏng ở quê nhà.

Các ả cùng làm một nghề mà cả nước ai cũng chê, cùng ăn uống ngủ nghề với nhau, lẽ ra phải thương nhau như chị em, nhưng thực ra là châm chọc và tranh giành nhau một cách ngấm ngầm. Đương nhiên làm nghề này là phải đẹp. Nhưng đẹp vẫn chưa đủ. Phải biết cách moi tiền, phải làm cho thằng Mỹ trút hết cả ví mà vẫn vui vẻ. Cái bí quyết ấy các ả đều biết là nhờ ngải. Có ngải dù xấu cũng thành đẹp. Ngải làm cho thằng Mỹ đút tiền vào ngực của ả mà như gửi tiền vào nhà băng để lấy lãi. Ngải tinh tường ở chỗ là biết rõ đũa nào có nhiều tiền. Một bọn ba bốn đũa cùng vào bar, cả đám cùng ủa đến níu kéo, nếu ả nào có ngải linh thì chọn được một thằng nhiều tiền nhất, sẵn sàng xé cả chực cái tích kê một lần. Còn ả nào không có hay ngải hết linh thì dù có đẹp như hoa hậu, xéch xy như nữ tài tử xi nê cũng chẳng có đũa nào chịu xé cho cái tích kê nào, có khi nó uống quít phải bỏ tiền túi ra đền, nếu không con mụ chửi như tát nước vào mặt

Xem ra các ả cũng chẳng sung sướng gì mấy. Ngoài tiền chuộc ngải, tiền kiếm bùa Miên, các ả còn phải nuôi cha mẹ, anh em chạy loạn, phải nuôi chồng hờ là bọn macô. Ít lâu sau hết thời đành kiếm một thằng Mỹ già nào đó làm chồng. Khi về nước nó lại sang tay cho đũa khác.

Các chủ bar thì chỉ muốn cái con bò sữa là lính Mỹ ấy là của riêng mình. Bọn họ chơi nhau đủ kiểu. Mà cái đòn phép tàn độc nhất là yểm bùa. Một buổi sáng, thằng Hậu và con mụ cho bồi lục tung hết cả bàn ghế, cứ tưởng là tìm cờ xí truyền đơn của Việt cộng. Hai đũa xem xét từng cây đinh đóng vào ghế, từng mảnh giấy nhỏ, từng cái bóng đèn con. Một hồi chúng tìm được một mảnh giấy vẽ ngoằn ngoèo những hình vẽ trông như những con trùn đỏ, những mũi tên dẫu dưới bàn thờ ông địa. Đúng là bị yểm bùa rồi! Hèn nào đang nướm nướp khách bỗng trở nên vắng hẳn, trong khi các bar bên cạnh Mỹ đen Mỹ trắng cứ kìn kìn chui vào. Mụ nắm chặt mảnh giấy nghiến răng thề sẽ trừ yểm lại cho tàn mạt, cho lụn bại phải cuốn xéo đi.

Mụ đe nẹt các ả, đòi kêu lính bắt hết bọn bồi. Mụ rít lên: con nào, thằng nào đem bùa bỏ vào nhà tao, nói mau? đồ bạc ác, ăn cây nào rào cây nấy chớ. Sao tiền Mèo tiền đô biết kiếm ở đây mà nghe lời của bọn rắn độc yểm bùa để cùng chết đói nhân rằng ra à? Những cuộc chiến khi dữ dội, khi ngấm ngầm làm cho các bar thù nhau như quốc gia thù cộng sản!

Bên cạnh bar Lucky có một căn phố dành riêng cho các ả. Tại đây, các ả ngủ nghề tắm tấp... các ả làm đủ trò nhưng không được đất Mỹ về. ả nào muốn đi đêm thì cứ việc tới khách sạn. Thường thì cửa đóng suốt. Các ả ngủ đến tận trưa, khi bọn đầu bếp đem cơm đến mới chịu mở cửa. Gần như suốt cả buổi chiều các ả đến tiệm làm tóc để thợ chải cho tóc dựng lên, phun keo cho bết lại, rồi mang cả cái đầu cao vòng như nồi cơm điện đi tới bar.

Có lần thằng Hậu bảo tôi qua đó lôi mấy ả dậy để khai báo gì đó với cảnh sát. Một cảnh tượng chẳng đẹp chút nào so với vẻ kهنệ như một bà hoàng khi các ả đến bar. Quần áo chần màn, đồ lót vứt tứ tung. Các ả gần như trần truồng nằm ngủ mê mết. Tráng lôm lóp cứ như mấy con heo cạo lông chờ mổ bụng. Các ả không thèm mặc cỡ khi thấy tôi, cứ nằm ườn ra đó nói dấm dản: Về đi, muốn khai gì qua đây khai. Có tí tẹo chứ nhiều nhỡ gì mà bắt khai hoài. Cả bọn cùng cười hăng hắc.

Nhưng một lúc sau các ả ăn mặc tươm tất, ké né đi qua như những gái nhà lành. Một điều dạ hai điều thưa cứ như nói với bố chồng. Ai cũng biết rõ là các ả sợ cái mũ Việt cộng chụp lên đầu! Việt cộng thì không chịu làm cái nghề này nhưng rất biết lợi dụng các ả. Khi thì một lá cờ xanh đỏ, khi thì trái lựu đạn, nếu không bị nổ tung thì bar cũng bị đóng cửa, chủ bị bắt, thế là cơ nghiệp tan tành. Cho nên tuy tiền vào như nước nhưng thằng Hậu lúc nào như cũng đang ngồi trên thùng thuốc nổ. Phải nhờ đến an ninh quân đội, cảnh sát chìm mới đủ sức

thanh lọc được Việt cộng trà trộn.

Người làng An Định nghe thằng Hậu làm chủ bar cứ tưởng nó ngủ à này đến hết à khác, không thua gì hoàng đế Bảo Đại. Nhưng nó bảo chuyện làm ăn mà bậy bạ như thế thì có nước đẹp tiệm. Ngoài mục đích già đôi lúc nhớ lại thời oanh liệt chọc phá nó chút đỉnh cho đỡ buồn, bọn cave chẳng đưa nào dám giỡn mặt. Cũng chẳng có đưa nào dám âm mưu giựt nó làm chồng. Có mà đi đời nhà ma với con mục ấy. Nhưng với tôi thì nhiều ả sấn tới. Các ả thích cái vẻ nhà quê khờ khạo, thà cặp bồ với tôi còn hơn mấy gã ma cô lúc nào cũng vùi tiền, không có nó đánh cho sưng mặt.

Thế rồi thằng Hậu nói sao đó mà cả tiệm coi tôi như của lạ. Mục đích già cứ liếc xéo về phía tôi cười tủm tỉm. Các ả cũng ý tứ nheo mắt hòa theo. Làm như cái mũi của tôi bỗng dưng dài ra!

Mục nhân ngãi của thằng Hậu một hôm đến sớm. Lúc ấy khoảng 8 giờ. Tôi vừa ăn sáng xong chưa kịp dọn dẹp. Mục đi lên đi xuống như đang tìm bùa yểm. Buổi sáng chưa mở máy lạnh nên không khí trong bar rất nóng. Mục đi vào nhà tắm mở nước nghe rào rào. Tôi đang loay hoay với mấy cái chén đĩa thì nghe mục gọi: “Được ơi! Tìm cho má cái khăn!” tôi hỏi khăn nào thì mục nói khăn nào cũng được. Tôi đem một cái khăn Mỹ đang treo trên dây cho mục. Mục hé cửa chìa tay ra. Nhưng thay vì cầm lấy khăn thì mục chụp lấy cổ tay tôi lôi vào. Như một con mãng xà kéo con mồi vào hang.

Tôi chưa kịp chống đỡ thì mục đã vật tôi nằm xuống sàn gạch. Hai cái vú to bè như hai cái bao cát chống đạn đè xuống ngực tôi. Cái màu trắng lôm lốp như tôi thấy hôm nào, giờ lại trắng hơn nhưng bình bịch cùng với mùi nước hoa gắt gắt chua chua làm cho tôi vừa ngộp thở vừa buồn nôn. Với tất cả đòn phép lão luyện trong nghề mục đã làm được cái điều mục muốn làm. Như cái lần bị bắt lên quận, nỗi sợ hãi đã làm cho tôi phọt ra nhanh chóng khiến mục chửng hứng. Mục đẩy tôi qua một bên cầm vòi nước xả tồ tồ. Trước khi ra ngoài, mục nói: “Lần đầu hả? Mới bóc tem hèn gì! Thôi để bữa khác má đền cho!”

Trời ạ! Nghe “má đền cho!” tôi sợ còn hơn bị bắt lại vào tù. Cái cảm giác như bị mộc đề khiến tôi kinh hoàng, chắc cũng giống các cô gái bị Tây hãm hiếp. Từ đó, tôi thấy những ngày trong bar sao mà nhộp nhợ hạ tiện. Dù sao tôi cũng là một thằng đàn ông, chẳng lẽ cứ để một mục đích già kẹp vào nách! Tôi không nói những điều suy nghĩ của tôi cho thằng Hậu. Tôi chỉ nói, tao không ghét gì mày nhưng tao muốn đi khỏi nơi đây. Nó cười bảo: Trông cái mặt hí hửng của con mục là tao biết đã có gì rồi. Con trai mà sợ gì. Nhưng mày không muốn ở nữa thì cũng được. Có điều, tuổi của mày là tuổi quân dịch. Mày đi đâu mà không bị tóm. Bây giờ thiếu cần thiếu ký, đuôi què mẽ sứt gì cũng tóm hết. Thà đăng lính. Để tao coi. Rồi sẽ tìm một chỗ lẫn quần đầu đây. Bây giờ mà ra chiến trường là toi mạng!

Một tuần sau, nó đem một thằng Mỹ đến gặp tôi. Nó nói xì xồ vừa bằng miệng vừa bằng tay. Thằng Mỹ kêu *Dét, Dét!* rồi vỗ vai tôi nói *Ô kê!* Thằng Mỹ đi rồi, nó nói với tôi: Mày sẽ làm lính chó, tức là quân khuyến. Mà quân khuyến của Mỹ nghe. Nó *ô kê* rồi. Thứ hai đây trình diện.

Tôi cũng *ô kê*. Làm lính chó cũng được, đâu có sao! Chó với tôi từ lâu đã là bè bạn mà!

14.

Trại biệt kích Mỹ nằm sát biển. Bốn bề từng từng dây kẽm gai. Bốn cái tháp canh ban đêm có đèn pha tự động quay bốn hướng. Mỹ không xây lô cốt bằng bê tông kiên cố như Pháp. Nó dùng bao đựng cát làm tường. Đạn bắn bao nhiêu cứ việc găm vào. Đánh giặc như Mỹ thật là sang. Từ tôn ván, từ búa kiềm, từ thùng đựng nước đá cho đến cả tấm xia răng, giấy chùi dĩa cũng đem qua từ Mỹ. Tại Việt Nam nó chỉ mua có mỗi đá cây để xếp trong lô cốt cho đỡ nóng. Và đương nhiên là cần những ả bán bar, không có các ả chắc là chúng đã đòi về hết.

Tuy là trại biệt kích Mỹ nhưng lính Mỹ ít hơn Việt. Mà Việt chính gốc cũng ít hơn Nùng. Sậm đen, to cao, cỡ như bọn tôi chúng vật như nai. Biệt đội quân khuyến chừng hai chục người và mười con chó. Đây là những con chó đặc chủng. Có tên chó cha, chó mẹ, có ngày

sinh tháng đẻ, có tên trường lớp và tên thầy. Rồi ngày chó vào lính, đơn vị, chiến công, quân hàm. Có con mang lon đại úy.

Tôi không phải như mấy đứa trong làng đi lính cọng hoà. Khởi phải tập dậm ghe, tập chạy tập bò. Chỉ tập tháo ráp và tập bắn. Nhưng chúng tôi cực hơn vì phải chịu trận với chó. Đây là những ngày mà nhiều đứa phải bỏ cuộc vì bị tra tấn bởi những hàm răng sắc nhọn, những cái tát như hàm cá mập, những cú lao vào như cả một khúc gỗ từ trên dốc lao xuống.

Để tránh thương tích, chúng tôi được trang bị nào găng da, nào áo giáp. Hai tay và chân được nịt chặt như những đòn bánh tét. Và với thân mình được gói kín như thế, bài tập đầu tiên là giả làm Việt cộng để cho những con chó cao to và hung hãn như những con sư tử tát vào tay, đớp vào chân, tọng vào ngực. Khi bọn tôi ngã nhào xuống đất, chúng lập tức cắn vào quần áo lôi đi. Cái hay là chúng không cắn vào cổ, nếu không chúng tôi đã tiêu ma từ lâu rồi. Sau những bài tập như thế, chúng tôi ê ẩm cả người. Đứa nào cũng nằm vật ra thở dốc. Chẳng đứa nào đứng dậy nổi để mang khay đi nhận phần ăn.

Bài tập thứ hai đỡ hơn. Không phải giả VC cho nó cắn mà tập cầm dây da chạy theo nó để tìm V.C. Sức nó chạy như ngựa, chạy theo không kịp nó lôi ngã như voi kéo gỗ. Sau buổi tập, mặt mũi chân tay đứa nào cũng trắng trợn đầy đất cát. Có đứa ngã gãy răng.

Sau cùng là học chăm sóc. Thực ra là học hầu hạ nó! Học tắm táp, học chải lông. Học lo cho nó ngủ, học dẫn đi chơi, ngay cả cách dẫn nó đi ỉa cũng phải học. Nhưng bài học quan trọng nhất là phải học cách bảo vệ nó khi Việt cộng liều mạng tấn công như ném lựu đạn hay ôm cả mình lao vào.

Có lẽ nhờ cái dòng sữa chó đã chảy sẵn trong tôi, nên dù với chó Tây tôi cũng không sợ vãi đáí ra. Tôi thấy thích những con chó Tây hơn chó ta vì nó đẹp, thông minh và rất có kỷ luật. Mặc dù tôi rất nhỏ con và không biết tiếng Mỹ, tôi cũng làm quen được với nó khá dễ dàng. Có lẽ tại tôi yêu nó nên nó cũng yêu lại tôi. Một khi đã thân quen, tôi và nó rất hiểu ý nhau. Tôi thường nhìn vào mắt nó và nó cũng nhìn thẳng vào mắt tôi. Nếu tôi khẽ liếc về bên phải là nó chạy ngay về bên phải, liếc trái là chạy về trái. Nếu nó làm gì quá quắt, tôi chỉ cần lắc đầu là nó xitốp ngay.

Bọn Mỹ không ngờ tôi làm chủ bọn chó nhanh như vậy. Sau khi đã tách qua tách lại nhiều lần, bọn chúng khen tôi là năm bờ oan và giao cho tôi chăm sóc con Giêm. Đó là một con chó Đức thuần chủng từ bao nhiêu đời. Trong huyết quản không có một tí tẹo nào chó Anh hay chó Pháp. Con Giêm cao to như một con bò nghé, nhưng nó mạnh mẽ và săn chắc hơn. Cái ngực của nó như đá tảng, bốn chân thon đẹp như chân hươu. Nói đến chiến công của nó thì cũng phải hết cả trang giấy này. Chỉ biết là nó có hàng chục cái huy chương và nó đang mang cấp bậc đại úy, còn tôi chỉ là binh nhì!

Công việc của bọn tôi cứ đều đều nếu không phải ra trận. Sáng đem nó đi ỉa đáí, tập thể dục, ăn sáng bằng thức ăn đóng hộp gọi là đót min (mà nhiều đứa bên biệt kích tưởng là thịt chó đóng hộp). Trưa ăn thịt bò Mỹ tươi và có cả đồ tráng miệng. Xong, đi ngủ. Có cả nhạc cho để ngủ! Con nào không chịu ngủ thì có xương nilon gặm cho đỡ buồn. Chiều dắt đi dạo như một nhà quý tộc. Rồi tắm táp chải chuốt chờ bữa tối. Trước khi đi ngủ còn xem phim hoạt hình! Đòi chó mà như thế thì đời người cũng ít ai bằng! Kể hầu hạ trung thành và tận tụy là bọn quân khuyển chúng tôi. Nếu không có cuộc chiến tranh dai nhách chết tiệt này, nếu không bị ruồng bỏ như bắt chó thì chẳng đứa nào chịu làm cái nghề không chút vẻ vang này cho dù là lãnh tiền đồ.

Nhưng dù có giàu sang và yêu chó như nước Mỹ thì cũng chẳng ai chịu bỏ công, bỏ của ra để huấn luyện những con chó khơi khơi như thế, nếu nó không có một cái mũi biết đánh hơi cọng sản. Trong những trận càn, khi lực lượng của địch bị quét sạch trên mặt đất, người ta đem chó tới để theo cái mũi của chúng mà dò tìm những địa đạo, những hầm bí mật. Chẳng có ai biết được dưới những luống khoai bụi chuối hay ao hồ sông suối có những kẻ đang dấu mặt như con sâu rút mình trong cái kén để chờ cơ hội phản công. Cũng chẳng ai ngờ được rằng

dưới chân mình đang đứng, dưới chỗ mình đang ngồi hay dưới cái ang nước cũ kỹ với cái gáo dừa úp hờ kia là cả một căn hầm nuôi giấu cán bộ cốt cán. Chỉ có chó với cái mũi trời cho tinh nhạy hơn cả radar là biết được ngay chỗ nào có kẻ địch đang lẫn trốn. Dù nguy trang khéo léo đến đâu chó cũng tìm ra được. Nguy trang chỉ có thể qua được mắt người chứ không thể qua được mũi chó, nhất là cái mũi ấy được đào tạo qua trường lớp và được thử thách qua nhiều trận chiến. Vì vậy, Việt cộng rất ghét bọn quân khuyển chúng tôi. Từ xa, chúng tôi đã bị bắn nheo cu. Đến gần chúng tôi bị ném lựu đạn, bị nổ tung vì bom cảm tử. Chó thì có hàm răng vô địch, bộ binh có carbin, còn chúng tôi chẳng có gì để tự vệ ngoài một sợi dây da buộc vào cổ chó!

Sau bao nhiêu cuộc chỉnh lý và đảo chánh, Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ kết hợp thành một liên danh đặc cử Tổng thống và phó Tổng thống. Báo chí gọi đây là một cuộc hôn nhân chính trị. Vì “*cường hôn*” nên cơm không lành canh không ngọt là chuyện đương nhiên. Dù vậy, dưới sức ép của viện trợ Mỹ, hai người cũng mạnh tay hơn với cộng sản. Khắp bốn vùng chiến thuật nổ ra những cuộc hành quân liên miền để tái chiếm những vùng đã bị mất. Những toán biệt kích được thả dù xuống miền Bắc để đánh thẳng vào hậu phương địch. Bọn họ được huấn luyện đặc biệt. Trước tiên phải là người gốc Bắc. Bọn họ phải học làm việc, học đi đứng nói năng y như người miền Bắc. Ngoài ra họ còn phải học cách sống một mình trong rừng sâu khi bị lạc. Sau khi thuần thục họ được thả phía sau lưng địch để phá cầu đường, kho đạn, tàu thuyền. Mỗi lần đi gọi là nháy sô coi như không có ngày về nên họ được lãnh tiền tử rất lớn. Vì vậy, nếu anh nào bỏ xác ngoài đó thì thôi, anh nào trở về coi như được sống lại. Rừng rậm trong túi nhiều tiền, họ ăn chơi cho bố những ngày phải đối mặt với cái chết. Gái giếc là chuyện thường tình. Họ còn chơi cả thuốc phiện trắng. Tôi có quen một tay người Nùng. Anh ta lấy bột thuốc ra rồi đổ cái thứ bột chết người ấy vào xe đầu lại. Anh ta cho tôi một điếu hút thử. Tôi chẳng thấy Tiên Phật nào cả, chỉ thấy ngậy ngậy đại đại, cả đêm cứ tưởng đã ngủ rồi mà thật ra là thức trắng. Sau đó ít lâu, anh ta chết vì bị mục xương chứ không phải vì nhảy sô.

Những cuộc bình định tái chiếm nông thôn đã kéo theo bước chân của bọn tôi. Những thôn làng không người ở xác xơ, những ngôi nhà bị đốt cháy, những cánh đồng cỏ dại cao lút đầu. Cứ tưởng là những vùng đất chết. Nhưng dưới cái cây kia là một họng súng đang hướng cái đầu ruồi về phía bọn tôi. Con đường đất buồn bã đầy rác rơm cũng đang dấu kín những hầm chông. Và ở đâu đó trong lùm tre, những đôi mắt chỉ huy của cán bộ vẫn không ngừng quan sát. Nhưng cái mùi hơi người mà chúng tôi chẳng nhận được gì thì lũ chó đã đánh hơi như khi bụng đói mà ta nghe mùi chiên xào! Thế là *hộc hộc*, vừa sủa chúng vừa lao tới, chúng tôi cũng phải lao theo. Cái mũi chúng như một máy dò mìn, rà rà hết bờ cây này, bụi cỏ nọ, sau cùng là rít lên báo hiệu cái nơi cần phải tìm. Miệng hầm chẳng khó khăn gì đã được tìm ra. Những con người xanh xao lổp ngổp bò lên. Nếu không chịu lên thì lựu đạn cay thả xuống, và nếu chống trả thì hàng chục trái lựu đạn ném xuống không thương tiếc!

Có một lần chúng tôi bị đánh liều mạng. Bắt được hơi người, con Giêm quá hăng lao tới. Bất ngờ mảng cỏ được nâng lên và một trái lựu đạn ném thẳng vào trước mũi nó. Tôi vội đá trái lựu đạn văng ra xa và nằm đè lên mình nó. Cả hai thoát chết trong gang tấc. Tôi bị thương nhẹ ở vai, nhưng con chó không hề hấn gì. Lần đó tôi được bọn Mỹ thưởng cho một món tiền. Không ngờ câu chuyện đó đến tai thằng Mậu, con ông tổng Bá. Nó đến trại tìm thăm tôi. Nó cứ tưởng tôi không biết hai anh em nó đã trùm mền đánh tôi một trận tơi bời. Nó nói: “Tao tưởng con mụ Thánh và lão Khứ nhồi nhét mỳ thành một thằng cộng sản như thằng thủ ngữ Đực rồi chớ. Không ngờ mỳ cũng ngon lắm. Thế nào Việt cộng nó cũng treo giải cho ai lấy đầu mỳ. Nó đã treo giải đầu tao rồi đó. Đầu tao nó treo là phải. Nè, mỳ coi đây! “. Rồi nó lấy trong bọc ra khoe với tôi mười mấy cái tai cắt được của cộng sản. Những cái tai khô quéo quắt như nắm tai mèo với những sợi lông trắng trông rất dễ sợ. Nó đưa cho tôi cầm nhưng tôi rút tay lại. Nó cười: “ Mỳ sợ à? Tao thề trước mộ ông tao là phải cắt đủ 100 cái, tức là phải giết đủ 100 thằng. Chừng đó tao sẽ đem đốt trước mộ ông tao như ngày xưa người ta cắt đầu kẻ thù để tế

cho người chết. Mày tin tao làm được chứ? Chiến tranh còn dài quá mà!”

Sau đó ít lâu tôi nghe nó bị Việt cộng bắt được trong một lần phục kích. Nó bị mổ bụng moi gan và cái gan ấy bị cắt nhỏ đúng 100 miếng. Không biết để ăn cho hả giận hay để tế cho những người đã bị nó cắt tai. Cứ cái kiểu trả thù như thế, rồi con nó lớn lên sẽ trả thù cho cha nó như thế nào? Nghĩ tới mà rùng mình!

Cứ tưởng những cuộc bình định đã đẩy dần cộng sản về tận núi rừng. Không ngờ họ lạng lẽ xâm nhập thành phố. Tết Mậu Thân, như thường lệ hai bên ngưng chiến để đồng bào ăn Tết. Phố xá chật kín người. Người ta tạm quên chiến tranh để chúc mừng nhau đã sống thêm được một tuổi. Đêm giao thừa pháo nổ không ngừng. Càng chết chóc, càng lo sợ người ta càng đốt pháo. Lẫn trong tiếng pháo là tiếng súng của những người lính xa nhà. Đạn bắn chỉ thiên vẽ những đường lửa đỏ trên nền trời đêm. Ai cũng muốn xua đi cái năm cũ đầy máu lửa để đón một năm mới may ra có được hòa bình.

Quá nửa đêm tiếng pháo thưa dần nhưng tiếng súng lại vang lên dồn dập. Những người lính có chút hơi men cộng với nỗi buồn càng bắn dữ hơn. Nhưng lẫn trong tiếng tạch tạch có cả tiếng nổ của B.40 và tiếng A.K đánh gọn. Nhiều người đang ngờ ngác hỏi nhau thì có tiếng máy bay *u u* trên cao và những trái hoả châu sáng rực cả thành phố.

Đến lúc này ai cũng biết là bị Việt cộng tấn công. Họ đánh vào tiểu khu, vào toà tỉnh trưởng và đài phát thanh. Té ra họ cạo trọc đầu giả nhà sư, mặc quần áo đẹp giả trai gái đi hái lộc. Họ dấu súng trong áo cà sa, dấu cò và truyền đơn trong áo dài. Họ đã làm được cái điều rất khó làm trong binh pháp là gây bất ngờ.

Lúc đầu quân cộng hoà bị choáng. Nhưng sáng ra các đơn vị liên lạc được và yểm trợ lẫn nhau, bắt đầu phản công. Chỉ trong một ngày là cộng sản bị đánh bật ra ngoài. Họ cố rút đi trong đêm, nhưng một số bị kẹt lại do không rành đường. Họ đành chui rúc trong các ống cống, các mương nước thối chờ đêm tối thoát ra. Phần nhiều họ đã chết vì bị thương mất nhiều máu. Lúc này lũ chó của cả trại được tung ra và chúng cắn áo kéo họ ra như những con mèo tha chuột. Người nào cũng cởi trần chỉ mặc một cái quần đùi, ngang hông lưng lửng một cục còm vắt.

Kinh ngạc làm sao, trong số ấy có xác của ông Khứ. Ông ta bị thương nằm kẹt giữa hai bức vách của hai căn nhà nằm sát một con mương. Ông cố trườn ra mép nước, gục đầu xuống uống một hơi rồi chết. Tôi làm sao quên được ông với cái mũi khoằm và cái miệng dẩu. Mái tóc lúc nào cũng cắt xiên qua bên phải như vừa bị ai lấy dao cạo ra chặt. Ông ta trắng hơn, mập hơn, nằm đó với cục còm vắt bị thiu và cái bụng chướng lên vì uống quá nhiều nước. Vậy là sau bao nhiêu năm thét gào, hét ra Bắc lại vào Nam giờ bị kéo ra công viên để cho mọi người nói cười chỉ trở. Thật chẳng ra làm sao!

Việt cộng không chỉ tấn công thành phố Quy Nhơn mà khắp cả nước. Báo đảng họ đánh vào cả toà đại sứ Mỹ. Tại Huế họ cố thủ đến những cả tháng mới chịu rút ra. Bên nào cũng hô chiến thắng, nhưng nếu tính cả hai bên trong cái Tết Mậu Thân điên cuồng ấy chắc cũng đến vài vạn người. Thật không ai hiểu được vì sao cái dân tộc này lại hận thù và giết nhau đến thế. Có người bảo do dân Hồi trú yếm. Những ngọn tháp còn đứng mãi kia như những lời nguyện.

Sau tết Mậu Thân dường như người ta nhìn vào đâu cũng thấy Cộng sản. Đây là thời cơ cho cái mũ *thân cộng* chụp lên đầu bất cứ ai nếu người ta muốn. Và thằng Hậu đã bị chụp cho một cái mũ khổng lồ là *làm kinh tài cho Việt cộng!*

Một buổi chiều trong ngày Lễ Phục sinh, cả chục cảnh sát ụp vào bar lồi nó đi trước sự ngờ ngác của các ả cave và bọn lính Mỹ. Bar Lucky bị lục lọi, bị niêm phong. Mụ nhân ngãi già của nó vợ vội ít quần áo tư trang nhét vào vali bay tuốt vào Sài Gòn chẳng bao giờ dám trở lại. Các ả cave nháo nhác cố bám vào những thằng lính Mỹ. Lúc này chỉ mong được nó nhận làm vợ hờ để khỏi bị vạ lây. Bọn Mỹ khi hiểu ra có đưa khoái chí hét lên: *Ai lấp V.C Hậu!*

Như thế là cơ nghiệp của nó cũng đã tan tành! Nó đã khôn hơn các ông tổng Bá, ông hương kiểm khi nó bỏ làng mà đi. Nhưng nó không đủ khôn lanh để bỏ cái miền đất mà một

đứa bé mới sinh ra cũng bị kết tội là cọng sản như cái ở cái vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú này. Nếu nó ở Nha Trang hay Sài Gòn, chưa để ai chụp được lên đầu nó cái gì. Đã vậy nó lại còn mua cả mấy xe gạo, vải vóc thuốc men lên phát cho dân nên dễ bị nghi ngờ là tiếp tế cho cọng sản. Nó cũng tưởng quen biết nhiều, gái trong bar toàn là gái tuyến, chẳng mấy chốc nó sẽ đánh bật hết những cái bar lép nhép kia để trở thành ông trùm của cả một con phố ăn chơi. Nó đâu biết rằng từ lâu nó đã ở trong tầm ngắm của những thế lực trùm hết cả miền Trung.

Toàn bộ tài sản của nó bị tịch biên. Nó bị quăng ra ngoài Côn đảo như một tay cọng sản thứ thiệt.

Các ông già ở làng An Định thờ dài bảo giàu sớm quá là không bền, xưa nay vẫn vậy! Nghĩ đến cách ăn ở có trước có sau của nó các ông đều cảm thấy ngậm ngùi. Lúc này có muốn gửi cho nó một hộp sữa hay một gói thuốc cũng không cách gì gửi được. Cái tin nó bị bắt làm cho tôi bàng hoàng không ngủ được đến mấy đêm. Cứ y như hồi tôi thấy ông cử Vân nằm chết trần truồng trên đất lạnh. Một đảng thì tán gia bại sản vì tư thù ganh ghét. Một đảng thì gục ngã vì hận thù giai cấp. Cả hai đối nghịch nhau, nhưng lại giống nhau vì cái mục đích triệt hạ con người.

Lúc này tôi thấy nhớ làm sao cái ngã ba Trung Lương. Cô cháu tôi đã sống những ngày thật êm đẹp. Chúng tôi đói nghèo, có bị khinh khi đôi chút, nhưng trời mây sông nước là của chúng tôi. Nhớ những tối đầy sao, những đêm trăng mát lạnh. Nhớ những lúc cô cháu xuôi thuyền trên sông. Nhớ bữa cơm cuối cùng ngồi ăn với cậu Khánh điền ở trên cầu. Tôi cũng không làm sao quên được cái chết oan ức của cô. Giờ này không biết cái mô đất bên cầu có còn không hay là đã bị nước lụt cuốn trôi.

Tôi cũng thấy nhớ chị Thảo, nhớ cái đêm mưa chị thiếp ngủ trong lòng tôi, nhớ mùi thịt da thơm ấm của chị. Tôi thường đi rảo khắp thành phố để mong được gặp chị. Biết bao người con gái hao hao giống chị đã từng làm tôi nôn nao muốn khóc. Nhưng đến gần lại không phải là chị. Bây giờ chắc là chị đã đi lấy chồng và theo chồng ở một nơi nào đó rất xa.

Chiến tranh vẫn cứ tiếp diễn và leo thang ra tận ngoài Bắc. Cuộc hoà đàm Paris suốt một năm trời mà chỉ có thoả thuận được một cái bàn hình bầu dục. Cọng sản lại pháo kích vào thành phố và cộng hoà vẫn nổi tiếp những trận càn. Đám quân khuyến đi theo sục sạo đến thờ không ra hơi.

Một ngày đầu tháng sáu, cuộc càn quét đi qua các làng An Định, Trung Lương. Mới có năm năm mà cái làng cũ đã không còn nhìn ra. Bao nhiêu nhà nếu không bị đốt thì cũng ngã nghiêng xiêu vẹo. Cỏ cây lau lách mọc đầy như rừng. Cây cầu gỗ do ông tổng Bá bỏ tiền ra bắc đã bị sập. Căn lều của cô tôi dĩ nhiên là cũng không còn. Cánh đồng cây Sanh qua bao mùa lụt cát trải rộng đến tận bờ tường chùa Thiên An. Người ta tin chẳng có hầm hố gì dưới những lớp cát ấy nên không dẫn chó qua sông. Tôi cũng không thể giao chó cho ai, nên đành đứng bên này nhìn qua. Cái mô đất chỗ cô tôi nằm hãy còn lại bên đầu cầu. Trong đám cỏ cây rậm rạp dường như có một cây khế đang ra bông. Chắc xương thịt của cô đã theo cây khế đó mà ngoi lên nhìn tôi.

Lục soát hết An Định, xuống An Dân rồi qua Trung Lương. Một ngày dài, chó và người đều mệt lã. Lúc này mà V.C tấn công chắc là bọn tôi tiêu đời. Đúng lúc ấy cái mũi của đại úy Giêm phát hiện trong bụi tre gai có hơi người. Nó giằng dây xích lao tới. Nhờ nó người ta lần ra được một ống thông hơi làm bằng gốc tre dẫu rất khéo và tìm được miệng hầm nằm dưới một lớp lá tre khô. Người ta bảo lên khỏi hầm. Nhưng chẳng ai chịu lên và người ta thả xuống một trái lựu đạn cay. Thế là trong lớp khói cay xè đến ngột thở, cả chục V.C lớp ngợp bò ra.

Thật không ngờ, cô Thành trắng bệch như con mụ nhân ngã của thằng Hậu, mặt đầy nước mắt nước mũi vẫn cố hét lên: Đả đảo đế quốc Mỹ! Và khi thấy tôi đang cố giữ không cho con chó Giêm muốn bút dây để lao tới, cô phun vào mặt tôi một bãi nước bọt, rít qua hai hàm răng: *đồ chó đẻ!* Thật khác xa với lúc cô cầm tay tôi dắt đến trước mặt ông tổng Bá để chỉ cho ông ta thấy cái tội ác bằng xương bằng thịt do ông gây ra. Và cũng chính vì cô đem tôi ra để làm nhục ông mà tội thằng Mậu, thằng Tài đã đánh tôi một trận để trả thù. Nếu còn sống và nếu

gặp cô ở đây chắc là nó không tha cái tai của cô!

Cùng với các đồng chí, cô bị đưa về tiểu khu, bị đưa qua an ninh quân đội để khai thác và sau cùng chắc chắn cô bị đưa ra Côn đảo. Ở đó cô sẽ gặp thằng Hậu đang đội cái mũ thân cọng. Chẳng lẽ hai người là đồng chí?!

Dưới sức ép của nhiều phía, cuối cùng cái hiệp định Paris cũng được bốn bên ký kết. Mỹ và Đồng minh sẽ rút nửa triệu quân ra khỏi miền Nam. Mỹ rút. Bao nhiêu súng ống đạn dược, tàu bay tàu bò, Mỹ giao hết cho Miền Nam. Nhưng với những con chó thì Mỹ đem về. Bọn lính quân khuyển chúng tôi, mười mấy đứa được đưa sang bộ binh.

Thôi nhé, vĩnh biệt đại úy Giêm! Bái bai !

15.

Tôi được đưa lên Pleiku. Thành phố nhỏ như một tổ chim. Không đường ngang phố dọc. Không nhà cửa nhiều tầng. Con phố chính không quá 100 mét. Chỉ có một vài hiệu buôn, một vài quán ăn và quán cà phê. Nhưng ngoại ô là cả một vùng đất đỏ mênh mông với những con đường vàng rực hoa quý. Những buổi sớm sương trắng bành bồng và những cô gái Thượng xinh xẻo mang gùi trên lưng đi từng hàng dài. Không bị pháo kích, không bị đặt mìn. Chỉ có cái lạnh hiu hiu và bầu trời như xuống thấp hơn ở đồng bằng. Mặc dù chiến sự đang đến hồi ác liệt nhưng nơi đây thật thanh thoát và bình yên.

Đơn vị của tôi đóng cách thành phố hơn 5 cây số. Nếu không có những bao cát, những hàng rào dây kẽm gai và nhất là không phải leo lên cái tháp canh mỗi tuần vài bận thì tôi đã tưởng mình được đi chơi sau những ngày ngột ngạt ở trong bar thằng Hậu.

Trung đội tôi có một lao công đào binh. Anh ta tên Hiễn, lớn hơn tôi vài tuổi. Anh sống lặng lẽ, ít nói, nên chẳng ai biết nhiều về anh. Chỉ biết anh đã đào ngũ đến lần thứ ba! Tha mãi không xong người ta đưa anh vào quân lao rồi đưa lên đây. Không cấp bậc, không súng, không lương. Anh phải làm những công việc nặng nhọc như tù khổ sai. Rất may, trung úy trung đội trưởng không vì thế mà hành hạ anh. Ông bảo chết nhiều quá, ai không sợ. Thỉnh thoảng ông có cho anh chút tiền tiêu vặt và chúng tôi thường san sẻ thuốc lá cho anh. Anh bị phạt một năm, chịu đựng được hơn năm tháng.

Bỗng một hôm điểm danh không có anh. Mọi người ai cũng nghĩ là anh lại trốn. Không ngờ anh treo cổ trong nhà tắm!

Cái chết của anh làm cho tôi ngẩn ngơ. Thà bị bắn gục ở ngoài mặt trận, chứ dứt đầu vào thùng lọng sao nó cay đắng quá. Đầu phải anh không muốn sống. Nhưng cái cuộc chiến tranh này nó kéo dài quá lâu. Nó cay nát biết bao phận người. Những người vô tội như cô Sáu tôi, cả những người không ai ưa như ông Khử, thằng Mậu hay ngơ ngáo như thằng thủ ngữ Đực.... Tất cả ngã xuống và rồi sẽ ngã xuống cho đến bao giờ? Cái hiệp định Paris ồn ào kia chỉ làm lợi duy nhất cho những nhà buôn sơn. Khắp nơi người ta đua nhau vẽ cờ trên mái nhà, trên các bức tường mặt phố. Người ta chuẩn bị một cuộc giành dân lấn đất. Chỉ có vậy thôi. Đã ai nhường nhịn ai đâu. Cái bào thai hoà bình chắc cũng phải đẻ non thôi, làm sao mà sống được!

Ngoài cổng lúc ấy lao nhao có người đàn bà hỏi thăm ai đó. Ai cũng tưởng là vợ anh ta đến tìm. Sao mà anh ta linh thiêng đến thế! Biết ăn nói làm sao với người đàn bà tội nghiệp này! Tôi định đi ra gặp chị, nếu cần san sẻ một ít tiền dành dụm để giúp chị. Nhưng không phải là vợ anh ta. Tôi quay vào, bỗng nghe kêu giật ngược :

- Được ơi, phải em Được đó không?

Tôi sửng sờ quay lại. Thì ra chị Thảo. Tôi cũng kêu lên:

- Dạ, chính em là Được đây.

Nếu không có nhiều người chắc là tôi đã chạy ra ôm chầm lấy chị.

- Thực không ngờ là em ở đây!

- Em cũng không ngờ là được gặp chị. Em trai của chị ở đơn vị nào?

- Pháo binh, ở đâu dưới Pleiku.

Tôi xin phép trung úy đưa chị đi. Chúng tôi tìm đến đơn vị cậu ta thì được biết pháo đội đã được điều đi nơi khác. Ngày mai chị mới đến chỗ của cậu em. Chị đành phải nghỉ lại ở Pleiku.

Tôi đưa chị loanh quanh đi dạo phố. Chị nói, con phố gì mà nhỏ quá. Cứ như đi dạo ở làng An Định. Chị hỏi thăm tôi cái làng quê bé xíu mà chị đã từng sống ở đó đến hơn chín năm. Cái cầu tre mỏng mảnh gần trường học mà chúng tôi thường run rẩy bỏ qua, cái lớp học đầy cóc nhái và rần rít giữa những hàng tre. Và những con người đã từng cay nghiệt hành hạ nhau ở làng An Định. Những ông tổng Bá, ông Khứ, cô Thánh... Khi biết những người một thời rất đáng sợ với trẻ con ấy, kẻ đã chết, người bị bắt...chị thờ dãi nói:

- Thật tội nghiệp! Chẳng biết sao họ thù nhau đến thế? Rồi họ được gì? Cho đến giờ chị vẫn còn run khi nhớ lại tiếng nói the thé của cô Thành!

Con phố không đủ dài cho những hồi ức của chúng tôi. Đi mãi cũng chán, chúng tôi ghé vào quán ăn uống qua loa, rồi đi tìm nhà nghỉ. Đó là một khách sạn nhỏ ở một con phố cũng nhỏ chỉ vừa đúng năm căn nhà. Chủ là một người đàn bà kiêm luôn bồi phòng. Bà không hỏi nói gì chỉ lặng lẽ đưa cho tôi một chìa khoá, chỉ tay lên gác. Tôi đưa hai ngón tay. Bà hơi nghi ngờ nhưng cũng đưa thêm một chiếc nữa.

Nhận phòng xong chị đi tắm. Tôi ngồi hút thuốc ở ban công. Mới hơn 8 giờ tối mà phố xá đã im lìm. Một vài chiếc xe jeep chạy vụt qua. Đâu đây tiếng máy điện nổ rì rầm. Mới ngày nào mà đã hai mươi năm. Quả thực, nếu chị không kêu đúng tên thì dù có gặp ở ngoài đường tôi cũng không thể nhận ra. Tôi không nói chị đẹp hơn hay già hơn, nhưng so với người con gái đã có lần ngủ quên trong lòng tôi thật khác xa. Ngày ấy chị như chị ruột tôi, còn bây giờ qua cái vẻ hồ đồ của người chủ khách sạn, tôi lúng túng hiểu ra rằng chúng tôi chỉ là hai người đàn ông và đàn bà.

Tôi định đi xuống phố một lát. Nhưng cửa phòng chị sạch mở và chị tươi tắn đến bên cạnh tôi. Rất tự nhiên, chị đặt tay lên vai tôi, hơi ngửa mặt ra một chút để nhìn cho rõ. Chị nói :

- Em không khác trước là mấy. Em có biết tại sao chị nhận ra em không ?

- Dạ không.

- Tại vì em quá bé và có một cặp mắt rất sáng.

- Như mắt chó!

- Đừng nói bậy. Để chị nghĩ coi. Mắt bồ câu thì là mắt con gái. À, phải rồi, như mắt con chồn đền ầy. Rất tinh khôn mà cũng rất buồn. Không thể nào quên được!

Hai chị em cùng cười. Thấy tôi cứ mãi đốt thuốc, chị nói :

- Em hút thuốc hơi nhiều đấy!

- Dạ em cũng định bỏ mà chưa bỏ được. Đòi lính buồn quá chị à.

- Ờ, chị quên chưa hỏi em. Vợ con ra sao rồi?

- Em chưa có gì hết.

- Thật à?

- Dạ thật.

- Thế cũng có một cô em nào nhớ tới em chứ?

- Cũng không.

- Em dẫu chị.

- Không, thật mà. Chỉ có một người em nhớ tới, luôn luôn nhớ tới nhưng ở rất xa.

- Ở đâu mà xa?

- Ở trong chuyện ngày xưa.

- Thôi đừng đùa nữa!

Lẽ ra tôi cũng hỏi chuyện chồng con của chị nhưng không hỏi. Thực ra là không dám hỏi. Không hiểu tại sao tôi lại sợ. Có lẽ tại tôi không muốn cái hình ảnh năm xưa bỗng chốc nhòa đi khi biết về chồng con của chị. Nhưng nếu cứ đứng mãi ở ban công, cứ hỏi nói vẫn vô thể nào cũng có lúc chị tự nói ra, nên tôi khuyên chị đi ngủ sớm để sáng mai đủ sức đi xe. Chị nghe lời vào phòng. Tôi chúc chị ngủ ngon, nhưng chị nói:

- Chắc chưa ngủ được đâu. Lại phòng chị hơi sợ. Vào nói chuyện chút nữa đã. Em còn

phải kể cho chị nghe trong bao nhiêu năm qua em đã sống ra sao, phải vậy không ?

- Dạ.

Tôi vào phòng chị. Cũng một căn phòng nhỏ như phòng tôi. Một chiếc giường nhỏ, một cái bàn, một cái ghế. Chúng tôi phải ngồi trên sàn, tựa lưng vào vách. Y như hồi nào chúng tôi ngồi co ro trong lớp vì đi học quá sớm. Chỉ khác lúc này trời không mưa, đèn sáng và hai người đã trải qua những năm tháng giông bão của cuộc chiến tranh.

Chúng tôi lại nói tiếp về những ngày còn bé, về cái lớp học chập chờn ma quái trong đêm, những con đường trơn như thoa mỡ, những con đom đóm lập loè, những cọng cam thảo tím mật ong....Đêm cao nguyên mát lạnh. Về khuya sương giăng trắng. Tiếng máy điện rì rầm nghe rõ hơn và xa xa vọng lại tiếng pháo 155 ly.

Có một lúc gần như hết chuyện để nói cho nhau nghe. Chúng tôi ngồi lặng ngắm những con thạch sùng đuối nhau trên trần nhà. Chúng bò ngược mà vẫn nhanh nhẹn như những đứa trẻ chạy chơi trên đất. Thế rồi tôi mơ hồ nghe có tiếng gọi:

- Được à .

- Dạ.

Một bàn tay, đúng là bàn tay của chị chứ đâu phải ai khác nhưng rất lạ bắt chợt nắm lấy tay tôi. Nếu bảo một cái cây bị gió thổi rạp cũng chưa chắc đã nhanh bằng. Phải nói là một trái chín đang rụng. Tôi ngã vào lòng chị.

Phải như tôi ngủ thiếp đi như ngày trước chị ngủ thiếp trong lòng tôi. Phải như một trái hoả châu rơi ngoài cửa sổ. Ừ, phải như vậy thì mọi sự đã không xảy ra. Đàng này chúng tôi như hai thỏi nước đá trong một cái cốc. Chúng tôi đã tan ra và hoà trộn vào nhau.

...Cho đến khi bừng tỉnh và nhận ra đã làm cái điều không nên làm thì trời đã sáng. Chị giục tôi nhanh chóng trả phòng.

Chúng tôi ngồi uống càphê ở một quán cóc. Chị tránh không nhìn tôi. Tôi cũng không dám nhìn chị. Nhưng tôi vẫn thấy đôi mắt long lanh ấy, đôi môi nóng bỏng ấy, làn da tươi mát ấy.... Chị đã hào sảng ban cho không một chút dè sẻn. Từ dưới đáy cuộc đời, tôi bỗng được chị nâng lên và cả hai trong một phút giây đã cùng bay lượn trên đỉnh trời cao nguyên lồng lộng.

Uống càphê xong chị đón một chiếc xe ôm ra bến xe. Tôi rất muốn đưa chị đi nhưng chị bảo đừng. Chị nói thế nào về trại em cũng bị phạt. Chị bảo anh xe ôm siết ga lao nhanh. Tôi đứng trông theo, băng khuâng mãi không biết là mộng hay thực.

Về đến đơn vị, chúng tôi được lệnh hành quân ngay. Có tin quân miền Bắc tập trung một lực lượng lớn ở Ngã ba biên giới. B.52 không còn ném bom rải thảm nữa nên chẳng việc gì họ phải sợ. Tổng thống Mỹ Nixon phải rời Nhà Trắng vì nghe lén. Tổng thống Ford đang năn nỉ xin quốc hội chi thêm 700 triệu đô. Trong khi đó, tổng thống Thiệu thề không cho cọng sản về Sài Gòn ăn phở!

Dường như lịch sử đang lao vào một khúc quanh nghiệt ngã. Không biết bọn chúng tôi có phải rơi tõm xuống vực? !

16.

Sau bao nhiêu đồn đoán, rốt cuộc quân miền Bắc tấn công Banmethuot. Dưới con mắt của các nhà chiến lược thì đây là một cuộc tấn công có phần mạo hiểm nếu không muốn nói là tự sát. Bởi vì quân đoàn II từ Pleiku đánh thốc xuống, quân đoàn dù và thủy quân lục chiến từ Nha Trang đánh lên. Có là con voi chín ngà cũng không thoát khỏi vòng vây. Nhưng không hiểu sao người ta vẫn bảo cọng sản chỉ dương đông kích tây để đánh Pleiku! Đến khi cái buôn làng giàu có nhất Tây nguyên bị đánh chiếm hoàn toàn thì mọi quyết đưa ra đều đã quá muộn!

Banmethuot bây giờ giống như thiên linh cái đã bị điểm trúng huyệt. Chẳng những các quyết định đưa ra đã quá muộn mà còn quá sai tưởng chừng như u mê lú lẫn. Thay vì phải

quyết giành lại cho bằng được dù phải ném vào đó cả sư đoàn như ở cố thành Quảng Trị trong mùa hè đỏ lửa, thì người ta lại quyết định *di tản chiến thuật!* Nghĩa là tạm thời bỏ cao nguyên để lui về giữ vùng duyên hải. Năm sau bầu cử tổng thống Mỹ đánh chiếm lại cũng chưa muộn! Thế là một cuộc di tản quân sự ồ ạt chưa từng có đã diễn ra!

Để tránh bị truy kích và phục kích, người ta không đi đường quốc lộ 19 xuống Quy Nhơn mà đi đường tỉnh lộ 7 xuống Tuy Hòa. Người ta cho rằng như thế là đã đánh lừa được cộng sản.

Cả một quân đoàn với bao nhiêu xe pháo lính tráng vợ con, cùng cả vạn dân tứ xứ lên lập nghiệp ở cao nguyên, đùn đẩy chen chúc nhau trên tỉnh lộ có từ hồi Pháp thuộc, đã từ lâu không dùng đến đầy ổ gà ổ voi nhiều chỗ đứt đoạn.

Lúc đầu có công binh đi mở đường, thiết giáp đi đoạn hậu, trên cao trực thăng quần đảo. Nhưng khi ra khỏi thành phố chừng vài mươi cây số, bắt đầu xuyên qua rừng thì bị đánh thọc sườn. B.40 lao thẳng vào xe. Rồi lựu đạn ném như vãi cát. A.K nổ cồng cộc từng tràng. Lửa và khói mù trời. Tiếng súng nổ. Tiếng thét gào. Tiếng rên xiết kêu la tuyệt vọng. Một cảnh hoảng loạn chưa từng thấy. Dân hốt hoảng giẫm đạp lên nhau. Lính vứt súng đi tìm vợ con. Cả một quân đoàn thiện chiến giờ như một con rồng bị thương đang cố trườn mình ra biển!

Trước đó, cuộc hành quân của chúng tôi chưa được mấy ngày đã được lệnh khẩn cấp phải quay về. Chúng tôi không kịp về trại mà phải xuống Pleiku để di tản ngay. Lúc đầu còn đi theo từng trung đội, sau mạnh ai nấy đi. Chẳng mấy chốc chúng tôi lọt giữa một rừng người hốt hoảng. Người ta tranh nhau leo lên xe, chẳng cần biết là lính hay dân. Rồi người ta cướp xe, cán cả lên người bị thương mà đi. Phía trước có cầu bị sập. Phía sau không cần biết cứ đùn đẩy tới trước. Cả một đám người lúc nhúc loi nhoi, tới không được, lui cũng không. Pháo địch lại rớt tới không thương tiếc! Máu và thịt tung lên đỏ thắm như xác pháo.

Mình đầy máu me, tôi bị hất tung lên cao rồi rơi xuống bìa rừng. Bị choáng một lúc. Khi tỉnh lại tôi nhận ra rằng, nếu cứ nhập vào cái đoàn người vừa đói khát vừa điên dại đó, trước sau gì tôi cũng bị xéo nát. Tôi tìm tới một gốc cây nghỉ mệt, mặc cho đoàn người xe pháo tuyệt vọng vẫn cứ bỏ qua.

Tôi chấp chờn trong cái đêm kinh hoàng nhất của đời mình. Hơn cả lúc cô Sáu tôi chết. Cái khủng khiếp không hẳn do đạn bom chết chóc mà là một nỗi tuyệt vọng to lớn làm cho cả đầu óc và chân tay tưởng chừng rũ liệt.

Sáng ra, đoàn người đã đi suốt đêm bỏ lại con đường đầy những súng ống giày mũ và những xác chết không còn nhận ra mặt người. Đau xót làm sao là hãy còn những đứa bé xao xác đi tìm cha mẹ. Tôi định gom chúng lại dẫn đi. Nhưng lúc ấy có nhiều toán du kích xuất hiện. Bọn họ đi thu nhặt súng. Tôi lại phải nằm xuống giả vờ chết. Mặc cho những đứa bé dẫy dụa khóc la, họ vẫn buộc chúng đi theo họ vào tận rừng sâu. Tôi cố nghĩ là họ không nỡ đem chúng đi bán để khỏi phải gào lên!

Thật may là tôi không bị thương tích gì. Tôi nhặt một bìđông tìm chút nước. Tôi uống một ngụm rồi cứ phía trước mà đi đại chẳng cần biết đây là nơi nào. Vượt qua những vũng máu, những xác xe tăng đang còn cháy dở, tôi đến gần một con suối. Lúc ấy tôi nghe một tiếng rên. Tôi tìm tới, chắc là có người đang bị thương. Nhưng thật bất ngờ, đó là một người đàn bà với cái bụng to kèn đang quần quai vì sắp sinh. Dĩ nhiên là tôi ngồi xuống bên cạnh, dù tôi không biết sẽ phải giúp đỡ chị ta bằng cách nào.

Tôi chưa dám hỏi nói gì với chị. Trông chị mệt lã. Mồ hôi chảy ướt cả tóc. Bên cạnh chị, một xác chết nằm sấp, chiếc mũ sắt che kín mặt anh ta. Tôi thấy đau nhói ngang ngực. Chắc hẳn cái xác ấy là cha của đứa trẻ chưa biết sẽ được sinh ra bằng cách nào!

Dường như cảm nhận có người ngồi bên cạnh, mắt chị vẫn nhắm, nhưng miệng chị run rẩy thều thào: “Xin đừng bỏ đi! Hãy làm phúc giúp tôi!”. Tôi vội lên tiếng để chị yên lòng: Ờ, có tôi ở lại đây, chị đừng sợ. Chị mở choàng mắt, ngạc nhiên khi thấy tôi là một người đàn ông. Chị nói như khóc: Xin anh giúp giùm mẹ con tôi. Tôi gật đầu.

Liền sau đó, chị cong người lên vì đau. Tôi vội ra sau đỡ lấy người chị. Chị cắn môi đến

bật máu để nén tiếng kêu. Tôi chưa thấy một người đàn bà nào trở dạ trong cảnh đau thương tuyệt vọng như chị. Tôi rùng mình nghĩ tới mẹ tôi. Cái đêm mà mẹ sinh tôi ra ở bờ sông chắc cũng trơ trọi, đón đau và tuyệt vọng như thế này. Tôi thấy thương mẹ tôi quá. Bao nhiêu giận hờn, ầm ức, giận mẹ giận đời, như cục đá to suốt bao nhiêu năm chẹn ngang ngực, bỗng chốc tan ra như nước.

Bỗng chị quờ quạng nắm chặt tay tôi. Chặt đến nỗi tôi tưởng chừng chị sắp bóp nát nó ra. Hai gót chân chị cày trên đất để tìm chỗ tựa. Người chị như một cánh cung. Chị nín thở rồi bật ra một tiếng “ôi”.

Chị ngã vật ra. Tôi cũng ngã theo.

Ơn trời, chị sinh được một cháu bé. Khi tôi đỡ đứa bé trên tay, một thằng cu, nó khóc thật lạnh lói. Tôi mừng đến chảy nước mắt. Cũng là tiếng khóc, nhưng không phải là tiếng khóc của những con người khốn khổ vừa đi qua, mà tiếng khóc mới, ầm và vui quá chừng. Không hiểu tiếng khóc đầu tiên của tôi có được như vậy không?

Mẹ của cháu tuy mệt, nhưng nụ cười đã làm cho khuôn mặt chị trở lại bình thường, không còn méo mó nhăn nhúm nữa. Chị đỡ lấy con, nhờ tôi đi xuống suối lấy nước. Sau đó, chị chỉ cho tôi một số việc mà các bà mẹ phải làm. Tuy lúng túng vụng về nhưng tôi đã làm những công việc kỳ lạ đó không một chút ngỡ ngàng ngập xấu hổ.

Sau đó, để yên cho chị rủ rỉ nựng con, tôi lặng lẽ đem cái xác của người chồng đến một gốc cây gần đó. Tôi bẻ lá cây rừng phủ lên người anh, như tôi đã từng lót lá để chôn cô Sáu. Tôi khiêng đá chặn lên để thú rừng không moi xác anh. Tôi cũng dùng đá khắc tên họ anh lên cây để may ra sau này chị biết chỗ mà tìm.

Khi mọi việc xong xuôi, ngày cũng sắp tàn. Tôi đến gần chị và nhận ra khuôn mặt chị đầm đìa nước mắt. Chị nhìn tôi, nói gằn như nấc lên từng tiếng:

- Anh gì ơi! Mẹ con tôi biết lấy gì đền ơn anh !
- Trông chị hãy còn mệt lắm. Chị ngủ đi!
- Anh ấy là chồng tôi.
- Tôi cũng đoán vậy.
- Anh ấy bị trúng đạn.
- Anh chị về đâu ?
- Về Nha Trang. Chắc còn xa lắm phải không?
- Tôi cũng không biết nữa, nhưng sẽ cố đưa chị về ít ra là tới Tuy Hòa.
- Anh khổ với chúng tôi quá. Chắc là Trời Phật đưa anh tới giúp chúng tôi.
- Chị đừng nghĩ ngợi lung tung. Tôi với anh ấy cùng là lính mà.

Rất may là anh chị đã chuẩn bị cho đứa con đầu lòng rất chu đáo. Những tã lót và quần áo của cháu bé vẫn còn sạch sẽ thơm tho. Anh là trung uý và chị là giáo viên tiểu học. Thật tiếc là anh không còn sống để được thấy đứa con xinh đẹp của mình chào đời.

Đêm hôm đó, tôi đốt một đống lửa bên cạnh nắm mồ bằng lá của anh. Gần đó vợ con anh đang nằm ngủ. Xa xa vọng lại tiếng máy bay trinh sát và khu rừng đôi lúc sáng lên dưới ánh hoả châu buồn bã.

Sáng hôm sau chúng tôi lên đường. Một cuộc hành trình vất vả mà có lẽ suốt đời chị không bao giờ quên được. Cuộc hành trình giữa những xác chết đã bắt đầu hôi thối. Dù can đảm và chịu đựng đến mấy cũng có lúc chị phải bật khóc. Chân chị phồng rộp. Nhiều đoạn tôi phải ghé lưng công chị đi. Đứa bé trên lưng chị ngật ngừ vì bị sốt.

Năm ngày sau, chúng tôi cũng bỏ được ra khỏi rừng và đến được những xóm làng nghèo nàn thưa thớt. Dù vậy, những người ở đây cũng đã giúp chúng tôi thoát chết.

Khi tôi đưa được chị đến Tuy Hoà thì cờ MTGPMN đã tung bay ngạo nghễ. Tôi tìm cách đón xe cho chị về Nha Trang. Đứa bé đã biết hấp háy nhìn tôi khi tôi đặt một ngón tay lên trán bé để từ biệt. Chị không nói lên lời, nước mắt lặng lẽ nhỏ xuống mặt con. Tôi chúc chị lên đường bình yên. Còn tôi, con đường trước mặt chắc chắn là không bình yên một chút nào!

Giữa những con phố đầy cờ nửa xanh nửa đỏ, mọi người mệt mỏi trở về sau khi đã cố sức chạy theo quân miền Nam mà không kịp. Hay đúng hơn là cũng không còn biết chạy đi đâu nữa. Lịch sử đang viết tiếp những dòng dữ dội. Hết Phan Rang, Phan Thiết, đến Long Khánh, Biên Hoà rơi rụng như những đồng bạc vô hồn trong tay một con bạc tháu cáy. Sài Gòn bị bao vây bởi một số lớn những máy cày giả làm xe tăng. *Tổng thống một ngày* Dương văn Minh chỉ kịp ghi cái dấu chấm nhỏ vào lịch sử bằng cách tuyên bố đầu hàng vô điều kiện!

Dù sao thì cũng đã hoà bình, tuy rằng con chim bồ câu một cánh thì xanh, một cánh thì đỏ. Từ đây các bà mẹ không phải đêm đêm ra thắp nhang giữa trời, cầu xin Trời Phật chở che cho con trai khỏi phải bị hòn tên mũi đạn. Các chị vợ lính khỏi phải ngắt xiủ vì nhận giấy báo tử của chồng. Và lúa chín sẽ có người chờ gặt!

Trở về!

Hai tiếng nghe náo nức làm sao!

Trên đường về làng, nhận nhịp những người hồi cư. Vẫn gồng vẫn gánh, vẫn tay xách nách mang, vẫn luộm thuộm rách rưới như ngày nào bỏ cả nhà cửa ruộng đồng mà đi. Sau bao nhiêu năm dấp dúi bên hông phố chợ, những con người của đồng ruộng cũng chẳng giàu có văn minh hơn chút nào. Đôi mắt ai cũng mờ đi ít nhiều. Giọng nói còn đục và buồn hơn. Biết sống làm sao đây khi ruộng đồng cỏ lất cao ngập đầu người. Những đồng lương ít ỏi của những đứa con đi lính xẻ chia đã không còn nữa. Trên đầu đứa nào cũng cao lêu nghêu một cái mũ nguy quân nguy quyền.

Tôi đã gặp các ông hương kiể, hương bộ, các ông biện, ông câu... Với cây gậy trong tay các ông run rẩy đi theo con cháu. Chùng ấy năm chạy loạn, chùng ấy năm sống bụi sống bờ, các ông hãy còn liu xiủ bước đi đã là may. Đem được cái nắm xương về với quê nhà thì con chim hoà bình màu gì cũng được!

Đã tới làng rồi đây!

Tôi lội qua sông leo lên cái mô đất bên cầu. Giữa cây cỏ hoang vu, một cây khế đúng là đã mọc trên chỗ cô tôi nằm. Những bông khế đầu mùa tím tím đang lặng lẽ tỏa hương. Tôi cứ tưởng mình sẽ phải khóc nức nở khi được quỳ trên mộ của cô. Nhưng thật lạ, tôi lại thấy lòng mình rất ấm áp. Như thể tôi đang gặp lại cô. Tôi nói thầm: Con đã về rồi, thưa Mẹ!

Trong lúc tôi đang lay hoay thắp nhang cho cô thì có tiếng đạn lên nòng và có tiếng quát :
- Mày là thằng Được chó đẻ phải không?

Tôi nói:

- Đúng, Lê văn Được là tôi.
- Đi theo tao!

Tôi nói:

- Để tôi thắp cho cô tôi cây nhang đã!
Nhưng bọn họ túm nắm nhang vừa mới đốt ném vào bụi.
- Đi ngay! Không nhang khói gì hết. Đồ chó đẻ mà cũng bày đặt nhang với khói!

Tôi bị dí súng vào lưng bắt phải đi đến trụ sở *Ủy ban quân quản* lúc này đang che tạm trên nền nhà ông Chánh nhạc. Một người hơn 30 tuổi đầu đội mũ tai bèo, lưng đeo súng colt xỏ ghế đứng dậy hỏi tôi:

- Hừ, thằng chó đẻ mày có biết tao không?

Tôi không trả lời. Thực ra tôi biết. Nó là thằng Khấu con ông Năm Quờn chặn vịt. Ngày trước ở làng người ta gọi đùa ông là *thiếu tá* vì dưới cây sào của ông lúc nào cũng có cả mấy trăm con vịt đẻ. Bà vợ ông cũng đẻ nhiều như vịt, nhiều đến nỗi ông không nhớ hết tên con. Để khỏi nhầm, ông gọi kèm với một đặc điểm nào đó. Như Sùng lé, Mận còi, Khấu thẹo... Một lần đuổi theo mấy con vịt lạc bầy, ông đã bị nước lụt cuốn trôi. Khấu thẹo thay cha nắm cây sào. Chẳng biết có phải vì lý lịch chặn vịt mấy đời mà nay nó được chặn dất dân làng An Định lúc này cũng đang lao nhao chẳng khác gì một bầy vịt đói.

Múa cây colt trong tay như một viên thiếu tá thực thụ, nó nói:

- Giải phóng đã từ lâu rồi sao mày còn *ôm chân đế quốc*?

Tôi nói:

- Hôm nay mới mừng 10 tháng 5.
- Tao nói từ khi giải phóng Bình Định kia!
- Nhưng nay cũng đâu đã hết hạn.
- Mà cái lý với tao hả. Nếu không công cổ mày tới đây, đã chắc gì mày chịu trình diện.

Mày có biết cái tội của mày lớn đến chừng nào không?

- Tôi trốn không được thì phải đi lính vậy thôi. Tôi nào đã bắn chết ai đâu!

- Mày đem chó khui hầm bắt đồng chí Thành và nhiều đồng chí khác mà không bắn giết ai à? Những đồng chí ấy đáng giá cả trăm cả ngàn người. Lại còn đồng chí Khử nữa. Mày ác đến độ để lũ chó kéo xác cho lũ giặc xem.

- Ông ấy cố lết ra miệng cống uống quá nhiều nước nên chết. Tôi muốn cứu cũng không được.

- Vậy là mày nói đồng chí ấy ngu?

- Không. Tôi nghe người ta nói bị thương mà uống nước nhiều nước là chết không kịp ngáp.

Thế là hấn quát:

- Tổng cổ nó vào xà lim.

Thực ra đó là cái nhà tắm của cô Thành đã bỏ hoang từ khi có một thằng phải gió nằm trên mái nhìn trộm. Sau bao nhiêu năm dưới bom đạn chẳng hiểu sao nó vẫn còn! Nó đầy cóc đầy nhái và trên tường đầy những hình vẽ tục tĩu. Tôi bị trói, một tay quặt ra sau lưng, một tay vòng sau ót, hai chân không bị cùm nhưng cột vào một khúc cây nên chỉ có trời mới cứu được. Tôi cố chịu trận suốt đêm.

Sáng hôm sau chúng đem tôi ra trước dân, thực ra là trước một đám du kích, chỉ lèo tèo vài cụ già ốm yếu. Tôi biết là mình đang bị đem ra đấu tố. Tôi được cởi trói, nhưng bị bắt quỳ chống hai tay xuống đất. Tiếng Khẩu thẹo:

- Bò tới đây!

Tôi bò tới. Hấn thấy một gói gì hôi hôi trước mặt bảo ăn đi. Tôi không ăn, cả bọn cùng cười.

Hấn chế nhạo:

- Chó mà chê cứt à?

Tôi im lặng vì biết những gì sắp xảy ra. Đó là sau khi bị làm nhục đủ điều sẽ ăn đấm ăn đá, bị báng súng nện vào đầu, gậy đập vào lưng và sau cùng là bị quẳng xác xuống sông. Y như chó chết.

Tôi đang chờ đợi cái kết thúc cuộc đời một cách khôn nạn như thế thì có đứa đến nói nhỏ vào tai Khẩu thẹo gì đó. Hấn bực bội chửi thề, rút súng bắn lên trời mấy phát. Hấn chỉ thẳng vào mặt tôi, nói:

- Tội của mày đáng băm vằm ra trăm mảnh chứ không phải chỉ có mỗi lá gan như của thằng Mậu thôi đâu. Trước đây thì mày đã nát xương với tao rồi. Nhưng nay hoà bình thì để *Trên xử*. Mày đã hại các cụ lớn thì hãy để phần cho các cụ trị mày. Thôi đưa nó lên Huyện. **Đồ chó đẻ!**

Bọn chúng không bắt tôi phải đi theo kiểu chó. Nhưng hai tay bị trói, lại có cả tiểu đội du kích áp tải, nên dọc đường đi, mọi người nhìn tôi thương hại như nhìn một tử tội trên đường ra pháp trường.

Tại *Ủy ban quân quản huyện*, tôi được đối xử nhân đạo hơn. Người ta cho tôi ăn, dĩ nhiên là cơm độn. Rồi người ta đưa giấy bút bảo tôi kê khai những tên biệt kích Mỹ. Tôi nào nhớ hết. Vả lại tôi cũng chỉ nhớ mang máng một vài đứa. Tôi định viết hai chữ: không biết, nhưng nhớ lại hồi bị giam ở quận, nếu không khai bậy vài tên sẽ bị đánh như đòn, nên tôi phịa ra cả một danh sách dài với những tên Mỹ và Nùng mà dù có thấp đuốc đến năm 2000 cũng không tìm ra được.

Có danh sách ấy người ta coi tôi như thằng thủ ngữ Đực dạo nào. Nghĩa là từ tôi sẽ phăng ra bọn biệt kích mà người ta tin là còn được cài lại để chống phá Cách mạng. Tôi được phép mua thuốc hút, được mua bia nếu muốn. Cứ như tiêu chuẩn của cán bộ cao cấp. Nhưng

rồi tôi phát hoảng khi nhớ lại rằng, cũng chính vì thế mà thằng thủ ngữ Đực đã bị đem ra bắn bỏ ở đồng cây Sanh!

Cũng may là người ta có quá nhiều việc phải làm, nào đổi tiền, nào cải tạo công thương nghiệp, nguy quân nguy quyền... nên người ta quên mất cái danh sách bậy bạ của tôi. Sau đó, người ta đưa tôi đi cải tạo mặc dù tôi không phải là sĩ quan. Tôi bị ghép vào tội ác ôn gây nợ máu với nhân dân. Cái danh sách ở làng An Định đi học tập, chẳng những tên tôi đứng đầu mà còn gạch đít màu đỏ đến những hai lần.

Đến trại K....

Một tháng sau, người ta rà soát lý lịch thấy tôi chỉ là một thằng *lính chó* nên đuổi về. Nhưng vừa về tới làng thì Khẩu theo bảo tôi bỏ trốn, lại thộp cổ đưa đi. Lại đuổi về. Rồi lại bị áp giải đưa lên. Đá qua đá lại như thế, sau cùng người ta ném tôi vào chung với bọn ma cô đi điếm, bọn anh chị cướp giật trước đây.

Có vào đây mới biết địa ngục là có thật. Nó ở ngay trên cái trần gian này chứ không cần phải xuống tận âm phủ. Chẳng biết do ai đồn thổi mà chúng tưởng tôi đã từng làm chủ bar nên rất giàu. Có đứa còn bảo tôi đi biệt kích Mỹ đã từng nháy số ra Bắc nên tiền tử và tiền thưởng để đâu cho hết. Cứ sau khi cán bộ quản giáo vừa quay lưng là chúng lôi tôi ra *tắm quất* bằng những cái lên gối muốn ói máu, những cái thúc cùi chỏ đến nghẹn thở. Rồi chúng bắt tôi uống một thứ nước quý quái gì đó, nửa như nước đá bò nửa như nước rửa thớt để tôi nôn thốc nôn tháo ra. Không thấy gì, chúng lại bắt tôi uống một thứ nước khác đau thắt ruột, rồi bắt một đứa ngồi xem tôi ỉa có hột xoàn hay không. Chúng hành hạ tôi suốt cả tháng trời đến nỗi chỉ còn là cái xác khô nằm trong xó. Cán bộ tưởng tôi chết cho đem đi chôn. Bọn chúng không thèm đào lỗ, chỉ quăng tôi xuống suối. Có một người mò cá vớt được, cho tôi uống nước gừng và quế. Nhờ đó tôi sống lại được, một mình bò về trại.

Mãi sau này chúng mới biết tôi là đứa không mẹ không cha, mới sinh đã bị đem thả trôi sông, đi lính chỉ là lính chó! Từ đó, chúng coi tôi như cùng một giuộc, nghĩa là cùng bị cuộc đời chó má chà lên đạp xuống không biết bao nhiêu lần. Chẳng những chúng thôi hành hạ mà còn cho chác, khi miếng đường khi miếng thuốc. Chúng còn bảo khi ra tù chúng sẽ bày cho mảnh làm ăn!

Tôi cố gắng cải tạo thật tốt, nghĩa là cố gắng giữ đúng nội quy của trại. Sáng nhận một củ khoai nhỏ bằng ngón tay để đánh thức cái dạ dày đã ngủ yên. Rồi vác rựa vào rừng để chặt cây hay vác cuốc xuống ruộng tùy theo đội. Trưa về, đúng một chén cơm trộn bo bo và một phần tư con mắm thối. Chiều lại đi vào rừng, lại xuống ruộng. Lại một chén khô róc gọi là cơm và một phần tư cái xác thối gọi là mắm. Tối xem TV để thấy cả nước đang hăng say xây dựng XHCN!

Sau cùng đến giờ ngủ. Cứ tưởng với cái thân xác đói khát mệt rũ người ra, đứa nào cũng sẽ ngủ như chết. Nhưng trong đêm tối đủ thứ tiếng động lịch kịch. Tiếng rên, tiếng khóc, đôi khi tiếng thét như một đường gươm. Tôi co quắp người bịt tai lại như con trút. Có những cảnh cưỡng dâm khủng khiếp như trong cái buồng tắm của bar thằng Hậu!

Mặc dù năm nào tổng kết, tôi cũng được coi là tiến bộ, được đề nghị cho ra trại. Nhưng địa phương vẫn cứ bảo là tôi cần phải cải tạo nữa, không chịu nhận. Sau nhiều lần như vậy, quản giáo đâm gắt: cái làng An Định chết tiệt, có giỏi thì lên đây mà cải tạo. Nhờ vậy tôi được cho về sau đúng 5 năm *giáo dưỡng*! Nếu tính ra *thiên thu* thì biết mấy ngàn cái *thiên thu* trong một đời người!

Khi về đến làng, việc trước nhất của tôi là đến thăm mộ cô Sáu. Lần này thì tôi khóc nức nở như một đứa bé bị lạc mất mẹ. Đến những mười lăm năm kể từ ngày cô mất, giờ tôi mới được bình yên ngồi bên cạnh mộ cô, thực ra là ngồi trên chỗ cô nằm mà chỉ có mỗi cây khế thay cho bia mộ. Tôi bồi hồi nhớ lại những ngày sống bên cô. Những lần đi mót lúa, đi mua mía và cái áo mới cổ vuông. Đó là những ngày êm đẹp nhất. Tôi thiếu cơm, thiếu áo nhưng không bao giờ cảm thấy thiếu Mẹ.

Cái chòi của cô đương nhiên không còn. Cái rêu đất ấy người ta cũng không cho làm nhà. Tôi được anh Cọng trưởng tràng ngày nào giờ là trưởng ban thôn cho ở tạm trong nhà kho của HTX. Rồi tôi được giao cho việc giữ sổ sách, mỗi ngày được 10 điểm, quy ra thóc là được 500 g.

Mọi việc có vẻ êm xuôi như thế là nhờ Khẩu thọ không còn ngồi trên cái ghế chủ tịch nữa. Anh ta sau mấy năm được cho đi học *bồi dưỡng* nhưng không qua được cái *bổ túc công nông cấp 1* bèn chửi đồng: Đù mẹ, thà làm thằng chăn vịt sướng hơn làm thằng cán bộ. Anh ta lại tậu một bầy vịt và dưới cây sào của anh, bầy vịt ngoan ngoãn để cho anh đếm dễ dàng hơn là làm mấy con tính cọng trừ nhân chia.

Đời sống ở HTX so ra cũng chẳng khác gì mấy ở trại giáo dưỡng. Cũng sáng đánh keng ra đồng. Trưa đánh keng về, chiều lại đánh keng ra. Lúa thóc đến mùa được đưa hết vào những cái kho to đùng mới cất trên các gò đầy mỡ mả. Ban quản trị HTX nắm hết tất cả soi ruộng trong làng, trở thành một đại địa chủ còn to gấp trăm lần ông tổng Bá. Chỉ khác một điều là anh có thể cầm cuốc đứng nhời nhời cho hết giờ rồi về. Và tối đến anh có thể đi ăn trộm!

Cứ đem theo một cái bao cát rồi nằm sấp trên bờ ruộng mà trườn đi. Chân thì đạp tay thì tuốt. Tuốt, tuốt mãi cho đến khi đầy bao hay chảy máu tay thì thôi. Năm Quảng, Sáu Quảng mà có sống lại cũng phải cúi đầu bái phục! Ở trại giáo dưỡng tội ăn cắp của tập thể là bị bỏ đói, nhiều lần thì bị cùm chân. Nhưng ở làng thì chẳng ai làm gì anh vì gần như cả làng cùng đi ăn trộm như thế. Biết bỏ đói ai, cùm ai bây giờ! Với lại cũng phải làm ngơ cho người ta sống chứ. Một hạt lúa bây giờ công đủ thứ trên lưng. Nào quý này quý nọ, nào phải mua nông cụ, nào tái sản xuất, nào xây dựng kênh mương và phải nuôi mấy chục người trong Ban quản trị nên công điểm tụt dần mỗi ngày công chưa được vài lạng.

Còn đói hơn hồi *chín năm*. Và để có cái áo cho con, cái quần cho vợ, trai tráng trong làng kéo nhau đi buôn. Ngày xưa, chợ là của đàn bà, bây giờ chợ là của đàn ông. Bởi vì chẳng những phải biết khiêng biết vác mà còn phải biết chạy. Chạy và chạy. Nếu chạy không giỏi thì bị *quản lý thị trường* và *thuế vụ* tịch thu! Bây giờ có hàng ngàn *ông Khứ* đang ngày đêm chực chờ rình rập ở các bến xe, các con tàu, các sân ga, các ngõ vào thành phố...

Ham vui và cũng đi một lần cho biết Sài Gòn, tôi đã theo bọn họ thử làm *con buôn*! Với 20 ký gạo buột trên lưng, ăn ngủ nằm ngồi cũng không được rời ra, trông cứ như một cái bươu. Bọn họ, kẻ thì mang giỏ gà, kẻ thì mang heo con. Buồn cười nhất là cái anh bán heo. Anh ta mang hai con heo trên lưng cứ như Phạm Công mang hai con ra trận. Cốt Đột thấy thương quá bèn cất cho cái đầu rồi bái binh. Nhưng thuế vụ thì không. Anh ta bị rượt chạy mà không trốn vào đâu được vì hai con heo cứ mãi kêu *ét ét*!

Cả bọn trốn vào các nhà gần ga. Khi con tàu mệt nhọc bò tới, có cả trăm con người với đủ thứ linh kinh trên lưng cùng đè nó ra mà leo lên. Bọn trên tàu sập cửa, bọn dưới đất liền phá cửa. Một cuộc hỗn chiến như du kích tập đánh xáp lá cà. Kẻ lên được thì chết ngộp trong hơi người, hơi heo gà mắm muối. Kẻ chưa lên thì cố đu theo như những con nhái. Trên mui đương nhiên là đặc kín người. Thỉnh thoảng có kẻ ngủ quên hay qua cầu bị gạt rơi xuống!

Xe qua Vân Canh như đi vào một cuộc phục kích của thổ phỉ. Một cơn mưa cây và than trút vào các toa. Ai không tránh được thì đành ôm cái đầu máu hay cái tay gãy! Xe qua Suối Dầu là mưa chuối cây. Xe vào Phan Thiết là mắm muối, là cá khô...

Phi phò, ẹ ạch mãi đến hai ngày đêm, con tàu mới lết nổi tới Sài Gòn. Cái thành phố khổng lồ gần như đang bị bao vây sống lây lất nhờ bọn *con buôn* đem những thứ không ăn được như lốp xe, vải vóc, thuốc trừ sâu... đổi lấy những thứ ăn được. Một cuộc bán buôn chộp giựt diễn ra dưới sự bố ráp của đủ thứ lực lượng. Tu huyết kêu *toét toét*...Mặc kệ! Đạn bắn chỉ thiên kêu *chóc chóc*! Cũng mặc kệ! Bị rượt đuổi như chuột...Mặc kệ tuốt! Vừa chạy vừa bán. Vừa trốn vừa bán. Đang té ngã cũng cứ bán.

Tôi bị đạp ngã nhào. Chưa kịp ngồi dậy đã bị đè nghiền. Chỉ nghe một tiếng *ret*, cái cục gạo dính chặt suốt mấy ngày trên lưng bỗng biến mất. Khi tôi đứng lên được thì một gã đeo băng đỏ quất vào mặt: *Cút xéo đi, đồ con buôn!*

Cái cảnh ấy ngày nào cũng diễn ra dưới ánh nắng mặt trời nóng bỏng và buồn bã của phương nam.

Thế rồi, bỗng dựng bức tường Bá Linh kiên cố là thế lại sụp đổ. Các nước Đông Âu rơi rụng y hệt như những thành phố Miền Nam năm 75. Liên xô thành tri Cách mạng vô sản thế giới cũng tan rã theo như tuyết tan trên sông Vônga.

Cả nước bàng hoàng!

Người ta không còn thách thức: *Ai thắng ai!* nữa, mà làm một cuộc *Đổi Mới* là trả ruộng lại cho dân! Thực ta là chia và tôi cũng được đúng 475 thước. Bây giờ, tôi có nhiều cục đất để ném chó ỉa và không còn bị gọi bằng *thằng* như trước nữa.

Nhưng bấy nhiêu ruộng đất đó cũng chỉ *đổi đời* bằng tiếng gọi *ông* chứ nghèo vẫn hoàn nghèo. Tôi dành 75 thước cất một cái nhà chỉ lớn hơn cái lều cô Sáu tôi một chút, còn lại suốt năm cặm cùi trên mảnh đất đó như con gà bươi mồi trên cát.

Những nhà khác được chia nhiều hơn vì có đông nhân khẩu. Nhưng cũng lại đông hơn những cái miệng há ra đòi ăn như những con chim tu hú trong các tổ chim sáo! Và cũng chẳng hơn gì tôi, cũng lại nghèo, có khi còn thê thảm hơn vì ốm đau phải đem cầm thế, bán lần bán hồi rồi cũng lại trắng tay.

Một ngày tháng ba, một chiếc xe kêu lạch cạch chờ một chiếc quan tài về làng. Mọi người nhấp nhòm kéo ra xem. Té ra, đó là thằng Hậu. Nó không mặc áo đại tang, nhưng trông nét mặt buồn rũ ra, ai cũng biết người nằm trong hòm là cha nó.

Trong làng, gần như ai cũng mang ơn nó nên hỏi thăm rói rít. Câu chuyện của nó đúng là có một kết thúc quá buồn. Bao nhiêu tài trí, khôn lanh, chỉ trong một buổi sáng đã không gỡ nổi cái mũ kinh tài cho Việt cộng. Sau 75, một cái mũ khác to hơn, nặng hơn, cái mũ làm tay sai cho giặc, làm nhục phụ nữ Việt Nam anh hùng (mở bar chứa gái), đã đưa nó tới cái vùng ma thiêng nước độc gọi là kinh tế mới. Ở đó với hai bàn tay không, với vợ con đau ốm, nó thực sự quy xuống.

Cũng có lần nó được một vài người quen cũ thương tình cho đi vượt biên. Chiếc thuyền mỏng manh như một cái mo cau cố sức trườn tới hải phận quốc tế. Rất nhiều tàu đi qua, có tàu to như cái xóm Miếu, ban đêm đèn thấp sáng choang. Nhưng chẳng tàu nào chịu dừng, mặc cho nó và những người trên tàu tung mũ nón, kêu gào đến khản cổ. Mãi mấy ngày sau mới có một tàu thả ca nô xuống. Nhưng khi lên tàu, hóa ra là tàu Liên xô! Bọn nó bị đưa vào Đà Nẵng, rồi bị tổng giam vì tội phản quốc.

Ra tù, vợ con nó trôi dạt chẳng biết đi đâu, chỉ còn mỗi ông già nằm thoi thóp mong thấy mặt con rồi mới chết. Có lẽ linh cảm cái tai nạn tán gia bại sản, nên trong những ngày mà nó rùng rình tiền bạc, ông cụ đã dành dụm kety cốp những đồng tiền ăn quà, mua được mấy chỉ vàng. Nhờ vậy, nó mới đủ tiền thuê một chiếc xe than đưa xác ông cụ về quê.

Sau đám tang nó ở lại làng một vài ngày. Nó có đến nhà tôi một lần, ăn một bữa cơm không độn bo bo và uống một chút rượu mía thay cho rượu úyt kety pha coca. Tôi quá nghèo chẳng biết lấy gì giúp đỡ nó.

KẾT.

Bây giờ đã là năm 2000.

Mặt trời vẫn mọc. Nắng vẫn vàng như mật ong. Trời vẫn xanh màu xanh muôn thuở. Chẳng có gì là đã đến ngày tận thế. Chúa cũng chỉ hù dọa mà thôi.

Dù sao được sống đến cái năm mà cả thế giới hồi hộp đón chờ cũng thật là hạnh phúc. Các ông già đã được con cháu lần lượt khiêng qua bên kia sông. Tôi tròn sáu mươi tuổi. Cũng sắp được lên lão làng.

Từ một đứa bé bị thả trôi sông, trải qua sáu mươi năm, trở thành một ông già thật là dài.

Những tháng năm cuồng nộ đã đi qua đời tôi như một bầy ngựa điên. Nhiều lúc tôi tưởng đã bị chúng giẫm đạp cho nát tan. Tôi bị tung lên, bị quật xuống, bị đá qua bên này, bị đạp qua bên nọ. Nhưng cuộc đời dù khốc liệt đến đâu vẫn có cách san sẻ riêng của nó. Tôi kể ra đây câu chuyện cuối cùng để kết thúc những trang hồi ký buồn nhiều hơn vui này.

Một buổi chiều, trời cũng đẹp như chiều hôm nay. Đó là lần giỗ thứ ba mươi lăm của cô Sáu tôi. Đám giỗ ngay tại cái mộ đất bên cầu. Bên cạnh cây khế giờ đã xum xuê hoa trái, tôi đặt một đĩa cơm vắt và muối rang, là hai thứ mà cô tôi thích vì cho rằng đó là những thứ quý nhất trên đời. Tôi đang lâm râm khấn khứa, bỗng có cảm giác nóng ran một bên má. Tôi quay lại. Đứng trên cầu là một người đàn bà đang lặng nhìn tôi. Hai hàng nước mắt sáng lên trong nắng cùng những sợi tóc bạc.

Tôi kêu lên thảng thốt :

- Chị Thảo! Có phải chị Thảo không?

Chị gật đầu.

Tôi sụp lạy. Vừa lạy cô tôi, vừa lạy tạ đất trời.

Khi tôi ngẩng đầu lên, một người con trai cao lớn ở đâu đến đứng sau lưng chị. Tôi nghe tiếng nói như từ trong mơ hay từ một cõi trời nào đưa lại:

- Chào cha đi con!

Lần này thì tôi khóc.

Đưa con trai ôm lấy tôi, áp cái đầu đang muốn nổ tung vì bất ngờ vào cái ngực vững chãi của nó. Một lúc sau nó mới ngửa mặt tôi ra, hôn lên cái trán đã bắt đầu nhăn nheo thay cho một lời chào.

Viết xong lần thứ nhất năm 2004

Lần thứ hai năm 2009

Lần thứ ba hiệu đính năm 1011

&&&

NEW

Đề tang cho sách



Bà tôi thường than thở, hết một nửa cơ nghiệp của nhà này đã tan tành theo sách. Một nửa cơ nghiệp nói cho to, cho xứng với nỗi đau tiếc của của bà, chứ thực ra chỉ vài trăm cuốn sách của ông tôi thôi. Có điều, đó không phải là những quyển sách bèo nhèo giấy rơm thô kệch, đang

tràn ngập trong các hiệu sách, trong trường học và trong thư viện. Chưa nói tới nội dung, chỉ mới lật qua vài trang mờ nhoẹt vàng đục với những con chữ ồm ồm đói khát như những người bị sốt rét rừng là đã thấy chán lắm rồi.

Sách của ông tôi, bạn chỉ ngắm không thôi cũng đã thấy thích. Những cuốn tự điển của Pháp, của Việt, thư pháp của Trung Hoa, những sách thuốc, sách khoa học, những bộ tiểu thuyết của các nhà văn danh tiếng, những sách học làm người, những sách triết... đứng sát bên nhau phơi cái gáy mạ vàng như cả một đội ngự lâm quân thông thái và oai vệ. Trang nghiêm nhưng không lạnh lẽo, bọn họ là thầy là bạn của ông tôi. Và vì vậy, bạn cũng như tôi chỉ được phép đứng nhìn mà thôi.

Ông tôi là một người mê sách (cũng lại là cách nói vừa tầm tặc vừa giận hờn của bà) mê hơn cả vợ con. Nếu bảo rằng “thư trung hữu nữ nhan như ngọc”, thì ông tôi tuy đã già nhưng lại có đến những mấy trăm người đẹp như các vua chúa ngày xưa, nên bà tôi “ghen” cũng phải. Ông mê sách như người mê đồ cổ. Nghe ở đâu có sách quý là ông tìm tới dù có phải tốn kém tàu xe và phải bỏ ra cả một món tiền lớn để “rước” người có nhan như ngọc đó về, ông cũng dám chơi một phen cho thỏa chí. Như cuốn Tự vị của Paulus Của, nghe đâu như là ấn bản đầu tiên của một ông cụ nào đó bắc bực làm cao đến tận giờ, ông tôi đã phải lặn lội vào tận xứ Thủ Dầu Một xa lắc xa lơ để mua cho bằng được. Công cuộc mua quyển sách đó, chẳng những khiến ông mất đến mấy chỉ vàng, mà còn ồm một trận thừa sống thiếu chết.

Cuốn sách cũ đến nỗi như đã ngàn năm tuổi. Còn hơn một người chơi đồ cổ, ông tôi lại phải tốn thêm một món tiền và nhất là tốn rất nhiều thì giờ để nài nỉ và kiên nhẫn ngồi chờ anh thợ đóng sách đóng lại giùm. Lúc này quyển sách đối với ông như một con bệnh thập tử nhất sinh và anh thợ đóng sách cứ như một bác sĩ. Khi anh thợ tháo bung sách ra, ông đau nhói như thể gan ruột của mình cũng bị lôi ra như thế. Ông hồi hộp theo dõi từng mũi chỉ khâu, nín thở xem anh ta cắt xén, làm bìa. Cho đến khi sách được làm mới một cách khỏe mạnh, xinh đẹp, ông ôm quyển sách trước ngực như một người mẹ ôm đứa con bé bỏng vừa được bác sĩ cứu sống. Ông hết lời cảm ơn anh ta, đưa cho anh một tờ tiền lớn và hào phóng không nhận tiền thối lại. Dem quyển sách về nhà, ông lại mất cả buổi ngồi ngắm đến nỗi quên cả bữa cơm khiến bà tôi phải giục.

Đó là với những sách cũ quý hiếm. Còn sách mới, ông lại “phá của” một cách không giống ai. Sách nào ông cũng phải mua đến những hai quyển, một để đọc và cho mượn, một để nguyên không đụng tới. Những quyển sách để nguyên ấy nằm im trong tủ kính, mỗi lần mở ra là thơm nồng mùi giấy mới và mực in. Đối với ông, đó là một mùi thơm huyền hoặc đầy quyến rũ và mê đắm như những người nghiện nghe thấy mùi thuốc phiện. Chẳng những chỉ mùi thơm trinh nguyên không thôi, quyển sách vẫn còn trinh trắng khi hãy còn những lề chưa rọc.

Học cách người xưa, không để của cải cho con cháu mà để sách, nên giá như có phải vì thế mà tiêu hết cả cơ nghiệp, ông tôi cũng không tiếc. Chỉ có một điều khiến ông băn khoăn, ấy là trong đám con cháu thực sự chưa có một người nào đủ để ông tin tưởng. Gạt hết những đứa chỉ biết có nhà to xe đẹp, những đứa chỉ biết vung tiền trong các cuộc ăn chơi, suốt một đời chưa đụng tới một quyển sách nào, những đứa mà ông bảo là trong đầu toàn chứa những thứ vớ vẩn nếu không muốn nói là hôi thối ấy, còn lại chỉ vài đứa có để mắt tới sách, nhưng với một thái độ hờ hững, một đôi khi thô bỉ xúc phạm đến sách.

Ông ghét nhứt ai đó đọc sách mà miệng cứ nhai nhồm nhoàm, vừa đọc vừa tán chuyện, bạ chỗ nào cũng đọc ngay cả trong nhà cầu, đang đọc mà có ai ới lên một tiếng là ném ngay cái xạch sau khi đã tàn nhẫn xếp lại một góc để làm dấu, rồi bỏ đi mà không cần biết tới quyển sách có thể bị ướt, bị bẩn hay bị cháy. Ông cũng không chịu được cái cách lật sách thô bạo bằng cả bàn tay úp lên trang giấy hay thấm nước bọt trên đầu ngón tay. Đó là cách cư xử của kẻ phàm phu tục tử, của phường giá áo túi cơm. Lật sách mà như thế có khác gì sàm sỡ nếu không

muốn nói là cưỡng bức. Phải lật như những nhà sư nâng nhẹ một trang kinh hay là như khế lay một người đẹp đang ngủ.

Đối với ông, đọc sách là để được tiếp cận với những tâm hồn ngoại hạng, cho nên trước hết phải tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc chỉnh tề, phải “dọn mình” như con chiên quý trước Chúa, như nhà sư đánh lễ trước bàn thờ Phật. Chẳng những sạch ở phần xác mà còn sạch cả phần hồn.

Nghĩa là không để những giận hờn phiền muộn hay những ý nghĩ ô trọc dính bám cho dù chỉ một tí trong đầu. Chỉ đọc trong lúc thanh tịnh giữa khuya hay khi gần sáng tinh mơ. Đọc với hương trầm cộng với mùi hương ngai ngái của giấy mực, hương của sương đêm loáng thoáng hay hương của nước mưa mát dịu. Đọc là mở hồn ra để hơi thở của sách ùa vào căng buồm lên cho con thuyền bé nhỏ của mình được đọc ngang trên biển học mông mênh.

Đương nhiên là ông tôi khó tính nhất nhà. Cái viện sách bé nhỏ của ông là một nơi khả kính, thâm nghiêm như một ngôi đền không một ai ngay cả bà tôi dám động tới. Bảy mươi năm sống trên đời của ông thì hết một nửa là ở trong cái gian phòng đựng đầy sách với mùi hương và sắc màu của những tâm hồn kỳ vĩ. Đạo ấy, mặc dù được cưng chiều và rất có triển vọng được ông tin tưởng, tôi cũng chưa được một lần đọc một quyển sách nào trong tủ sách ấy. Ông bảo tôi chưa đủ tuổi và chưa học được cách nâng niu gìn giữ theo cách gần như tôn thờ, thì đọc chẳng ích lợi gì mà còn “giết” sách. Theo ông, đọc vì tò mò, đọc như “lua cơm”, đọc như ngốn ngấu thì cả đầu óc mình chỉ là một bãi hoang chứa đầy những xác chết của sách bị vát ngốn ngang mà thôi. Đọc là phải ngắm từng chữ từng câu, phải để nó bén rễ trong đầu mới có thể thành cây cho trái ngọt.

Năm tháng qua đi, ông tôi âm thầm làm một cuộc chuyển giao lặng lẽ. Tiền bạc trong nhà cứ cạn dần nhưng sách của ông lại đầy lên, phải đóng thêm tủ kê thêm kệ. Cô chú tôi biết ý ông, nên mừng tuổi không bằng trà ngon rượu bổ, mà bằng những phong bì ít nhất cũng đủ cho ông mua được một hai quyển sách. Những lúc ấy ông vui như một đứa trẻ lên 5 được nhận tiền lì xì. Rồi ông đi ra tiệm sách, khệ nệ ôm về những chồng sách mà ông ao ước nhưng chưa đủ tiền mua. Ông ve vuốt từng cái bìa, ngắm nghía từng con chữ, mê mẩn những sách của Lá Bối, An Tiêm, mơ màng với những tác giả Saint Exsupéry, Bùi Giáng... Giá như ông sống đến một trăm tuổi và giá như ông còn có đủ tiền thì cái viện sách của ông sẽ kín đặc những sách. Ông sẽ ngồi giữa những bức tường dày cộm thơm tho đó như một anh lính già đang tử thủ trong một cái lô cốt văn hóa.

Sau tháng tư năm ấy, cái tháng tư mà dù nằm dưới mộ sâu ông vẫn còn đau đớn, những cuốn sách của ông tưởng sẽ sống đến ngàn năm đã bị bức tử một cách oan nghiệt.

Khi người ta đội lên đầu những quyển sách của ông, có những quyển già như một ông tiên đầu bạc, có những quyển xinh tươi như những thiếu nữ trẻ trung, những chiếc mũ có tên là “nọc độc”, là “đòi trụ”, là “phản động” thì hơn ai hết ông hiểu đó là một lời tuyên án tử hình.

Ông suy nghĩ lung lăm, không phải để tìm cách chôn dấu hay tẩu tán. Mà suy nghĩ làm sao để chọn cho sách một cái chết xứng đáng với lòng tin yêu và kính trọng của ông.

Một đêm thức trắng.

Rồi hai đêm thức trắng.

Ngày thường ông bình tĩnh là thế nhưng lúc này, ông bối rối run rẩy. Có lúc mặt ông đỏ bừng và mắt ông lóe lên những tia lửa căm hờn. Cả nhà chẳng ai dám hỏi nói gì với ông. Giống như một con sư tử già bị săn đuổi cùng đường, lâu lâu ông lại gầm lên một cách tuyệt vọng.

Cuối cùng ông đã chọn cho mấy trăm cuốn sách một cái chết dửng dưng. Đó là chính ông tự mình đốt sách.

Một quyết định cháy lòng.

Tôi cũng được dự phần trong cuộc hỏa thiêu đau đớn ấy, bằng cách giúp ông bê hết sách ra sân. Dù đem đi đốt nhưng ông không cho phép tôi làm rơi rớt xuống đất, không được nặng tay,

mà phải sẽ lên nhẹ êm như đang bồng một em bé say ngủ. Phải rồi, những cuốn sách của ông đang say ngủ. Đánh thức chúng dậy, ông sẽ không chịu nổi những tiếng khóc mà chỉ riêng ông mới nghe được mà thôi.

Sách được xây thành một cái tháp quanh những thanh củi chẻ nhỏ. Ông không muốn đốt chúng bằng xăng hay dầu. Ông lại càng không muốn xé sách ra từng mảnh nhỏ để đốt. Xé ra là làm chúng đau. Và làm cho chúng đau trước khi chết là tội ác. Một người coi sách là sinh vật sống, để cả đời nâng niu bồng ẵm, vậy mà phải giết do chính bàn tay của mình, bạn phải biết là ông tôi đã đau khổ đến nhường nào.

Đó là một đêm tháng năm lặng gió. Cây cối im ngủ. Những ngôi sao như tan đi trong khói trời mờ đục. Ông tôi cử hành lễ đốt sách cũng bị trắng và lấm liệt như Huấn Cao cho chữ trong ngục. Ông mặc toàn đồ trắng, cầm một cây đuốc giữa trời, khấn khứa rì rầm rồi lay bốn hướng mỗi nơi một lay. Xong ông lấy cây đuốc đang cháy đặt vào giữa tháp. Dứt khoát và quyết liệt như cái cách các võ sĩ đạo đâm kiếm vào bụng.

Lửa bắt rất nhanh, chỉ trong phút chốc đã bắn vọt lên đầu ngọn tháp.

Đã nghe mùi mực và mùi giấy.

Đã nghe tiếng vận mình của các bìa sách.

Đã nghe những âm thanh líu ríu như run như rẩy của những trang sách méo mó cong vênh.

Lửa trào ra như từ miệng hỏa diệm sơn.

Lửa ôm choàng lấy sách, hôn dữ dội bằng đôi môi bỏng cháy.

Sau cùng, cái tháp bằng sách đỏ rực như một trái tim để lộn ngược.

Ông tôi ngồi xếp bằng, cố giữ nét mặt trầm tĩnh một cách cao cả. Không một giọt nước mắt cho dù là vì khói cay xè. Ông như thượng tọa Thích Quảng Đức đang ngồi kiết già với ngọn lửa bao quanh. Có thể nói, chính ông cũng đang tự thiêu. Bất giác tôi cảm thấy muốn khóc vì lo sợ. Đến một lúc nào đó, biết đâu ông đứng bật dậy bước thẳng vào ngọn lửa.

Ông chết theo sách.

Đó là một cái chết đẹp, xứng đáng với một người yêu sách như ông.

Nhưng ông chưa muốn chết vì ông còn phải để tang cho sách như một đứa con chí hiếu. Ngay lúc lửa tàn, ông quỳ xuống lay ba lay. Rồi ông kiên nhẫn ngồi đợi cho tất cả biến thành tro nguội. Ông bảo tôi hốt tro vào bao, cất vào tủ rồi mới chịu đi vào nhà. Gần như suốt đêm ông không ngủ. Bà tôi than thở là nghe tiếng dèp của ông kéo lê lệt sệt mãi tới tận sáng.

Hôm sau, ông bảo tôi thuê thợ đóng nhiều chiếc hộp để đựng tro. Mỗi chiếc để một ngăn tủ.

Ông khóa lại và dặn không được dùng vào việc gì khác ngoài việc gìn giữ những chiếc quách ấy. Hơn 30 năm sau, cái tủ đựng đầy những hộp tro vẫn đứng im đó như một nhà mồ. Ngày giỗ ông, chúng tôi cũng đem một bát nhang đến thắp trên đầu tủ. Có cảm giác như hồn ông và hồn sách cùng lẳng đặng bay về.

Vẫn chưa hết chuyện về ông tôi đâu. Một tháng trước ngày mất ông muốn tôi làm cho ông những tấm mộ bia bằng giấy. Ông đưa tôi một danh sách dài những quyển sách bị đốt, cứ mỗi tấm bia đề tên một quyển sách. Hơn mấy trăm cái bia như thế, phải mất cả tuần mới làm xong. Những mộ bia không có ngày sinh nhưng có chung một ngày tử. Chúng được xếp lên kệ thay cho hàng trăm cuốn sách đã chết tập thể.

Cả viện sách của ông giờ đây biến thành một nghĩa trang.

Ông trịnh trọng chít khăn trắng, lên nhang đèn rồi cung kính khấn vái như trước bàn thờ tổ tiên. Trong những lời rì rầm, nhiều lúc bỗng vang lên như tiếng khóc, ta là người có tội, có tội. Theo như tôi hiểu đó là cái tội không bảo vệ được sách, tội với các tác giả, tội với những thợ sấp chữ ở nhà in và xa hơn nữa là có tội với giấy và mực.

Ông biết ơn họ bao nhiêu thì bây giờ ông ray rứt vì mình có tội bấy nhiêu.

Từ đó ông ăn ít ngủ ít. Ông đem từng tấm bia đặt lên bàn, lặng lẽ ngồi ngắm hàng giờ như đang đọc sách. Mỗi tấm bia gợi nhớ đến màu bì, co chữ, tranh vẽ và cả nội dung mà chỉ có ông mới thấy được, hiểu được. Ông như sống lại những năm dài trước đó với những niềm vui kín đáo khi tìm được sách quý, hay mua được những sách hay. Những lần như thế, ông tự thưởng cho mình khi thì một bình trà, lúc một chung rượu hay tách cà phê và những điều thuốc thơm thay cho hương trầm.

Rồi đến một lúc ông không ăn mà cũng chẳng ngủ. Người ông khô kiệt tái xám. Ba tôi và các chú đi cải tạo chưa về đương nhiên là khoét sâu vào hồn ông những nỗi buồn lo khôn nguôi. Nhưng dù vậy, tận cùng của đêm thì cũng phải sáng. Ông có thể đợi đến mười năm hay hai mươi năm. Chỉ có những quyển sách bị đốt là không đợi được. Ông nói với bà, biết trước như vậy tôi đã để hết tiền cho bà chứ mua sách làm chi. Bà tôi cay đắng, ai mà có con mắt sau lưng.

Buổi chiều cuối cùng ngồi bóp chân cho ông, tôi nghe ông hỏi, cháu thấy ông thế nào? Tôi nói, dạ, ông nên ăn chút cháo, trông ông gầy lắm. Không phải, ông nói, da ông thế nào, đã ngã thành màu đất chưa? Không biết da màu đất là màu gì, tôi nói đại, chưa ông à. Ngã màu đất là sắp chết đấy cháu, ông nói. Ông đã có ý để lại sách cho cháu, nhưng ta tính làm sao được bằng trời tính. Cháu nhớ giữ gìn ông cái tủ và mấy cái kệ.

Nghe ông nói, tôi thấy da ông quả thật rất giống với màu đất bạc phếch, lạnh lẽo ở nghĩa địa. Da ông là da của một người đã chết từ lâu nhưng chưa chôn. Hay là ông đã chết từ cái đêm hôm ấy. Hồn ông đã cùng với hồn sách nương theo khói bay lên tận trời cao. Cái miền đất ồn ào đầy ô trọc và thù hận này biết đến bao giờ mới lại có được những con người, những quyển sách biết yêu quý tương kính lẫn nhau như thế. Chính lúc này tôi mới thấy thấm thía nỗi đau mất sách của ông.

Tôi vừa buông tay ra thì ông ngừng thở. Ông chết nhẹ nhàng như gấp lại một cuốn sách. Tính ra, ông đã để tang cho sách đúng một trăm ngày./.

17/10/2010
©T.Vấn 2011

&&&

Về nhà văn Khuất Đầu T.Vấn



(Nhà văn Khuất Đầu – ảnh do tác giả gửi đến)

Khuất Đầu. Đó là một cái tên rất mới trong làng văn chương cả hải ngoại lẫn trong nước. “ Mới “ không theo cái nghĩa ngày xưa nhà văn Mai Thảo dùng để chỉ “ những người viết mới “, tức những cây viết mới nổi nhò vào vài bài thơ, vài truyện ngắn được đăng trên các báo văn học. Đúng hơn , “ người viết mới Khuất Đầu “ chỉ mang một phần trong cái ý nghĩa “ mới “ mà Mai Thảo đã từng ám chỉ.

Khuất Đầu sinh năm 1940 tại Bình Định. Tên thật là Trương Đầu. Nhưng lại có cái tên mọi người thường gọi là Trương Thanh Sơn. Khi tác phẩm “ Những tháng năm cuồng nộ “ của ông xuất hiện trên trang mạng Talawas tháng 3 năm 2010 dưới bút hiệu viết tắt K.Đ, người đọc đã bị “ bất ngờ “, cái bất ngờ gây cảm giác “ thú vị “ cho cả người đọc lẫn người viết.

Bất ngờ là vì cái giọng văn già dặn, từng trải, chắc nịch, gọn và khô áy đã thể hiện thật xuất sắc nội dung những điều ông muốn gởi đến người đọc. Tác phẩm chinh phục người đọc, nhưng không ai biết tác giả là ai, như nhà văn Nguyễn Lệ Uyên đã viết “ K.Đ, cái bút danh mới toanh và lạ hoắc “. Theo ghi chú về tác phẩm trên Talawas, thì “ Những tháng năm cuồng nộ “ được sưu tầm bởi Thư Quán Bản Thảo của nhà văn Trần Hoài Thư, không thấy nói gì thêm về tác giả. Sau đó, một số truyện ngắn ký tên Khuất Đầu được Talawas giới thiệu, một cách gián tiếp cho biết K.Đ là hai chữ viết tắt của Khuất Đầu.

(nguồn: ©T.Vấn 2011)

Theo Nguyễn Lệ Uyên với: “Độc K.Đ”

Có thể ông khởi viết từ thời *Mai, Thế kỷ Hai mươi, Hiện đại, Văn nghệ, Sáng tạo...* Cũng có thể mới đây, sau những năm tháng tích lũy kinh nghiệm sống. Nhưng chắc chắn ông từng sống qua thời kỳ u ám kinh hoàng. Vì: đọc qua từng trang viết của ông, chúng ta cảm thấy như rất gần. Gần bởi ông kéo xích thời gian xa lắc đến với người đọc, bởi ông dựng lại bối cảnh khủng khiếp thời đầu tổ ở vùng liên khu V một thời sặc sụa máu và nước mắt cho đến đót sách 75.

Gần đây, khi trang T.Vấn & Bạn Hữu đặc biệt giới thiệu nhà văn Khuất Đầu và tác phẩm qua bài viết của anh Đỗ Xuân Tê và sự góp nhặt của anh Ngô Không với chuyên mục Tác Giả Tác Phẩm, chúng tôi nhận được sự liên lạc từ chính nhà văn Khuất Đầu hiện sinh sống trong nước. Qua bản thảo mới nhất vừa được hiệu đính lại “ Những tháng năm cuồng nộ “, chúng tôi ghi nhận tác phẩm này do Khuất Đầu viết xong năm 2004, hiệu đính lần thứ hai năm 2009 (tức bản do Thư Quán Bản thảo sưu tầm và gởi đến Talawas), và hiệu đính lần cuối năm 2011 (bản này do nhà văn Khuất Đầu gởi đến T.Vấn & Bạn Hữu , đã được dùng để thay thế bản năm 2009 trong chuyên mục Tác Giả Tác Phẩm – Khuất Đầu).

Vừa xuất hiện, cái tên Khuất Đầu đã tạo được cho mình một vùng ánh sáng khiến nhiều con mắt để ý tới.

Trước hết, là ở đề tài ông lựa chọn. Đó là số phận của người dân quê ở liên khu V, Nam, Ngãi, Bình, Phú qua 9 năm kháng chiến rồi qua thời “hai mươi năm nội chiến” và sau 75. Những gì xảy ra chung quanh ông trong suốt 70 năm làm người, đã trở thành những mối ám ảnh khôn nguôi. Những mối ám ảnh ấy không phải là chỉ có ông mới phải chịu đựng. Rất nhiều người khác, sống ở trong nước hay nơi xứ người, cũng có cùng những mối ám ảnh mà ngay cả cái chết cũng không giải tỏa được. Sự khác biệt chỉ là ở chỗ, ông đã nói được thay họ một vài trong những điều họ muốn nói. Với khả năng sử dụng chữ nghĩa văn chương tích lũy hơn 60 năm, khi nói ra, chữ nghĩa của ông đã mang đủ sự trưởng thành già dặn cần thiết để chuyên chở tâm tư của ít nhất hai thế hệ người Việt, ở cả hai bên bờ Thái Bình Dương.

Kể đến là tính cách kẻ sĩ nơi Khuất Đẩu, thể hiện ở chi tiết ông hiện còn sinh sống ở Việt Nam. Cái đảm lược toát lên từ những trang sách viết dưới giá treo cổ mà ông cay đắng gọi là “ sự liều mạng “ ấy quả thật đáng được ngưỡng mộ. Vì thế, mỗi trang viết của Khuất Đẩu, đều biểu trưng cho một sự chấp nhận, nếu không muốn nói là dũng cảm. Có lẽ, thái độ ấy có sự nâng đỡ từ những nỗi thống khổ cao nhất mà những nhân vật của ông đã can đảm chịu đựng.

Truyện vừa “ Lão Tiền Bối “, tác phẩm viết xong năm 2006 và được hiệu đính lần cuối năm 2011 trước khi gửi đến T.Vấn & Bạn Hữu (chúng tôi đã giới thiệu tác phẩm này trong mục Góc Văn) của Khuất Đẩu là một bằng chứng khác của “ sự liều mạng “. Đọc truyện này, người ta liên tưởng ngay đến một nhân vật khác có thật ở ngoài đời và những màn kịch vừa xảy ra khiến tác phẩm “ Lão Tiền Bối “ viết từ năm 2006 có vóc dáng một “ kịch bản nay mới được dàn dựng “. Tôi nhớ có một nhà văn nào đó ở trong nước đã cho rằng nhà văn là “ con chim báo bão “. Cũng chẳng sai bao nhiêu so với “ kịch bản Lão Tiền Bối “ nói đến ở đây.

Theo lời nhà văn Khuất Đẩu, với *truyện vừa Lão Tiền Bối*, hợp cùng *truyện dài Những Tháng năm cuồng nộ* và *truyện vừa Người giữ nhà thờ họ*, ông đã hoàn thành xong bộ *Trio* về cùng một chủ đề . Qua 3 tác phẩm này (hiện được lưu trữ trên T.Vấn & Bạn Hữu), người cùng thời và các thế hệ mai sau sẽ có cơ hội hiểu và biết thêm nhiều điều về *những tháng năm cuồng nộ* của một giai đoạn lịch sử náo lòng.

Ngoài bộ ba truyện dài và truyện vừa nêu trên, còn có Người Tử Tù viết năm 1970, các truyện ngắn và một số thơ không vần, đã được đăng tải trên Thư Quán Bản Thảo, Talawas, Tiền Vệ, Thông Luận và Văn Chương Việt.

Thay mặt người đọc, thay mặt những người đã từng chịu thống khổ trong giai đoạn lịch sử ấy, chúng tôi xin cảm ơn nhà văn Khuất Đẩu.

T.Vấn

Ngày 7 tháng 9 năm 2011

©T.Vấn 2011